



★ TỪ SÁCH DANH NHÂN VIỆT NAM

Trần Huy Liệu

CÔI NGƯỜI





Trần Chiến

TRẦN HUY LIÊU – CÔI ĐÒI

Table of Contents

- 1 -: TRẬN ĐÒN
- 2 -: BÁO THƯ CỪU
- 3 -: Học Chữ
- 4 -
- 5 -
- 6 -
- 7 -
- 8 -
- 9 -
- 10 -: HAI CỤ PHAN
- 11 -: SỔ LỒNG
- 12 -: THƯ GIẢ TÌNH THẬT
- 13 -: MỒNG 1 THÁNG 5 NĂM 1938
- 14 -: SƠN LA
- 15 -: SUỐI REO
- 16 -: TÂN TRÀO HÀ NỘI
- 17 -: ĐA MANG NÊN PHẢI ĐỀO BÔNG
- 18 -: TRI THIÊN MỆNH
- 19 -: “THI” ĐỒ!
- 20 -: DỰ CẢM
- 21 -: CƠN LŨ
- 22 -: LỊCH SỬ 80 NĂM CHỐNG PHÁP
- 23 -: Ý KIẾN “GIÀ”, ĐIỀU KIỆN “NON”
- 24 -: LÃO NÔNG TRI ĐỀN
- 25 -: CẢO XƯA GIỎ LẠI
- 26 -: VĨ THANH
LỜI NGƯỜI VIẾT

TRẦN HUY LIỆU – CỐI ĐỜI

Trần Chiến

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

- 1 -: TRẬN ĐÒN

Nhà ông đồ Trình đang có việc. Từ sáng sớm, bà đồ đã lục đục dưới bếp đồ xôi, làm thịt gà. Mọi người lặng lẽ, trang nghiêm hơn lệ thường. Hình như trời không có gió, cả đến tàu chuối sau vườn cũng im phắc, không uốn lên reo mừng khi cụ Liệu lò dò từ giường ra, mắt nhắm mắt mở tè vào gốc như mọi khi.

Thường nhà có cỗ thì con trẻ phải mừng. Nhưng Liệu ta lại buồn rười rượi. Hôm nay cụ đồ làm lễ khai tâm ([\[1\]](#)) cho cậu út vừa tròn sáu tuổi. Sau bữa ăn, Liệu phải lên Hạnh Lâm trọ học. Xa anh Đích, anh Hích, lấy ai đánh khăng đánh đáo cùng. Và nhất là tối đến không còn được rúc vào tí mẹ hít hà mùi mồ hôi nồng nàn, ngầy ngậy. Bà đồ yêu cậu út nhất nhà. Ra ý phải xa con, bà cứ tần ngần, lẩm bẩm những câu chỉ mình nghe. Lúc xóc gạo, bà quên bỏ cả máy hạt muối. Chỗ xôi nhạt hoét.

Khác với vợ con, ông đồ giữ vẻ nghiêm nghị. Những lời sai bảo phát ra uy nghi hơn lệ thường. Việc trọng, nghĩa cả, sang vai thẳng bé sáu tuổi thì không thể nhu mì để nó quen thói con trẻ. Dứt khoát nó phải gánh cái sứ mạng mà ông mang vác cả đời chả xong: thành người đỗ đạt. Vậy nên mọi thứ cứ phải rậm rấp. Cấm bàn lui. Ông căn dặn vợ nghiêm hơn mọi ngày, đừng để nước mắt làm mềm lòng thằng bé.

Mâm cỗ đã dọn lên. Ông đồ thắp hương, thành kính khấn. Đoạn, nhỏ nhẹ nhưng đủ nghiêm khắc, bảo Liệu: “Con khấn tiên sư, tổ sư đi?”.

- Tiên sư, tổ sư là gì ạ? - Cậu bé ngơ ngác.

Ông đồ chỉ vào bức tranh vẽ cụ già lùn tịt, răng võ, mũ áo giống các cụ mặc khi tế ngoài đình làng.

Tiên sư, tổ sư đấy. Nhưng Liệu lại hỏi:

- Con khấn gì ạ?

- Con quên rồi à? - ông đồ gằn giọng, nhưng đã kịp dịu lại. - Con xin cụ cho học giỏi, đỗ đạt, sau ra làm quan.

Liệu “đọc” lầm rầm khiến ông đồ phải nhắc “to lên”“. Đến lượt anh cả Chúc thì không phải nhắc nhở gì cả. Người thanh niên nổi tiếng thông minh ấy đi thi Hương từ năm mười ba tuổi, đã quá quen với nghi lễ. Lúc lâu sau, các thủ tục cũng xong, cả nhà ngồi vào mâm: ông đồ, bà đồ, anh Chúc, chị Riêu, chị Tự. Liệu được ưu tiên gặm đầu gà. Rồi anh Chúc lại gấp đầu cánh bỏ vào bát cậu út, nhỏ nhẹ: “ăn đi rồi còn bay xa”. Ông đồ cũng sẻ sang bát con cái đầu gà, thứ cậu út rất thích nhưng không mấy khi được ăn.

Đang cầm cúi gặm sồn sột, Liệu nhận thấy mọi người lặng lẽ quá. Mọi hôm ăn độn, lát khoai công dầm bảy hột cơm, mà chuyện rào rào. Mà bà đồ chỉ đưa đẩy vài đũa rồi chạy đâu đâu. Liệu mò xuống bếp, thấy mẹ đang ngồi cạnh ông đầu rau lạnh ngắt.

- Mẹ không ăn à? Con ăn hết thịt gà bây giờ.

- Con ăn hết đi. - Giọng bà đồ nghèn nghẹn.

- Mẹ sao thế? Sao mắt mẹ ướt?

Rơm ẩm nên lắm khói, mẹ cay mắt.

- Đun gì mà cay...

- Lên nhà kéo bố mắng. Mẹ lên ngay đây.

Liệu ngồi vào mâm, rấm rứt ăn hết bát xôi dưới sự soi xét im lìm của bố. Giường bên, bà đồ ngồi gói tay nải, đút vào con khăng cho đứa trẻ đi xa.

- Mẹ để cái này vào. Nhưng chơi ít thôi. Con trai lớn rồi phải học chăm nhá.

Bà nói vậy rồi chạy vội ra đầu ngõ, giả bộ đi thăm người ốm. Giờ khắc thẳng bé đi nặng nề lảo đảo với bà.

- Nào! Đi! Đến Hạnh Lâm rảo hết một buổi, đi giờ là vừa.

Liệu sợ hãi nhìn quanh rồi co cẳng phóng ra cổng, bị anh Chúc tóm lại. Ông đồ Trình đã khoác tay nải, dứ dứ chiếc roi mây: “Mày có đi không thì bảo?”.

- Con không đi Hạnh Lâm. Con không đi học.

- Không đi này? Không ăn chữ Thánh hiền thì ân roi này...

Mỗi lần “không đi này” là một lần sợi mây vút lẩn vào dít. Chị Tụ, chị Riêu cũng chạy đâu cả, chỉ còn anh Chúc đứng ngó ra chỗ khác. Cuối cùng ông đồ cũng rong được Liệu ra ngõ. Trông thấy anh Hích, anh Dích và mấy đứa bạn ẵm em đứng nhìn, cậu bé đu chặt lên cánh cổng, lẩn roi lại vút xuống. Con mưa đòn kéo dài qua mỗi lần nứu kéo, mỗi roi là thúc thêm mười bước xa nhà.

Hết bụi tre, bụi chuối là cánh đồng, cuộc phản kháng tạm thời ngưng lại. Đã trông thấy cây gạo, mái cong cong phủ Dầy thờ bà Chúa Liễu, những chỗ mọi ngày Liệu được rong chơi xa nhất. Ta còn có thể nhớn nhor trốn tìm ở đây không? Có còn được rúc vào bệ thờ ẩm mốc đầy mạng nhện không?

Không còn được cựa từ hiền từ gọi ra cho lộc Thánh Mẫu nữa a? Và không có mẹ để nắn chân, nắn lưng cho ta nữa... Liệu ngồi phệt xuống bờ đầm không nói không rằng. Ông đồ cũng chẳng thèm thúc giục ra roi, bao nhiêu cái giận dồn cả vào đôi tay nhấc bổng thẳng bé lên.

“Ừm!”

Liệu luống cuống giữa bùn nước, cuống cuồng vì bị sặc. Cũng may là biết bơi nên không

đến nỗi no bụng nước. Lốp ngóp vào được bờ, thì hào khí làm loạn tất hẵn. Liệu cum cúp đi trên con đường thiên lý. Xung quanh, những bụi cút lợn trắng trắng tỏa mùi ngai ngái. Đồng lúa đang vào đồng thơm ngào ngạt. Gần đến Hạnh Lâm thì cậu út đã quên hẵn, lại chuyện trò ríu ran. Không biết rằng đi sau, ông đồ đang thở phào dứt cây roi vào đấy. Thằng bé bướng nữa, chắc ông không còn lòng nào ra gan, dạn về cũng chả thể kể hết với mẹ nó.

Và cậu út cũng không thể ngờ từ đây đến cuối cuộc đời sứ mạng của cậu là đèn sách. Đã có lúc tới tột đỉnh của danh vọng, làm Bộ trưởng, Phó Chủ tịch ủy ban Dân tộc giải phóng năm 1945, thì trước sau, chỉ có chữ nghĩa mới là trường đặc địa của cậu.

Năm 1907, lên sáu, cậu bé không thể ngờ mình sẽ là chứng nhân, can dự vào những sự kiện lớn nhất của đất nước trong bảy mươi năm nữa. Để sau này, khi kể lại và đánh giá chúng, Trần Huy Liệu có thể nói vui, nhưng lại đầy tự hào: “Tôi là con người của thế kỷ đây...”

<1 width="33%">

[\[i\]](#) cho đi học Võ lòng

- 2 -: BÁO THƯ CỪU

Ở tỉnh Nam Định, Vụ Bản là một huyện nghèo bởi thuần nông. Trên cánh đồng đất pha cát, lúa ngô, khoai, kê, đậu, lại quanh năm gối vụ. Chen giữa cánh đồng có mấy ngọn đồi Gôi, Tiên Hương, gọi là “núi”. Những con sông máng chảy chậm chạp. Đói nghèo, có lẽ là một cái có để người ta trọng sự học và tin vào cõi siêu nhiên. Có lẽ Vụ Bản đứng đầu tỉnh về số các vi khoa bảng và về lượng đình, đền chùa cổ kính. Ấy là ngày xưa. Còn bây giờ, riêng một xã Liên Minh, xưa gọi tổng Hào Kiệt, đã sản sinh ra các nhà văn Vũ Cao, Vũ Tú Nam, nhạc sĩ Văn Ký, Văn Cao..., hàng chục hội viên các Hội Văn học Nghệ thuật.

Xưa xưa xưa, thời vua Hùng, Vụ Bản là huyện Bình Chương, sang thời Lý - Trần thành huyện Hiên Khánh. Có câu “Côi sơn hải khẩu” tức núi Côi (Gôi) hời đó đã là cửa biển, trong lòng đất hiện thời còn nhiều vỏ hà, trai. Xa xa, giữa sóng mặn nhô lên một vùng phù sa, càng ngày càng dày dần lên. Khi còn đất ấy nhập hẳn vào đất liền, đã có người ra khẩn hoang, người ta gọi luôn tên nó là Kê Dầy: Ngày nay, có thể tưởng tượng ra sự hình thành lâu dài và thú vị này khi ra cửa Ba Lạt đặng Giao Thủy, nơi sông Hồng đổ ra biển. Cách độ nửa tiếng chèo thuyền tay, ta sang đến cồn Xanh, nơi đã được trồng phi lao chi chít. Xa hơn, thẳm trong tầm nhìn là cồn Mờ, cư dân nông nghiệp chưa kiếm lợi nhờ được chút nào.

Thiên Bản - tên cũ của Vụ Bản - có sáu nhân vật lạ lùng, gọi “Thiên Bản lục kỳ”. Đó là Tam Danh (còn gọi Tam Ranh hay Tam Bành) *đại tướng cô hồn Sùng Sở Sắt* ở làng Bảo Ngũ, xã Quang Trung ngày nay, *Cường Bạo đại vương* ở làng Bối La, xã Cộng Hòa, *trạng Lường Lương Thế Vinh* ở làng Cao Hương, xã Liên Bảo, *bà chúa Thông Khê Trịnh thái phi Trần Thị Ngọc Đài* ở làng Thông Khê, xã Cộng Hòa, quận công Ngô Minh Điền ở làng Bảo Ngũ, xã Trung Thành, và *Bà Chúa Liễu Hạnh*. “Thiên Bản lục kỳ” người thì giỏi giang thông minh, làm nên việc lớn cho đời, người có phép lạ tung hoành khắp đó đây. Hơn người thì lạ, đã đành, họ lại chả giống mấy với những thành hoàng kỳ nhân hằng được thờ phụng trong thiên hạ. Mang những đặc tính của người bình thường, họ hiển thánh với đầy đủ “ưu khuyết điểm”, vừa lớn lao, bao dung, vừa tị hiềm chấp nhặt. Cường Bạo đại vương thương mẹ rất mực, nhưng đi ăn cắp nuôi bà, sau này “quên” cả cúng giỗ gia tiên lẫn bố mẹ. Thánh Tam Bành trừng phạt các thành hoàng có lỗi (thành hoàng mà cũng có lỗi!) quá tay khiến các vị kêu cứu lên thiên đình, rồi Phật Tổ Như Lai và Quỷ Cốc tiên sinh phải ra tay kiềm chế. Còn Bà Chúa Liễu Hạnh ra oai với tất thấy, cả những ai không biết đến danh tiếng của mình, để muôn chúng sinh phải nể sợ mới thôi.

Chùng như là, có một chút cái “máu” của những kỳ nhân ấy, Trần Huy Liệu phải vào người cái tính độc lập bướng bỉnh không chịu khép mình vào những trật tự, khuôn khổ bình thường một khi ông không thấy nó là hợp nhẽ. Nhưng đó là chuyện mãi sau này...

Ông sinh ở thôn Vân Cát, xã Kim Thái, không trù phú bằng Liên Bảo, Liên Minh trong nghiệp “trồng” nhân tài, nhưng lại là quê Bà Chúa Liễu Hạnh, một trong Tứ Bất Tử của thần thoại Việt.

Làng Vân Cát giáng sinh thần nữ

Cõi trời Nam bất tử hòa thân

Vốn xưa Đệ nhị cung tiên

Phong lưu công chúa ở trên thiên đình

(Văn chầu Thánh Mẫu)

Là người làng Bà Chúa, nhưng Liệu sớm không được chòng ghẹo, trêu đùa ai, ngay cả làm nũng mẹ cũng không. Tuổi thơ của cậu chấm dứt từ năm lên sáu để mang sứ mạng Báo Thư Cừu, tức là trả mỗi hạn đèn sách cho cha và anh. Trọ học ở Hạnh Lâm, Công Luận, dù nhọc nhằn với Tam Tự Kinh, Liệu vẫn được phép thắng hoặc chơi trận giả bằng gươm giáo gỗ bên chiếc lò gạch. Nhưng ông đồ Trần Huy Trình muốn con sớm hay chữ, sau đó đã bắt học tất ngay những Đại học, Ngũ kinh, Tứ thư và Bắc sử. Sớm xa rời những nghịch ngợm hồn nhiên, Liệu phải sống theo kiểu con cháu Thánh hiền. Năm mười lăm tuổi, cảnh nhà bí quẫn, cậu bắt đầu bán chữ, nghĩa là dạy chữ nho cho bạn cùng trang lứa, thậm chí “gà bài” cho mấy hương sinh lớn tuổi còn theo nghiệp lều chõng.

Mùa đông năm ấy rét cắt da cắt thịt, nhưng trong lòng Liệu thì ấm bùng ngọn lửa. Hân hoan không tả được. Ấp Tết, bố cho về nhà để dón dòn don với mẹ, được anh Chúc, chị Riêu, chị Tự cho quà, gặp lại anh Hích, anh Đích cùng chúng bạn.

Đôi chân nhỏ hồng hào của cậu bé bước thoăn thoắt trên ngọn cỏ táp đi vì lạnh, chẳng kể đến nhịp thở đằng sau của ông bố.

Mồng một chơi của chơi nhà

Mồng hai chơi điểm, mồng ba chơi đình

Mồng bốn đi chợ Qua Ninh

Mồng năm chợ Trình, mồng sáu non Gôi

Nghỉ ngày mồng bảy mà thôi

Bước sang mồng tám đi chơi chợ Viềng

Cứ nghĩ đến mấy câu ca ấy là cả tỉnh, từ trai thanh gái lịch đến các vị hương xã, công nghệ đều nao cả người. Đối với Liệu, niềm vui đơn giản lắm, chỉ là con cón theo váy mẹ, lúc được con tò he, lúc chiếc kẹo bột nhuộm ngũ sắc mút nhoén mồm.

Vậy mà năm nay, sáng mồng một, Liệu bị khua sớm. Ông đồ lệnh “Dậy ăn rồi mà học”. Nằm rốn không xong, cậu bé đành bò dậy, cậu chả muốn cả năm ăn roi tẹo nào.

Té ra là cả nhà đã tươm tất. Mâm cơm cúng đang bốc hơi nghi ngút trên ban thờ, các anh

chị ăn vận tề chỉnh. Liệu đứng khẩn tổ tiên, trời đất, cụ tổ đạo Thánh hiền, rồi được ngồi vào mâm. Không khí sum vầy thật vui. Bà đồ gấp cho con, bảo từ ngày đi học biết mời chào, như ông đồ non ấy nhỉ. Trên ban thờ, mùi bưởi chín, khói nhang đen và hoa huệ ngan ngát làm lòng Liệu băng khuâng. Trong túi cậu, cổ tam cúc ngọc ngậy, thế nào tẹo nữa cũng sang anh Hích, anh Đích chơi bài rêu. Cho bố những ngày nhồi chữ như con vịt tọng bánh đúc.

Ăn xong, định tót ra cổng, ông đồ đã giật lại:

- Sách vở đâu? Lại quên rồi à?

- Cha, hôm nay Tết mà. - Liệu nhăn nhó.

- Tết càng phải học?

- Năm ngoái mồng bảy cha mới bảo học...

Ông đồ giờ quyển vở, chỉ vào hai chữ “Trúc khai”: “Năm ngoái khác, năm nay ngày khai bút là mồng một”. Xung quanh, mẹ, hai chị gái ra chỗ khác, anh Chúc đứng nghiêm chỉnh sau bàn, Liệu đành phụng phịu chui vào gầm án thư.

Đây là cái xó mà cậu ghét nhất. Tối tắm vì xung quanh đóng kín ván, cậu phải học nằm lòng cả bồ chữ. Ngoài kia có làn gió đấy, nó làm con chim hót, làm quả bưởi thơm. Nhưng trong gầm án thư kín như buồng tắm chỉ mồn một ba chữ “Báo Thư Cừ”, nắn nắn cỡ bài trong túi mà nấu ruột.

Một lát, quyển sách rơi phịch. Đầu va vào ván gỗ đau điếng mà mắt vẫn nhắm nghiền. Khi bà đồ bế ra, tay chân cậu bé còn dăm nốt muỗi đốt, dãi chảy ướt cả sách. Bà xin chồng cho cậu út canh nốt giấc say sưa. Được cái ông đồ, vừa cho chữ hàng xóm ([ii](#)) khá là cao hứng, chỉ truyền: “Ờ, mồng một thế thôi. Cứ việc chăm học, thi đỗ là cái gì cũng có hết?”.

Mấy cô chị ngắm cậu em ngủ không vấy tai, khúc khích:

- Thi đỗ rồi về làng có võng, em nhá.

- Một mai rồi làm quan, lấy vợ con quan, tha hồ các chị được nhờ.

Cười nói thế thôi, nhưng thấy cha nghiêm nét mặt, đập thước xuống “Chứa đồ ông nghề đã đe hàng tổng à?” thì đổ dấm ho he tiếp. “Cứ phải đe nẹt, cho roi cho vọt thì nó mới khá, các con chưa biết cái nhục gia đình đâu!”.

Đối với ông đồ Trần Huy Trình, quả là chả có gì đau bằng nỗi hận tam trường. Được học hành sớm, thông lầu kinh sách, đối đáp, giảng giải thay cho cả làng, mà thi Hương dăm bảy lần ông chả được lấy mảnh cử nhân tú tài. Học tài thi phận, ông nghĩ thế và hết mực thờ cúng, kiêng khem. Năm Quý Mão lụt to, nước ngập cả Văn Chỉ ([iii](#)). Đến kỳ nước rút, ông giục anh trưởng công cậu út ra lau chùi từng bệ đá, viên gạch, nghiêm trang như đang phục dịch ở nước Lỗ ([iiii](#)) xưa. Ba năm một kỳ thi Hương, trượt vỏ dừa càng khát nước. Canh bạc càng “về sáng”, tức lúc đã có tuổi, ông càng cay. Mỗi lần yết bảng không thấy tên mình trong hàng cử nhân hay

tú tài, ông lại đốt lều chiếu, quăng tú sách, giấy đèn đèn rồi ngất đi. Ba năm lại một kỳ gia đình phải sống những ngày ảm đạm, mộ tổ xoay hướng cũng không đậu được. Đến lúc mỗi mệt, ông đành phận gõ đầu trẻ, chữ nghĩa sang vai những anh còn đang mong vinh hiển.

Nhưng bao nhiêu hận nhục do mong ước không thành, con trai phải gánh cả. Anh cả Chúc mười ba tuổi đã thi Hương, nức tiếng thông minh, mà ba mươi mới được mảnh tú tài. Rủi thay, Tú Chúc ngã bệnh mất sớm, có lẽ cũng là kết quả của hai mươi năm lao tâm đèn sách.

Bố đã vậy, anh đã vậy, thì Liệu càng phải vậy chứ sao.
Vùng vắng, nũng nịu, giọt vắn giọt dài nỗi gì nữa.

-
- <1 width="33%">
- [\[i\]](#) Tục đi xin những chữ tốt lành về treo trong nhà.
 - [\[ii\]](#) Nơi thờ Khổng Tử của mỗi làng.
 - [\[iii\]](#) Nơi dạy học của Khổng Tử.

- 3 -: Học Chữ

“Tiền làm quan, đật làm thầy”

“Với mục đích học để đi thi, người dạy cũng như người học đương thời có cần gì phải nghiên cứu ý nghĩa của những quyển sách, mà chỉ cần thuộc lòng từng câu, từng chữ, từng điển tích để làm bài. Nhận xét người hay một việc khác đều không được phép ra ngoài ý kiến phê phán của Tống Nho và Hán Nho”.

Nghĩ về sự lỗ bịch, vô tích sự của việc học hành cử tử thời đầu thế kỷ XX, Trần Huy Liệu nhận xét vậy. Nhưng đó là vào mãi sau này, khi ông năm mươi tuổi. Chứ còn bây giờ, hể mó tay vào việc gì trong nhà, cậu út đều nhận những lời ngăn cản:

- Cứ để đấy, đã có các chị.

- Học đi con. Có nghe câu “chẳng tham ruộng cả ao liền, chỉ tham cái bút cái nghiên anh đồ” chưa? Con phải đỗ đạt rồi ra làm quan cho cả làng, cả tổng biết tiếng chứ.

Làm anh đồ, ông quan, cậu bé vắt mũi chữa sạch chưa đến đoạn thích thú. Nhưng những lời dạy bảo thấm vào cậu như giọt nước ngày đêm nhỏ vào đất cát, cần cỗi mấy cũng có ngày sùng sụ. Đến nỗi mả trên đường từ Vân Cát đi Hạnh Lâm, qua cửa huyện nha Vụ Bản, Liệu giở ra cái trò làm ông bố vừa sợ vừa buồn cười. Đứng trước mặt anh lính gác, cậu ưỡn ngực ra, trở vào công đường: “Ngày sau ông lớn lên thi đỗ làm quan to gấp mấy cái ông huyện ngồi trong kia ấy chứ”. Chú lệ tròn xoe mắt vì ngạc nhiên. Ông đồ vội vàng kéo con đi trong lòng không phải không thích thú.

Mỗi việc hàng ngày đều được dẫn ra một câu Thánh hiền làm mẫu mực. Sách “Luận ngữ”, thiên “Hương đẳng” chép những cử chỉ thường ngày của Khổng Tử, Liệu thuộc nằm lòng.

- Con biết không, - ông đồ bảo, - trước kia có người chuyên đi nhặt giấy bản có chữ Thánh đem đốt đi, đến lúc đẻ con, sau lưng có bốn chữ bằng dấu chàm “Kính tích chỉ tự”, người con sau này thi đậu tiến sĩ.

Những lời răn ấy ngày một thấm, khiến mảnh giấy có chữ trở nên thiêng liêng, không dùng vào việc bẩn thỉu, để rơi xuống đất cũng không dám.

Thông thường, trẻ mới học đều phải qua “Tam tự kinh”, cuốn sách vỡ lòng. “*Nhân chi sơ, tính bản thiện, tính tương cận, tập tương viễn*” ([\[1\]](#)), tiếng trẻ khao khao trong lớp học dưới lũy tre. Sau “Tam tự kinh” là hai quyển Sử thượng, Sử hạ và Hán sử, nghĩa là toàn sử nước người. Nhưng Liệu, giống cái cây bị nhắc lên cho mau lớn, phải bắc ngay sang các sách “Đại học”, “Ngũ kinh”, “Tứ thư” và “Bắc sử” trừ danh. Nhai nhai, nhồi nhét, nhồm nhoàm, thật chẳng khác con vẹt mấy tí. Nó làm cậu bé ra ông cụ non, khác hẳn chúng bạn cùng trang lứa. Mà thế thì đâu có gì phải xấu hổ, còn làm tấm gương, làm chỗ để trẻ khác học theo ấy chứ.

Trong vùng, ông đồ Trình nổi tiếng về cách dạy nghiêm khắc và hiệu quả. “Thứ nhất hay chữ, thứ nhì dữ đòn”, có thể nói nên thân, cái lũ chỉ xếp sau “quỷ” và “ma” ạ. Sáng ra các trò đến trường, thầy chỉ đích danh anh nào ngủ sớm hay chịu thức khuya nhá chữ. Đêm mưa to gió lớn, ông xắn quần, bận áo tơi đi tuần thủ” những nhà có trò trọ học, bắt quả tang anh nào lười, anh nào lẩn. Đây là việc dạy chữ, gọi như bây giờ là truyền bá kiến thức đại trà. Chứ khi dạy phép tắc đi thi, ông lại có những “món tử” riêng cho trò yêu, nhất là hai con trai. Tỷ như những bài văn sách quá hay, thường đem ra bình phẩm ở tỉnh, huyện thì nên tránh đi kéo dễ trùng lặp, mà hãy chăm rèn những bài loại nhì, loại ba thôi. Tỷ như, cha “giải” sẵn những đầu đề trong sách học đi thi rồi cho học thuộc, vào hạch khảo không quán quân cũng trúng tuyển. Đây là món gia truyền “tử công phu”. Bao nhiêu cay cú, kinh nghiệm một đời thi hỏng, ông truyền cho con cả.

Nhồi lằm thì chữ phải đầy. Liệu, giống anh Chúc, sớm nổi tiếng thông minh hơn người. Rất khổ là mỗi khi có bạn bè đến, ông bố cứ gọi con ra đối lại những câu người ta ra. Đối đáp trôi chảy nhưng đúng là cực hình, dù nó kích thích tính háo thắng, đợi chờ lời khen.

“Thằng Di nhà tôi đi sau mót lấy những chữ cậu Liệu nhà bác bỏ rơi, có mà cũng nhất tổng rồi”.

“Sau này đỗ đạt nên ông, đi võng che lọng đừng quên chúng tôi, cậu Liệu nhé”.

Những lời làm Liệu ta phổng mũi, giá đứng ngoài giọt gianh, trời mưa nước chui cả vào mũi cũng nên. Người ta mời cậu về học cùng, bảo học cho con. Mười lăm tuổi, cảnh nhà túng quẫn Liệu đã đi dạy học riêng, tuy không thành “cua” hái ra tiền như các thầy giáo dạy thêm bây giờ, nhưng khi nải chuối, lúc dăm quả trứng gà, “lộc” đã lỗ chỗ.

Chưa biết sợ, tự tin và liều lĩnh quá, bất chấp luật định, có lần Liệu đội tên người khác đi thi các kỳ tuyển sinh và khóa sinh. Bấy giờ chưa có thẻ thi dán ảnh, người thi hộ chỉ nộp quyển, khai họ tên, quê quán, ký tên, điểm chỉ là lọt vào được trường thi. Việc làm bài càng dễ, vì bấy nhiêu đòi hỏi của đề chả đáng là bao so với bồ chữ cậu tích cóp nên.

Xong việc, nếu trúng tuyển sinh, Liệu được năm đồng bạc Đông Dương, trúng khóa sinh được hai mươi đồng, cả một gia tài so với công sức dạy học của bố, làm ruộng của mẹ và các chị. Nhưng mà lo, mà hãi lằm. Mỗi lần xong lại hú vía. Bị phát giác ra, cả người thi hộ lẫn người thuê thi đều tù cả.

ĐÚT GÁNH GIỮA ĐÀNG

Đang tập chữ cho mấy người sắp thi, Liệu giả cách ông đồ Trình, đi đi lại lại gùm gùm. Chiếc roi mây thỉnh thoảng vút vào không khí.

- Anh Sắc, không thuộc quyển của tôi thì tôi không cho anh gặp cô Thắm nữa.

- Cả Chương đoảng quá. Chữ “trung” này không phải là quả chuông. Phí công tôi nhận lời với thầy mẹ anh.

- Anh cu Từ, như có con gà nhảy lên bới chữ trong vở ý. Tí nữa nhảy lò cò anh có chấp tôi một bàn không thì bảo...

Vun vút! Vun vút. Học trò lấy làm vui, cười khinh khích. Ông thầy mặt non búng còn thích thú hơn, vắng chúa nhà tha hồ vọc niêu tôm. Tập viết xong ra đình khăng áo, để trò bắt nạt lại thầy lắm. Những phút nô nghịch, ăn trộm giờ học, bỏ tiết ngày càng hiếm hoi, Liệu phải “trộn” chúng vào buổi dạy. Thầy được là đứa trẻ, đã đành, mà đám trẻ cùng trang lứa - có anh lớn hơn - cũng được thư nhàn.

Bỗng “chúa nhà” về. Vẻ vui nhộn tắt phụt. Cả lớp trở lại nem nép. Ông đồ không thêm liếc qua đám trẻ, lăm lăm phịch xuống chõng. Liệu mang bát chè tươi lại, hỏi bố đi nắng về có mệt không, được một tiếng “ờ”. Mặt ông đỏ gay, lúc thì tái dại, phất lấy phất để cái quạt, bình sinh có thể thay ngọn roi mây, học trò rất sợ. Liệu đứng cạnh bố, mắt chăm chăm vào củ khoai đuôi chuột bu đầy ruồi, một lúc quay về “lớp”. Cả bọn ê a:

Đêm thanh thánh thót đồng hồ

Tiếng ai như tường anh đồ nhà ta

Chừng trưa thì rã đám. Liệu khoắng vại dưa vớt mấy tàu thái nhỏ nghiền, cho vào cơm nguội rang lên. Không có mỡ, những hột cơm sần ngay lại, khô khốc, chẳng thấy mùi thơm. Liệu bê mâm lên, thấy ông đồ nằm quay vào tường, bèn chấp tay kính cẩn:

“Con rang cơm rồi ạ. Hay cha mệt, để con luộc quả trứng. Nhà Chắt thiếu tiền học, sáng nay đưa chục trứng thế”.

Ông đồ phẩy tay, ra ý cứ làm. Bữa cơm im lìm, chỉ con ăn, ông bố cứ chống đũa thờ dài thườn thượt. Có chuyện rồi. Không biết mắc lỗi gì. Rất lo mà chả dám ho he. Rồi thật bất ngờ nghe dịu giọng:

“Con ăn trứng đi. Xong rồi bố nói chuyện”.

Tức thị không có lỗi. Khởi bị đòn. Cho nên “có chuyện” mà quả trứng vẫn trôi tuột từ họng xuống bụng ngay tắp lự.

- Con nghe đây... Thời thế thay đổi rồi con ạ. Bây giờ cả nhà chỉ còn trông vào con.

Chậm rãi. Những lời đã sắp xếp rất kỹ. Liệu lùa nốt bát cơm, cứ lạ sao bố chưa ăn mà đã xĩa

răng chêm chép... Nhưng rồi cậu phải nín thín thít.

- Cha vừa lên huyện. Bảng yết rằng nay là năm thi Hương cuối cùng. Không còn kỳ nào khác. Vậy nên con phải chuẩn bị chữ nghĩa, rèn tập chu đáo. Thi đỗ là đạo nhà đấy con ạ. Anh Chúc giỏi nức tiếng vậy mà mới chỉ được cái tú tài. Trông vào con... Chỉ còn trông vào con thôi...

“Ô hô... Ô hô... hời ời ời”. Ông đồ nức lên, nước mắt nước mũi ướt chèm chép, chòm râu thưa giần giật. Để mặc bộ dạng chẳng chỉnh chu, ông nghện ngào:

- Quân Tây Dương chó má” Đồ cầu trệ! Giống Di dịch lông lá! Chúng ép vua ta bỏ Vương đạo, hành theo bá đạo của chúng. Bỏ khoa cử, bỏ chữ Thánh hiền là đau khôn cùng, khôn cùng con ạ. Chúng bỏ thi là để bắt dân ta rập theo chữ tây, văn tây, tôn thờ tổ bố chúng nó chứ không được thờ Đức Khổng Khâu nữa. Đạo Nho khốn cùng rồi. Văn hiến đứt rồi. Không có luân thường đạo lý nữa. Chúng bắt ta sống theo lối cầm thú được là vì có tàu đồng tàu sắt! Nhục ời là nhục! Cha thì hỏng hẳn rồi, - ông đồ đã kìm được tiếng nấc - Anh con năm ngoái đỗ nhưng lại sớm bỏ cả nhà mà đi. Chỉ còn con, còn con thôi. Lần cuối cùng, con không đỗ thì sẽ ra sao. Hả con? Hả con?

- Thì hết đường làm quan ạ.

- Sao nữa?

- Không tỏ mặt được ạ.

- Sao nữa?

- Nhà nghèo túng, người ta coi thường ạ.

- Hết rồi a?

- Dạ, không “báo thư cừu” được.

- Đúng rồi. Đây là mối hận tận xương tủy. Nhỡ con có sao, cha chết không nhắm mắt.

Chả hiểu ông đồ còn truyền những gì, nhưng Liệu đã nín thín thít. Đi thi ngay, có khác nào phải lấy vợ tấp lự. “Chẳng may” đỗ, sớm làm “ông” thì đứa nào nó khăng đáo cùng mình. Nhưng được gọi “cậu tú”, thì oách chứ nhỉ. Đâu Hội nguyên, Đình nguyên càng “chúa”, “võng anh đi trước...”. A, mà làm gì có “nàng” mà “võng nàng đi sau”. Nhưng cứ thi đỗ đã tỏ lắm rồi, bố đỡ đòn vọt, mà có khi không phải học nữa cũng nên.

Những ngày sau, Liệu được tắm bổ, ăn uống sượng tẻ. Những chuối trứng cuốc, cốm đầu mùa, trứng gà tươi ai ai trả chữ, ông đồ dành cả cho con. Nhưng phải thức khuya ra rả như cuốc, những chữ đã mòn lì cứ phải “luộc” lại kỹ, đánh cho nhẵn bóng.

Ấy là năm 1915, Trần Huy Liệu mười bốn tuổi, cũng chả phải người bé nhất trong kỳ vượt Vũ Môn cuối cùng. Chế độ khoa cử Nho giáo hạn chế cách tuyển những ông thông ông phán nên nhà nước thực dân bỏ thi, đưa vào trường học các môn khoa học tự nhiên và lối đọc *a bê xê lơn xê bánh đúc, u xê úc là cục mắm tôm*. Điều ấy làm các nhà nho nước ta tức phát điên, càng thêm

thâm thù bọn mũi lõ mắt xanh. Tiến thân vào đâu? Lên quan ngả nào? Và nhất là đạo nhà đạo nước, rường cột đã qua dăm bảy trăm năm nay, phải chịu nhìn chúng gác qua một bên.

Theo thể lệ, muốn thi Hương phải qua mấy kỳ hạch trước. Kỳ đầu, thi tuyển sinh bằng một bài luận quốc ngữ, Liệu vượt ngon lành. Kỳ khóa sinh làm luận bằng cả chữ nho lẫn quốc ngữ, cậu nhá đề còn hơn thia lia được hòn đáo vào lỗ. Sức vóc ấy, bồ chữ ấy, quà thi khóa sinh để vào trường thi Hương, có gì mà phải ngại.

Nhưng có chuyện trớ trêu làm chậm con đường đến Mỹ Trọng ([\[iii\]](#)) của Liệu. Kỳ thi hạch đã qua, bảng yết lên cổng phủ. Trông thấy tên mình, Liệu nháy lên, chả kể những kẻ nước mắt ngấn nước mắt dài xung quanh. Nhưng đám chức trách lại phát giác ra đề thi đã bị lộ từ trước. Kẻ trộm đề bị bắt, xử phạt rất nghiêm.

Lộ thì thi lại, có gì mà ngại. Bất quá mất buổi chơi và tốn thêm hào quà của mẹ.

Sáng ấy, tay ôm quyển, tay cầm bút mực, Liệu qua cánh đồng phủ Vân Cát đến điểm thi. Gót chân dẫm lên vệ cỏ, bờ mương sao ngăn ngắt, ớn ớn lạnh. Trận gió nhẹ thổi qua không đủ thổi rụng mấy bông hoa gạo đỏ thắm trên cao, mà cậu nổi gai ốc. Đến cổng phủ, Liệu dừng lại, theo lời cha lầm rầm khấn Bà Chúa.

Tới nơi thì đã mệt lắm rồi. Mắt đỏ lên, sung húp da nóng hầm hập, mà người lại run như dế. Những bạn thi chạy lại hồ hởi đón, người nọ gạt người kia, tranh nhau nói:

- Liệu ơi, tớ có con quay cho ấy. Gõ thị hần hoi, không phải ối đâu.

- Đừng có làm bài một mình. Phải cho anh em liếc với - Trời đã cho ta kỳ thi lại. Liệu ạ, chỉ còn cậu là cho tớ chữ được, không bị trượt như lần vừa rồi. Yết bảng có tên là tớ trả công cậu ngay.

Nghe nhờ vả, mơn trớn, khoái chí thật. Nhưng chỉ một lúc, cơn rét run người lại đến. Cậu bé ừ ào rồi đi tìm chỗ tránh gió, làm mấy cậu tú tương lai nản quá.

Xướng danh. “Dạ có!”. Vào hàng.

Lại xướng danh, xếp hàng vào nhận chỗ. Nghe những lời dặn dò không được ăn cắp chữ, không được gạ bài, tai Liệu cứ ù lên. Dặn lắm khéo ta ngã mất.

Đề thi xướng lên. Liệu cảm cúi chép. Yên tâm lớn. Gì chứ mình đã thuộc nằm lòng cả, trước, sau phải thế nào, chỉ việc viết ra. Xong, nộp bài cho sớm, kéo ồm nặng mât.

Nhưng sao mắt cứ mờ đi. Tay run bắn, cố ghì chặt lấy bút mà chữ vẫn xiêu. Cơn rét từ trong ruột đâm ra, tòi qua xương qua thịt, làm bần bật cả bàn với ghế. Đầu nặng như ai lấy cái đỉnh úp lên, mắt không thể mở. Liệu đổ vật xuống đất, co quắp, không còn biết đến người ta đang khiêng ra, đổ nước gừng vào miệng.

- Thật khổ, thằng bé học giỏi mà đâm hỏng.

Tiếng ai lao xào bên tai. Không lẽ mình không làm được hết bài. Liệu vùng dậy xin thi tiếp,

nhưng cơn sốt lại vật cậu xuống, càng lúc càng ác liệt. Mê man. Rừng rục như hòn than. Bệnh từ anh bạn cùng trọ học lây sang, người ấy bỏ cuộc ngay từ đầu, còn Liệu làm được nửa bài. Người ta mang cậu về nhà để mẹ trông nom.

- Học tài thi phận con ơi! - Ông đồ Trình uất tím tái cả người, mãi đến cuối ngày mới học ra mấy tiếng.

Kỳ thi Hương cuối cùng năm Ất Mão 1915 diễn ra trên cánh đồng làng Mỹ Trọng gần cổng tỉnh không có cậu khóa Liệu, tuy đã khỏe lại sau trận ốm. Không muốn nhìn con nhà người lều chõng gánh đi, ông đồ Trình đắp chiếu nằm rên hừ hừ.

Mọi hy vọng đều tiêu tan cả sau những gắng gượng cuối cùng, cha con dâng đơn hết cửa nọ đến cửa kia trình bày lý do, xin đặc ơn dự kỳ thi rồi đều bị từ chối. Rủi ro của người này là may mắn cho người khác mà.

Thật ra, vẫn còn một cơ hội nữa. Trường thi Hương ở Thanh Hóa đến hai năm sau (1917) còn tổ chức, Liệu có thể “mượn quê” trong đó đi thi, gọi là “ngụ thí”. Nhưng tiền bạc đâu ra mà ở trọ, chạy giấy tờ, đành bỏ. Khỏi người cùng trang lứa thất cơ đã xoay sang học trường Pháp - Việt, nhưng đấy lại chỉ là cửa may mắn cho anh có tiền. Cái tiền đồ hoạn lộ ông đồ nhắm cho cậu út phải đứt hẳn, giống như cánh đồng Mỹ Trọng không làm trường thi nữa thì biến thành sân bay.

CÀNH HỒNG LEO TRÊN TƯỜNG

- Biển cả bắt đầu từ đâu?

- Từ những dòng sông. Như sông Hồng, sông Ninh Cơ, sông Đào..., bao nhiêu nước đều đổ ra cửa Ba Lạt dưới Giao Thủy ấy con ạ. Thế nên chả trông thấy bờ bao giờ.

- Sao lại sinh ra dòng sông?

- Đấy là do muôn vạn khe suối nhỏ suối to róc rách trên nguồn. Những suối ấy lại có từ ức triệu những nguồn mạch rỉ ra từ lòng đất, từ áo rừng nguyên sinh, những rễ cây, thảm lá mục ẩm ướt che phủ núi đồi.

Thế “đất nước” là gì, màu hồng hay xanh, hình tròn hay chữ nhật?

- Cứ tạm hiểu đấy là bờ tre, chòm khế, bóng đa che mát mái đình làng. Là làn khói bếp chiều hôm, củ khoai mẹ dành cho sau mỗi lúc nô nghịch. Từ những gì rất nhỏ bé, thân thuộc mà ai cũng có.

Đối với người đi học, đó còn là con chữ, tiếng nói của người mình, những dáng tượng, câu chào vắn, nếp ăn nếp mặc của quê hương. Đó còn là nỗi hận bọn người mũi lõ mắt xanh làm đứt mạch văn của giống nòi, chặn đứng mọi ngã đường tiến thân.

Nhưng ông Trần Huy Trình chưa thể nhủ cho Liệu thấm hết điều sâu xa ấy. Còn lùn cùn, cậu bé chỉ nhớ đã bị mắng nên thân vì tội dám sang làng Báng Già bên cạnh chơi.

- May cho con tôi - Bà Trần Thị Nhựt, tức bà đồ Trình, vừa thở vừa lau mồ hôi cho con. - Người bên ấy ghét người làng mình lắm. Họ đánh cho thì khốn.

- Sao lại ghét ạ?

- Người Tây dạy Báng Già, Báng Trại theo đạo.

- Các cụ nghĩa quân Văn Thân nhà ta ghét Tây, đã bắt giam mấy người làng ấy bỏ cho chết đói. Ông nội con đã giấu giếm, mang cơm cho họ.

- Văn thân là gì ạ?

- Giời ơi, có mỗi cái mồm mà hỏi lắm thế. Nói con cũng chả biết. Nhưng nhiều cụ cừ, cụ nghè đến nhà ta chơi bàn chuyện bênh vua đánh Tây là Văn Thân.

- Con cũng đánh Tây!

Liệu nói rất cao hứng làm bà đồ phì cười:

- Cha nhà anh, đánh bằng váy đụp à? Để rồi nó lại đốt cả làng.

Có lần quân Pháp theo chân giáo dân đến cướp làng Vân Cát, đứng từ quán đầu làng bắn vào. Sau một hồi thì thụp mà không qua được cánh cổng làng toàn tre đực nguyên cây chúng núng thế. Dân làng hăng lên, mỗi người cầm một cây gậy tày xông ra đánh. Một thứ áo giáp ai cũng khoác lên người để đạn phải tránh xa là chiếc váy đụp tẩm nước đá. Cuộc phản công thắng lợi, giặc rút lui, làng chỉ hai người bị thương. Nhưng rồi giặc quay lại đốt cả làng. Cụ Trần Huy Làn, - ông nội Liệu - bị bắt đi, mãi mới chuộc ra được.

- Có đúng là váy đụp tẩm nước đá thì tránh được đạn không ạ? - Liệu lại hỏi.

- Mẹ cũng không biết. Các cụ tin thế, nên đánh hăng lắm. Còn nhà mình thành tro.

Bà đồ trả lời con ngọn ngành, nhưng không quên mách chòng chuyện Liệu sang Báng Già. May được ngày bố dễ tính, cậu chỉ bị mắng mỏ chứ không phải đòn. Bèn được thể thắc mắc tiếp:

- Thừa cha, sao ta lại ghét đạo? Con thấy bên Báng họ cũng làm ruộng, chạy chợ như bên đây thôi...

- Vì người Tây núp sau bóng Chúa vào đánh nước ta.

- Nước ta rộng đến đâu?

- Ô, rộng lắm. - ông đồ phì cười nhưng sầm ngay mặt. - Đi hết tỉnh ta, tỉnh Thái là đến quả núi rất dài, gọi là Trường Sơn. Hết núi đến sông Cửu Long, cá tôm nhiều vô kể, lấy rổ xúc cũng nặng tay. Nhưng những đất nhiều cá ấy cũng bị Tây chiếm cả rồi.

“Xúc xuống nước mà cũng được rổ cá nặng tay”, thế nào mình cũng phải vào cái “làng” ấy”.

Liệu lơ mơ nghĩ hỏi tiếp:

- Thế vua có đánh Tây không?

- Vị đánh vị không, đều không lại. Đức Hàm Nghi trốn lên rừng lập đồn trại, chúng nó bắt

được đày ra bể. Khổ cho ngài. Các quan cũng đánh, mấy chục năm ròng rã cũng vẫn thua.

“Lớn lên con cũng đánh Tây” Liệu đứng vụt dậy nói lớn làm bà đồ phì cười.

Kéo con vào lòng, bà âu yếm:

- Cha nhà anh. Đánh Tây như bố anh, làm thơ chửi chúng nó chứ gì...

- Bà thì biết cái gì? - ông đồ gằn giọng.

- Thì tôi thấy ông với bác Tú Cường, bác Cử Kiểm, cậu Khóa Nhàn cứ ngồi ngâm thơ, Tây nó có nghe, có hiểu đâu.

Bình thường bà đồ rất hiền, hôm nay nói mấy câu đúng cả, mà sao Liệu thấy thầy đỏ lựng cả mặt.

Ông đồ nhóm dậy ngồi thừ một lúc, quay lại, rất khế:

- Thế mình có biết bác cả đi đâu không? Bác theo đề đốc Tạ Quang Hiện khởi nghĩa bên Thái Bình. Tôi vương nhà, chứ không cũng theo rồi. Tây nó biết nên mới đốt nhà mình.

- Ra thế. Không nói nên tôi chả hay. - Bà đồ ra chiều biết lỗi. - Nhưng súng ống, tàu đồng tàu sắt nó thế, sao đánh nổi.

- Quả có thế. Đánh mãi, mất người, cháy cả nhà mà nó cứ trơ ra. Nay mình, nhân thế tôi nói chuyện này...

Ông đồ bảo Liệu đi ngủ, rồi thì thăm rất lâu với vợ. Có tiếng thở dài của bà, tiếng giải thích của ông, rồi bà lại tấmtức. Sáng ra bảo con:

- Thầy bảo định cho anh Chúc đi học xa, sang Nhật. Chả là các cụ các bác bàn nhau đánh Tây mãi không xong, thì phải đi học cho giỏi hơn nó, đè lại nó. Người Nhật cùng da vàng, đồng chủng đồng văn, họ sẽ giúp mình việc học trước, sau cho súng về đánh Tây.

- Mẹ cho anh Chúc đi không? - Liệu hỏi.

- Đây là thầy mới ý định. Nhưng anh Chúc đã ho ra máu mấy lần. Mà đi thì để vợ con ai trông...

- Hay là con đi!

Liệu hăng hái quá làm bà đồ tức cười, vuốt tóc Nhưng thầy đang định lấy vợ cho anh, lấy con ông lang Oanh bên Thái La.

- Con chả thích lấy vợ xa. - Liệu nguẩy ra.

- Làm gì mẹ chả biết con thích ai trong làng. - Bà đồ buồn buồn. - Nhưng bên cô Lọc người ta chê mình nghèo. Không lấy được cô Lọc đâu con ạ. Thôi, cứ nghe thầy bu đi...

Liệu buồn bã, ủ rũ, càng cảm cảnh nghèo. Khoai chuột, cám rang thì cất mình sao nổi. Tưởng là đi học sẽ lên quan, đeo thẻ ngà, thì đường ấy đã tuyệt.

Nghĩ đến ánh mắt đăm đối, bước chân con cón của ai bên kia bờ ao mà đành chịu. Phận nghèo thì phải hèn thôi.

Đấy là ngày trước, khi Liệu còn hay sà vào lòng mẹ, phải trốn cha để đi khăng đi đáo. Chứ mấy năm sau, gia cảnh càng khốn khó, nổi bí bức hóa thành bi phần, thì cậu ra ông cụ non. Đêm đêm Liệu nằm ngâm những câu thơ ví mình như Bàng Thống ở đất Lôi Dương, chức tri huyện không thể phỉ chí. Những bài thơ đầu tiên cậu gửi đăng *Nam Phong tạp chí* ký bút hiệu “Đấu Nam”, sánh mình với Dịch Nhân Kiệt triều Đường bên Trung Hoa, tài năng lỗi lạc mà không được dùng.

Ông đồ Trình ốm nặng. Ngôi nhà tấp nập thoát lạng lẽ. Sinh đồ ra vào rón rén, âm thầm nén lo âu.

Trong buồng bà đồ ngồi lặng, không thể khóc nổi. Đôi mắt bà đã lòa hẳn từ khi người con cả ra đi, lá xanh đã rụng trước lá vàng.

Như ngọn đèn cạn dầu thì bùng lên, trước lúc hấp hối, ông đồ gọi con út vào, dặn trông nom mẹ, đàn cháu con anh Chúc. “Đời người ai cũng đến lúc này. Thầy đi trước là có phúc hơn mẹ con... Con phải chững chạc, cứng rắn hơn. Đang đi đừng nhảy lên như thế.

- Vâng ạ.

- Thầy buồn là đến giờ chưa lo được bến đỗ cho con. Anh Chúc đã vậy. Nhà ta chỉ còn trông vào con. Không biết thầy có làm khi cho là chỉ có học thì các con mới cất đầu lên được không. Nhưng nhà ta không học thì còn làm gì...

- Không cần nghĩ nhiều nữa đâu, thầy ơi...

Ông đồ hốt hển cố chống lại cơn ho, rồi dịu hẳn:

- Con là người trai ngoan nhưng đa sự. Con sẽ vất vả mất...

Cậu thiếu niên mười lăm tuổi không thể ngờ rằng mình, nhiều năm về sau, cho đến cả lúc đã tột bậc vinh hiển, lắm lúc sẽ còn phải nghĩ về linh nghiệm của câu trăng trời ấy.

<1 width="33%">

[\[i\]](#) Ý nói con người ta sinh ra có tính tốt lành. do hoàn cảnh mới đổi khác đi

[\[ii\]](#) Nơi thi Hương của trường Nam (Nam Định).

“Tiền làm quan, đạt làm thầy”

“Với mục đích học để đi thi, người dạy cũng như người học đương thời có cần gì phải nghiên cứu ý nghĩa của những quyển sách, mà chỉ cần thuộc lòng từng câu, từng chữ, từng điển tích để làm bài. Nhận xét người hay một việc khác đều không được phép ra ngoài ý kiến phê phán của Tổng Nho và Hán Nho”.

Nghĩ về sự lỗ bịch, vô tích sự của việc học hành cử tử thời đầu thế kỷ XX, Trần Huy Liệu nhận xét vậy. Nhưng đó là vào mãi sau này, khi ông năm mươi tuổi. Chứ còn bây giờ, hể mó tay vào việc gì trong nhà, cậu út đều nhận những lời ngăn cản:

- Cứ để đấy, đã có các chị.

- Học đi con. Có nghe câu “chẳng tham ruộng cả ao liền, chỉ tham cái bút cái nghiên anh đồ” chưa? Con phải đỗ đạt rồi ra làm quan cho cả làng, cả tổng biết tiếng chứ.

Làm anh đồ, ông quan, cậu bé vắt mũi chữa sạch chưa đến đoạn thích thú. Nhưng những lời dạy bảo thấm vào cậu như giọt nước ngày đêm nhỏ vào đất cát, cần cỗi mấy cũng có ngày sùng sụ. Đến nỗi mả trên đường từ Vân Cát đi Hạnh Lâm, qua cửa huyện nha Vụ Bản, Liệu giở ra cái trò làm ông bố vừa sợ vừa buồn cười. Đứng trước mặt anh lính gác, cậu ưỡn ngực ra, trở vào công đường: “Ngày sau ông lớn lên thi đỗ làm quan to gấp mấy cái ông huyện ngồi trong kia ấy chứ”. Chú lệ tròn xoe mắt vì ngạc nhiên. Ông đồ vội vàng kéo con đi trong lòng không phải không thích thú.

Mỗi việc hàng ngày đều được dẫn ra một câu Thánh hiền làm mẫu mực. Sách “Luận ngữ”, thiên “Hương đẳng” chép những cử chỉ thường ngày của Khổng Tử, Liệu thuộc nằm lòng.

- Con biết không, - ông đồ bảo, - trước kia có người chuyên đi nhặt giấy bẩn có chữ Thánh đem đốt đi, đến lúc đẻ con, sau lưng có bốn chữ bằng dấu chàm “Kính tích chỉ tự”, người con sau này thi đậu tiến sĩ.

Những lời răn ấy ngày một thấm, khiến mảnh giấy có chữ trở nên thiêng liêng, không dùng vào việc bẩn thỉu, để rơi xuống đất cũng không dám.

Thông thường, trẻ mới học đều phải qua “Tam tự kinh”, cuốn sách vỡ lòng. “*Nhân chi sơ, tính bản thiện, tính tương cận, tập tương viễn*” ([\[1\]](#)), tiếng trẻ khao khao trong lớp học dưới lũy tre. Sau “Tam tự kinh” là hai quyển Sử thượng, Sử hạ và Hán sử, nghĩa là toàn sử nước người. Nhưng Liệu, giống cái cây bị nhắc lên cho mau lớn, phải bắc ngay sang các sách “Đại học”, “Ngũ kinh”, “Tứ thư” và “Bắc sử” trứ danh. Nhai nhai, nhồi nhét, nhồm nhoàm, thật chẳng khác con vẹt mấy tí. Nó làm cậu bé ra ông cụ non, khác hẳn chúng bạn cùng trang lứa. Mà thế thì đâu có gì phải xấu hổ, còn làm tấm gương, làm chỗ để trẻ khác học theo ấy chứ.

Trong vùng, ông đồ Trình nổi tiếng về cách dạy nghiêm khắc và hiệu quả. “Thứ nhất hay chữ, thứ nhì dữ đòn”, có thể nói nên thân, cái lũ chỉ xếp sau “quỷ” và “ma” ạ. Sáng ra các trò đến trường, thầy chỉ đích danh anh nào ngủ sớm hay chịu thức khuya nhá chữ. Đêm mưa to gió lớn, ông xắn quần, bận áo tơi đi tuần thủ” những nhà có trò trọ học, bắt quả tang anh nào lười, anh nào lẩn. Đây là việc dạy chữ, gọi như bây giờ là truyền bá kiến thức đại trà. Chứ khi dạy phép tắc đi thi, ông lại có những “món tử” riêng cho trò yêu, nhất là hai con trai. Tỷ như những bài văn sách quá hay, thường đem ra bình phẩm ở tỉnh, huyện thì nên tránh đi kéo dễ trùng lặp, mà hãy chăm rèn những bài loại nhì, loại ba thôi. Tỷ như, cha “giải” sẵn những đầu đề trong sách học đi thi rồi cho học thuộc, vào hạch khảo không quán quân cũng trúng tuyển. Đây là món gia truyền “tử công phu”. Bao nhiêu cay cú, kinh nghiệm một đời thi hỏng, ông truyền cho con cả.

Nhồi lằm thì chữ phải đầy. Liệu, giống anh Chúc, sớm nổi tiếng thông minh hơn người. Rất khổ là mỗi khi có bạn bè đến, ông bố cứ gọi con ra đối lại những câu người ta ra. Đối đáp trôi chảy nhưng đúng là cực hình, dù nó kích thích tính háo thắng, đợi chờ lời khen.

“Thằng Di nhà tôi đi sau mót lấy những chữ cậu Liệu nhà bác bỏ rơi, có mà cũng nhất tổng rồi”.

“Sau này đỗ đạt nên ông, đi võng che lọng đừng quên chúng tôi, cậu Liệu nhé”.

Những lời làm Liệu ta phổng mũi, giá đứng ngoài giọt gianh, trời mưa nước chui cả vào mũi cũng nên. Người ta mời cậu về học cùng, bảo học cho con. Mười lăm tuổi, cảnh nhà túng quẫn Liệu đã đi dạy học riêng, tuy không thành “cua” hái ra tiền như các thầy giáo dạy thêm bây giờ, nhưng khi nải chuối, lúc dăm quả trứng gà, “lộc” đã lỗ chỗ.

Chưa biết sợ, tự tin và liều lĩnh quá, bất chấp luật định, có lần Liệu đội tên người khác đi thi các kỳ tuyển sinh và khóa sinh. Bấy giờ chưa có thẻ thi dán ảnh, người thi hộ chỉ nộp quyển, khai họ tên, quê quán, ký tên, điểm chỉ là lọt vào được trường thi. Việc làm bài càng dễ, vì bấy nhiêu đòi hỏi của đề chả đáng là bao so với bồ chữ cậu tích cóp nên.

Xong việc, nếu trúng tuyển sinh, Liệu được năm đồng bạc Đông Dương, trúng khóa sinh được hai mươi đồng, cả một gia tài so với công sức dạy học của bố, làm ruộng của mẹ và các chị. Nhưng mà lo, mà hãi lằm. Mỗi lần xong lại hú vía. Bị phát giác ra, cả người thi hộ lẫn người thuê thi đều tù cả.

ĐÚT GÁNH GIỮA ĐÀNG

Đang tập chữ cho mấy người sắp thi, Liệu giả cách ông đồ Trình, đi đi lại lại gùm gùm. Chiếc roi mây thỉnh thoảng vút vào không khí.

- Anh Sắc, không thuộc quyển của tôi thì tôi không cho anh gặp cô Thắm nữa.

- Cả Chương đoảng quá. Chữ “trung” này không phải là quả chuông. Phí công tôi nhận lời với thầy mẹ anh.

- Anh cu Tù, như có con gà nhảy lên bới chữ trong vở ý. Tí nữa nhảy lò cò anh có chấp tôi một bàn không thì bảo...

Vun vút! Vun vút. Học trò lấy làm vui, cười khinh khích. Ông thầy mặt non búng còn thích thú hơn, vắng chúa nhà tha hồ vọc niêu tôm. Tập viết xong ra đình khăng đáo, để trò bắt nạt lại thầy lắm. Những phút nô nghịch, ăn trộm giờ học, bỏ tiết ngày càng hiếm hoi, Liệu phải “trộn” chúng vào buổi dạy. Thầy được là đứa trẻ, đã đành, mà đám trẻ cùng trang lứa - có anh lớn hơn - cũng được thư nhàn.

Bỗng “chúa nhà” về. Vẻ vui nhộn tắt phụt. Cả lớp trở lại nem nếp. Ông đồ không thềm liếc qua đám trẻ, lăm lăm phịch xuống chõng. Liệu mang bát chè tươi lại, hỏi bố đi nắng về có mệt không, được một tiếng “ờ”. Mặt ông đỏ gay, lúc thì tái dại, phất lấy phất để cái quạt, bình sinh có thể thay ngọn roi mây, học trò rất sợ. Liệu đứng cạnh bố, mắt chăm chăm vào củ khoai đuôi chuột bu đầy ruồi, một lúc quay về “lớp”. Cả bọn ê a:

Đêm thanh thánh thót đồng hồ

Tiếng ai như tường anh đồ nhà ta

Chừng trưa thì rã đám. Liệu khoắng vại dưa vệt mấy tàu thái nhỏ nghiền, cho vào cơm nguội rang lên. Không có mỡ, những hột cơm sần ngay lại, khô khốc, chẳng thấy mùi thơm. Liệu bê mâm lên, thấy ông đồ nằm quay vào tường, bèn chấp tay kính cẩn:

“Con rang cơm rồi ạ. Hay cha mệt, để con luộc quả trứng. Nhà Chắt thiếu tiền học, sáng nay đưa chục trứng thế”.

Ông đồ phẩy tay, ra ý cứ làm. Bữa cơm im lìm, chỉ con ăn, ông bố cứ chống đũa thờ dài thườn thượt. Có chuyện rồi. Không biết mắc lỗi gì. Rất lo mà chả dám ho he. Rồi thật bất ngờ nghe dịu giọng:

“Con ăn trứng đi. Xong rồi bố nói chuyện”.

Tức thì không có lỗi. Khởi bị đòn. Cho nên “có chuyện” mà quả trứng vẫn trôi tuột từ họng xuống bụng ngay tắp lự.

- Con nghe đây... Thời thế thay đổi rồi con ạ. Bây giờ cả nhà chỉ còn trông vào con.

Chậm rãi. Những lời đã sắp xếp rất kỹ. Liệu lừa nốt bát cơm, cứ lạ sao bố chưa ăn mà đã xỉa

răng chêm chép... Nhưng rồi cậu phải nín thín thít.

- Cha vừa lên huyện. Bảng yết rằng nay là năm thi Hương cuối cùng. Không còn kỳ nào khác. Vậy nên con phải chuẩn bị chữ nghĩa, rèn tập chu đáo. Thi đỗ là đạo nhà đấy con ạ. Anh Chúc giỏi nức tiếng vậy mà mới chỉ được cái tú tài. Trông vào con... Chỉ còn trông vào con thôi...

“Ô hô... Ô hô... hời ời ời”. Ông đồ nức lên, nước mắt nước mũi ướt chèm chép, chòm râu thưa giần giật. Để mặc bộ dạng chẳng chỉnh chu, ông nghện ngào:

- Quân Tây Dương chó má” Đồ cầu trệ! Giống Di dịch lông lá! Chúng ép vua ta bỏ Vương đạo, hành theo bá đạo của chúng. Bỏ khoa cử, bỏ chữ Thánh hiền là đau khôn cùng, khôn cùng con ạ. Chúng bỏ thi là để bắt dân ta rập theo chữ tây, văn tây, tôn thờ tổ bố chúng nó chứ không được thờ Đức Khổng Khâu nữa. Đạo Nho khốn cùng rồi. Văn hiến đứt rồi. Không có luân thường đạo lý nữa. Chúng bắt ta sống theo lối cầm thú được là vì có tàu đồng tàu sắt! Nhục ời là nhục! Cha thì hỏng hẳn rồi, - ông đồ đã kìm được tiếng nấc - Anh con năm ngoái đỗ nhưng lại sớm bỏ cả nhà mà đi. Chỉ còn con, còn con thôi. Lần cuối cùng, con không đỗ thì sẽ ra sao. Hả con? Hả con?

- Thì hết đường làm quan ạ.

- Sao nữa?

- Không tỏ mặt được ạ.

- Sao nữa?

- Nhà nghèo túng, người ta coi thường ạ.

- Hết rồi a?

- Dạ, không “báo thư cừu” được.

- Đúng rồi. Đây là mối hận tận xương tủy. Nhỡ con có sao, cha chết không nhắm mắt.

Chả hiểu ông đồ còn truyền những gì, nhưng Liệu đã nín thín thít. Đi thi ngay, có khác nào phải lấy vợ tấp lự. “Chẳng may” đỗ, sớm làm “ông” thì đứa nào nó khăng đáo cùng mình. Nhưng được gọi “cậu tú”, thì oách chứ nhỉ. Đâu Hội nguyên, Đình nguyên càng “chúa”, “võng anh đi trước...”. A, mà làm gì có “nàng” mà “võng nàng đi sau”. Nhưng cứ thi đỗ đã tỏ lắm rồi, bố đỡ đòn vọt, mà có khi không phải học nữa cũng nên.

Những ngày sau, Liệu được tắm bổ, ăn uống sượng tẻ. Những chuối trứng cuốc, cốm đầu mùa, trứng gà tươi ai ai trả chữ, ông đồ dành cả cho con. Nhưng phải thức khuya ra rả như cuốc, những chữ đã mòn lì cứ phải “luộc” lại kỹ, đánh cho nhẵn bóng.

Ấy là năm 1915, Trần Huy Liệu mười bốn tuổi, cũng chả phải người bé nhất trong kỳ vượt Vũ Môn cuối cùng. Chế độ khoa cử Nho giáo hạn chế cách tuyển những ông thông ông phán nên nhà nước thực dân bỏ thi, đưa vào trường học các môn khoa học tự nhiên và lối đọc *a bê xê lơn xê bánh đúc, u xê úc là cục mắ môm*. Điều ấy làm các nhà nho nước ta tức phát điên, càng thêm

thâm thù bọn mũi lõ mắt xanh. Tiến thân vào đâu? Lên quan ngả nào? Và nhất là đạo nhà đạo nước, rường cột đã qua dăm bảy trăm năm nay, phải chịu nhìn chúng gác qua một bên.

Theo thể lệ, muốn thi Hương phải qua mấy kỳ hạch trước. Kỳ đầu, thi tuyển sinh bằng một bài luận quốc ngữ, Liệu vượt ngon lành. Kỳ khóa sinh làm luận bằng cả chữ nho lẫn quốc ngữ, cậu nhá đề còn hơn thia lia được hòn đáo vào lỗ. Sức vóc ấy, bồ chữ ấy, quà thi khóa sinh để vào trường thi Hương, có gì mà phải ngại.

Nhưng có chuyện trớ trêu làm chậm con đường đến Mỹ Trọng ([\[iii\]](#)) của Liệu. Kỳ thi hạch đã qua, bảng yết lên cổng phủ. Trông thấy tên mình, Liệu nháy lên, chả kể những kẻ nước mắt ngấn nước mắt dài xung quanh. Nhưng đám chức trách lại phát giác ra đề thi đã bị lộ từ trước. Kẻ trộm đề bị bắt, xử phạt rất nghiêm.

Lộ thì thi lại, có gì mà ngại. Bất quá mất buổi chơi và tốn thêm hào quà của mẹ.

Sáng ấy, tay ôm quyển, tay cầm bút mực, Liệu qua cánh đồng phủ Vân Cát đến điểm thi. Gót chân dẫm lên vệ cỏ, bờ mương sao ngăn ngắt, ớn ớn lạnh. Trận gió nhẹ thổi qua không đủ thổi rụng mấy bông hoa gạo đỏ thắm trên cao, mà cậu nổi gai ốc. Đến cổng phủ, Liệu dừng lại, theo lời cha lầm rầm khấn Bà Chúa.

Tới nơi thì đã mệt lắm rồi. Mắt đỏ lên, sung húp da nóng hằm hập, mà người lại run như dế. Những bạn thi chạy lại hồ hởi đón, người nọ gạt người kia, tranh nhau nói:

- Liệu ơi, tớ có con quay cho ấy. Gõ thị hần hoi, không phải ối đâu.

- Đừng có làm bài một mình. Phải cho anh em liếc với - Trời đã cho ta kỳ thi lại. Liệu ạ, chỉ còn cậu là cho tớ chữ được, không bị trượt như lần vừa rồi. Yết bảng có tên là tớ trả công cậu ngay.

Nghe nhờ vả, mơn trớn, khoái chí thật. Nhưng chỉ một lúc, cơn rét run người lại đến. Cậu bé ừ ào rồi đi tìm chỗ tránh gió, làm mấy cậu tú tương lai nản quá.

Xướng danh. “Dạ có!”. Vào hàng.

Lại xướng danh, xếp hàng vào nhận chỗ. Nghe những lời dặn dò không được ăn cắp chữ, không được gạ bài, tai Liệu cứ ù lên. Dặn lắm khéo ta ngã mất.

Đề thi xướng lên. Liệu cảm cúi chép. Yên tâm lớn. Gì chứ mình đã thuộc nằm lòng cả, trước, sau phải thế nào, chỉ việc viết ra. Xong, nộp bài cho sớm, kéo ồm nặng mất.

Nhưng sao mắt cứ mờ đi. Tay run bắn, cố ghì chặt lấy bút mà chữ vẫn xiêu. Cơn rét từ trong ruột đâm ra, tòi qua xương qua thịt, làm bần bật cả bàn với ghế. Đầu nặng như ai lấy cái đỉnh úp lên, mắt không thể mở. Liệu đổ vật xuống đất, co quắp, không còn biết đến người ta đang khiêng ra, đổ nước gừng vào miệng.

- Thật khổ, thằng bé học giỏi mà đâm hỏng.

Tiếng ai lao xào bên tai. Không lẽ mình không làm được hết bài. Liệu vùng dậy xin thi tiếp,

nhưng cơn sốt lại vật cậu xuống, càng lúc càng ác liệt. Mê man. Rừng rục như hòn than. Bệnh từ anh bạn cùng trọ học lây sang, người ấy bỏ cuộc ngay từ đầu, còn Liệu làm được nửa bài. Người ta mang cậu về nhà để mẹ trông nom.

- Học tài thi phận con ơi! - Ông đồ Trình uất tím tái cả người, mãi đến cuối ngày mới học ra mấy tiếng.

Kỳ thi Hương cuối cùng năm Ất Mão 1915 diễn ra trên cánh đồng làng Mỹ Trọng gần cổng tỉnh không có cậu khóa Liệu, tuy đã khỏe lại sau trận ốm. Không muốn nhìn con nhà người lều chõng gánh đi, ông đồ Trình đắp chiếu nằm rên hừ hừ.

Mọi hy vọng đều tiêu tan cả sau những gắng gượng cuối cùng, cha con dâng đơn hết cửa nọ đến cửa kia trình bày lý do, xin đặc ơn dự kỳ thi rồi đều bị từ chối. Rủi ro của người này là may mắn cho người khác mà.

Thật ra, vẫn còn một cơ hội nữa. Trường thi Hương ở Thanh Hóa đến hai năm sau (1917) còn tổ chức, Liệu có thể “mượn quê” trong đó đi thi, gọi là “ngụ thí”. Nhưng tiền bạc đâu ra mà ở trọ, chạy giấy tờ, đành bỏ. Khỏi người cùng trang lứa thất cơ đã xoay sang học trường Pháp - Việt, nhưng đấy lại chỉ là cửa may mắn cho anh có tiền. Cái tiền đồ hoạn lộ ông đồ nhắm cho cậu út phải đứt hẳn, giống như cánh đồng Mỹ Trọng không làm trường thi nữa thì biến thành sân bay.

CÀNH HỒNG LEO TRÊN TƯỜNG

- Biển cả bắt đầu từ đâu?

- Từ những dòng sông. Như sông Hồng, sông Ninh Cơ, sông Đào..., bao nhiêu nước đều đổ ra cửa Ba Lạt dưới Giao Thủy ấy con ạ. Thế nên chả trông thấy bờ bao giờ.

- Sao lại sinh ra dòng sông?

- Đấy là do muôn vạn khe suối nhỏ suối to róc rách trên nguồn. Những suối ấy lại có từ ức triệu những nguồn mạch rỉ ra từ lòng đất, từ áo rừng nguyên sinh, những rễ cây, thảm lá mục ẩm ướt che phủ núi đồi.

Thế “đất nước” là gì, màu hồng hay xanh, hình tròn hay chữ nhật?

- Cứ tạm hiểu đấy là bờ tre, chòm khế, bóng đa che mát mái đình làng. Là làn khói bếp chiều hôm, củ khoai mẹ dành cho sau mỗi lúc nô nghịch. Từ những gì rất nhỏ bé, thân thuộc mà ai cũng có.

Đối với người đi học, đó còn là con chữ, tiếng nói của người mình, những dáng tượng, câu chào vắn, nếp ăn nếp mặc của quê hương. Đó còn là nỗi hận bọn người mũi lõ mắt xanh làm đứt mạch văn của giống nòi, chặn đứng mọi ngã đường tiến thân.

Nhưng ông Trần Huy Trình chưa thể nhủ cho Liệu thấm hết điều sâu xa ấy. Còn lùn cùn, cậu bé chỉ nhớ đã bị mắng nên thân vì tội dám sang làng Báng Già bên cạnh chơi.

- May cho con tôi - Bà Trần Thị Nhựt, tức bà đồ Trình, vừa thở vừa lau mồ hôi cho con. - Người bên ấy ghét người làng mình lắm. Họ đánh cho thì khốn.

- Sao lại ghét ạ?

- Người Tây dạy Báng Già, Báng Trại theo đạo.

- Các cụ nghĩa quân Văn Thân nhà ta ghét Tây, đã bắt giam mấy người làng ấy bỏ cho chết đói. Ông nội con đã giấu giếm, mang cơm cho họ.

- Văn thân là gì ạ?

- Giời ơi, có mỗi cái mồm mà hỏi lắm thế. Nói con cũng chả biết. Nhưng nhiều cụ cừ, cụ nghè đến nhà ta chơi bàn chuyện bênh vua đánh Tây là Văn Thân.

- Con cũng đánh Tây!

Liệu nói rất cao hứng làm bà đồ phì cười:

- Cha nhà anh, đánh bằng váy đụp à? Để rồi nó lại đốt cả làng.

Có lần quân Pháp theo chân giáo dân đến cướp làng Vân Cát, đứng từ quán đầu làng bắn vào. Sau một hồi thì thụp mà không qua được cánh cổng làng toàn tre đực nguyên cây chúng núng thế. Dân làng hăng lên, mỗi người cầm một cây gậy tày xông ra đánh. Một thứ áo giáp ai cũng khoác lên người để đạn phải tránh xa là chiếc váy đụp tẩm nước đá. Cuộc phản công thắng lợi, giặc rút lui, làng chỉ hai người bị thương. Nhưng rồi giặc quay lại đốt cả làng. Cụ Trần Huy Làn, - ông nội Liệu - bị bắt đi, mãi mới chuộc ra được.

- Có đúng là váy đụp tẩm nước đá thì tránh được đạn không ạ? - Liệu lại hỏi.

- Mẹ cũng không biết. Các cụ tin thế, nên đánh hăng lắm. Còn nhà mình thành tro.

Bà đồ trả lời con ngọn ngành, nhưng không quên mách chòng chuyện Liệu sang Báng Già. May được ngày bố dễ tính, cậu chỉ bị mắng mỏ chứ không phải đòn. Bèn được thể thắc mắc tiếp:

- Thừa cha, sao ta lại ghét đạo? Con thấy bên Báng họ cũng làm ruộng, chạy chợ như bên đây thôi...

- Vì người Tây núp sau bóng Chúa vào đánh nước ta.

- Nước ta rộng đến đâu?

- Ô, rộng lắm. - ông đồ phì cười nhưng sầm ngay mặt. - Đi hết tỉnh ta, tỉnh Thái là đến quả núi rất dài, gọi là Trường Sơn. Hết núi đến sông Cửu Long, cá tôm nhiều vô kể, lấy rổ xúc cũng nặng tay. Nhưng những đất nhiều cá ấy cũng bị Tây chiếm cả rồi.

“Xúc xuống nước mà cũng được rổ cá nặng tay”, thế nào mình cũng phải vào cái “làng” ấy”.

Liệu lơ mơ nghĩ hỏi tiếp:

- Thế vua có đánh Tây không?

- Vị đánh vị không, đều không lại. Đức Hàm Nghi trốn lên rừng lập đồn trại, chúng nó bắt

được đày ra bể. Khổ cho ngài. Các quan cũng đánh, mấy chục năm ròng rã cũng vẫn thua.

“Lớn lên con cũng đánh Tây” Liệu đứng vụt dậy nói lớn làm bà đồ phì cười.

Kéo con vào lòng, bà âu yếm:

- Cha nhà anh. Đánh Tây như bố anh, làm thơ chửi chúng nó chứ gì...

- Bà thì biết cái gì? - ông đồ gằn giọng.

- Thì tôi thấy ông với bác Tú Cường, bác Cử Kiểm, cậu Khóa Nhàn cứ ngồi ngâm thơ, Tây nó có nghe, có hiểu đâu.

Bình thường bà đồ rất hiền, hôm nay nói mấy câu đúng cả, mà sao Liệu thấy thầy đỏ lựng cả mặt.

Ông đồ nhóm dậy ngồi thừ một lúc, quay lại, rất khế:

- Thế mình có biết bác cả đi đâu không? Bác theo đề đốc Tạ Quang Hiện khởi nghĩa bên Thái Bình. Tôi vương nhà, chứ không cũng theo rồi. Tây nó biết nên mới đốt nhà mình.

- Ra thế. Không nói nên tôi chả hay. - Bà đồ ra chiều biết lỗi. - Nhưng súng ống, tàu đồng tàu sắt nó thế, sao đánh nổi.

- Quả có thế. Đánh mãi, mất người, cháy cả nhà mà nó cứ trơ ra. Nay mình, nhân thế tôi nói chuyện này...

Ông đồ bảo Liệu đi ngủ, rồi thì thăm rất lâu với vợ. Có tiếng thở dài của bà, tiếng giải thích của ông, rồi bà lại tấmtức. Sáng ra bảo con:

- Thầy bảo định cho anh Chúc đi học xa, sang Nhật. Chả là các cụ các bác bàn nhau đánh Tây mãi không xong, thì phải đi học cho giỏi hơn nó, đè lại nó. Người Nhật cùng da vàng, đồng chủng đồng văn, họ sẽ giúp mình việc học trước, sau cho súng về đánh Tây.

- Mẹ cho anh Chúc đi không? - Liệu hỏi.

- Đây là thầy mới ý định. Nhưng anh Chúc đã ho ra máu mấy lần. Mà đi thì để vợ con ai trông...

- Hay là con đi!

Liệu hăng hái quá làm bà đồ tức cười, vuốt tóc Nhưng thầy đang định lấy vợ cho anh, lấy con ông lang Oanh bên Thái La.

- Con chả thích lấy vợ xa. - Liệu nguẩy ra.

- Làm gì mẹ chả biết con thích ai trong làng. - Bà đồ buồn buồn. - Nhưng bên cô Lọc người ta chê mình nghèo. Không lấy được cô Lọc đâu con ạ. Thôi, cứ nghe thầy bu đi...

Liệu buồn bã, ủ rũ, càng cảm cảnh nghèo. Khoai chuột, cám rang thì cất mình sao nổi. Tưởng là đi học sẽ lên quan, đeo thẻ ngà, thì đường ấy đã tuyệt.

Nghĩ đến ánh mắt đăm đối, bước chân con cón của ai bên kia bờ ao mà đành chịu. Phận nghèo thì phải hèn thôi.

Đấy là ngày trước, khi Liệu còn hay sà vào lòng mẹ, phải trốn cha để đi khăng đi đáo. Chứ mấy năm sau, gia cảnh càng khốn khó, nổi bí bức hóa thành bi phần, thì cậu ra ông cụ non. Đêm đêm Liệu nằm ngâm những câu thơ ví mình như Bàng Thống ở đất Lôi Dương, chức tri huyện không thể phỉ chí. Những bài thơ đầu tiên cậu gửi đăng *Nam Phong tạp chí* ký bút hiệu “Đấu Nam”, sánh mình với Dịch Nhân Kiệt triều Đường bên Trung Hoa, tài năng lỗi lạc mà không được dùng.

Ông đồ Trình ốm nặng. Ngôi nhà tấp nập thoát lạng lẽ. Sinh đồ ra vào rón rén, âm thầm nén lo âu.

Trong buồng bà đồ ngồi lặng, không thể khóc nổi. Đôi mắt bà đã lòa hẳn từ khi người con cả ra đi, lá xanh đã rụng trước lá vàng.

Như ngọn đèn cạn dầu thì bùng lên, trước lúc hấp hối, ông đồ gọi con út vào, dặn trông nom mẹ, đàn cháu con anh Chúc. “Đời người ai cũng đến lúc này. Thầy đi trước là có phúc hơn mẹ con... Con phải chững chạc, cứng rắn hơn. Đang đi đừng nhảy lên như thế.

- Vâng ạ.

- Thầy buồn là đến giờ chưa lo được bến đỗ cho con. Anh Chúc đã vậy. Nhà ta chỉ còn trông vào con. Không biết thầy có làm khi cho là chỉ có học thì các con mới cất đầu lên được không. Nhưng nhà ta không học thì còn làm gì...

- Không cần nghĩ nhiều nữa đâu, thầy ơi...

Ông đồ hốt hển cố chống lại cơn ho, rồi dịu hẳn:

- Con là người trai ngoan nhưng đa sự. Con sẽ vất vả mất...

Cậu thiếu niên mười lăm tuổi không thể ngờ rằng mình, nhiều năm về sau, cho đến cả lúc đã tột bậc vinh hiển, lắm lúc sẽ còn phải nghĩ về linh nghiệm của câu trăng trời ấy.

<1 width="33%">

[\[i\]](#) Ý nói con người ta sinh ra có tính tốt lành. do hoàn cảnh mới đổi khác đi

[\[ii\]](#) Nơi thi Hương của trường Nam (Nam Định).

PHƯƠNG NAM VÃY GỌI

Trượng phu chống kiếm đi thì đi

Đừng như nhi nữ lúc phân ly...

Liệu cứ tưởng mình lăm lăm ra đi được ngay, nếu vợ níu lại thì rút gươm cắt phăng ngay vạt áo mà tiến vào sương gió. Dễ như bỡn. Nhưng đâu có thế. Anh thấy mình cũng yếu mềm, lâm ly thốn thức như thói thường.

Để tang chồng hơn một năm, bà đồ cũng đi theo, tới cái chốn có cả con trai cả, để lại trên đời mớ cháu cho cậu út. Không phải chăm mẹ lòa, Liệu lại sớm gánh lấy vai bố. Hăm Mệt và cu Mo lọt lòng quặt quẹo thiếu sữa mẹ dù Tý rất khỏe mạnh. Ông giời thế mà ác? Bỏ đấy mà đi tức là để nợ cho vợ, rất là không nỡ...

Nhưng không đi thì sao? Sinh nhai, dù cố cách nào không thể có cửa gỡ ra. Luôn luôn là cái gánh nặng lo ăn, cả đời không bỏ xuống được. Và cái làng quê thì quá lăm tặc lệt, sống quanh quẩn không chịu được. Như anh Đích, tầm tuổi mình, nhìn cây cột ghi một năm ba chục cái giỗ mà mặt mũi bạc cả. Không trốn giỗ được nhà ai, mà ai trốn giỗ nhà mình thì cũng nằm lòng, sao lũy tre làng nó thắt con người ta chặt vậy. Lên Hà Nội gửi bài cho tạp chí Nam Phong, Liệu thấy sao đời người đàn ông ở tỉnh nó nhẹ nhõm. Độc lập, không phải ra kính vào bầm, thích chào ai thì chào; mình cũng có thể sống như bọn nhà báo tự do được lắm chứ. Khỏi thẳng danh nổi mà thực lực đâu so nổi với mình, chỉ được cái cô đầu thổ dĩ là thành thần.

Thế thì đi đâu, thế nào, với ai, và nhất là lấy gì để đi?

Liệu thiên về phía Nam, nơi cuộc sống thoáng đãng, ít “mùi” Nho học hơn Hà Nội. Sài Gòn, với những lề luật của xứ thuộc địa, nhất định là mở chứ không khép hờ hờ như đất lề quê thói. Và kiếm ăn hẳn là cũng dễ, “xúc cái rổ xuống nước cũng được mớ cá to” kia mà.

Và về phần chí hướng, Liệu cũng thấy khuôn khổ tự do trong Nam thích hợp với mình hơn. Dù những bài báo, ký nhiều tên khác nhau, đem lại chút vinh danh cho anh ở làng, nhưng Hà Nội vẫn cứ chật hẹp thế nào. Những tộc người từ một làng quê lên sống bằng một nghề thủ công, dựng đình đền, đem cả thành hoàng lên thờ, nó tạo ra cái bí bức. Liệu cũng đã bót phơn phở với những tư tưởng của Lương Khải Siêu, thấy nó “nửa vời”, không đến nơi. Mà anh thì quá ghét thẳng Pháp, thấy nó đứng đâu chỉ muốn đem đất chỗ ấy xúc đổ đi. Đi Nam, vào chỗ “mùi Tây” nặng hơn, tức là phải ngửi hít, chịu đựng những thói thực dân của chúng nó nhiều hơn rồi. Mà mình phải sống được chứ không thể thành cái xác bôn cây cao su như đám phu mộ đang kìn kìn vào trong ấy...

Liệu thấy như bị bó chân. Lắm lúc mặt dần thối, đi đường làng dẫm cứt trâu, chả khác ông

khóa Cảo Cứ miên man chả rút ra được. Cô vợ trẻ tất nhiên chả thích chồng lang bạt. Nghèo thì cũng có nhà có cửa rồi, ở nhà rau cháo có nhau chả hơn à...

Cú hích để anh rời khỏi quê nhà là từ ông Bùi Trình Khiêm, bạn thân anh Chúc, một thời dạy Liệu học. Là nhà nho có danh vọng nhất nhì vùng Vụ Bản, ông Bùi lại thấm thía con đường cụt của đạo Thánh hiền, nhất quyết đoạn tuyệt với khoa cử ngay từ khi bỏ thi Hương. Học trò ông nhiều người đã chuyển theo quốc ngữ, vào trường Pháp - Việt hay sang ngạch kỹ nghệ, buôn bán. Ít năm sau, ở Hà Nội, thông Vôi (Nguyễn Hữu Thu), ký Bưởi (Bạch Thái Bưởi) đã được coi là vĩ nhân khi rời bỏ đám nho sinh ưa bạo động, trở thành nhà tư sản hàng đầu Bắc Kỳ.

Ông Bùi yêu mến chú hậu sinh vừa là trò vừa là đàn em, bàn rằng: Nam Kỳ là đất thuộc địa, chính sách nới rộng, tư tưởng mở mang hơn. Ta vào đấy kiếm ăn dễ, lại đoạn tuyệt thói thủ cựu, có khi cậu như cá gặp nước.

Tháng 9 năm 1923, tàu Caravellas, thường gọi là chiếc “Năm-sao-cụt” rời cảng Hải Phòng vào Sài Gòn. Lộ trình thường mất ba bốn ngày, gặp bão lốc sống được là may. Tàu chở bò xuất khẩu, khai thối không thể tả. Khách, là đám “đi thêm”, có vợ chồng ông Bùi, hai con, Liệu và vài anh bạn. Năm người trong “phái đoàn ông Bùi” được ngủ trong phòng chủ tàu có độc chiếc giường, giá thuê mỗi ngày một đồng bạc Đông Dương. Nhưng sự chật chội, nhớp nhúa và mùi nước đái bò không làm Liệu ngán mấy. Ngổn ngang trong lòng chàng trai hai mươi hai tuổi là bao nhiêu hy vọng.

Caravellas không phải tàu khách nên chả có ai tiễn. Hú lên hồi còi dài, nó đủng đỉnh rời bến. Đứng trên boong, nhìn cầu cảng xa dần, Liệu chột cồn lên nổi rung rung. Phía đuôi tàu là phố xá, chả nhìn thấy đâu cái làng Vân Cát bé tẹo nghèo khó, ngôi mộ của thầy mẹ, anh trai đã sang cát. Tỹ liệu có chạy gạo đủ cho các con cùng cháu, hay sẽ sang Thái Bình cắt rau má như chị Riêu. Và ngôi nhà, đã đôi ba phen cháy rụi...

Khỏi Đồ Sơn thì mọi tâm trạng bay biến. Chỉ còn nôn ọe, choáng váng, xây xẩm. Có cái gì như lưỡi câu móc vào ruột kéo ra, rút tuột mẩu bánh mì hồi sáng. Một lúc, mật xanh trong bụng cũng không còn, nhưng cơn nôn khan cũng chả buông tha. Căn phòng nhỏ tanh tưởi, ai nấy nằm như lũ gián chết. Liệu ra đứng ngoài boong tàu.

Sóng đầu mà lớn thế. Như núi chồm qua. Cả cây nước từ trên trời trút xuống. Thấy người

khách trẻ hỡi, vào buồng tránh rồi lại chạy ra, anh mạch lô bảo từ đây là chỗ lẩn mạnh rồi. Chẳng có núi nào cản nên sóng từ xa cứ nhè tàu mà bổ.

“Phái đoàn” bảo nhau cố chịu, bốn ngày đến nơi sẽ thư sướng, tha hồ ăn mặc gấp nghìn lần ở quê.

Nhưng sao đám thủy thủ đều hối hả vậy, hết ca không ăn cơm mà chỉ nhá bánh mì, tiếp tục làm việc Ai cũng thất sắc, vẻ khẩn cấp hiện rõ là thế nào. Nghe đâu máy hỏng, tàu bị thủng, phải hàn. Anh mạch lô trẻ, từ đầu lúc nào cũng ngêu ngao hát, chui từ buồng chỉ huy ra hét chỗ vào buồng máy:

- Quan tư ra lệnh lúc nào kéo còi mới được cắt phao đấy!

Thôi. Thế là chết rồi! Bất đắc kỳ tử giữa biển khơi, đến nắm mồ cũng không có. Bà Bùi ọe khan, cố cầu Giời khẩn Phật. Bất giác Liệu cũng “Nam mô A Di Phật...”, “Lạy Bà Chúa Liễu, con là người làng Vân Cát đây, bà đừng vật chết chúng con ạ” ([11](#)).

Trong cơn cồn cào là hình ảnh vợ con, những con người yêu mến ta và ta hằng yêu mến. Sự nghiệp ngắn quá thế. Ta mới có mấy bài thơ tỏ chí trên *Nam Phong* ... Đời ngắn thế ư? Tình đoạn thế ư? Không được chết vì tay những kẻ ta hận thù thế này thì uổng quá.

Chùng như Trời Phật nghe thấy, nên sóng bớt to bề êm hơn. Tàu đã chữa xong, bơm được nước ra còn máy lúc chạy lúc hỏng. Lênh đênh, ngắc ngoải mãi ngoài khơi, thế rồi cũng vào được tới Đà Nẵng sau bảy ngày.

Ngày thứ mười sáu thì cặp Sài Gòn. Năm thầy trò lên bờ xanh xao, tanh tưởi. Nhưng chỉ sau bữa cơm no, Liệu đã có thể ngâm rống lên

“Mãi mãi phần hoa kim thế giới

Lịch triều khai thác cổ phong cương”

(Thế giới ngày nay đầy mắt phần hoa,

Bờ cõi ngày xưa đã từng khai thác từ triều vua này đến triều vua khác).

THỢ NỬA MÙA

Ông Bùi Trình Khiêm có người bạn là Lê Đức, chủ trương tờ *Nam Kỳ kinh tế*. Ông Đức có hơn mẫu vườn ở ngoại ô Sài Gòn - Chợ Lớn, đang thiếu nhân công. Vậy là thầy trò có thể tha hồ múa bút hay đánh cây, làm cỏ. Bằng không, ra buôn bán nhè nhắng ngoài phố đợi thời phát lên cũng được chứ gì. Chuyển sang thương mại là một xu hướng của đám nhà nho thất thế. Nghĩ đến nghiệp lớn đang chờ, thì hùng tâm tráng trí lại lên ầm ầm.

Nhưng trước hết phải làm châu hủ tiếu. Sau đó, chải sạch quần áo để hết những tanh tưởi hôi hám trên tàu. Đi kiếm sống cũng phải bề bề thể diện, vừa giữ cho mình vừa giữ cho người mình sẽ nhờ cậy. Rồi cả đoàn đóng xe kéo đến địa chỉ đã được cho.

Căn nhà hoang tàn, như vừa có trận bão cuốn qua. Ông chủ, thiếu não hơn cả khách, cho biết do làm chính trị, ông bị mật thám khám nhà, phủ Thống sứ Nam Kỳ gọi lên bắt ký vào nghị định trục xuất về Bắc. Bơ vơ giữa Sài Gòn đất đỏ, phái đoàn nho sĩ Nam Định giạt về Mỹ Tho rồi sang Sa Đéc.

Sa Đéc có cụ Võ Hoàn, cũng là một chính trị phạm bị an trí, sống bằng nghề thuốc. Cụ Võ rộng nhà rộng bụng, có thể cho họ dung thân ít lâu. Hàng ngày Liệu tán thuốc, thái đồ trọng, xay tam thất, rầu ruột ngâm những câu thơ cảm khái. Thơ cảm khái thì sẵn vô cùng.

Áp Tết rồi. Xung quanh rậm rịch mỡ lợn gói bánh tét. Ngoài sông vắng hẵn những con thuyền khảm trái cây. Thầy trò ông Bùi đi dạo phố, ngắm những cửa hàng của người Hoa đỏ ối lập xường, đàn trẻ nhăm kẹo bông mềm nhoe nhoét mà cảm cảnh vô cùng.

- Sẩy nhà ra thất nghiệp là đây, Liệu ạ.

Ông Bùi rầu rĩ thở ra trong khi Liệu để tâm vào bàn thờ thiên trong góc chợ. Khói hương nghi ngút, màu giấy phong bao thật tươi mắt. "Hay là chúng ta viết câu đối...", anh reo lên.

- Nhưng cậu vẫn thương hại bọn bần nho bán chữ kia mà.

- Thừa thầy, đến nước này thì mình phải thương lấy thân mình thôi.

Miệng nói, chân hăm hở rẽ vào hàng tạp hóa.

Ông Bùi cũng hăng lên dốc túi mua mấy băng hồng điều, cây bút lông lớn và thổi mực tàu. Gần ngừ trước cái nghỉ, hai thầy trò quyết định chẳng xa xỉ làm gì, ra mé chợ nhặt mảnh bát vỡ còn hơn.

Cái góc phố họ chọn đông người qua lại, trước một gian hàng đã đóng cửa ăn Tết. Giải chiếc chiếu lem nhem, Liệu xắn tay mài mực. Cũng may thầy trò mang cả áo lương theo nên trông ra đáng ông đồ ông Bùi ngồi bằng tròn lấy tờ báo ra thử bút. Nhưng sao tay cứ run bần, mặt hết tái dần sang đỏ. Được một lúc thì gác bút, chìa ngón cái tay phải nhăn nhó: "Dập đã mấy tháng rồi mà không hồi nổi. Liệu viết đi. Ấy, khoan đã..." Lại phải chạy đi mua thẻ hương. Bắt đầu

một “nghề” mới, cách kiếm ăn mới, không cầu khẩn mấy câu thì thần thánh nào ban cho cái may. Đoạn mào đầu không thiêng liêng lắm nhưng không đến nỗi báng bổ, vì Liệu chợt nghĩ đến đền Ngọc Sơn ngoài Hà Nội. Cụ Nguyễn Siêu viết “Tả Thanh Thiên” lên Tháp Bút là muốn tỏ ước vọng vói vói “viết lên trời xanh” của kẻ sĩ, mình cũng có ước vọng đấy chứ.

- Viết chữ gì bây giờ, thầy ơi? - Liệu cất tiếng.

- Thì cứ những câu thông thường ấy thôi. Không cần cao thâm làm gì.

Tông cụ ra mà ra khỏi cửa

Nghênh tân phúc lộc rước vào nhà

Liệu nhoay nhoáy thảo vào đôi băng giấy điều, chữ nhỏ và bay bướm, nét đậm nét thanh rất điệu, đoạn treo lên. Đang soạn một đôi câu đối khác thì có tiếng trầm trồ “Hảo a” Hảo a”, ông Tàu mặt tròn trĩnh đứng gác một chân lên hè ngắm nghía, miệng khen không ngớt.

- Tiên sinh viết đẹp hà. Phết phẩy rất có hồn hà.

- Dạ, không dám...

Liệu nhún mình đúng kiểu chân nho không coi lời tăng bốc hay đàm tiếu vào đâu, phóng bút tiếp.

Tết đến nhà nhà vui con trẻ

Xuân về thôn xóm chúc ông bà

Đấy chỉ là những câu sáo mồn, đối không hẳn đã chỉnh, ngoài kia Liệu và đám bạn vẫn chỉ trỏ cười chê, nay cóp lại mà được khen nắc nỏm. Những là sâu xa, những là hàm súc, nhiều ý tứ bên trong lắm. Dân “ở trong” dễ tính thật. Vài người nữa xúm lại, kẻ không biết thì tò mò, người có chút chữ thì tán tụng. Ông người Tàu đợi cho câu đối ráo mực, cuộn lại, bảo “Tôi lấy đôi này dán cửa bếp. Nhưng hơi nhỏ. Phiền tiên sinh viết cho đôi đại tự dán cột nhà”. Thấy Liệu nhăn nhó, ông vỗ túi xường xám:

- Tiên sinh khỏi lo. Tôi có tiền. Tôi mua giấy lớn, bút to, tiên sinh phóng tay đại tự mới hả.

Ông ta cứ nhì nhèo, rằng bấy lâu ở Sa Đéc không ai biết viết câu đối đẹp, rằng được chữ tiên sinh là có phúc lớn cả năm. Có biết đâu rằng “tiên sinh” đang bí. Từ nhỏ đến giờ toàn tập trong vở, có “viết” đại tự bao giờ. Đó là một thử thách rất lớn, ai không rành thư pháp hờ cơ ngay, như đồ vật lấm lung trắng bụng trên sỏi.

Cũng may ông Bùi đứng ngoài đỡ hộ:

- Xin ông thông cảm. Thư pháp không phải không biết. Nhưng gia đình chúng tôi có một lời nguyện từ tổ tiên để lại là không viết đại tự bán? Chỉ làm từng đôi nhỏ thế này, chơi cho vui. Các vị cho bao nhiêu cũng được...

- Thế thì tôi đành chịu. - ông khách trả tiền đôi câu đối nhỏ rồi bỏ đi.

Từ sáng đến trưa không bán thêm được đôi nào.

Người người cứ tụ rồi lại tán, có khi chê gàn, có khi khen chân nho giữ đạo nhà. Rồi cuốn chiếu thu “nghiên”, rửa bút lủi thúi về. Đau nhất là ông Búi, rất thạo đại tự mà không múa bút được vì cái ngón tay chết tiệt. Liệu đau xót nghĩ đến cha, anh, giận mình chê cánh bần nho bán chữ giờ mất cơ kiếm ăn. Mấy xu đôi câu đối chả đủ tiền giấy mực, đúng là chó cắn áo rách.

Về đến nhà, thì những miệng đang chờ. Cụ Võ Hoành nghỉ hàng, Tết không ai bốc thuốc. Liệu tần ngần rồi dứt khoát bảo ông Búi:

- Thầy ơi, em phải đi thôi!

Tàu thủy Sa Đéc - Mỹ Tho trống hoác như dạ dày người khách ngồi gần buồng máy cho ầm.

Người bán vé đến, Liệu phải vật nài mãi mới bán lại được chiếc đồng hồ ông Búi cho làm kỷ vật được ba đồng bạc, đủ tiền về Mỹ Tho rồi bắt xe lửa về Sài Gòn. Tiếc lắm. Nhưng phải độ thân trước đã.

Sài Gòn sáng rực. Pháo nổ đì đẹt, người đi lại sao mà diện, mà đẹp, trong khi mình chỉ cốt ầm. May ông chủ nhà 80 đường Bonard rất tốt, đón khách vào nhà. Không gian có mùi nhang, cành mai trong lục bình làm vợi nỗi cảm cảnh trong lòng người xa nhà. Nhưng lại ồm mới chết. Tê phù, chân tay liệt như không phải của mình. Phong tê thấp, cái chứng quái ác người Bắc hay mắc khi vô Nam đã hỏi thăm đến Liệu. Anh không thể ngồi dậy, người múp míp như túi nước, ấn tay vào nhũn nhùn nhùn. Và hôi thối vì không thể ngồi dậy đi vệ sinh. Cũng may hàng ngày có người dọn dẹp, lau chùi hộ, chứ không thì căn gác bị lăm tưởng là cái nhà cầu không ai quét. Thật ra thì Liệu không cảm cảnh nhiều lắm, niềm vui ra giêng có việc làm anh khắp khởi.

Đó là tập sự nghề khắc dấu đồng, theo học những thợ đàn anh trong nhà. Cầm dùi sắt, chạm đồng, xước sát, chảy máu luôn tay, Liệu chẳng quản. Khốn thay anh không phải người khéo. Thế nên, phần vì thương mến, ông chủ cứ phân thêm những việc nhà cho nhẹ nhàng hơn. Thỉnh thoảng ông rủ Liệu đi ăn hủ tiếu, xem hát bội. Với một người Nam Bộ bình thường, những nhận xét của Liệu được xem là rất sắc sảo. Được tôn trọng, coi là nửa tập việc, nửa là chú em, mà Liệu không thấy thoải mái. Người ta tốt. Nhưng cứ thế này anh sẽ không học được nghề mà vẫn mang ơn nuôi ăn.

May là thuê chung ngôi nhà có ông phó may. Liệu bèn xin sang học nghề mới với cái có chân tay lóng ngóng, e tổn công dạy dỗ của thầy. Bây giờ là đốt bàn là, đơm khuy, thừa khuyết, dọn vải vụn, chạy đi mua chỉ... Tuy lặt vặt, anh có tâm trạng đỡ là người ăn theo, kiếm tiền một cách sòng phẳng hơn. Có lẽ Liệu sẽ thành một thợ may khéo? Không chừng sẽ thành ông chủ tiệm lớn, hàng ngày tươi cười đứng đón các bà các cô tới đo ướm, cũng nên...

Tối đến, còn chút thì giờ, Liệu sẽ ngâm thơ cho mấy ma-nơ-canh nghe. Những cô nàng ngực nở bụng thon bằng nhựa, bằng gỗ sẽ vui lòng thưởng thức tâm sự của “anh hùng mạt lộ” suốt đêm...

Nhưng chúng t^ê phù gi^ã b^ệp m^ội m^ơng ướ^c. Các khớp ngón tay đau đ^{ón}. Đầu gối to tướng, đỏ bóng. Chỉ cần ra Bắc, nơi khí hậu kém ẩ^m thấp hơn là ta sẽ kh^ỏi. Nhưng tiền đ^{âu} mà ra? Nằm lại thì thuốc ai bố thí? Đ^{ượ}c người c^ơm cháo, dọn rửa thể này, là phúc đã lớn t^ày ngôi phủ thờ Bà Chúa Liễu ở quê rồi.

Tráng sĩ đau lòng thân ỷ lại
Anh hùng thẹn mặt cảnh vô nhân
Mặc dầu ai biết, ai không biết
Mất thiết nào trông thấy ruột gan.
Trong căn gác tối om, hôi hám, tiếng ng^{âm} của kẻ cuồng s^{ầu} th^ảm như vọng từ cõi âm lên.

<1 width="33%">

[\[i\]](#) Bà chúa **Liễu** Hạnh quê Ván Cát, tương truyền hay làm dịch bệnh, thiên **tai** , hỏa hoạn phạt kẻ bà không **ư**a.

GẶP MAY

Tư Trinh, ông bạn già đã lênh đèn nhả đời trên bể cả, mở mồm ra là “dân chủ” với “cộng hòa” lại chẳng biết lấy một mảnh i tờ nào. Dù không có chữ, ông vẫn là cứu nhân độ thế cho Liệu trong cơn khốn quẫn. Không hiểu hết nỗi niềm nhưng trân trọng, ông sẵn sàng nghe những lời tiêu cực của kẻ sĩ bị hãm vào bĩ cực. Thỉnh thoảng ông giở mình, đâm lưng cho anh, đổ cái bô nặng mùi dưới gầm giường.

Bảng mấy hôm, làm Liệu khắc khoải trông. Rồi Tư Trinh đến với chiếc bánh ngọt. Đút cho anh ăn từng mẩu, ông lại bắt đầu “hầu chuyện”. Nghe Liệu ư ử những “anh hùng mạt lộ” với “tráng sĩ lỡ thời”, ông khoái chí lắm.

- Khẩu khí? Khẩu khí quá?

Tư Trinh vỗ đùi đánh đét và bắt Liệu chép lại.

Mai ông qua Sài Gòn - Bến Thành, sẽ gửi hai bài thơ “đầy cảm khái” cho tòa báo “*Nam Kỳ kinh tế*” Báo hại “tráng sĩ” phải ngồi dậy run rẩy múa bút, mỗi cử động là một cực nhọc đau đớn.

- Ký vào đi! Cậu phải ký chữ gì ác liệt vào chứ...

Ông giục toáy lúc Liệu đương choáng váng. Chẳng nghĩ được cái tên oai hùng hay bi thảm hơn, Liệu điền hai chữ “Đấu Nam” xuống dưới thư. Ngoài Bắc, qua những *Nam Phong* với “*Thực nghiệp dân báo*”, người ta đã biết đến “Đấu Nam” rồi.

Gửi thư đi và mong kết quả là một cái thú. Nhưng căn bệnh hành làm sự thú vị giảm đi nhiều. Thêm nữa là nỗi thắc thỏm. Từ dạo học nghề, Liệu giấu biệt cái đuôi thi sĩ, sợ làm trò cười cho người xung quanh.

Cũng may bệnh lui dần. Có ai ngờ giống tôi, thứ tôi Bắc nhỏ củ mà cay sực lại có tác dụng vậy. Cứ cơn và tôi, Liệu đã nhúc nhắc được những việc riêng cho mình.

Đang tập tễnh xuống gác, anh giật mình nghe chú học việc giống to: “Nhà mình có ai là Đấu Nam đâu nhỉ... Thế mà lại có người hỏi, đúng địa chỉ này...”.

Mừng rỡ nhưng không thể hấp tấp, Liệu bước ra, làm bộ rất từ tốn. Ông khách còn trẻ, vẻ mặt cứng cỏi thừa rành rẽ: “Tôi xin gặp Đấu Nam tiên sinh”.

- Ông ấy vừa đi vắng. - Liệu nói thác. - Nhưng dặn tôi có điều gì cứ nói lại. Ông quen ông Đấu Nam ạ?

- Tôi cũng không quen. Nhưng đọc *Nam Kỳ kinh tế* thấy hai bài thơ của tiên sinh, thấy thích bèn đến tòa soạn hỏi địa chỉ. Đây đúng là số 80 đường Bonard chứ ạ?

- Đúng thế.

- Tiếc quá. Thế thôi, tôi cảm ơn ông và xin phép vậy!

- Nhưng ông đã đến đây thì cứ lên gác đã. Có chuyện gì tôi sẽ thưa lại ông Đẩu Nam.

Đưa khách lên gác, Liệu khắp khởi mừng. Thư đăng có hào nhuận bút đã đành, lại còn được người đọc để ý đến. Là tri kỷ hay là kẻ đến để phản bác đây? Trong phòng chỉ có mỗi chiếc ghế vải, mời khách ngồi mà Liệu cuống lên. Chiếc bô dưới giường may đã dọn, nhưng hẳn còn lưu cữu lại hương khăn khăn, thứ mũi anh đã rất quen.

- Thưa, xin lỗi, tôi chính là Đẩu Nam. Ban này phải giấu bạn thợ vì không tiện nói...

Ông khách trẻ ngớ người. Ai ngờ Đẩu Nam tiên sinh còn trẻ và khốn khó thế này. Anh ta xưng là H.T, đang dịch sách tại nhà ông Trần Quang Nghiêm, Hội trưởng Hội Khuyến học Nam Kỳ.

Tôi rất cảm kích cái khẩu khí của anh, - H. T nói. - Thú thật, người Nam Kỳ đơn giản, tôi ít tri kỷ lắm. Đã lâu mới gặp giọng “anh hùng tráng sĩ”, bèn lập tâm đi tìm cho được.

H. T người Quảng Ngãi, một vùng quê nghèo kiệt, có chút chữ nghĩa chẳng thi thố vào đâu, bỏ vào Sài Gòn, nơi không khí báo chí, học thuật thông thoáng, mới mẻ hơn. Thấy khách cảm cảnh với những khốn khó của mình, Liệu bỏ thói hàn nho, cũng bộc bạch những tâm sự bí bức đã lâu.

Nào chông gai trong thi cử. Nào những “tác phẩm” đã được in hay còn đang “thai nghén”. Nào những kiến văn về phận nước nhà đang tìm đường, ảnh hưởng của hai chí sĩ Trung Hoa Khang Hữu Vi, Lương Khai Siêu. Tất cả làm H. T trầm trồ.

- Đúng là con hổ đang bị nhốt trong cũi. - Khách quả quyết. Tôi phải tiến cử anh với ông Trần Quang Nghiêm mới được.

Hai “tiên sinh” tiến nhau bịn rịn mà không thể hồ hởi ra mặt. Trước những con mắt của bạn nghề, Liệu không thể lộ gốc gác, thân phận. Phải giữ đường lui chứ.

Hai hôm sau, cánh thiệp may mắn bay đến. Đơn giản, đó chỉ là tấm bìa ghi danh, ông Trần mời *Đẩu Nam tiên sinh* ăn cơm, nói chuyện tại khách sạn Cửu Long Giang. Mừng rỡ nhưng cũng e ngại và phiền phức quá. Bộ dạng tiều tụy, không che được thì đành vậy. Nhưng quần áo tề chỉnh thì lấy đâu.

Liệu lôi dưới gầm giường đôi giày da đem từ Bắc vào, lau hết bụi. Chiếc áo the thâm bạc phếch trên mắc, khi lôi xuống mới hay thiếu ba khuy nách. Và đi tắm cho hết cái mùi thẳng tê phù. Trời không rét mà Liệu run rẩy, run nhất vì chẳng còn chiếc áo nào mặt lót bên trong.

Khởi hành sớm. Không thể trễ trong cuộc gặp này. Đi bộ, mà không thể bước rảo, vì tay

phải khép chặt vào sườn kéo rơi vạt áo. Đôi chân lâu ngày không dứt vào giày bị da cửa, chà mấy chốc phồng đỏ. Đau đấy nhưng mặt mũi, bộ điệu vẫn cứ phải đàng hoàng, đáng bậc “tiên sinh”.

Cửu Long Giang là khách sạn sang nhất Sài Thành hoa lệ. Trước cánh cửa gương lộng lẫy, mấy chú canh cửa mặc đồ trắng, đội mũ đỏ, chân quần xà cạp đỏ đứng lừng lững nghiêm nghị. Không hỏi han lời nào nhưng các chú “củ soát” ông khách khác giai cấp từ đầu đến chân. Qua khỏi cánh cửa, Liệu cẩn trọng đưa mắt quan sát, tiến đến cô lễ tân thơm nức hỏi chỗ.

Phòng dành cho khách đặc biệt cũng quá lộng lẫy. Những đèn chùm, xô pha, trần nhà chạm trổ chim chóc hoa lá như đèn chụp lấy kẻ nghèo. Tường nhà ốp kính nên quay đi đâu cũng không trốn khỏi bộ dạng của mình. Dưới ngọn đèn sáng trưng, H. T đứng cạnh người đàn ông thấp bé đeo kính gọng vàng. Liệu tiến lại, cúi mình chào và nghe lời giới thiệu của H. T.

- Tôi rất sung sướng được gặp ông.

Me xừ Trần Quang Nghiêm trịnh trọng nói và giơ tay ra. Liệu vừa động tay đáp lễ thì vạt áo không khuy thông xuống, cái bụng ửng phở ra. Cửu Long Giang sang trọng thế mà thiếu tiện nghi, chả có cái lỗ nẻ nào để ta chui xuống. Thôi thì cứ đành điềm nhiên, chẳng lẽ người ta cũng đã biết thân phận mình.

Ông Nghiêm là người lịch lãm, lơ đi như không thấy gì. Chủ khách yên vị. Cái bàn che đi sự hở hang làm Liệu tự tin hơn. Anh cảm ơn sự lưu ý của “quý ông”, lưu loát tự bộc lộ mình, trả lời những câu hỏi của ông Nghiêm và cũng bày tỏ lại những quan tâm khác. Đã biết cả hai bên, H. T ở giữa, là cây cầu tuyệt vời nối lại những lúc bị hụt nhịp. Tự giới thiệu hoàn cảnh, công việc, chuyện nở rạn lên khi chuyển sang mục” thời thế, xã hội. Qua tuần rượu thứ nhất, Trần Quang Nghiêm tin rằng anh hàn sĩ trước mặt chính là người mà ông, hội đoàn của ông đang rất cần.

- Sài Gòn thiếu những người như ông. Còn ông đang cần Sài Gòn. Hãy đừng nghĩ đến chuyện ra Bắc...

“Me xừ “ nói thế khi chia tay “tiên sinh”.

NỔI DANH VÀ NỔI CHÌM

Quan hệ mới với Trần Quang Nghiêm và hội *Nam Kỳ khuyến học* giúp Liệu thoát khỏi cảnh cá mắc cạn. Rời bỏ những bàn là, kim khâu, dùi sắt dùi đồng, anh được cầm cây bút, tận dụng hết sở học, tài năng, ý chí. Tình yêu của anh hướng vào dân tộc đang bị đô hộ cần được canh tân, còn lòng căm thù dành cho thực dân thuộc địa, lũ quan lại, phú hào.

Tháng 6 năm 1924, tức là chừng chín tháng xa quê, Liệu được Quốc Biểu giới thiệu vào làm ở “*Nông Cổ mín đàm*”, tờ báo có dư hai chục tuổi, vào loại già dặn ở Nam Kỳ. Chủ báo là Lê Thành Trường bổ Lâm Hiệp Châu làm chủ nhiệm, Trần Huy Liệu làm chủ bút. Hai tiên sinh làm thuê tương đắc nhau về quan điểm chính trị, xác định một xu hướng tranh đấu. Nghĩa là, chí hướng chả đồng hành quái gì với tên tờ báo *uống chè nói chuyện làm ruộng, đi buôn*. Họ công kích chính sách thuế, những thủ đoạn bóp nặn, bóc lột, những lễ thói khinh rẻ người bản xứ, sự hèn hạ trong đám quan liêu.

Lệ thường, báo ra phải đưa bản đầu tiên đến Ty Kiểm duyệt, bị gạch bài nào thì đưa bài khác lấp, đến khi thấy “an toàn cả” mới in hàng loạt và phát hành. Ngay số thứ nhất tiếp quản báo, anh chủ bút hăng máu đã viết một bài nẩy lửa về tiếng bom của liệt sĩ Phạm Hồng Thái mưu sát toàn quyền Merlin ở Quảng Châu, Trung Quốc. Kiểm duyệt bỏ ngay làm Liệu phải lấp bằng một bài vô thưởng vô phạt.

Liền mấy số, cứ thấy bút danh “Đấu Nam” là bị đục. Liệu thay tên ký là “Côi Vị”, tức non Côi sông Vị ở quê nhà Nam Định, nhưng Ty Kiểm duyệt cũng chẳng để sống.

Cứ để trống những chỗ bị đục bỏ, không lấp nữa. Ta phản đối mà lại phân bua được luôn với thế gian. - Liệu bàn với Lâm Hiệp Châu.

“Bài cùn” ấy có hiệu quả. Người đọc càng thương, càng mua báo nhiều. Dù sao lúc ấy trên trường báo Nam Kỳ chưa mấy tờ nói chuyện chính trị, tranh đấu cho kẻ nghèo, quyền lợi dân tộc.

Thuê phải “lũ” chủ nhiệm, chủ bút thú dữ như thế, Lê Thành Trường cứ phát sốt phát rét. Quá bằng rước hổ về ngồi trong nhà. Dù số phát hành tăng, có lãi, ảnh hưởng báo lớn, nhưng chả bỏ bèn với chuyện phải đương đầu với các thế lực chính trị và đám phú hào. Đã bao lần Liệu, Châu được chủ báo nhắc chỉ nên mon men gãi ngứa thôi, chớ nên gây sự đánh lớn. Nhưng hầu như “*Nông Cổ mín đàm*” số nào cũng bị đục bỏ vài ô.

Giọt nước tràn cốc là bài kiểm duyệt để lọt, tố cáo địa chủ Trần Trình Huy cậy của giết người, lấp liếm tội. Dư luận ầm cả lên làm gã công tử Bạc Liêu ức lắm. Bên ngoài đâm đơn kiện báo, bên trong nhả nhe đe dọa, Huy làm Lê Thành Trường mất hết kiên nhẫn với hai thằng làm loạn. Báo bị đòi lại người ra khỏi tòa soạn ở phố Pellerin.

Lại sếnh nhà ra thất nghiệp, Liệu theo Lâm Hiệp Châu đến tá túc phố La Reyniere. Ăn ở nhờ bạn, còn bạn lại nương vào vợ rơi vợ hờ của một Hoa kiều ở Chợ Lớn. Thế mà hai cái mồm mới vẫn rất to tiếng đấu lý đấu luật với kẻ có quyền. Đám công chức quản lý báo chí cứ phải nghe liên tù tì những câu kiếu:

“Sao bảo tự do ngôn luận, bình quyền bình đẳng mà các ông bịt mồm người ta nói sự thật?”.

“Những tư tưởng lớn của cách mạng Pháp chỉ áp dụng bên chính quốc, còn ở đây các ông cấm ngặt chứ gì?”

Báo bị đòi nửa tháng, thì Liệu “lách” được quyển *Ngòi bút sắt*. Theo luật thuộc địa, sách không bị kiểm duyệt như báo, chỉ phải nộp sáu quyển cho Sở Mật thám, Ty Kiểm duyệt và tòa án. 24 giờ sau khi nộp, những sở, ty, tòa này không ra lệnh cấm hay tịch thu, sách được phát hành rộng rãi. Dựa vào điều này, Liệu ra báo dưới dạng sách để khỏi bị kiểm duyệt.

“Sách” *Ngòi bút sắt* lọt lưới, ra số đầu vạn bản, không nằm trên giá mà đến từng hang cùng ngõ hẻm trên tay trẻ bán báo. Đây những tin tức nóng, giọng điệu công kích mạnh mẽ, bán chạy như tôm tươi.

Nằm ở phố La Reyniere, Liệu đã có tiền đưa người đàn bà cho nương nhờ, tối tối có thịt quay ăn và cười rinh rích chuyện xỏ mũi được nhà cầm quyền. Mỗi tuần là một sự chờ đợi hiệu quả, nổi vui sướng hả hê, rồi lại lao vào chuẩn bị số sau, những cú đòn mới.

Dĩ nhiên là động đất rồi. Ra tới vạn bản, *Ngòi bút sắt* ngập tràn cả Sài Gòn - Chợ Lớn chứ ít gì. Danh tiếng “tác giả” “sách” nổi như cồn. Miếng ăn thường nhật không còn là mối lo cho kẻ sĩ nữa. Nhưng mà nhấp nhồm. Thấp thỏm đợi đòn. Được tuần nào ngày nào hay chừng đó, thế nào nhà chức trách cũng xuống tay.

Chẳng phải đợi lâu. *Ngòi bút sắt* tập 2 đang in dở ở nhà Testelin thì ông chủ hủy hợp đồng. Đem chỗ khác, họ nhận, nhưng hôm sau lại gọi hủy, mấy nơi đều thế. Và có cái thư mời, kính gửi *mơ-xi-ơ* Trần.

Sở Mật thám ở phố Catinat có cái cầu thang xoáy tròn ốc lên tầng thượng, leo chóng mặt. Trong ký ức cái chính trị phạm, đây là một sản phẩm thật thông minh của trí óc mật thám: lên đến nơi thì đầu óc và chân tay đều bủn rủn, trí “tranh đấu” dễ nhụt vài phần. Liệu không thể ngờ mình còn phải leo lên cái chỗ chó đẻ ấy nhiều lần nữa.

Trong căn phòng rộng có bàn giấy, bộ xô pha. Người Tây có tấm lưng tròn trĩnh, ngấn ngùn chừng như không biết có khách, đang quay mặt ra cửa sổ. Sự chờ đợi gây ra tâm lý mình bị bỏ rơi, thậm chí là khinh rẻ. Mấy phút trôi qua, chừng như đòn cân não đã ngấm, “cái lưng” mới quay lại.

- A, chàng thanh niên, mời anh ngồi.

Đây là chánh mật thám Arnoux, nụ cười túm túm, có nét hồn hậu không hợp chút nào với nghề nghiệp. Giọng Bắc rất sôi:

- Anh ở ngoài Bắc phải không? Tỉnh nào?

- Tôi ở Nam Định. - Liệu trả lời, nghĩ “các anh còn lạ gì nữa...”.

- Ừ, tôi ở ngoài ấy cũng đã lâu, rất có cảm tình với người ngoài ấy. Năm nay anh bao nhiêu rồi ấy nhỉ?

- Hai bốn tuổi.

Câu trả lời cộc lốc làm Arnoux bỏ ngay vẻ hồn hậu.

- Tôi đã nhận thư anh rồi. Tôi là một người già cả mà anh ăn nói, viết lách không có lễ phép gì hết. Anh tưởng người Tây thì không cần lễ phép ư? Người Tây cũng lễ phép lắm. A mà tôi rất thích người Bắc vì người Bắc rất lễ độ. Đâu có như anh? Hay anh định dọa tôi? - Arnoux gầm ghè, giọng đàn áp - Anh phải biết rằng trước kia làm đại lý Hải Ninh, tôi đã một mình sang trại giam khách buộc chúng phải trả lại bà đầm chúng bắt cóc đấy. Hãy thận trọng, chàng trai ạ.

“Chàng trai”, xuất thân Nho giáo, chả hề muốn nghe bài học về phép lịch sự tí nào, bèn tranh thủ lúc Arnoux ngưng lời, nói luôn:

- Vâng, nhưng mà hôm nay tôi được ngài gọi đến đây, điều mà tôi muốn biết, như đã viết trong thư, là có phải ngài đã ra lệnh cấm các nhà in cho in tập *Ngòi bút sắt* của chúng tôi không? Chúng tôi đã làm rất đúng luật nhà nước. *Ngòi bút sắt* in ra, đưa nạp bản. Hai mươi bốn giờ sau các ông không ra lệnh tịch thu, chúng tôi mới phát hành kia mà. Nghĩa là như mọi quyển sách khác, *Ngòi bút sắt* không hề phạm luật.

Vẻ hòa dịu trở lại trên gương mặt béo tròn.

Arnoux nháy mắt cười khanh khách:

- Tôi biết thừa *Ngòi bút sắt* của các anh ra sao rồi. Nó là một tờ báo trá hình. Quyển sách quái gì mà ngoài bìa lại đề giá bán hàng tháng, hàng năm, tên chủ nhiệm, chủ bút? Sách gì mà lại có các bài theo chuyên mục?

- Nhưng có ai quy định sách không được phép có các mục như ông nói đâu.

- Cứng cổ nhỉ. Lại còn giở lý nữa đấy. Nếu các anh nói gì phạm luật thì sách sẽ bị tịch thu và người ra sẽ vào tù.

- Chúng tôi chỉ nói sự thật.

- Thì các anh cứ nói sự thật. - Viên chánh mật thám đủng đỉnh rất đều. - Muốn in thì in tôi có cấm đâu.

- Nhưng nhà Testelin đang in *Ngòi bút sắt* 2 thì họ nói ông có lệnh cấm in. Nhà Jules Việt ở Sài Gòn, nhà Á Đông ở Chợ Lớn đều bảo Sở Mật thám gọi đây nói đến. Hôm nay các ông đã nói rõ là không cấm in, thì xin cho tôi mấy chữ để nhà in họ khỏi sợ, kiểm có không in báo..., à, in sách cho chúng tôi.

Arnoux im lặng, rồi dứt khoát:

- Không? Tôi không cấm và cũng không phải viết.

Hắn khoát tay, ra điều chấm dứt câu chuyện.

Quân chó đểu Thủ đoạn hèn hạ? Từ phố Catinat đi ra, Liệu tím bầm người vì cấm cái lệnh mồm dê mặt của Arnoux. *Ngòi bút sắt* không thể chết. Anh và bạn bè đi tới những nhà in nhỏ đang thiếu việc. Đâu cũng nhận lời trước, từ chối sau. Người của Sở đã theo họ từng bước.

Vài ngày sau, hai tờ *La Cloche Félée* (Tiếng chuông rè) và *l'Essor Indochinois* (Đông Dương đột khởi) ở Sài Gòn loan tin *Ngòi bút sắt* bị giết. Cái chết không do đao kiếm, không có máu chảy, do một thế lực “vô hình” quyết định. Rồi đồng nghiệp *Việt Nam hồn*, tờ báo có xu hướng dân chủ bên Pháp cũng đăng lại vụ này, chậm hơn.

GẶP MAY

Tư Trinh, ông bạn già đã lênh đèn nhả đời trên bể cả, mở mồm ra là “dân chủ” với “cộng hòa” lại chẳng biết lấy một mảnh i tờ nào. Dù không có chữ, ông vẫn là cứu nhân độ thế cho Liệu trong cơn khốn quẫn. Không hiểu hết nỗi niềm nhưng trân trọng, ông sẵn sàng nghe những lời tiêu cực của kẻ sĩ bị hãm vào bĩ cực. Thỉnh thoảng ông giở mình, đâm lưng cho anh, đổ cái bô nặng mùi dưới gậm giường.

Bằng mấy hôm, làm Liệu khắc khoải trông. Rồi Tư Trinh đến với chiếc bánh ngọt. Đút cho anh ăn từng mẩu, ông lại bắt đầu “hầu chuyện”. Nghe Liệu ư ử những “anh hùng mạt lộ” với “tráng sĩ lỡ thời”, ông khoái chí lắm.

- Khẩu khí? Khẩu khí quá?

Tư Trinh vỗ đùi đánh đét và bắt Liệu chép lại.

Mai ông qua Sài Gòn - Bến Thành, sẽ gửi hai bài thơ “đầy cảm khái” cho tòa báo “*Nam Kỳ kinh tế*” Báo hại “tráng sĩ” phải ngồi dậy run rẩy múa bút, mỗi cử động là một cực nhọc đau đớn.

- Ký vào đi! Cậu phải ký chữ gì ác liệt vào chứ...

Ông giục toáy lúc Liệu đương choáng váng. Chẳng nghĩ được cái tên oai hùng hay bi thảm hơn, Liệu điền hai chữ “Đấu Nam” xuống dưới thư. Ngoài Bắc, qua những *Nam Phong* với “*Thực nghiệp dân báo*”, người ta đã biết đến “Đấu Nam” rồi.

Gửi thư đi và mong kết quả là một cái thú. Nhưng căn bệnh hành làm sự thú vị giảm đi nhiều. Thêm nữa là nỗi thắc thỏm. Từ đạo học nghề, Liệu giấu biệt cái đuôi thi sĩ, sợ làm trò cười cho người xung quanh.

Cũng may bệnh lui dần. Có ai ngờ giống tôi, thứ tôi Bắc nhỏ củ mà cay sực lại có tác dụng vậy. Cứ cơn và tôi, Liệu đã nhúc nhắc được những việc riêng cho mình.

Đang tập tễnh xuống gác, anh giật mình nghe chú học việc giống to: “Nhà mình có ai là Đấu Nam đâu nhỉ... Thế mà lại có người hỏi, đúng địa chỉ này...”.

Mừng rỡ nhưng không thể hấp tấp, Liệu bước ra, làm bộ rất từ tốn. Ông khách còn trẻ, vẻ mặt cứng cỏi thừa rành rẽ: “Tôi xin gặp Đấu Nam tiên sinh”.

- Ông ấy vừa đi vắng. - Liệu nói thác. - Nhưng dặn tôi có điều gì cứ nói lại. Ông quen ông Đấu Nam ạ?

- Tôi cũng không quen. Nhưng đọc *Nam Kỳ kinh tế* thấy hai bài thơ của tiên sinh, thấy thích bèn đến tòa soạn hỏi địa chỉ. Đây đúng là số 80 đường Bonard chứ ạ?

- Đúng thế.
- Tiếc quá. Thế thôi, tôi cảm ơn ông và xin phép vậy!
- Nhưng ông đã đến đây thì cứ lên gác đã. Có chuyện gì tôi sẽ thưa lại ông Đẩu Nam.

Đưa khách lên gác, Liệu khắp khởi mừng. Thơ đăng có hào nhuận bút đã đành, lại còn được người đọc để ý đến. Là tri kỷ hay là kẻ đến để phản bác đây? Trong phòng chỉ có mỗi chiếc ghế vải, mời khách ngồi mà Liệu cuống lên. Chiếc bô dưới giường may đã dọn, nhưng hẳn còn lưu cữu lại hương khăn khăn, thứ mũi anh đã rất quen.

- Thưa, xin lỗi, tôi chính là Đẩu Nam. Ban này phải giấu bạn thợ vì không tiện nói...

Ông khách trẻ ngớ người. Ai ngờ Đẩu Nam tiên sinh còn trẻ và khốn khó thế này. Anh ta xưng là H.T, đang dịch sách tại nhà ông Trần Quang Nghiêm, Hội trưởng Hội Khuyến học Nam Kỳ.

Tôi rất cảm kích cái khẩu khí của anh, - H. T nói. - Thú thật, người Nam Kỳ đơn giản, tôi ít tri kỷ lắm. Đã lâu mới gặp giọng “anh hùng tráng sĩ”, bèn lập tâm đi tìm cho được.

H. T người Quảng Ngãi, một vùng quê nghèo kiệt, có chút chữ nghĩa chẳng thi thố vào đâu, bỏ vào Sài Gòn, nơi không khí báo chí, học thuật thông thoáng, mới mẻ hơn. Thấy khách cảm cảnh với những khốn khó của mình, Liệu bỏ thói hàn nho, cũng bộc bạch những tâm sự bí bức đã lâu.

Nào chông gai trong thi cử. Nào những “tác phẩm” đã được in hay còn đang “thai nghén”. Nào những kiến văn về phận nước nhà đang tìm đường, ảnh hưởng của hai chí sĩ Trung Hoa Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu. Tất cả làm H. T trầm trồ.

- Đúng là con hổ đang bị nhốt trong cũi. - Khách quả quyết. Tôi phải tiến cử anh với ông Trần Quang Nghiêm mới được.

Hai “tiên sinh” tiến nhau bịn rịn mà không thể hồ hởi ra mặt. Trước những con mắt của bạn nghề, Liệu không thể lộ gốc gác, thân phận. Phải giữ đường lui chứ.

Hai hôm sau, cánh thiệp may mắn bay đến. Đơn giản, đó chỉ là tấm bìa ghi danh, ông Trần mời *Đẩu Nam tiên sinh* ăn cơm, nói chuyện tại khách sạn Cửu Long Giang. Mừng rỡ nhưng cũng e ngại và phiền phức quá. Bộ dạng tiều tụy, không che được thì đành vậy. Nhưng quần áo tề chỉnh thì lấy đâu.

Liệu lôi dưới gầm giường đôi giày da đem từ Bắc vào, lau hết bụi. Chiếc áo the thâm bạc phếch trên mắc, khi lôi xuống mới hay thiếu ba khuy nách. Và đi tắm cho hết cái mùi thẳng tề phũ. Trời không rét mà Liệu run rẩy, run nhất vì chẳng còn chiếc áo nào mặt lót bên trong.

Khởi hành sớm. Không thể trễ trong cuộc gặp này. Đi bộ, mà không thể bước rảo, vì tay phải khép chặt vào sườn kéo rơi vạt áo. Đôi chân lâu ngày không đút vào giày bị da cứng, chà mấy chốc phồng đỏ. Đau đấy nhưng mặt mũi, bộ điệu vẫn cứ phải đàng hoàng, đáng bậc “tiên sinh”.

Cửu Long Giang là khách sạn sang nhất Sài Thành hoa lệ. Trước cánh cửa gương lộng lẫy, mấy chú canh cửa mặc đồ trắng, đội mũ đỏ, chân quần xà cạp đỏ đứng lừng lững nghiêm nghị. Không hỏi han lời nào nhưng các chú “cử soát” ông khách khác giai cấp từ đầu đến chân. Qua khỏi cánh cửa, Liệu cẩn trọng đưa mắt quan sát, tiến đến cô lễ tân thơm nức hỏi chỗ.

Phòng dành cho khách đặc biệt cũng quá lộng lẫy. Những đèn chùm, xô pha, trần nhà chạm trổ chim chóc hoa lá như đèn chụp lấy kẻ nghèo. Tường nhà ốp kính nên quay đi đâu cũng không trốn khỏi bộ dạng của mình. Dưới ngọn đèn sáng trưng, H. T đứng cạnh người đàn ông thấp bé đeo kính gọng vàng. Liệu tiến lại, cúi mình chào và nghe lời giới thiệu của H. T.

- Tôi rất sung sướng được gặp ông.

Me xừ Trần Quang Nghiêm trịnh trọng nói và giơ tay ra. Liệu vừa động tay đáp lễ thì vạt áo không khuy thông xuống, cái bụng ửng phở ra. Cửu Long Giang sang trọng thế mà thiếu tiện nghi, chả có cái lỗ nẻ nào để ta chui xuống. Thôi thì cứ đành điềm nhiên, chẳng ai người ta cũng đã biết thân phận mình.

Ông Nghiêm là người lịch lãm, lơ đãng như không thấy gì. Chủ khách yên vị. Cái bàn che đi sự hở hang làm Liệu tự tin hơn. Anh cảm ơn sự lưu ý của “quý ông”, lưu loát tự bộc lộ mình, trả lời những câu hỏi của ông Nghiêm và cũng bày tỏ lại những quan tâm khác. Đã biết cả hai bên, H. T ở giữa, là cây cầu tuyệt vời nối lại những lúc bị hụt nhịp. Tự giới thiệu hoàn cảnh, công việc, chuyện nở rộ lên khi chuyển sang mục “thời thế, xã hội. Qua tuần rượu thứ nhất, Trần Quang Nghiêm tin rằng anh hàn sĩ trước mặt chính là người mà ông, hội đoàn của ông đang rất cần.

- Sài Gòn thiếu những người như ông. Còn ông đang cần Sài Gòn. Hãy đừng nghĩ đến chuyện ra Bắc...

“Me xừ “ nói thế khi chia tay “tiên sinh”.

NỔI DANH VÀ NỔI CHÌM

Quan hệ mới với Trần Quang Nghiêm và hội *Nam Kỳ khuyến học* giúp Liệu thoát khỏi cảnh cá mắc cạn. Rời bỏ những bàn là, kim khâu, dùi sắt dùi đồng, anh được cầm cây bút, tận dụng hết sở học, tài năng, ý chí. Tình yêu của anh hướng vào dân tộc đang bị đô hộ cần được canh tân, còn lòng căm thù dành cho thực dân thuộc địa, lũ quan lại, phú hào.

Tháng 6 năm 1924, tức là chừng chín tháng xa quê, Liệu được Quốc Biểu giới thiệu vào làm ở “*Nông Cổ mìn đàm*”, tờ báo có dư hai chục tuổi, vào loại già dặn ở Nam Kỳ. Chủ báo là Lê Thành Trường bổ Lâm Hiệp Châu làm chủ nhiệm, Trần Huy Liệu làm chủ bút. Hai tiên sinh làm thuê tương đắc nhau về quan điểm chính trị, xác định một xu hướng tranh đấu. Nghĩa là, chí hướng chả đồng hành quái gì với tên tờ báo *uống chè nói chuyện làm ruộng, đi buôn*. Họ công kích chính sách thuế, những thủ đoạn bóp nặn, bóc lột, những lễ thói khinh rẻ người bản xứ, sự hèn hạ trong đám quan liêu.

Lệ thường, báo ra phải đưa bản đầu tiên đến Ty Kiểm duyệt, bị gạch bài nào thì đưa bài khác lấp, đến khi thấy “an toàn cả” mới in hàng loạt và phát hành. Ngay số thứ nhất tiếp quản báo, anh chủ bút hăng máu đã viết một bài nẩy lửa về tiếng bom của liệt sĩ Phạm Hồng Thái mưu sát toàn quyền Merlin ở Quảng Châu, Trung Quốc. Kiểm duyệt bỏ ngay làm Liệu phải lấp bằng một bài vô thưởng vô phạt.

Liền mấy số, cứ thấy bút danh “Đấu Nam” là bị đục. Liệu thay tên ký là “Côi Vị”, tức non Côi sông Vị ở quê nhà Nam Định, nhưng Ty Kiểm duyệt cũng chẳng để sống.

Cứ để trống những chỗ bị đục bỏ, không lấp nữa. Ta phản đối mà lại phân bua được luôn với thế gian. - Liệu bàn với Lâm Hiệp Châu.

“Bài cùn” ấy có hiệu quả. Người đọc càng thương, càng mua báo nhiều. Dù sao lúc ấy trên trường báo Nam Kỳ chưa mấy tờ nói chuyện chính trị, tranh đấu cho kẻ nghèo, quyền lợi dân tộc.

Thuê phải “lũ” chủ nhiệm, chủ bút thú dữ như thế, Lê Thành Trường cứ phát sốt phát rét. Quá bằng rước hổ về ngồi trong nhà. Dù số phát hành tăng, có lãi, ảnh hưởng báo lớn, nhưng chả bỏ bèn với chuyện phải đương đầu với các thế lực chính trị và đám phú hào. Đã bao lần Liệu, Châu được chủ báo nhắc chỉ nên mon men gãi ngứa thôi, chớ nên gây sự đánh lớn. Nhưng hầu như “*Nông Cổ mìn đàm*” số nào cũng bị đục bỏ vài ô.

Giọt nước tràn cốc là bài kiểm duyệt để lọt, tố cáo địa chủ Trần Trình Huy cậy của giết người, lấp liếm tội. Dư luận ầm cả lên làm gã công tử Bạc Liêu ức lắm. Bên ngoài đâm đơn kiện báo, bên trong nhẩn nhe đe dọa, Huy làm Lê Thành Trường mất hết kiên nhẫn với hai thằng làm loạn. Báo bị đòi lại người ra khỏi tòa soạn ở phố Pellerin.

Lại sênh nhà ra thất nghiệp, Liệu theo Lâm Hiệp Châu đến tá túc phố La Reyniere. Ăn ở nhờ bạn, còn bạn lại nương vào vợ rơi vợ hờ của một Hoa kiều ở Chợ Lớn. Thế mà hai cái mồm mới vẫn rất to tiếng đấu lý đấu luật với kẻ có quyền. Đám công chức quản lý báo chí cứ phải nghe liên tù tì những câu kiểu:

“Sao bảo tự do ngôn luận, bình quyền bình đẳng mà các ông bịt mồm người ta nói sự thật?”.

“Những tư tưởng lớn của cách mạng Pháp chỉ áp dụng bên chính quốc, còn ở đây các ông cấm ngặt chứ gì?”

Báo bị đòi nửa tháng, thì Liệu “lách” được quyển *Ngòi bút sắt*. Theo luật thuộc địa, sách không bị kiểm duyệt như báo, chỉ phải nộp sáu quyển cho Sở Mật thám, Ty Kiểm duyệt và tòa án. 24 giờ sau khi nộp, những sở, ty, tòa này không ra lệnh cấm hay tịch thu, sách được phát hành rộng rãi. Dựa vào điều này, Liệu ra báo dưới dạng sách để khỏi bị kiểm duyệt.

“Sách” *Ngòi bút sắt* lọt lưới, ra số đầu vạn bản, không nằm trên giá mà đến từng hang cùng ngõ hẻm trên tay trẻ bán báo. Đây những tin tức nóng, giọng điệu công kích mạnh mẽ, bán chạy như tôm tươi.

Nằm ở phố La Reyniere, Liệu đã có tiền đưa người đàn bà cho nương nhờ, tối tối có thịt quay ăn và cười rinh rích chuyện xỏ mũi được nhà cầm quyền. Mỗi tuần là một sự chờ đợi hiệu quả, nổi vui sướng hả hê, rồi lại lao vào chuẩn bị số sau, những cú đòn mới.

Dĩ nhiên là động đất rồi. Ra tới vạn bản, *Ngòi bút sắt* ngập tràn cả Sài Gòn - Chợ Lớn chứ ít gì. Danh tiếng “tác giả” “sách” nổi như cồn. Miếng ăn thường nhật không còn là mối lo cho kẻ sĩ nữa. Nhưng mà nhấp nhồm. Thấp thỏm đợi đòn. Được tuần nào ngày nào hay chừng đó, thế nào nhà chức trách cũng xuống tay.

Chẳng phải đợi lâu. *Ngòi bút sắt* tập 2 đang in dở ở nhà Testelin thì ông chủ hủy hợp đồng. Dem chỗ khác, họ nhận, nhưng hôm sau lại gọi hủy, mấy nơi đều thế. Và có cái thư mời, kính gửi *mơ-xi-ơ* Trần.

Sở Mật thám ở phố Catinat có cái cầu thang xoáy tròn ốc lên tầng thượng, leo chóng mặt. Trong ký ức cái chính trị phạm, đây là một sản phẩm thật thông minh của trí óc mật thám: lên

đến nơi thì đầu óc và chân tay đều bủn rủn, trí “tranh đấu” dễ nhụt vài phần. Liệu không thể ngờ mình còn phải leo lên cái chỗ chó đẻ ấy nhiều lần nữa.

Trong căn phòng rộng có bàn giấy, bộ xô pha. Người Tây có tấm lưng tròn trĩnh, ngấn ngùn chừng như không biết có khách, đang quay mặt ra cửa sổ. Sự chờ đợi gây ra tâm lý mình bị bỏ rơi, thậm chí là khinh rẻ. Mấy phút trôi qua, chừng như đòn cân não đã ngấm, “cái lưng” mới quay lại.

- A, chàng thanh niên, mời anh ngồi.

Đấy là chánh mật thám Arnoux, nụ cười túm túm, có nét hồn hậu không hợp chút nào với nghề nghiệp. Giọng Bắc rất sôi:

- Anh ở ngoài Bắc phải không? Tỉnh nào?

- Tôi ở Nam Định. - Liệu trả lời, nghĩ “các anh còn lạ gì nữa...”.

- Ừ, tôi ở ngoài ấy cũng đã lâu, rất có cảm tình với người ngoài ấy. Năm nay anh bao nhiêu rồi ấy nhỉ?

- Hai bốn tuổi.

Câu trả lời cộc lốc làm Arnoux bỏ ngay vẻ hồn hậu.

- Tôi đã nhận thư anh rồi. Tôi là một người già cả mà anh ăn nói, viết lách không có lễ phép gì hết. Anh tưởng người Tây thì không cần lễ phép ư? Người Tây cũng lễ phép lắm. A mà tôi rất thích người Bắc vì người Bắc rất lễ độ. Đâu có như anh? Hay anh định dọa tôi? - Arnoux gầm ghè, giọng đàn áp - Anh phải biết rằng trước kia làm đại lý Hải Ninh, tôi đã một mình sang trại giam khách buộc chúng phải trả lại bà đầm chúng bắt cóc đấy. Hãy thận trọng, chàng trai ạ.

“Chàng trai”, xuất thân Nho giáo, chả hề muốn nghe bài học về phép lịch sự tí nào, bèn tranh thủ lúc Arnoux ngưng lời, nói luôn:

- Vâng, nhưng mà hôm nay tôi được ngài gọi đến đây, điều mà tôi muốn biết, như đã viết trong thư, là có phải ngài đã ra lệnh cấm các nhà in cho in tập *Ngòi bút sắt* của chúng tôi không? Chúng tôi đã làm rất đúng luật nhà nước. *Ngòi bút sắt* in ra, đưa nạp bản. Hai mươi bốn giờ sau các ông không ra lệnh tịch thu, chúng tôi mới phát hành kia mà. Nghĩa là như mọi quyển sách khác, *Ngòi bút sắt* không hề phạm luật.

Vẻ hòa dịu trở lại trên gương mặt béo tròn.

Arnoux nháy mắt cười khanh khách:

- Tôi biết thừa *Ngòi bút sắt* của các anh ra sao rồi. Nó là một tờ báo trá hình. Quyển sách quái gì mà ngoài bìa lại đề giá bán hàng tháng, hàng năm, tên chủ nhiệm, chủ bút? Sách gì mà lại có các bài theo chuyên mục?

- Nhưng có ai quy định sách không được phép có các mục như ông nói đâu.

- Cứng cổ nhỉ. Lại còn giở lý nữa đấy. Nếu các anh nói gì phạm luật thì sách sẽ bị tịch thu

và người ra sẽ vào tù.

- Chúng tôi chỉ nói sự thật.

- Thì các anh cứ nói sự thật. - Viên chánh mật thám đủng đỉnh rất đều. - Muốn in thì in tôi có cấm đâu.

- Nhưng nhà Testelin đang in *Ngòi bút sắt* 2 thì họ nói ông có lệnh cấm in. Nhà Jules Việt ở Sài Gòn, nhà Á Đông ở Chợ Lớn đều bảo Sở Mật thám gọi đây nói đến. Hôm nay các ông đã nói rõ là không cấm in, thì xin cho tôi mấy chữ để nhà in họ khỏi sợ, kiếm có không in báo..., à, in sách cho chúng tôi.

Arnoux im lặng, rồi dứt khoát:

- Không? Tôi không cấm và cũng không phải viết.

Hắn khoát tay, ra điều chấm dứt câu chuyện.

Quân chó đẻ Thủ đoạn hèn hạ? Từ phố Catinat đi ra, Liệu tím bầm người vì cấm cái lệnh mờm đê mặt của Arnoux. *Ngòi bút sắt* không thể chết. Anh và bạn bè đi tới những nhà in nhỏ đang thiếu việc. Đâu cũng nhận lời trước, từ chối sau. Người của Sở đã theo họ từng bước.

Vài ngày sau, hai tờ *La Cloche Félée* (Tiếng chuông rè) và *l'Essor Indochinois* (Đông Dương đột khởi) ở Sài Gòn loan tin *Ngòi bút sắt* bị giết. Cái chết không do đao kiếm, không có máu chảy, do một thế lực “vô hình” quyết định. Rồi đồng nghiệp *Việt Nam hồn*, tờ báo có xu hướng dân chủ bên Pháp cũng đăng lại vụ này, chậm hơn.

MỚI THẬT ĐI TÙ

Xe bịt bùng tiến vào cầu cảng Lang Tó, không hú còi. Thật ra chẳng cần hú còi, vì lính kín đã xua hết mọi người trên lối xuống. Rồi cánh cửa kín mít mở, nhả ra lốc nhốc đám tù. Ai cũng tập tễnh, thâm tím, người nọ dựa người kia, đầu phủ khăn mặt trắng che chiếc sọ bị cạo nhám nhờ từ hôm ở khám Lớn.

- Đả đảo chủ nghĩa đế quốc Pháp!

- Cách mạng thành công muôn năm!

Những tiếng hô bất ngờ dội ra từ cánh áo xám.

Dù bị bịt kín tin tức, ai đó kịp loan tin tàu hôm nay chở tù đi Côn Đảo. Người nhà vẫn ra kịp để tiếp tế trao đổi một cái nhìn. Liệu có còn đường mà về...

Đứng trong bần tù, mồm hô khẩu hiệu, Liệu nhận ra vợ trong đám đông. Dù đã quen với “thứ” đi nằm khám của chồng, Tý cũng phải bật khóc khi trông thấy mái đầu lỏm chớm. Đám người nhà, như bầy gà dạn dĩ, bị xua đi lại xông vào “đống thóc”, tức là những người sắp lên tàu Armant Rousseau ra đảo.

Hai người một xích tay, họ bị dồn xuống hầm hôi hám, ẩm thấp. Phía trên là thành tàu, có những lỗ tròn hắt sáng, với tới được. Nhưng với làm sao khi chân còn thêm cái cùm.

Đã bao lần Liệu xác định cho mình một thân phận tù đầy. Anh đã “quậy” đến thế, thì lãnh đủ là đương nhiên. Chứ còn gì. Làm báo, anh đã công kích chế độ, hô hào độc lập, chơi chính quyền những đòn đau. Lập đảng Thanh niên, làm tổng bí thư, anh chủ trương chống Pháp và chống luôn đảng Lập hiến của đám đại địa chủ. Đất Nam Kỳ kể ra còn rất “độ lượng” với Liệu. Bao lần ra bót Catinat đối mặt với chánh cầm Arnoux, năm 1927 bị thống đốc Bros ký nghị định trục xuất, đã vào khám Lớn rồi lại thoát. Cái giọt nước tràn đầy cốc là các vụ khởi nghĩa Yên Bái, Phú Thọ của bạn đồng chí Nguyễn Thái Học, Nguyễn Khắc Nhu.

Đảng Thanh niên tan rã, tất nhiên chẳng ai tuyên bố - vì cứ đánh trống ghi tên là vào được, bộ ba thân thiết ly tán. Nguyễn Trọng Hy quay lại nghề dạy học. Bùi Công Trừng đi Pháp, trở thành cộng sản rồi sang Liên Xô. Chơi thân với các bạn ở Nam Đồng thư xã ngoài Hà Nội, Liệu vào Quốc dân đảng, làm đại diện của tổng bộ Nam Kỳ.

Việt Nam Quốc dân đảng thành lập chính thức tối Noel 25-12-1927 tại ngôi nhà bên hồ Bảy Mẫu ở Hà Nội, đa phần là thanh niên trí thức. Ngay hôm đó mục đích hoạt động của đảng đã thành đề tài tranh luận gay gắt. Nhóm Nhượng Tống, Nguyễn Khắc Nhu chủ trương chế độ quân chủ lập hiến. Nguyễn Thái Học (đảng trưởng), Phó Đức Chính nhấn mạnh nền dân chủ đại

nghe, còn Lê Văn Phúc, Nguyễn Hồng Sơn lại muốn đưa thêm vào khái niệm cách mạng xã hội, cách mạng thế giới. Ý tưởng của nhóm thứ nhất nhanh chóng bị gạt đi, hai ý sau được thống nhất rằng trước làm cách mạng quốc gia, sau làm cách mạng thế giới.

Trần Huy Liệu ở xa, không can dự vào những tranh luận đó, cũng chả cùng đồng chí chuẩn bị cho một cuộc “không thành công cũng thành nhân”. Năm 1930, bạo động Yên Bái thất bại. Nguyễn Thái Học và các đồng chí lên máy chém. Nguyễn Khắc Nhu nổi dậy ở Phú Thọ không thành, tự tử đến lần thứ ba mới chết được. Trong Sài Gòn, Liệu uất ức vì không được hy sinh cùng, hay chí ít là chia sẻ những nguy nan. Nhưng anh chả phải đợi lâu. Tòa án Nam Kỳ, do tình thế cấp bách, “tặng” anh cái án 5 năm cấm cố ra Côn Đảo.

Căn ngục lắt lự. Làm quen xong với bộ cùm, Liệu bắt đầu nghĩ lung. Tý cùng hai con Diễm, Vân chắc phải xé lòng khi nghe tiếng còi tàu rời bến. Đất Nam Kỳ cuu mang anh liệu có tiếp tục cuu mang vợ con anh? Liệu không hề hối đã đi theo thầy Bùi Trình Khiêm ngày ấy. ở lại quê nhà, dẫu bây giờ có thể không bị tra chân vào cùm, phỏng có ích gì nếu không lập được thân trai, không giúp được ai...

Dòng suy nghĩ vừa hùng tráng vừa lo âu bị cắt đứt khi một anh nôn thốc vào người cùng cặp cùm với mình. Như điện truyền, cả hầm tàu đầy tiếng nôn mửa. Mật vàng mật xanh ra nhơn nhớt rồi cũng hết, cứ oẹ khan từng cơn. Mùi hắc ín trộn với mùi tanh tươi thành một thứ xú tạp không thể tưởng.

*Mà sao ngoài kia trời xanh thế...
Trông trận khua vang khắp địa cầu
Riêng ai nằm xó bãi Hòn Cau
Sa cơ vẫn thẹn mình thua sức
Vì nước thêm thương bạn mất đầu.
Chưa chút công lao trong dịp trước
Còn nhiều cơ hội với mai sau
Ai về nhắn hỏi người trong ấy
Gánh nặng đường xa đã đến đâu...*

Tâm trạng bí bức lao tù, căm thù đế quốc bên ngoài dai dẳng áp vào Liệu. Suốt năm năm trời anh làm bao nhiêu bài thơ kiểu như thế, những vần thơ sau này rơi vãi khá nhiều.

Nhưng đấy chỉ là tâm trạng. Liệu không thể ngờ ra Côn Lôn, anh được hưởng một cuộc sống vật chất không đến nỗi nào. Thịt cá có lúc ê hề, gong cùm chả phải lúc nào cũng xúng

xoảng. Việc đi lại trong từng khám khá thông thoáng. Nhưng dù sao cũng là đời thẳng tù, cấm cố, khác hẳn những lúc “nắm nắp” vị khám Lớn trong đất.

Sau này ra tù về Hà Nội, Liệu “kế” lại cho công chúng đời sống ngoài đảo trong thiên hồi ký “Côn Lôn ký sự”, đăng báo rất ăn khách. Không cấm hờn chứa chất quá, cũng chả thi vị hóa, “Côn Lôn ký sự” có giọng điệu bình thản, tỷ mỉ những chi tiết nhân bản.

Nụ cười ở trong nhà tù nhiều khi rất có ý nghĩa. Trong đầu óc chứa muôn vàn những nỗi đau đớn cùng muôn vàn những điều căm tức do một cuộc thất bại gây nên, gặp nhau muôn ôi nhau mà khóc nhưng lại thay cho trận khóc bằng một nụ cười. Người nhận nụ cười ấy thấy như bị một luồng điện truyền khắp mình, cũng trả lời bằng một nụ cười khác. Những người ở xã hội ngoài thường được tiếp xúc với nhau một cách dễ dãi nên trong khi gặp nhau ít gây cho nhau được cái cảm giác sâu xa, chớ những người ở trong nhà tù, năm chùng mười họa nhờ cái khe cửa hay cái kẽ vách mà xa nhau có dịp gần nhau, thì cái giờ khắc ấy không thể lấy tiền bạc mà đánh giá được. Lắm lúc gặp nhau ở tận xa xa, chỉ được trông thoáng nhau coi vóc người gầy hay béo, sắc mặt buồn hay vui để đoán sức khỏe cùng tinh thần của nhau. Lắm lúc mình trông thấy bạn mà bạn không trông thấy mình, cũng cứ việc nhìn cho tới khi không còn tăm bóng .

Năm năm trời ấy, Liệu đã chuyển từ lập trường Quốc dân đảng sang Cộng sản, dù trong xương tủy anh vẫn là người “Dân tộc chủ nghĩa” như luật sư Monin đã “định danh” hồi còn ở Sài Gòn. Anh có khối rắc rối sau này vì sự thay đổi ấy.

Âm mưu vượt biển, tìm tri âm mới, so đo lại tư tưởng, tình cảm là sinh hoạt thường ngày. Nó còn sôi nổi, bận tâm trí hơn nỗi lo đối phó với đám cai ngục rất nhiều. Không ngờ là Liệu lại khỏe ra, rắn rỏi hơn những ngày trong đất, trừ lần ngã...

NGƯỜI TÙ CHĂM HỌC

Khám Lớn Sài Gòn đã vào đêm. Ngọn đèn hành lang soi lờ mờ bóng người lính gác bất động. Thỉnh thoảng anh ta đứng dậy, xốc súng đi rào qua các phòng giam. Tiếng ngáy, tiếng chép miệng, nghiêng răng như một bản hợp xướng kinh khủng, khúc “sô lô” là tiếng rên của người bị đánh ban ngày.

Mò mẫm trong xó tối, Liệu lôi ra mảnh báo tiếng Pháp. Lợi dụng ánh đèn ngoài kia, và lúc người lính gà gật, anh đứng hẩn dậy xem. Đến một chỗ ngắc ngứ thì ngẩn người ra, cứ thế tần ngần, cuối cùng Mò mẫm đến cuối phòng, lay người dợc sĩ bị bắt vì tội làm thuốc giả.

- Nay, hỏi tí đây. “Anh-đê-păng-đăng-xơ” là gì?
- Là “độc lập” - người dợc sĩ lâu bầu, trở mình ngủ tiếp.
- Nhưng “anh-đê-păng-đăng” cũng là “độc lập” kia mà...
- Một đăng là tính từ, một đăng là danh từ. Còn gì nữa không?
- Còn một đoạn nữa nhưng tối quá.

Tiếng thì thảo làm vài người thức dậy. Góc bên kia có tiếng cầu nhàu:

- Thôi bố trẻ ơi, để chúng con ngủ ạ.
- Rõ là con mọt, đêm xuống mới cót két.
- Đ. mẹ thẳng nào phá giấc ông... Mai cho một trận?

Một thường phạm nổi cáu làm Liệu lo lắng, lui về chỗ. Cái bọn chuyên lấy đấm đá đập làm cơm ăn nước uống hàng ngày, anh ngán lắm, dù ngoài kia có lúc chỉ huy cuộc mít tinh cả vạn người. Mảnh báo lại bị dúi vào xó, để mai lôi ra.

Ấy là vào năm 1927, những hoạt động chính trị tạm lắng xuống với Liệu. “Lắng xuống” vì anh phải nằm bót sáu tháng, “trận phủ đầu êm dịu” của chánh cấm Arnoux với kẻ quậy phá nguy hiểm.

Nhưng khám Lớn có cái hay, là chỗ để bồi bổ sự học. Liệu rất tự tin khi dùng tiếng Việt và chữ nho, nhưng lỗ mỗ về tiếng Tây. Vào khám thiếu tự do mà anh không phát điên, có lẽ vì nhờ cái đức “mọt sách bẩm sinh”.

Vào Nam Kỳ, xứ thuộc địa Pháp, sinh sống, thực hành chí hướng đều bằng chữ nghĩa, Liệu thấy có quá nhiều thứ mình còn thiếu. Thực dân sang đây đô hộ người Việt, đặt chế độ cai trị tàn ác khiến anh căm thù. Nhưng nước Pháp - với tư tưởng “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”, những nhà triết học của thế kỷ Ánh Sáng - hấp dẫn anh. Trước đó, những “tinh thần pháp luật”, khế

ước xã hội”, rồi nay là “Tư bản luận”, “Lịch sử tiến hóa nhân loại”, “Lịch sử tư tưởng thế giới”... anh đã đọc qua tiếng Hoa của Thương vụ ấn quán Thượng Hải. Nhưng chỉ là ông đồ non mà làm báo ở Nam Kỳ thì thiếu hụt quá.

Thời làm chủ bút *Đông Pháp thời báo*, Liệu lấy tin khá nhiều ở báo chữ Tây. Trước khi đưa người biết dịch, anh hay tò mò “điểm” những từ quan trọng, đoán nội dung tin, hễ khớp với bản dịch mà thấy mình mò đúng thì khoái chí lắm. Liệu nhất định phải học tiếng Pháp. Không hệ thống cũng được. Nhưng lúc thì “cày” một nghìn ba trăm chữ về đám tang Phan Chu Trinh, lúc vợ đòi sữa cho con, đành chịu. Có ai ngờ được tập trung để học mà cũng khó thế.

“Dịp tập trung” ấy là sáu tháng khám Lớn ông Arnoux dành cho. Thầy dạy có thừa. Bạn tù giỏi tiếng Pháp rất nhiều, dư thời gian và sẵn sàng bảo học, có khi hai ông thầy cãi nhau trước mặt trò.

Khó hơn là tài liệu. Sách vở giáo trình thì Tây cấm ngặt. Đành gom nhặt những mẫu báo gởi đồ tiếp tế, “nghiên cứu” rồi đem hỏi, có khi “nghiên cứu” cả trong hố xí. Bên ngoài, Tý rất chịu khó gửi cho anh những gói đồ tiếp tế mà báo gởi nhiều hơn cá khô, muối lạc.

- Từ này nghĩa là gì?
- Trật tự câu này thế nào?
- Mệnh đề nào là chính?

Cái mạnh của Liệu là kiến thức chính trị, kinh nghiệm sống. Thầy giáo bổ sung nghĩa từ, giảng văn phạm là anh “thủng”, trước biết ý nghĩa câu văn, sau có thông tin về ngoài đời.

Sang năm 1929 lại có dịp tập trung lớn, lớn chưa từng thấy, tòa Nam Kỳ cử đi bồi bổ kiến thức.

“Khóa chuyên tu” dài những năm năm, “trường” biệt lập, không có vợ con eo xèo, đám nặc nô đòi nợ, cũng chả lo viết báo kiếm sống. “Trường” Côn Đảo cách đất hàng trăm cây số, Liệu được phân về “lớp” Hòn Cau còn hẻo lánh hơn, tha hồ tập trung.

Côn Đảo tuy xa nhưng không phải không có liên lạc. Nhân vợ một mã tà về Sài Gòn, Liệu nhắn Tý đang bán rau ở chợ Bến Thành gửi cho quyển từ điển Larousse. Thay cho những mảnh báo tiếng Tây, anh có hẳn người bạn nhỏ đầy cộp, cầm nặng tay, có điều giấu giếm khó. Một chương trình nghiêm ngặt được đề ra: mỗi ngày học 200 từ với đầy đủ nghĩa đen, nghĩa bóng, nghĩa rộng. Gốc dừa, vườn chuối, bãi cát là vở, mẫu gạch, khúc que là bút, đầu đầu cũng chỉ chít chữ viết. Trong một tháng, Liệu học được 6000 chữ. Nhịp độ “nhồi” sau đó chậm lại vì cái đầu đã “đầy” dần. Hai năm ở Hòn Cau, vốn tiếng Pháp của anh tăng vùn vụt, chỉ trừ sáu tháng nằm

liệt vì chuyển rong chơi xuống hang yển.

Có lần bạn tù trêu, thách Liệu nhớ hết nghĩa của một từ rất hóc hiểm. “Lời giải” đâu ra đấy làm anh em phục lẫn, gọi anh là “tự vị sống”. Dường như chả biết sốt ruột, bí bức là gì, “nhai” từ điển chán, Liệu tấn công sang sách, từ chính trị sang văn học.

Nghiền “Tội ác của Sylvestre Bonnard”, một tuyệt tác của Anatole France - đến mười lần, anh điên cả người vì chưa cảm nhận được cái hay trong câu chữ.

Do cách học đặc biệt này ở “trường Côn Đảo” mà khi “tốt nghiệp” anh học trò đã đọc hiểu thông, viết chưa thạo, còn nghe và nói không được chuẩn. Nhưng thế cũng đã đủ để xông vào trường văn trận bút sôi nổi sau đó.

Cảnh tù ngục bí hãm sinh ra cho con người những phẩm chất tuyệt vời. Ông đồ non nhất định phải học tiếng Tây và vẫn nhất định phải làm báo.

Là thư ký tòa soạn “Hòn Cau tuần báo”, Liệu góp bài với “Tiếng sóng bể”, “Bàn góp”, những tờ báo viết tay độc nhất vô nhị trên thế giới. Đây cũng là thời kỳ mạnh mẽ nhà viết sử tương lai. Dựa vào trí nhớ, anh viết về cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên (1917), khởi nghĩa Yên Thế. Bạn tù Quốc dân đảng Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Phúc, Nguyễn Phương Thảo (sau này là trung tướng Nguyễn Bình) xem và góp vào đấy khá nhiều ý. Bên “phe” Cộng sản, Ngô Gia Tự, trước cuộc vượt biển bất thành, đã bao đêm ngồi ngoài bãi cát nghe anh tâm sự về mộng viết sử. Trần Huy Liệu không thể ngờ rằng sau này, sau những tột đỉnh vinh quang, thăng trầm trên đường đời còn là cái có để anh trở thành người viết sử chuyên nghiệp.

CÚ NHẢY

Tết Tân Mùi 1931 không ngờ lại khá nhòn mép. Rượu, thịt, hoa không thể nói là ê hề, nhưng những gì nuôi trồng được trong vườn, chuồng, đã tiếm tiệm lắm rồi. Tiết canh vịt, tiết canh chó nhắm rượu nấu lấy ngay từ mồng một; đời tù còn có gì mà kiêng chứ. Rau tươi thì tha hồ, do đất đai và công sức không thiếu. Về tinh thần, những buổi ca bài chòi, thi làm vè câu đối, liên hoan văn nghệ rất sung túc. Sau tuần rượu thịt, không muốn ngủ trong khám hầm hập hơi người, tù “vương vãi” ngoài bờ đá, bụi cây, có người ra tận mép sông, chả biết mơ mộng hay thẩn thức. Hòn Cau rộng và thoáng lắm, sẵn tre gỗ đóng bè, nhưng vượt biển về đất thì không dễ tí nào. Ngoài kia, ngoài xa ấy, có những dòng nước quẩn, không phải sức máy đổ đi tiếp. Vài chuyến xuất phát êm ả, hôm sau lại thấy quay về. Bởi vậy lính coi ngục chả bao giờ lo tù trốn.

No cơm ấm cật mà không giậm giật chân tay thì cũng cuồng người. “Tòa soạn” “Hòn Cau tuần báo” bèn xướng lên chuyến chơi xuân, mệnh danh là “Cuộc du lịch vòng quanh thế giới”. Nó có nhiều ý nghĩa những đại loại tựa tựa như trong đất, anh em sau khi vào cao lầu Chợ Lớn thì kéo nhau xuống Xóm Lách làm châu bài chòi.

Đích được nhắm là phía trái đảo, sau mỏm Bồ Đề, sườn núi dốc tụt ngay xuống biển. Cái chỗ hiểm trở vô cùng ấy nhiều hang hốc không thể leo lên được, mà leo xuống cũng vô phương. Mùa thu, chim yến từ phương Bắc xa xôi vượt cả vạn dặm biển về đây nhả dãi xây tổ, đến lúc ấm áp lại bay đi cả đàn.

Tổ yến bằng lông và dãi, hình như có cả máu chim nữa, người mơ mộng trông xa bảo như cánh hoa hồng dính vào vách đá.

“Đoàn du lịch” dù được miễn phí, được cả một tờ báo làm “quảng cáo”, rốt cục chỉ có bốn tên ghi danh: Phạm Tuấn Tài, Đào Khắc Hưng, Hoàng Trác và Trần Huy Liệu. Mồng sáu Tết, vào đúng chủ nhật đoàn khởi hành, người đi tiền tặng nào hoa nào thơ dậy mùi lắm. Liệu xốc túi cơm nếp và nước uống buộc quanh người, lấy bộ điệu kịch sĩ vẫy chào anh em:

- Ở lại mạnh giỏi nhá. Đến châu Mỹ chúng tớ đánh điện về. A này Di, “Hòn Cau tuần báo” số tới dừng trình bày hết, để lại một chỗ cho bài tường thuật chuyến du lịch nha.

“Thế nào cũng có cả thơ nữa đấy”, Liệu vút lại câu cuối cùng rồi rào cẳng theo bạn đồng hành. Sau lưng anh, con chó mực vẫy đuôi sủa nhăng nhặng.

Đến chỗ vòng qua mỏm Bồ Đề, cả bọn đứng lại vẫy chúng bạn thêm một lần nữa. Trên đầu là bầu trời xanh. Màu của tự do đấy ư?

Núi đất thoai thoải đã hết. Giờ là đá lô xô rất khó đi tuy chưa dựng đứng như thành vại. Chân dò dẫm tìm chỗ đặt, tay chống gậy lấy thăng bằng, ai nấy thở như kéo bễ. Cũng may gió chẳng bao giờ thiếu, bay hết mồ hôi. Nhưng nhìn xuống bể thì hãi quá bởi vậy cả bọn đều gằm mặt xuống đá. Cái tư thế lò dò ấy rất chóng mỏi. Trưa đến, tìm được chỗ thoải tầm tạt, mọi người cùng nhất trí hạ trại. Đồ ăn thức uống dọn ra. Nhìn quanh không thấy con chó mực đâu, ai cũng cười chê nó “ngại khó”.

Hung hề hề:

- Kỳ này lấy được mấy tổ yến, cầm bằng chúng mình là vua. Chả tiến đi đâu, tiến ngay cho mình...

- Chả dễ xơi. Không có dây với quang treo thì chỉ có mỗi cách đăng vân.

Câu nói của Trác làm Hung cụt hứng. Trác ra trước cả bọn, biết nhiều chuyện hơn. Tỷ như đi lấy tổ yến thế nào, nghe rợn cả người. Lũ Tây ngoài đảo cũng hủ lậu, năm nào cũng kiếm tổ yến nộp cho cấp trên trong đất, cố nhiên không phải bằng công sức chúng. Giá tổ yến tính bằng mạng tù. Từ trên đỉnh núi, người tù được thả xuống vách bằng quang treo, cổ đeo túi, tay cầm đèn mò mẫm cây tổ, không còn gì mới được kéo lên. Thằng đội Bốn chỉ huy nhóm khai thác rất ác, bắt người leo xuống tụt bỏ hết quần áo để không giấu giếm tổ vào đâu được. Lấy được bao nhiêu chiếc đều phải ghi vào biên bản cẩn thận, tổ yến quý hơn vàng mà.

- Tớ không nhìn thấy bao giờ, chỉ nghe kể, nhưng hình dung lại đã rợn tóc gáy. - Trác nói.

- Nhưng xuống được tổ yến một phen thì có gãy chân cũng thỏa... Chuyện kể hết đời không hết, nhỉ.

Nghe Liệu bảo thế, Tài xua tay phỉ phui cái mồm, và giục lên đường kéo lại căng da bụng chùng da mắt.

Đường mỗi lúc mỗi khó. Nhiều đoạn phải bò. Mắt, tay, chân cứ căng ra mà bám, dò từng bước. Mồm mũi tranh nhau thở. Vì quá nguy hiểm nên ai cũng cẩn thận. Vòng vèo hơn trăm mét, ra được chỗ bằng hơn, hết căng thẳng rồi, thì thật là sung sướng. Đó cũng là lúc tai họa ập xuống.

Cái tảng đá Liệu tì gậy vào để tìm chỗ đặt chân ấy trông vững chãi, nhưng đất bên dưới đã bị nước mưa đêm trước xói nhẵn. Sức nặng làm nó long ra. Liệu mất đà nhào xuống.

Ba người đồng hành thấy anh bay một đoạn, rơi huych xuống đất rồi lại nảy lên. Vừa nảy

vừa lẫn, đến một lúc thì ngừng lại, nằm như bao thóc. Sợ hãi, bất lực, Hưng, Tài, Trác nhìn theo mếu máo.

Chết chứ còn sống thế nào. Bỗng từ tám mươi mét phía dưới, “bao thóc” động dậy, tay chân vẫy vẫy, ới lên rất yếu ớt. Chưa kịp nghe ra lời, họ thấy máu trong đầu Liệu phọt ra, phun cao đỏ ngầu. Rồi im hẳn. Những người tù lập tức quay về khám.

Gần tối thì Liệu lơ mơ, rồi tỉnh trở lại. Dưới lưng anh bập bênh, dằng dịt cái gì, hình như là tấm võng đan bằng cây leo không biết đã tự bao nhiêu năm. Liệu gắng nhúc nhắc nhưng chỉ được cánh tay. Cổ chân sưng to bằng cái lọ, mỗi lần đập dình chỉ muốn hét lên. Khát quá. Xé họng. Nhưng Liệu chỉ có máu, máu dính bệt bộ quần áo vào người. Lo vô cùng. Nhớ bộ võng thiên nhiên đan dệt dưới lưng không chịu nổi sức nặng ngoài bốn chục ký.

Bên trên vách đá lấp ló những tổ yến, đứng dậy với tay ra là cạy được. Dưới lưng, biển xô sóng hung dữ vào bờ đá, ngã xuống không chết đuối cũng vỡ đầu.

Đêm nay ngộ nhớ không có ai xuống cứu, ta chết khát mất...

Nhưng những lo sợ với “ngộ nhớ” ấy còn xa xôi quá Những tiếng “quà quà” xôn xao đều đều trên đầu, ngay bên cạnh làm Liệu lạnh người. Đàn cắc ca, loài chim ăn thịt, đánh hơi máu tanh đã sà xuống. Chúng nhảy chuyền, kêu mãi những tiếng trầm trầm xào xạo, hẳn là đang đợi bữa tiệc. Cái “xác chết” này sẽ bị rửa thịt, móc mắt, rút từng mảnh moi giập ra... Không thể được. Liệu cố gắng lấy hết sức kiệt vẫy vẫy bàn tay, tỏ cho lũ ác điều biết “nó” vẫn còn sống. May là đàn cắc ca không sà xuống, vì Liệu không thể chống cự, dù chỉ đôi ba con. Tối mịt thì chúng bay đi.

Liệu đã có thể nghỉ. Đang thêm thiếp thì nghe “hú” trảng dài trên đỉnh núi. Dù chết đến nơi, anh dồn hết hơi hú lại.

- Còn sống. May quá anh em ơi còn sống.

Tiếng reo dội lên trên núi. Đám đông đốt đuốc, dòng dây thả Nguyễn Phương Thảo và Phạm Hữu Phùng bám vào vách đá lần xuống. Thảo vốn là dân anh chị Hải Phòng, gặp Liệu rất phục, coi như một “đại ca”, cố nhiên không phải về võ nghệ. Giờ đàn anh gặp nạn, kiểu gì Thảo cũng phải xuống tận nơi. Hạ xuống “võng”, họ cho Liệu uống nước, thận trọng gói anh vào chăn, buộc lại cẩn thận để bên trên kéo lên. Trong ánh đuốc chập chờn, thẳng lành khiêng thẳng què, cả bọn trông như một đám ma tới nghĩa địa, cái nghĩa địa có sự sống.

Nghĩa là đã thoát chết. Nghĩa là Liệu đã được thiên nhiên vĩ đại che chở, giật lại từ tay tử thần. Nhưng anh sẽ sống thế nào với hai lỗ thủng sâu hoắm trên đầu. Không ai nói ra, nhưng Liệu đọc được ý nghĩ này trong mắt mọi người: cái trí thông minh này hỏng mất rồi. Để thử xem nó có hỏng thật, Liệu bèn bảo Hoàng Thúc Di lại, đọc cho bạn chép bài tường thuật “chuyến du lịch vòng quanh thế giới có tiết mục nhào lộn” đưa “Hòn Cau tuần báo”.

Non nước trông vời đã bấy lâu

Nhào lặn một chuyên dám kêu đau

Mấy lần hang thăm chim chào khách

Trăm thước non cao đá thử đầu

Đổ máu vẫn chưa nhòe vết cũ

Nằm gai còn tính những mưu sâu

Vang trời hú với ai đồng chí

Nhiệm vụ chưa rồi dễ chết đâu.

Lại còn thơ nữa chứ. Đúng niêm luật và vần hài hước, ý chí “ra gì”.

Liệu được ra nhà thuốc nằm, do anh Đàm, một y sĩ nhà binh Pháp, cùng chân tù coi sóc. Nhờ mấy lá cao và thuốc lá, hai lỗ thủng trên đầu đầy thịt dần lên. Được một tuần, đang ngồi, bỗng máu phọt thành vòi xuống đầy mặt. Đàm chạy vội đến nhưng không biết làm thế nào cho nó cầm lại. Lần này Trần Huy Liệu chết thật rồi.

Đang trần trối chịu trận, ông bếp Ngọc chạy lại. Ông bảo thế là may. Hồi nấu ăn cho cụ Đề Thám, ông đã thấy mấy nghĩa quân bị như vậy, rồi đều bình thường trở lại. Bằng không ra, máu độc đọng lại trong đầu, đến trời rét nó sẽ hành cho đau đến chết thì thôi.

Ông bếp Ngọc nói đúng. Hai lỗ thủng hàn kín miệng, thành sẹo lớn trên đầu. Liệu nghĩ ngợi, học hành vẫn sáng láng. Có điều chân sái không vào khớp được nữa, thành thử đi “chăm phẩy” suốt đời.

NGƯỜI TÙ ĐA CẢM

Đời tù ở Côn Đảo đi đâu thì cũng vẫn trời nước bao quanh, vượt ra ngoài chút chút đã mệnh mông trùng dương đầy nguy hiểm. Bởi vậy, những chuyến tàu tiếp tế lương thực thực phẩm, mang tù mới ra, chở tù mãn hạn về, cùng những cánh thư, sách báo kèm theo đều là sự kiện lớn.

Đảo đã có dân, lập nhà thương, bưu điện, nhà thờ, vài trụ sở dân sự phục vụ bộ máy quản lý. Tiệm buôn không có, trừ cửa hàng tạp hóa tối cần thiết của một người Hoa, có phép của chúa đảo. Năm 1933, Liệu nhận tin tàu Sài Gòn ra mang theo lời thăm hỏi của bạn bè trong đất.

Người chuyển những lời nhắn quý báu ấy là Phạm Thị Hồng, cô hộ sinh người Bắc, đến nhận công việc ngoài đảo với mẹ già và người em họ tên Phạm Thị Bách.

Tù chính trị “đời mới”, như đám Quốc dân đảng của Liêu hay Cộng sản của Ngô Gia Tự, có khác với các cụ “đời cũ” thời Duy tân, vô khám, dù khám giữa trời nước, còn có thể nghĩ đến ngày về. Họ không bị dập tắt ý chí, còn giữ nguyên lý tưởng về dân, về nước. Gặp chỗ thích hợp, họ tìm cách gieo cái “mầm” ấy xuống. Phạm Thị Hồng chưa từng chính trị chính em gì nhưng đã tình nguyện làm một cánh thư cho đám cách mạng, thời là người tốt, vậy nên bắt vào. Vả chẳng được trò chuyện, dù cách mặt, cách hẳn lời - với phụ nữ sung sướng lắm. Hồi xem kịch ở khám II Côn Lôn, Liêu còn viết cả mười trang thư đến anh tù đóng vai nữ để gửi lòng mình kia mà. Tình cảm, dù là tình gia đình hay những luyến ái lãng mạn nếu không có chỗ trút, thể nào nó cũng nổi loạn.

Liêu viết cho Hồng những bức thư cuốn tổ sâu, đặt trong cống rãnh, cầu tiêu, lỗ cửa khám sát với nhà thương. Cũng theo đường ấy, sách vở “bò” vào, mang theo vô vàn niềm vui. Nhân đọc một quyển sách nói về phụ nữ, Liêu thảo luận với Hồng về cách nghĩ cũ kỹ trong đó. Không ngờ cô khán hộ lại rất mạnh bạo trong quan niệm nữ quyền. Từ đây, “búi chỉ” tình cảm tỏ dài mãi ra, nào chuyện thời tiết, bãi cát vích bò lên đê, nào chuyện cách mạng, những tên tuổi, sự kiện, hôm nay vợ mã tà Lịch sinh con trai hai cân chín... Hồng dần dà chịu ảnh hưởng tuyên truyền, còn anh tù sung sướng thấy có người ăn nhờ mình.

Sáng nào cũng vậy, nghe tín hiệu gõ vào thùng phân của người “giao thông”, Liêu lập tức chạy ra xem có thư không. Cô hộ sinh chắc vui tính, vì ký tên là “Thần giết thời giờ”, có ý làm khuây khỏa cho mấy anh tù. Còn Liêu ký “Hải Khách”, người bất đắc dĩ phải làm khách chốn trời biển. Sau những “nhân sinh”, “thế giới quan” nghiêm trang đến nhàm chán, họ chuyển sang thơ phú. Hồng đi chơi đảo, tắm bể, sinh tình làm thơ, nhờ Liêu sửa chữa.

Kể thì còn non nớt, không khỏi có chữ bấy tứ mòn, nhưng làm Liêu hứng khởi vô cùng. Đang thẳng tù lại có người đụng đến sở trường của mình mà. “Bản thảo” được thêm bớt, nhiều chỗ tả cảnh tả tình, làm ra vẻ anh đang đi chơi cùng cô. Rồi dưới những dòng chữ quen thuộc gửi từ nhà thương vào có tên ký mới: “Nam Hoa”, thỉnh thoảng kèm theo một gói bâng quả. Vậy là thứ quả hiếm hoi trong sân nhà thương, ngoài tác dụng bổ sung vitamin, chữa tiêu chảy cho người đang trong chỗ khó, còn làm ngất ngây anh đàn ông đa cảm. Vị chất đọng lại trong lưỡi, sao mà tê mê đến vậy.

Những tâm tư đương tràn ngập tìm được chỗ trút giống như dòng nước cứ tuôn trào. Lúc

“bên ngoài” muốn biết “bên trong” trải qua một ngày sống thế nào, liền được đáp lại hẳn bằng một thiên nhật ký ghi tỷ mỉ 24 giờ. Liệu vừa đọc “Lời sám hối của một đứa trẻ thời đại” của Alfred de Musset, thấy sao mà hợp với lòng mình vậy, đã xuất thần trong con chữ. Dễ hiểu là anh đã gặp sự đồng thanh tương ứng đến nhường nào từ “ngoài kia”.

Tuy vậy, có một ý nghĩ, có thể là khó hiểu với nhiều người, là anh muốn trì hoãn cái giây phút gặp mặt sau bao nhiêu cách lời lại, càng lâu càng tốt. Nặng lòng, cảm thấy không phải với người vợ trong đất quá chẳng? Sợ rằng mình đang trong lao tù, được cả một tấm tình cảm nặng trĩu nó áp lực lên thì nặng quá, không “mang” nổi chẳng? Tất cả đều có thể. Nhưng chắc chắn Liệu có cái quan niệm giữ lại những ấn tượng tốt đẹp đó, để ủ cho dậy men, thời hạnh phúc hơn, ấn tượng cũng bền hơn. Anh sợ cho cái đẹp mong manh sẽ tan biến lúc “mục sở thị” nhau, chẳng thà cứ để nó tồn tại trong tưởng tượng là hơn.

Thực tế sau này đã cho thấy cái chủ ý đánh “lừa mình” ấy của Liệu sáng suốt. Anh đã giữ được những cảm giác êm đềm, đẹp dễ trong suốt những ngày lao tù, để rồi khi được sống ra, cái hạnh phúc ở bên nhau bằng xương bằng thịt càng lớn.

Không nhiều, nhưng đã trên một lần họ có cơ hội thấy nhau. Liệu đã thả bàn tay ra không nắm nó lại. Một dịp lễ “Cát tó” - quốc khánh Pháp, đám quản giáo muốn tạo không khí nhẹ nhõm, cho phép tù chơi “văn hóa văn nghệ”. Chính trị phạm ở khám II diễn “Người biển lận”, hài kịch của Molière. Xem xong thì được ra sân chơi. Bên ngoài cánh cửa sắt là hàng quà bánh của vợ mã tà bán, có một người trông phong độ có vẻ là “Thần giết thời giờ”. Được anh em báo lại, Liệu ngần ngừ chả dám ra, rồi cũng đến lúc “bóng hồng” khuất. Nếu giả xưng làm con chiên để mỗi sáng chủ nhật được ra nhà thờ thời có cơ gặp nàng, Liệu cũng có thể nhưng lại chả làm. Hoặc khai có bệnh để ra nhà thương, nơi Hồng rất ân cần với tù chính trị. Thiếu gì cách để ra bệnh, ví như ngâm nước nóng trong mồm, phình má ra đoạn đâm vào mang tai, mặt sẽ sưng to ra, ứng đỏ như người mắc quai bị. Quai bị là bệnh lây, nguy hiểm rồi, thầy thuốc cho ra nhà thương, cách ly luôn.

Liệu chả làm theo những cách ấy. Con người tranh đấu trong ông, đối diện với một tâm hồn non tơ đầy trắc ẩn và nhạy cảm đã nhường chỗ cho chàng thi nhân lãng mạn. Liệu sợ thực tế phũ phàng, rồi lại thất vọng như Mị Nương gặp Trương Chi chẳng? Hoặc giả người ta lại thất vọng; mình đã chẳng kèm nhèm đôi mắt, lúc này lại bắn thiu hoi hám. Chẳng thà cứ chỉ nghe tiếng sáo mà vọng về nhau được mãi...

Nhưng đã có lúc Liệu phải tiếc cho sự cố chấp cố tình của mình. Hồng bị khám nhà, thăm

vấn vì một gói quà trong đất chuyển đến theo đường bưu điện, đề tên cô và nhờ gửi cho một tù chính trị. Có sự liên hệ trái phép nào thì gia đình người ta mới cậy giúp như thế chứ. Liệu cuống lên. Hồng có làm sao, nhớ mà không đủ khôn khéo hay cứng cáp để đương đầu... Nhưng anh lại chỉ có thể tỏ sự quan tâm bằng thơ, cái thứ vô tích sự nhất trên đời, bài “Vườn hồng mưa gió”.

*Lơ lửng vườn ai một đóa hồng
Đêm qua mưa gió có gì không
Nhớ nhung bạn mới ngoài song sắt
Phảng phất hồn hoa giữa giấc nồng*

...

*Nóng lòng chờ đợi tin xuân đến
Thăm lại vườn xưa viếng chư ông*

Thơ họa lại từ bên ngoài cho biết vườn có bị gió mưa nhưng hoa hồng không bị tổn thương. Và cũng chả có “chư ông” nào ở đây sắt. Hai “thông tin” đủ làm ngáy ngất tấm lòng đang rung rung của anh tù lãng mạn.

Những ngày dịu ngọt đến mê mê ấy đã kéo dài với tôi đến gần một năm thì Hồng có lệnh đổi về Sài Gòn. Có cần gì phải nói nhiều những quyến luyến trước lúc chia phôi! (Tôi muôn tìm mấy chữ khác, nhưng không được). Và những tâm tình dăm ba dạn trối lên trong những bài thơ xướng họa.

...

*Đôi ngả quan san người dẫu cách
Mấy thiên tâm sự bạn như gần
Xa nhau, vội hẹn ngày sum họp
Cái nợ trăm năm trả trả dần*

Và cũng trong dịp “giai nhân một đi không trở lại” này, tôi đã nói rõ với chị Hồng biết Hải Khách là ai và mấy lời giới thiệu với vợ tôi lúc ấy đang ở Sài Gòn.

Ngày chị Hồng bước chân từ Côn Đảo xuống tàu về Sài Gòn là ngày nào tôi đã quên mất, chỉ còn nhớ là 8 giờ sáng ngày thứ ba. Một hồi ba tiếng trông báo hiệu tàu chạy hòa nhịp với tiếng đập của trái tim tôi như vỡ lồng ngực. Tối hôm ấy tôi nằm lịm trên chiếc sà xi măng không chiếu, nghe một ông bạn già nằm bên gối phách hát bài Tỳ bà hành đến câu:

*Đông thi thiên nhai luân lạc nhân
Tương phùng hà tất hồi tương thực
(Cùng một lứa bên trời lận đận
Gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau)*

Câu hát tình cờ ấy đã thấm sâu vào lòng tôi bấy giờ. Thế mà cho đến ngày tôi viết thiên hồi ký này tôi và Hồng vẫn chưa một lần gặp mặt nhau.

(Hồi ký Trần Huy Liệu. NXB Khoa học xã hội 1991. Tình trong ngực tối)

Những hồi tưởng trên, Trần Huy Liệu ghi lại giữa núi rừng Việt Bắc, khi đang “ngồi chơi xơi nước” trên những cái “ghế” có chức danh rất kêu.

Tại sao Liệu không gặp mặt Hồng ngay, ngoài lý do “ưu tiên cho sự tưởng tượng lãng mạn” nêu trên?

Tại sao ông muốn cô hộ sinh trẻ gặp mặt người vợ rất mực giản đơn, thuần phác, một mực hy sinh cho chồng của mình?

Chả thể nào nói rõ ra. Tất cả chỉ là dự cảm. Có thể Liệu coi Hồng như em gái - cái điều quá dễ “xác định”. Cũng có thể ông đã hình dung Hồng như người sau này sẽ làm bề em sau người vợ cái của mình. Và ông sẽ cùng chẵn gối, mơ mộng với cô.

Nhưng tất cả mọi tưởng tượng lúc này đều còn quá nhỏ nhoi so với những gì diễn ra sau này.

- 10 -: HAI CỤ PHAN

Trong tâm trí những thanh niên yêu nước, Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh là những tên tuổi thật đậm đà. Về mặt tư tưởng, các cụ thực tiễn, tiến bộ hơn hẳn những sĩ phu đồng trang búi tóc củ hành chỉ biết tụng Thánh hiền, ghét Tây thì bài trừ luôn những tiến bộ của thế giới. Dân trí đi trước hay độc lập đi trước, dựa vào Nhật cùng máu đỏ da vàng hay tự lực bằng ý chí để đuổi thực dân... , đó là những điều quá rắc rối với những ai chỉ có bầu nhiệt huyết sôi sục. Nhưng cái điều đưa cả trăm thanh niên ưu tú Đông du để học lấy kỹ nghệ tiên tiến thì quá hấp dẫn. Ngoài đường đi nước bước, hai cụ còn đầy đức hy sinh và tinh thần quật cường, chịu đựng lao tù thống khổ không sờn chí. Tài học, nhất là tác phong sống của họ cũng là cái để lớp hậu sinh noi theo. Liệu rất thích “chi tiết” nhà ái quốc Phan Bội Châu còn là một khách đa tình, được tổng đốc Thượng Hải nể phục, có lẽ vì có cái gì đó “giống” anh.

Kính trọng khi ở xa xa. Nhưng lúc gần gũi lại không hẳn như thế. Những năm hai mươi, viết chung một tờ báo, ở cùng nhà, hai anh bạn Trần Huy Liệu và Sông Hương (Bùi Công Trùng) đã choảng nhau ê hề vì mỗi anh thích một cụ.

Chẳng hạn, Trùng khen:

- Anh đã nghe cụ Tây Hồ (Phan Chu Trinh) diễn thuyết chưa? Hai bài “Đạo đức luân lý Đông Tây” và “Quân trị và dân trị” nghe mới sướng làm sao...

Thì Liệu bẻ lại:

- Anh thấy *Đông Pháp thời báo* đăng bài thơ cụ Sào Nam (Phan Bội Châu) tặng trạng sư Bonard bán chạy thế nào không?

Trạng sư Bonard cãi cho Phan Bội Châu trước tòa đại hình Hà Nội, khiến Tây phải giảm tội, đưa cụ về an trí ở Huế. Thời kỳ “ông già Bến Ngự” bắt đầu từ đấy. Hôm đăng bài thơ trên, hơn vạn bản *Đông Pháp thời báo* bán hết veo, trẻ bán báo kiếm khối tiền nhờ cho những người chậm chân thuê báo xem lại.

Hai ông trẻ nghèo tiền bạc mà giàu nhiệt huyết cứ cãi nhau vặt như thế. Trong thâm tâm, Liệu biết Trùng không phải không thích cụ Phan Bội Châu, nhưng cả hai chung thần tượng nó buồn cười thế nào. Nhằm ngày Khải Định vừa làm lễ mừng thọ tứ tuần và sang Pháp, Trùng và Liệu đều khoái trá với lá thư cụ Tây Hồ hạch bẩy tội đáng chém của vua bù nhìn.

- Có thể chứ. Chúng mình là loại thanh niên đầu trò phải đến thăm cụ mới được. - Trùng nói. - Biết đâu lại được mấy chữ...

Hai anh em sửa bộ tươm tất, đến phố Pèlenn gõ cửa nhà ông Huỳnh Đình Điển. Người yết

kiến cụ Tây Hồ đông quá, ra vào như mắc cửi. Sau khi giới thiệu tên tuổi, nghề nghiệp, địa vị, ai cũng nghe cụ kháo: “Anh đã đọc Dân ước của Lư Thoa ([\[i\]](#)) chưa?”.

- Thừa cụ, rồi ạ.
- Thế còn Vạn pháp tinh lý, của Mạnh Đức Tư Cưu ([\[ii\]](#)) ấy?
- Cũng rồi ạ.
- Anh Ninh anh ấy cũng đọc rồi đấy.

Nguyễn An Ninh đi từ Pháp về cùng chuyến tàu thủy với cụ Tây Hồ, và cũng được bạn thanh niên ưa thích. Nhưng Ninh chưa phải một thần tượng, nói thế nghe lảng xẹt thế nào. Cụ lại mắc bệnh chỉ nói chứ không thích nghe. Ai đấy muốn dứt mạch để hỏi sâu về một chỗ nào, cụ tỏ ý không vừa lòng.

Nhược bằng muốn cãi lại, thì: “Tôi không nhờ anh được cái gì cả?”. Câu ấy đã vài người “được nghe”, quen tai đến nỗi một hôm choảng nhau vật, Liệu đem ra đối đáp lại Trùng, hai ông trẻ ôm bụng mà cười. Tuy thế họ đều thích thú khi nghe cụ chửi Khải Định và đám trí thức đã quan liêu hóa.

Thế rồi, sau khi qua mấy câu vấn đáp kể trên như một “công thức”, chúng tôi chỉ còn được kính cẩn ngồi nghe hàng giờ những điều giảng dạy của cụ về dân trí, dân quyền, dân đức và chấn hưng thực nghiệp... Thật ra, những câu này nếu chúng tôi được nghe cách đây non vài mươi năm thì chắc là thú vị đấy! Nhưng chuyện mà chúng tôi muôn nghe lúc này thì lại là những chuyện thế giới sau cách mạng Tháng Mười, phong trào đấu tranh của công nhân Pháp, phong trào cách mạng đang lên ở Trung Quốc. Đã vậy, cụ cứ nói liên miên, không để chúng tôi có thì giờ tham gia ý kiến.

Cũng trong khi nói chuyện, chúng tôi hỏi thăm đến một vài danh nhân trong nước đương bốn ba hải ngoại thì theo lời cụ nói, mỗi người đều có một “bệnh nặng”. Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau một cách hóm hỉnh và ghé tai nói thầm với nhau: “Còn cụ có mắc bệnh gì nặng không?”. Dẫu sao, trong câu chuyện của cụ Phan bấy giờ vẫn còn những điều làm cho chúng tôi thích thú, là mỗi khi cụ chửi Khải Định và Phạm Quỳnh. Có lần khâm sứ Pát-xki-ê từ Huế vào Sài Gòn có mời cụ Phan Văn Trường, chủ nhiệm báo L’An nam lên hỏi chuyện. Cụ Phan Chu Trinh tỏ ý phản nản và nói với chúng tôi: Mình thì nó lại không mời lên để nói cho nó biết! Nói tóm lại, tác phong của cụ Phan Chu Trinh không làm cho một số thanh niên trong đó có tôi cảm lắm, mặc dầu vẫn tôn quý cụ.

(Hồi ký Trần Huy Liệu. NXB Khoa học xã hội, 1991)

Phan Bội Châu lại khác. Bậc tiền nhân tôn kính ấy không quá cực đoan, gân guốc. Có chủ

kiến nhưng lắng nghe dịu dàng, cụ làm người tiếp chuyện cảm thấy tự tin, mạnh dạn giải bày khúc mắc, để rồi được trao đổi, tỏ bày lại. Liệu chưa gặp Sào Nam mà đã nức nở với vế đối cụ điều Tăng Bạt Hổ “... đã đánh bằng bút, đã đánh bằng lưỡi, đã đánh bằng óc, hằm hằm quyết đánh bằng kiếm, cờ hồng rực rỡ họ da vàng”. Từ hồi ở đảng Thanh niên rồi sang Việt Nam Quốc dân đảng, đến khi đi tù Côn Đảo, anh đã có những liên hệ khá mật thiết với cụ qua thư từ, những bạn bè, đồng chí...

*Cuối năm 1928, Đảng bộ Việt Nam Quốc dân Đảng ở Nam Kỳ phân công tôi làm Kỳ bộ trưởng, tôi phái anh Tô Chấn ([\[iii\]](#)) ra gặp cụ Phan và mang theo một bức thư viết tay của tôi. Lần này anh Chấn gặp cụ Phan trong một chiếc đò ở sông Hương. Theo lời anh Chấn thuật lại thì cụ có cảm tình với Việt Nam Quốc dân đảng hơn Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội, mặc dầu cụ có người con rể là Vương Thúc Oánh, là một trong những yếu nhân của Đảng Thanh niên hồi ấy. Cũng theo lời anh Chấn, lúc này ngoài món tiền trợ cấp của báo *Tiếng dân* mỗi tháng 5 đồng ra, cụ không còn nguồn sống nào khác. Hôm gặp anh Chấn, cụ bỏ một đồng bạc ra sai cậu Đệ (con thứ hai cụ) lên chợ Đông Ba mua rượu và lòng lợn về đánh chén. Cậu Đệ mua rồi, còn tiền thừa đưa lại cho cụ, cụ đếm từng xu rồi cất cẩn thận vào trong ví. Chúng tôi nghe chuyện rất cảm động và có đề ra việc quyên tiền giúp cụ, nhưng việc chưa làm xong thì những biến cố khác đã xảy ra phải ngừng lại. Thế rồi cho đến ngày bị bắt ở tù và bị đày ra Côn Đảo, tôi vẫn chưa có dịp gặp cụ Phan Sào Nam mặc dầu đã có thư từ đi lại. (Hồi ký Trần Huy Liệu 1991, NXB Khoa học xã hội)*

Mãn hạn tù Côn Đảo năm 1934, Liệu về quê rồi lên Hà Nội viết báo. Nhân có hội chợ ở Huế, anh vào đất Đế Đô trú ở Hương Giang thư quán của Hải Triều. Chơi sông Hương nghe hò mái nhì, thăm lăng tẩm, anh đều háo hức. Tất nhiên thế nào cũng phải đến ông già Bến Ngự.

Vừa nghe xưng tên, cụ Sào Nam ôm chầm lấy anh, mừng rỡ giới thiệu với mọi người trong “nhà”.

“Nhà” có ai, toàn tù chính trị thất cơ giạt về, ngày ngày xay xay giã giã làm hàng xáo, kiếm đủ sống rất khó. Như cụ Phan, với sáu đồng trợ cấp mỗi tháng của báo *Tiếng dân* thì chả còn khoản nào, đãi khách phải tần tiện lắm. Dầu vậy “nhà” rất vui, như mái ấm của một gia đình, với ông chủ hiền từ, không quá quắc thước, xét nét. Nhưng Liệu cũng thấy cụ nhìn người quá đôn hậu. Lại có dịp để so sánh với Phan Chu Trình.

Đêm đến, không khí lắng lại sau cuộc rượu tay đôi, có thêm cụ Mai Lão Bạng. Biết Liệu đã chuyển sang lập trường cộng sản, cụ Phan cũng “mừng”, và chuyển đề tài sang chủ nghĩa xã hội.

Cũng khác với những lần tiếp chuyện cụ Phan Chu Trinh, tôi được phát biểu tự do, cởi mở. Cụ cũng nói chuyện chậm rãi, thân mật! Qua câu chuyện, tôi thấy cụ Phan vẫn đứng trên lập trường dân tộc chủ nghĩa không hơn không kém: Có điều là trong nhận xét người và việc, cụ tỏ ra dễ dãi hơn hợt quá. Theo cụ thì hầu hết ai cũng tốt cả, cũng yêu nước, cả đến bọn Bùi Quang Chiêu ở trong Nam lúc ấy đã ra mặt phản động rồi, cụ cũng chưa thấy hết cái xấu xa của nó. Tôi nhớ lại những tranh ảnh treo dán ở nhà cụ hồi ấy còn có cả những bức họa của tờ báo Tribune Indochinoise (Diễn đàn Đông Dương) năm trước của bọn Lập hiến Nam Kỳ đả kích Lê Quang Trinh. Tôi cũng không lạ gì sau này có lúc cụ nghe tên Phạm Tá viết bài khen thẳng Chatel thống sứ Bắc Kỳ. Chúng tôi hỏi cụ thì cụ nói:

“Tôi có biết gì đâu! Nghe Phạm Tá nói tốt, thì tôi “cũng tưởng là nó tốt thật”. Nói tóm lại, cụ nhìn người xét việc không sắc lắm nên dễ bị lừa bịp. Đến đây tôi lại thấy cụ Phan Tây Hồ, về nhãn quan chính trị có phần sắc hơn cụ Phan Sào Nam. (Hồi ký Trần Huy Liệu 1991, NXB Khoa học xã hội)

Chàng thanh niên thấy cụ chân thành, nhân đạo nhưng không chặt chẽ, đôi lúc đã sang không tưởng hay lối bác ái Gia tô giáo. Cụ bắt anh nghe hết cuốn sách đang viết dở về chủ nghĩa xã hội. Đến khổ.

Liệu ngã ngửa ra rằng cụ rất loạn choạng.

Bạn đọc thân mến! Nếu ai chưa có dịp gần cụ Phan thì sẽ không thể ngờ được rằng cụ Phan của chúng ta cho tới ngày ấy vẫn chưa biết chữ quốc ngữ. Tôi hỏi người thư ký của cụ thì được biết những tác phẩm của cụ bấy giờ thường do cụ viết bằng chữ nho rồi mới dịch ra quốc ngữ hay chữ nôm. Khổ cho tôi đêm ấy cứ phải ngồi nghe đọc quyển chủ nghĩa xã hội mà cụ đang viết dở hết trang này đến trang khác mà không hứng thú một chút nào. (Hồi ký Trần Huy Liệu 1991, NXB Khoa học xã hội)

Sáng ra, phờ phạc vì mất ngủ, Liệu đành thừa thật. Rằng, sách về chủ nghĩa xã hội đang bán hiện có rất nhiều, mà cũng có dăm bảy trường phái. Rằng cụ hiện ở hoàn cảnh tù giam lỏng, chật hẹp, ít được thảo luận, tưởng không nên viết về môn này. Cho nên, tốt nhất là cụ cứ viết những chuyện cách mạng cụ đã từng trải, chưa in được ngay nhưng để đấy vẫn là của vô giá. Cụ đã chả làm một “Hậu trần dật sử” kể về cuộc khởi nghĩa chống quân Minh của Trần Quý theo lối tiểu thuyết rất được ham đọc đấy là gì...

Đó là những điều quốc dân đang cần ở. Cụ lúc này, nhất là thanh niên.

Liệu “vận khí” nói một mạch rồi “kết luận”. “Choang” thế là tàn tệt, thậm chí bất kính chứ gì.

Tưởng ông già Bến Ngự sẽ giận, buồn. Phải tay cụ Tây Hồ mà xem... Nhưng Phan Bội Châu không để bụng, lại còn hứa “sẽ làm ngay việc lớn này”. Cụ tiễn Liệu ra ngõ rất bịn rịn, còn anh bùi ngùi nghĩ khó có dịp gặp lại ông già.

Cái ấn tượng hai cụ Phan để lại trong lòng Liệu, ngoài khí phách dân tộc lắm liệt chung, về tác phong, sinh hoạt là khá tương phản, dù các cuộc gặp cách nhau cả chục năm. Sau này hình dung lại anh thấy hơi buồn cười với cái cảm giác cụ Quảng Nam thì nhọn hoắt, cứng cỏi, còn cụ Nghệ An nồng ấm, đôn hậu.

Năm 1926, Liệu và các bạn đã tổ chức rầm rộ đám tang Phan Chu Trinh, mười bốn vạn người đi đưa. Không hẳn gần gũi, nhưng cụ là một biểu tượng của lòng yêu nước, đáng để thanh niên đem ra mà kính phục.

Cái tình của Liệu đối với cụ Nghệ An hẳn là phải đậm đà, gần gũi hơn là với cụ Quảng Nam. Vì, như nhiều bậc hậu sinh đang tìm đường, nhiều khi chẳng tiện nói ra, anh vẫn ưa thích một bậc tiền bối có thái độ đối thoại hơn. Được nói, và được nghe nói hẳn là một cảm giác thú vị, khác hẳn với khi nghe một tiếng tăm lừng lẫy, ta tìm đến và chỉ được nghe những bài học từ con người đỉnh ninh chỉ có mình đứng. Huống chi, Phan Bội Châu là bậc quang minh chính đại. Đỗ đầu kỳ thi Đình, được đi đây đó, cụ tiếp thu những tư tưởng mới một cách có hệ thống chứ không “tráng men làm màu”. Xa cách hẳn lối khôn vặt khôn vãnh kiểu Trạng Quỳnh, Trạng Lợn - có người coi là một biểu hiện tâm tính Việt, cụ hành trạng đằng hoàng, phát ngôn thẳng thắn. Đúng là một nhân cách lãnh tụ, khiến một thời, ai cũng tưởng câu sấm “Nam Đàn sinh thánh...” ứng vào cụ. Sự yêu mến, thân thiết của Liệu với Phan Bội Châu khiến anh có những lúc giận cụ quá thể, mà chỉ là do nghe từ xa, lại qua những tin tức mô tả cái bên ngoài, chả lý đến tâm can người trong cuộc.

Ấy là vào năm 1939, trong cuộc du tình đến Huế của Liệu với Thu Tâm - cái cuộc mà tới tầm tuổi bảy mươi, bà ghi nhớ là là “lần thứ tư” và “cuối cùng”. Bà là Phạm Thị Bách, cô em họ của Phạm Thị Hồng, người nữ khán hộ ở Côn Đảo từ năm 1933. Như thường lệ, Liệu và Thu Tâm thường chọn những nơi xa xôi để gặp gỡ, chung sống. Tý thừa biết điều đó, nhưng dù sao cũng đỡ nặng nề hơn. “Khuất mắt trông coi” mà, dù bà có vẻ đã nhìn nhận Thu Tâm như “người em” trong nhà, đối xử phần nào ra vẻ một gia đình truyền thống ở ngoài Bắc, nơi đàn ông thường có hai ba vợ. “Lần thứ tư” diễn ra ở kinh thành, nơi sông núi hữu tình, có nhiều dinh thự, cảnh trí đáng xem, nhiều con người đáng gặp. Tâm tình lãng mạn của Thu Tâm rung động mãnh liệt trước cảnh đẹp của lăng Tự Đức, bùi ngùi khi gặp những cung phi về già mà chưa một lần được đấng quân vương phủ ơn mưa móc. Buồn cười là dù có giấy thăm đại nội của tòa Khâm sứ mà hai người phải đi lại tới ba lần. Lần thứ nhất, chú lính mặc áo dậu không cho vào vì Thu Tâm bận áo vàng, màu áo chỉ có các bà phi được mặc. Lần sau, chiếc quần xa tanh đen

lại là nguyên cớ ngăn cản; trong nội chỉ được mặc quần trắng. Giận dữ, bực tức, nhưng trí tò mò vẫn thắng, khi người đàn bà trẻ phải mặc áo tím, quần lụa đi mượn “chả ra màu gì”. Công phu thế ấy, mà ấn tượng của Thu Tâm với vẻ rực rỡ của đại nội lại chẳng mạnh mẽ, nếu không nói là thấy nó nhạt nhẽo.

Cả ngày lang thang nơi đình tạ, ngắm nghía, hỏi han, họ trở về nhà, mệt người nhưng rạng rỡ, hạnh phúc. Thì có điện tín. Ngoài Hà Nội, Đặng Xuân Khu (Trường Chinh) bảo về gấp. Đang tần ngần thì bạn Huế đến, Hải Triều, Nguyễn Cửu Thanh và Bùi Công Trừng mang theo xôi nem, bánh tráng và chai rượu thuốc. Chuyện vui lên, Thu Tâm bảo Liệu cho đến thăm cụ Phan Bội Châu nhưng bị gạt phắt.

- Không Không đi! - Liệu nói cộc lốc. - Đi một mình cũng không được. Đã bảo rồi mà lại.

Lúc Liệu ra ngoài có việc, Thu Tâm được hay rằng thống sứ Chatel vừa đến thăm Phan Bội Châu, tặng cụ hoa, nói chuyện xã giao, khi về bắt tay từ biệt. Cụ Phan đã chìa tay đáp lại, còn rung rung mấy cái tỏ ý thân thiện. Báo *Tin tức* của cánh cộng sản ở ngoài Bắc thuật chuyện với tít “Phản Bội Châu” to tướng. Liệu cáu kỉnh vì chuyện đó.

Sách “Những ngày xa xưa ấy” in ở Mỹ, khi Thu Tâm đã là một bà cụ, thuật tiếp câu chuyện lúc Liệu trở về:

“Sau khi gật đầu chào các bạn, anh nhìn tôi tươi cười có vẻ như làm lành và hỏi: “Em đã dọn đồ xong chưa?”.

Tôi không trả lời câu ấy mà hỏi lại anh: “Anh nghĩ thế nào về việc cụ Phan bắt tay Chatel?”.

Anh Liệu đối ra vẻ nghiêm trang: “Còn nghĩ thế nào nữa, cụ có lỗi hử đi rồi”.

Tôi cũng đối vẻ nghiêm trang thông thả nói: “Đấy không phải là một cái lỗi mà chỉ là một sơ suất thôi”.

Anh Liệu: “Em có hiểu một cái bắt tay của nhà thủ lĩnh cho cả một nước là quan trọng như thế nào không?”

“Em hiểu chứ, nhưng em còn hiểu thêm rằng phép xã giao của Tây phương khi từ biệt một người nào họ quý mến để ra về thì họ phải đưa tay ra bắt để tỏ vẻ trân trọng thân tình với người ấy. Vậy thì trong trường hợp này cũng chỉ là một cách xã giao thông thường mà cụ Phan sử dụng chớ có sao đâu”.

Anh Liệu có vẻ giận:

“Theo lời em nói thì đó là hai người bạn thường đối với nhau. Còn cụ Phan đối với Chatel thì khác hẳn. Cụ là một người tù bị quản thúc còn Chatel đại diện cho nước Pháp, một kẻ có chức có quyền đến thăm một tù nhân của mình, có thể dùng cách xã giao thông thường được chăng? Lý luận của em nông nổi lắm ”

“Đã đành như anh nói là phải, nhưng trong lúc bắt thần Chatel đưa tay ra thì cụ Phan làm thế nào ứng phó kịp. Nếu cụ để cho bàn tay hấn rơi xuống thì hậu quả sẽ như thế nào? Không những đến với cụ mà còn có thể đến với cả kinh thành Huế này nữa, anh có nghĩ đến điều ấy không?”

“Đã dâng trọn đời mình cho một chủ nghĩa mà mình đã chọn thì còn gì phải suy nghĩ đến bản thân mình, nếu cụ có nghĩ đến mai sau thì hậu quả cái bắt tay ấy sẽ tai hại đến thế nào không?”

Tôi sầm mặt:

“Thì đấy! Các anh em đã trả nghĩa cho cụ Phan bằng mấy tiếng “Phản Bội Châu”, một kẻ đã hy sinh suốt đời cho Tổ quốc vì một chút sơ suất mà thôi”.

“Nếu em ở địa vị cụ Phan trong lúc ấy thì em sẽ cư xử như thế nào?”

Tôi điềm nhiên trả lời:

“Nếu được tin báo trước thì em sẽ dự liệu cách ứng phó trong mọi trường hợp. Thí dụ lúc từ biệt nhưng em sẽ chấp tay ngang ngực cúi đầu một cách lễ phép để từ giã hấn theo kiểu nhà vua. Ấy là chuyện được báo trước, còn nếu bất thành linh thì cũng chưa chắc!”

Anh Liệu cười:

“Nếu vậy thì em chưa phải là người cách mạng có bản lĩnh già dặn”

Tôi cũng cười theo:

“Thì em có là đảng viên cộng sản đâu”

Tất cả chúng tôi, kể cả ba người bạn đều cười xòa, xóa tan bầu không khí vừa tranh luận tưởng như đã đến lúc gay go ([\[iv\]](#)).

Đoạn trích trên cho thấy Trần Huy Liệu là người nóng nảy, cứng cáp, và Thu Tâm cũng thật sắc sảo.

Và thêm một điều nữa: đã đứng vào hàng ngũ cộng sản, Liệu vẫn coi Phan Bội Châu là thủ lĩnh, chí ít về mặt tinh thần, nên mới có đòi hỏi khắt khe đến vậy Liệu “mọc” ra từ trong phong trào quốc gia, và dù có “trở thành” gì gì, trong thâm căn, ông vẫn là một *nationaliste* - người quốc gia.

Năm 1940, trong nhà tù Sơn La, Liệu nhận tin Phan Bội Châu mất. Đau xót lắm. Một sự nghiệp lớn được dẫn dắt bằng một tư tưởng có căn bản hấn hoi, chứ không phải cách mạng lối vá vúi chẳng đụp. Một nhân cách phóng khoáng, hồn hậu. Một nghiệp dĩ đang vun trồng bị dở dang, phải trở thành “ông già bến Ngự” hiền lành, đến bọn hương đồng trong làng xã cũng hạch hỏi được. Trong “Niên biểu” viết những ngày bị giam lỏng, con người ấy đã chân thành biết bao khi nhận lỗi trước quốc dân đồng bào. Cái tâm sự bi đát “biển xanh chưa lấp được mà chim tinh vệ cô độc đã rẽ cánh” nặng trĩu đoạn cuối cuộc đời cụ.

<1 width="33%">

[\[i\]](#) Contrat social của J . J . Rousseau .

[\[ii\]](#) L'Esprit des lois của Montesquieu

[\[iii\]](#) Anh ruột Tô Hiệu, bị bắt sau vụ mưu sát toàn quyền Pasquier không thành, án khổ sai chung thân. Trở thành cộng sản ở Côn Đảo, cùng Ngô Gia Tự thả bè trốn và mất tích.

[\[iv\]](#) Hồi ký “Những ngày xa xưa ấy” của Thu Tâm. NXB Thế kỷ 11022 Acacia Parkway #A Garden Grove CA 92640 USA năm 1998.

- 11 -: SỔ LỒNG

Mười một năm nay trở lại nhà

Nhà thì đã cháy, vợ thì xa

Bà con thân thích nghèo xơ xác

Vườn cũ còn cây núc nắc già

Đó là tình cảnh Trần Huy Liệu khi trở lại cái ngôi làng Vân Cát ở tỉnh Nam Định. Lúc ra đi, anh là ông đồ non thất chí, trở về tiếng tăm đã lừng lẫy nhưng lại là phần tử nguy hiểm. Thực dân không muốn anh ở lại xứ thuộc địa Nam Kỳ với những quy chế quản lý phóng khoáng, tìm cách tống ra Bắc. Mà phải về làng, cái nơi tù hãm, dị đoan, quanh năm rã họng mà vẫn mỗi mồm xin lộc Bà Chúa Liễu.

Rời Côn Đảo cuối năm 1934, Liệu ở trong nhóm sáu người ly khai với chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn nhưng vẫn là đảng viên của Quốc dân đảng. Mỗi người sẽ có những số phận khác nhau. Nguyễn Văn Viên theo Nhật. Hoàng Thúc Dị, năm 1946 vẫn là Việt Quốc, sẽ đổi đầu với Liệu. Lê Văn Phúc tham gia Mặt trận Bình dân. Còn Liệu, Tưởng Dân Bảo, Nguyễn Phương Thảo (Nguyễn Bình) sẽ nhập hãn vào cộng sản.

Về Vân Cát tù t úng. Những hàng xóm quanh năm nói mãi một chuyện. Những ông anh chưa ra khỏi tỉnh bao giờ, chỉ hơn mình dăm tuổi mà chuyện đời đã gói kín lại, y như cái nhà đóng cửa vút chìa khóa đi để cho rêu phong. Những bà chị bạc đầu mỗi khi nhìn cây cột nhà dán giấy ghi ba chục cái giỗ trong năm. Người sang chơi đông, quanh quẩn hỏi từng nẩy chuyện, bấu lăm nhưng cứ thế mãi cũng chán. Và đói nữa. Liệu đâu còn lúc cầm cái cuốc ra đồng. Nói rằng lúc ở tù ngoài đảo ăn uống còn hơn về nhà thì không ai tin được.

Có người Hà Nội về tìm. Báo *Đời mới* vừa ra, đang rất cần một cây bút có danh. Liệu có tâm trạng như Khổng Minh được cầu hiền, chả phải vờ đến lần thứ ba. Lên đương chức bầm báo, thì tri huyện, lý trưởng ậm ừ, bảo đến chỗ mới thì nhớ trình diện. Nghĩa là chức dịch địa phương chả sướng gì phải quản anh.

- Thôi anh lại tìm vào cái ổ cộng sản rồi.

Fleutôt, cầm mật thám Hà Nội nửa đùa nửa thật bảo thế khi Liệu đến trình diện. Anh đáp:

- Cộng sản hay không cộng sản thì cũng phải ăn cả. Tôi cần làm báo để sống, còn đề phòng cộng sản là việc của các ông.

Nhà chức trách dặn Liệu đi đâu, dời chỗ ở phải xin phép, nếu có chuyện lại phải về quê

quản thúc. Thế thôi. Dù sao, sự quản lý của thực dân hồi ấy có những chỗ không chặt chẽ lắm.

Đời mới đóng trụ sở ở 17 Hàng Khoai, trên căn gác hẹp. Fleutôt đã quá cảnh giác khi gọi đây là “ổ cộng sản”. Người xin được phép ra báo là Lê Viết Hồ không biết viết báo, chính kiến cũng không. Các thành viên khác là Lê Văn Hòe, Thành Thế Vĩ, Nguyễn Đức Kính, Trần Huy Liệu, Nguyễn Mạnh Chất thì mỗi anh mỗi lập trường, “đỏ” “trắng” đủ cả. Mà chẳng ai duyệt bài ai, muốn viết gì thì phóng bút. Thế nên có chuyện bài này bênh, bài kia đập cùng một sự việc. Được cái gần ấy con người đều nền tính, bấu nhau, chung sống như một gia đình. “Nhóm” cộng sản đăng những bài về giai cấp công nhân, cắt nghĩa nguyên nhân khủng hoảng kinh tế, công kích văn chương Tự Lực Văn Đoàn... khá được chú ý.

“Côn Lôn ký sự” ra từ số 2 của *Đời mới*, rất được đón đọc. Liệu viết nó từ ngày nằm nhàn tản ở quê, cứ rút ruột những ký ức tù đày ra mà kể. Chuyện Côn Lôn không gay gắt lắm về những hà khắc, ác độc, mà trái lại, phần “văn nghệ” đậm đà, nào kịch cợt Molière, nào thơ phú tưởng đến bóng hồng. Không biết mà đọc có thể tưởng là ngoài ấy là một cõi mộng. Làm vậy vì Liệu mới tự do, còn ngại cảnh cây cong. Chứ ít lâu sau khi rời tỉnh lẻ Nam Định, anh nhận ra ngay mình đã trở lại được biển cả; cái “biển” Hà Nội những ngày Mặt trận Bình dân nắm quyền bên Pháp còn mênh mông tự do hơn Nam Kỳ thuộc địa mười năm trước.

Đời mới rất lay lắt. Có giấy phép nhưng không ai bỏ tiền làm, cứ đi vay mượn, quyền góp. Trị sự, phát hành không người chuyên trách, nội dung thì khá nhưng tên tuổi chìm trong biển báo, bởi vậy chẳng bán được bao nhiêu. Nhà in Long Quang không nhận được tiền thì “giam” báo lại, vài hôm chạy đủ lại “thả” ra cho bán. Thế mà tinh thần “xả lảng cuộc đời” rất hăng, rồi rãi, có tí hào là đâm ngay xuống xóm hát Khâm Thiên hay nằm bẹp tai ở tiệm hút lão Vạn. Liệu quen với cách kham khổ và kỷ luật trong tù, rất kinh ngạc. Nhưng chẳng đấu tranh. Lại thế nào với “phong trào”? Thành thử chỉ còn lo giữ mình khỏi a dua.

Ra đến số 7 thì phải đình bản. Tòa soạn bị khám xét nhưng không thấy gì. Tuy chỉ sống có 7 tuần, *Đời mới* có công cho Liệu “tập bơi” thuần thục trong những ngày đầu trở lại “biển”. Và dù sao anh biết mình có thể kiếm sống bằng nghề báo. Quanh anh có biết bao bạn bè, cũ thì Tô Hiệu, Hải Triều, mới có Trần Đình Long... Niềm tin vào họ và vào bản thân thật vô cùng quan trọng. Liệu đã có hướng đi rõ ràng. Mặc dù chưa “đỏ” hẳn, năm 1935, anh vẫn được tổ chức Cộng sản, bấy giờ đang rục rịch dựng lại Xứ ủy lâm thời Bắc Kỳ, quyết định cho hoạt động công khai. Khả năng và xu hướng của ông tù mới ra này chỉ có thể làm báo là hợp nhất.

Làng báo Bắc Kỳ thời đó có những lề lối học theo nếp bên Pháp. Chẳng hạn tờ *Lire* (Đọc)

bên kia chỉ đăng lại bài đáng chú ý của báo khác, được “rập” thành *Tiếng vang làng báo* và *Kiên văn* bên này, nhưng với một kiểu cách không hẳn như “tôn chỉ”.

Số phận của *Tiếng vang* (in rất to trên măng-sét) *làng báo* (in nhỏ) rất văn. Số 1 chuẩn bị kỹ, “đình” là việc đáp trả một bài của Nguyễn Văn Vĩnh trên *Đông Dương tạp chí* mạt sát các chí sĩ yêu nước là “đáng đem bỏ rọ trôi sông”. Đánh vào chủ trương trực trị gần quyền lợi của tư sản Việt Nam với quyền lợi thực dân, báo bán đắt như tôm tươi. Dầu vậy mà tiền để ra số 2 không có. Đang lúng túng thì thống sứ Bắc Kỳ rút giấy phép. Chết yếu!

Kiên văn “thọ” được 12 số, coi như một kỷ lục của ông chủ bút “làm tờ nào giết tờ ấy”.

Túng đỏi, chả có báo để “làm và giết”, Liệu a vào làng sách ba xu, loại tiểu thuyết lịch sử kiểu *Đề Thám*, *Vợ ba Cai Vàng*... Hồi ở Côn Đảo, anh nghe chán chuyện những ông tham gia cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên, bèn đem viết lại. Không dám ký tên, tất nhiên không thể đứng ra giao thiệp, Liệu nhờ người quen bán bản quyền cho Bảo Ngọc văn đoàn lấy 25 đồng. Sách ra dưới cái tên bắt mắt *Loạn Thái Nguyên*. Chả biết bán chạy tới đâu, tiếng vang thế nào, Liệu được nửa tiền bản quyền, nửa kia ông “lái” “thẩn” mất. Dầu sao, anh có được tấm quần áo mới để khỏi bệ rạc quá giữa chốn nghìn năm văn vật.

Sang nửa cuối những năm ba mươi, tình hình thế giới căng thẳng hẳn. Trục phát xít Đức - Ý - Nhật thành lập đẩy các lực lượng, phe phái có xu hướng khác nhau bên châu Âu xích lại gần nhau. Mặt trận Bình dân lên cầm quyền ở Pháp gồm các chính đảng Cộng sản, Xã hội, Xã hội cấp tiến. Quyền tự do dân chủ ở thuộc địa được nói ra hơn. Nhóm *Hồn trẻ* tập hợp với Hải Triều, Hải Thanh, Lâm Mậu Quang, Hồ Xanh, Dương Linh. Liệu viết dưới bút danh Hải Khách và Hải Thu (đều “dính” đến Thu Tâm), giới thiệu, cổ động Mặt trận Bình dân bên Pháp, đòi tự do dân chủ. Có những khẩu hiệu sau này anh mới thấy nó “quá cao”, không hợp thời như kỹ nghệ hóa nông nghiệp. *Hồn trẻ* đang có ảnh hưởng mạnh, có đội ngũ vững, xu hướng rõ, tạo được tiếng vang thì “thôi rồi” ở số 15.

Cuống cuống đi tìm báo để ra, chí ít là cộng tác, “nhóm” bấu được vào một cơ quan thể dục đương chuẩn bị ra tờ *Khỏe*. Rải truyền đơn, đăng bố cáo um xùm về tôn chỉ mục đích “có lợi cho sức dân” của báo rồi, nhưng người xin được phép xuất bản lại là một nhân vật “xương xẩu” quá, rút cục nó bị nhà đương cục cắt ngay. Vừa buồn chán vừa buồn cười.

Tên *Khỏe* mà chết ngay trước khi chào đời. Và kể trong lịch sử báo chí, hẳn đây cũng là trường hợp duy nhất. Tuy thế những tờ truyền đơn về *Khỏe* khiến Liệu bắt quen được với Võ

Nguyên Giáp, Đặng Thai Mai, hai giáo sư trường Thăng Long, vốn là dân Tân Việt. Xung quanh nhóm Thăng Long dần dần hình thành một tập hợp những người yêu nước đấu tranh như Minh Thái, Đào Duy Kỳ, Trần Đình Tri, cùng các thầy giáo, học sinh tiến bộ.

Le Travail (Lao động) hẳn là tờ báo vào loại “thọ” và cũng đình đám nhất trong thời kỳ này. Được nhóm Thăng Long xướng lên giữa năm 1936, ấn bản tiếng Pháp này có màu sắc Bình dân. Những giáo sư Tân Việt, những ông học Liên Xô, từ Pháp. Những ông Tơ-rốt-kít... Thôi rồi các xu hướng xách động vào xã hội, nhất là trí thức. Nhưng báo ngày càng đỏ đậm khi những chính trị phạm hết hạn tù ào vào cộng tác, làm tòa soạn. Ấn phẩm vừa ra khỏi nhà in còn nóng đã có thanh niên, sinh viên ôm từng chồng đi bán, mật thám theo xem người mua, người phát hành không xuể. Rồi *Le Travail* hướng đến cả tầng lớp công nông, tiểu thương, trở thành diễn đàn tố cáo thực dân, quan lại địa phương áp bức. Trụ sở 24 Phạm Phú Thứ đông nghìn nghịt người đến tố cáo, tiếp rất mệt. Trong đám đứng ngồi la hét từ nội ngoại tỉnh Hà Nội về quanh tòa soạn có không ít mật thám. Mệt nhất là dịp Justin Godart, được gọi là Lao công đại sứ, thay mặt Chính phủ Bình dân bên Pháp sang, thỉnh nguyện tới tấp đưa lên, *Le Travail* đòi gặp mặt, giải quyết. Nhân viên tòa soạn sắp đặt trật tự, ghi chép tướt người, còn ông nghị cộng sản Khuất Duy Tiến phiên dịch đến mất tiếng.

Liệu gặp người cũ, Arnoux, giờ là chánh mật thám Bắc Kỳ. Đang chạy đi chạy lại sắp xếp đám đông đón Godart ở đường Gambetta (Trần Hưng Đạo) anh bị lôi phất lên ô tô về Sở Mật thám.

- Nếu xảy ra cái gì rối loạn cuộc trị an là anh phải chịu trách nhiệm. Tôi sẽ bắt? - Arnoux đe.
- Chúng tôi chỉ có việc cùng nhau đi đón người đại biểu của Chính phủ Bình dân Pháp. Còn giữ trật tự trị an là phần của các ông. - Liệu đáp, và thông thêm - Nếu có kẻ nào khiêu khích sinh chuyện, chúng tôi không chịu trách nhiệm?

Le Travail ngày càng có ảnh hưởng. Người của bản báo đi khắp nơi thu thập dân nguyện. Phan Tử Nghĩa xuống Nam Định nghe thợ dệt, Nguyễn Mạnh Chất ra duyên hải gặp thợ mỏ, bị bọn chủ ngăn chặn, lại có bài chửi. Đêm ngủ ở báo quán *Nhành lúa* của Hải Triều ở Huế, nằm chung với một nông dân Truồi, Liệu chốc chốc lại giật mình vì anh này cứ hô khẩu hiệu “gửi” Godart bất thành linh. *Le Travail* mạnh đến nỗi đại biểu của nhóm thắng cả đại diện của tư sản Hà Nội trong cuộc tranh cử vào Viện Dân biểu Bắc Kỳ.

Dù sao, những kẻ tranh đấu chưa đến thời của mình. Xuân Thủy gửi đến cái tin tuần phủ Phúc Yên đập triện đồng vào tay một nông dân xuống Hà Nội đón Godart, tòa soạn phải

Nguyễn Mạnh Chất đi viết bài “tô” cho to lên. Báo ra, tuần phủ Phúc Yên phát đơn kiện, tòa án muốn hãm *Le Travail* vào chỗ chết bèn tuyên phạt 6.000 quan tiền Tây, tức 600 đồng bạc Đông Dương. Giết ai ra ngần ấy tiền, nên *Le Travail* phải chết. Có điều, người chết” lại nẩy nòi ra hai “thằng em” cũng nói tiếng Pháp là *Rassemblement* (Tập hợp) và *En avant* (Tiền phong), tuy ảnh hưởng chẳng bằng trước.

GRANDJEAN

Từ Sài Gòn, Tý đem hai con ra Bắc. Không thể ở quê, cũng chả tồn tại được ở Hà Nội, chị lên Đại Từ, Thái Nguyên bán nước mắm, bị đám cai trị trù dập đến khốn khổ. Con trai lớn là Diễm, Liệu gửi một cựu chính trị phạm về Phủ Lý học trường tư. Thì một hôm, tuần phủ Hà Nam đến khám nhà, vầy vò cái cặp chỉ có vài bộ quần áo và ít sách vở của Diễm, đe dọa chủ nhà tội chứa chấp con Trần Huy Liệu. Cậu bé 9 tuổi đâm ra thất học.

Phải làm âm lên chứ! Vừa là việc của mình, lại là sự kiện để chửi chúng nó. Liệu đăng trên báo tiếng Pháp *l’Avenir* (Tương lai) thư ngỏ gửi thống sứ Bắc Kỳ, có đoạn: “Các ông coi tôi là kẻ thù của chế độ này mà cấm đoán tôi hoạt động thì đó là việc của các ông. Thế nhưng vợ con tôi thì có liên can gì mà cũng bị quấy nhiễu đến hết nghề làm ăn, đến bỏ học. Tôi không thể tưởng tượng được một chính phủ có thực lực, có uy quyền như chính phủ Pháp mà đến phải can thiệp vào sự học hành của một đứa bé lên 9 tuổi. Có lẽ vì sợ nó âm mưu đánh đổ chính phủ chẳng...?”.

Báo ra, cấm Lanèque gọi tác giả đến phân trần, nói sẽ cho Diễm đi học lại và đưa tiền. Thấy Liệu chỉ nhận phần học của con, Lanèque vừa cười vừa kháy:

- Đây là của tư bản bóc lột người ta, vạ gì mà không lấy.
- Ừ - Liệu cũng cười tươi, - của bóc lột, nhưng tôi không muốn lấy nó từ tay ông.

Tưởng thế là xong. Nhưng mấy hôm sau, Lanèque cho biết chánh mật thám Đông Dương Grandjean cũng quan tâm đến Liệu. Được thôi. Nhưng để tránh đòn phân hóa của tên cáo già nổi tiếng, Liệu đòi mang theo một người bạn.

Cảm giác mới đầu về Grandjean là một ông già hiền hậu, hơi giống Arnoux độ ở Sài Gòn. “Quái, sao nghề mật thám lắm người trông vẻ ngoài nhân từ thế không biết...”, Liệu nghĩ. Grandjean đã vào chuyện rất thân ái, hỏi thăm gia cảnh, thông cảm với vợ con anh đang túng thiếu, tỏ ý khâm phục công phu tự học của Liệu. Cái gì hấn cũng biết. Liệu hết sức ngạc nhiên thấy trên bàn có tập hồ sơ, bên trong là xấp thư từ Côn Đảo gửi về.

- Anh say mê lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cũng phải. - Grandjean đi vào trọng tâm rất

“ngọt”. - Cộng sản là một chủ nghĩa nhân đạo, muốn cho ai cũng sung sướng, không còn áp bức bóc lột. Nhưng loài người, cũng như vạn vật, phải ích kỷ, phải đấu tranh sinh tồn. Xã hội loài người phân giai cấp cũng bình thường, tự nhiên như vũ trụ vốn bất bình đẳng mà thôi. Anh xem Phật Thích Ca chẳng những thương người mà còn thương cả chúng sinh, không ăn thịt các loài vật. Nhưng khoa học ngày nay đã chứng minh rau đậu cũng là sinh vật. Nếu biết thế mà Thích Ca không dám ăn gì thì cũng phải chết đói thôi.

- Anh đọc André Gide rồi phải không? - Grandjean cười mở hơn khi thấy Liệu ngồi im. - Gide là nhà văn thích chủ nghĩa cộng sản và rất nhân đạo thế mà ông ấy vẫn thất vọng về Liên Xô đấy thôi ([\[i\]](#)). Nếu anh không tin, tôi sẽ tạo điều kiện cho anh sang Liên Xô, thế nào anh cũng vỡ mộng cho mà xem.

- Xin lỗi, - Liệu chen vào - Có lẽ ông mời tôi đến chơi hôm nay không phải để tranh luận về các học thuyết. Tôi cũng chẳng gây thơ gì lại có cái ảo vọng thuyết phục ông theo chủ nghĩa cộng sản. Nhưng tôi muốn biết ngay ông muốn gì ở tôi?

- Do lòng mến mộ anh, tôi muốn bàn với anh một việc.

- Ông muốn tôi làm mật thám cho ông phải không?

- “Người ba đảng, của ba loài”, - câu thành ngữ Việt ra khỏi mồm Grandjean rất thành thực, tôi đâu dám bảo anh làm việc ấy. Tôi chỉ muốn nói với anh là nếu cứ theo đuổi làm cách mạng mãi thì anh để khổ cho cả vợ con, những người chả có tội gì. Tôi muốn tiễn cử anh vào làm ở trường Viễn Đông Bác Cổ tha hồ đọc, nghiên cứu đến hết đời. Còn chị ấy, tôi xin phép được biếu một món tiền đủ để mở cửa hiệu ngay Bờ Hồ. Rồi con anh đi học, ít nữa làm kỹ sư, bác sĩ. Anh cứ cân nhắc đi. Tôi đâu dám bảo anh làm việc cho tôi. Bàn vậy, thế nào tùy anh, miễn là từ nay đừng làm báo nữa.

- Thế là tôi biết mục đích cuộc gặp của ông rồi. - Liệu nói bằng giọng “kết luận”. - Trước đây ở Nam Kỳ đã có người Pháp trong chính quyền hứa cho tôi những bổng lộc như thế, và còn bốn trăm mẫu ruộng ở Cà Mau nữa kia. Nhưng thưa ông, đời tôi đã chọn việc làm rồi. Tôi làm báo cũng như ông làm mật thám. Còn chủ nghĩa cộng sản có thắng không thì đó là vấn đề của lịch sử. Tương lai sẽ trả lời.

Câu chuyện không thể kéo dài thêm nữa.

Grandjean tiễn khách thân mật, còn Liệu thở phào vì đã vượt qua một cạm bẫy không dễ vượt. Nhưng anh không thể không nghĩ: tại sao lão trùm lại nhắc đến Viễn Đông Bác Cổ, cái kho sách có lẽ là quý giá nhất xứ? Hay hẳn đọc ra cái chí hướng của mình vươn về một cõi tỉnh tại, ở đó tha hồ được yên tâm đọc, viết những gì mình nghĩ...

<1 width="33%">

[\[i\]](#) Ý nói đến quyển “Trở về từ Liên Xô” của A. **Gide**

- 12 -: THƯ GIẢ TÌNH THẬT

Năm năm cấm cố ngoài đảo đem lại biết bao thay đổi. Về lập trường chính trị, Liệu đã cảm thấy sự bất lực của chủ nghĩa Tam Dân. Những mục tiêu dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc vẫn còn đấy, nhưng phương cách thực hiện thế nào, đi với ai để “nuơng nhờ” đã khác. Khối cộng sản quốc tế, với Liên Xô là một thực thể vật chất, hùng mạnh biết bao, đến những lãnh tụ dân tộc thuần chất như Phan Bội Châu cũng còn bị thuyết phục cơ mà. Lý tưởng cách mạng có vẻ đã tìm được chỗ “đổ” ở một thể chế chính trị. Liệu có những người bạn mới là cộng sản, tuy chưa hẳn đã đồng chí. Và xa rời dần dần đồng đội Quốc dân đảng.

Về mặt tình cảm, người đàn ông ngoài ba mươi đã vợ cái con cột lại có sự đèo bồng khác. Mỗi tương giao đem lại sự hứng khởi cho anh ngoài đảo với người nữ hộ sinh được nhóm lại ngay tức khắc, bằng những cánh thư gửi về số 6 đường Mac Mahon, Sài Gòn. Đáp lại, là những lời lẽ nồng nàn biết bao. Sự trái lòng mà chưa giáp mặt tạo nên cảm giác bí ẩn mê mị. Những khám phá nồng thắm. Những phát hiện khiến cả hai thăng hoa.

Hẳn là nhiều đêm, trong niềm vui tự do, được gần gũi vợ cái con cột, Liệu phải thầm nhắc đến cái tên Phạm Thị Hồng với một sự sôi nổi kìm nén. Tý rất vất vả kiếm sống giữa Sài Gòn trong năm năm qua, để Diễm, giờ 8 tuổi, và Vân, 6 tuổi, chẳng phổng phao đủ đầy gì, nhưng được lớn lên, ít nhất là cũng không yếu mệnh sớm như những đứa con ra đời ở quê. Năm năm ngoài đảo đã lấy đi của anh quá nhiều: lý tưởng xã hội ngày nào, sự gần gũi vợ con, những hiểu biết, ứng xử về một cuộc sống bình thường, ồn ã, tự do. Nhưng những gì “đổ” lại chẳng phải ít: nhận thức về một chân trời mới, những người bạn giàu ý chí. Và le lói nhưng khiến mê mị, những cánh thư với người con gái trẻ - chắc chắn rất nồng nàn.

Nhưng cuộc đời lại xếp đặt cho người đàn ông đào hoa một thú vị khác, không oái oăm, mà có lẽ còn rất trọn vẹn. Liệu không được về Sài Gòn, đến nhà số 6 Mac Mahon để gặp cô hộ sinh yêu dấu vì lệnh cấm cố không được héo lánh đến đất thuộc địa. Thực dân bắt anh chờ đợi, chỉ được đắm đuối trong những giấc mơ, để rồi hạnh phúc thực hiện ra trong một hình hài khác hẳn, chẳng ai có trí tưởng tượng giàu có nào “sáng tác” ra được.

Đó là một bức thư, gần sáu chục năm sau, được tác giả của nó chép lại theo trí nhớ, trong thiên hồi ký “*Những ngày xa xưa ấy*” ra ở Mỹ năm 1996. Sự chính xác về câu chữ đến đâu, chẳng ai bảo đảm được, nhưng sự thực thì hẳn là đáng tin cậy.

Sài Gòn ngày... tháng... năm...

Anh thân yêu.

Cho phép em được dùng hai chữ “thân yêu” vì đây là lần đầu tiên và cũng là lần chót. Chúng ta sẽ từ biệt nhau trên bức thư này luôn luôn và mãi mãi! Mai hay một đây anh sẽ nhận được thiệp cưới của Hồng với một người đàn ông xa lạ. Em biết chuyện này làm thương tổn lòng tự ái của anh không ít, nên em vội viết thư này để giải thích cho anh rõ mọi việc. Ngay từ bức thư đầu tiên anh viết cho Hồng cho đến bức thư ngày hôm qua mới nhận được, trong toàn bộ những bức thư ấy đã diễn tả một giai đoạn từ tình bạn sang tình yêu mà anh định ninh giữa anh và Hồng. Sự thật không phải vậy, mà người ký tên ấy là em, chỉ là em mà thôi! Lý do: Hồng rất làm biếng đọc thư, trong khi công việc, nào tiền bạc, khách khứa, rộn rịp suốt ngày. Do đó, Hồng giao cho em trả lời tất cả thư từ, em có hỏi lại... Cả thư anh Liệu nữa sao? Hồng trả lời cụt ngủn: “Tất cả chẳng từ một ai”... Em hiểu ngay Hồng chẳng có chút cảm tình riêng tư gì với anh cả. Lẽ ra, em nên nói cho anh biết lúc ấy. Nhưng, không biết vì cơn cố gì, đã xui em... viết tiếp cho anh.

Cho đến hôm nay, đám cưới của Hồng, em không còn lý do gì để giấu giếm được nữa, đành phải viết thư này nói rõ cho anh biết. Em là người con gái nghèo, trình độ học vấn lại ít, tiền của không có gì, chỉ là một kẻ làm công cho Hồng như tất cả mọi người làm trong nhà bảo sanh ấy. Đối với anh, em chỉ là một con số 0 - không có gì xứng đáng cả. Cái tội gian trá xin anh tha thứ cho em và em thanh minh với anh rằng: Hồng là con người vô tội, không biết gì về việc em đã làm cả. Em thật có lỗi nhiều, nhưng bây giờ, em biết nói gì đây? Chỉ xin anh nhớ cho rằng: Hồng không lừa anh mà chính em lừa anh và căn nguyên sự lừa lọc ấy chỉ là một tình yêu cuồng nhiệt không kịp suy nghĩ, thế thôi!

Từ nay chúng ta sẽ không bao giờ gặp nhau nữa, nhưng luôn luôn trong lòng em vẫn có một chỗ cao quý nhất, sâu kín nhất để tôn thờ hình ảnh anh:

Há phải vì ai, lỗi tại ai?

Hoa xuân tàn tạ rụng hiên ngoài

Hoa tình nở trái thì mau rụng

Há phải vì ai, lỗi tại ai!

Vĩnh biệt anh

THU TÂM

Nhận thư Thu Tâm tức Phạm Thị Bách, cô em họ của Phạm Thị Hồng, cũng ra Côn Đảo năm 1933, Liệu đã cảm thấy những gì? Hẳn là những nhận biết trái ngược đến hỗn loạn: hằng huyệt, tự ái, không khỏi ê chề, nhưng lại cũng băng khuâng, mừng rỡ. Cảm giác cuối cùng hẳn phải là mừng rỡ.

Có cái cơ duyên nào từ trên trời rơi xuống nên anh mới tránh mặt Hồng khi còn trên đảo chứ. Trời đã không cho anh cái tình của Hồng, thì lại “bù” cho một cô em họ trẻ hơn, chắc chắn

là rất lãng mạn, nồng nàn. Anh vẫn thích điều đó cơ mà, khi bên mình đã có người vợ khỏe mạnh, hết lòng với chồng con nhưng đơn giản, chẳng lý mấy đến thơ phú với “tình tang”.

Những suy đoán trên phù hợp với thực tế sau này, nhưng trước mắt, có lý với đoạn trích sau trong- hồi ký “*Những ngày xa xưa ấy*”.

Sáng hôm sau, tôi thức dậy hơi trễ, lại có hai người để khó nên phải đến 11 giờ, công việc mới kết.

Tôi rửa tay xong bước ra phòng khách thì con bé Nhi con chị bếp, cầm đưa cho tôi phong thư, nói nhí nhảnh: “Có phải thư của cô không? Mọi khi thư cô đề khác kia mà”.

*Tôi nhìn dòng chữ đề trên bao thư. **Madame Trần Huy Liệu, 6 Mac Mahon Sai gon** . Đúng là nét chữ anh Liệu. Mồ hôi tôi toát trên trán, cầm lấy phong thư, tay run lấy bảy ngòì phịch trên chiếc đi văng bọc đệm mềm mà ghê sợ như ngòì trên gai góc. Không biết làm sao lại có những dòng chữ như thế này nhỉ? Tôi lặng đi đến năm phút mới dám bóc ra. Bức thư như sau:*

Hà Nội ngày... tháng... năm...

Thu Tâm, người vợ yêu quý của anh,

Anh thật buồn cười khi đọc thư em, sao em lại trẻ con thế. Tình yêu không phải là một trò đùa giải trí, cũng không tạo nên bởi những cái phù phiếm bên ngoài i, tiền bạc, nhà cửa, xe cộ... Em không biết gì về nhân sinh quan của anh, nên mới... dám đặt bút viết cho anh những câu như thế. Nếu anh không biết rõ những sự ngây thơ thành thật của em thì có thể là anh cho rằng em cả gan xúc phạm đến nhân phẩm của anh một cách nặng nề, nhưng vì anh biết rõ tâm hồn chất phác của em, nhất là sự khép kín trong gia đình, chưa từng chạm trán với đời nên mới có những thái độ vội vàng như vậy.

Anh tha thứ tất cả cho em và càng yêu quý em nhiều hơn. Vậy từ nay em hãy vui vẻ và yên ổn khi mang tên anh, đừng nghi ngại gì cả. Gửi cho em tất cả những cái hôn nồng cháy và thương nhớ.

TRẦN HUY LIỆU

Suốt đêm hôm ấy, tôi không sao ngủ được, cứ lẩm nhẩm trong bụng đọc lại bức thư của anh Liệu vừa nhận buổi trưa. Tôi dự tính khi nào Hồng đi chơi về nói hết sự thực cho Hồng nghe, xin Hồng giúp tôi mở một nhà bảo sanh khác để sau khi có căn bản làm ăn sẽ tính đến việc thành hôn với anh Liệu. Còn cách đối phó với chị Liệu ra sao thì lúc ấy tôi còn trẻ người non dạ, nhất là chưa kinh nghiệm về chuyện chồng đôi vợ ba, cứ nghĩ đơn giản anh Liệu đã thương tôi nhiều đến thế, thì hẳn là anh thu xếp được việc nhà, không để đến nỗi tôi phải dở dang.

“Chương” mới trong cuốn “tiểu thuyết tình cảm” của Liệu bắt đầu được viết, xuất phát có vẻ giống với những câu chuyện kiểu Tự Lực Văn Đoàn.

Nhưng đoạn cuối của nó lại chẳng lãng mạn tí nào.

YÊU VÀ KHÔNG THỂ LẤY VÀ...

Trần Huy Liệu thấp nhỏ, không “đường bệ” tí nào, chân hơi khập khiễng vì có tật, mắt lại hay “rơi” lệ do không được giữ gìn hồi còn ở quê nên mang biệt danh “ông Lòe”. Vậy mà theo ngôn ngữ tử vi cung Thê của ông lại tươi tốt. Liệu chỉ có hai bà vợ chính thức là Trần Thị Tý, lấy rất sớm, đẻ 6 lần đậu 4, và Nguyễn Thị Hy tức Sửu, đẻ 2 con. Bà Phạm Thị Bách tức Thu Tâm nữ sĩ đi với ông một chặng đường khoảng mười năm là một gánh tình chẳng dễ quên, tuy chẳng được bà Tý và đoàn thể công nhận nào...

Sau năm 1975, ông Phan Huy Lê, người trong giới sử, vào Đà Lạt, thì bà đến, tự giới thiệu là người thân Trần Huy Liệu. Ông Lê thuật lại cùng đi có người đàn ông. Bà Bách chỉ vào, bảo là chồng, sau đó rất tự chủ: “Sau này tôi có gặp một vài người nữa, nhưng không có ai nặng tình như với ông Liệu. Ấn tượng của Phan Huy Lê về bà Bách là rất sắc sảo thành thực, có khả năng biểu đạt cao.

Sau giải phóng miền Nam ít lâu, bà Bách “lội” ra Hà Nội, mục đích duy nhất là để thăm mộ Trần Huy Liệu. Bà ở 16 Phan Huy Chú, ngủ trên chiếc giường ông Liệu nằm, cùng với bà Tý. Khoảng năm 1996, người viết gặp được bà ở Sài Gòn vài ba lần, lúc tới thăm bà trong cái “ấp” ở Củ Chi thì đọc, ngay trong đêm, hồi ký “*Những ngày xa xưa ấy*” mới in bên Mỹ. Tâm trạng của bà đêm ấy là “cái này in trong nước thì có sao không?”.

Rồi băng đi. Bặt tăm luôn.

Phạm Thị Bách tức Thu Tâm, như trong hồi ký kể trên, ra Côn Đảo năm 1930, lúc 18 tuổi. Giờ đây, bà ở đâu, còn hay mất chả biết, nhưng người viết cứ xin phép đoán bà đẻ năm 1912 theo cách tính của người Tây. Bà quê Hải Dương, dòng dõi văn thân, bà nội là chị ruột ông Tấn Thuật theo Cần Vương đánh Pháp. Ông bố là giáo thụ, mẹ làm ruộng, dặt vãi ưu tiên con gái út cho học quốc ngữ. Có người bạn gái lớn tuổi là chị Giáo Nhất, Bách quen biết “luôn” Nguyễn Thái Học cùng đám đồng chí Quốc dân đảng của ông, cả “chị” Giang, người yêu Học.

Sự giao du này hẳn đã gieo vào Bách sự cảm mến với những người yêu nước chống Pháp nói chung, những người Quốc dân đảng nói riêng. Mà Trần Huy Liệu, cuối những năm hai mươi thế kỷ trước, là bí thư kỳ bộ Nam Kỳ của Quốc dân đảng, đang làm loạn Nam Kỳ bằng những bài báo ký Nam Đẩu, Côi Vị trên các tờ *Đông Pháp thời báo*, *Nông Cổ mín đàm*, *Ngòi bút sắt*, *Rạng đông* ..., các vận động để tang Phan Chu Trinh, đòi thả Phan Bội Châu...

Cuốn “ *Một bầu tâm sự* ” của Liệu phân tích thời cuộc bàn kế sách cho quốc dân làm cô gái lớn lên ở phố huyện say mê lắm. Đến nỗi mà, khi có người chị họ là Phạm Thị Hồng, vừa tốt nghiệp trường hộ sinh, rủ ra làm việc ngoài đảo thì nhận lời ngay. Đối với tuổi trẻ, gặp được người mình cảm mến là tất cả. Xa xôi, đến chốn lưu đày có là gì, thậm chí tưởng tượng cảnh nhìn được mặt nhau giữa trời nước còn lãng mạn hơn. Nhưng thực tế lại nghiệt ngã. Giữa bể cả, những hòn đảo chả có gì đặc biệt. Cây cối, dù là cổ thụ, xơ xác. Cỏ héo queo ôm lấy những con đường gập ghềnh sỏi cát. Công việc cũng ít, vừa hiếm người sinh nở vừa có người tù được phái ra giúp, nên Bách tha thần tới nhà thờ xem lễ. Rồi ra được cha “giác ngộ”, theo đạo thật. Học giáo lý rất chăm, tuy chả mấy tin, sau sáu tháng, Bách được đặt tên Thánh Theresa và sắp chịu lễ Thêm sức. Đây cũng là sáu tháng thư từ, xướng họa với Trần Huy Liệu.

Giờ thì thật khó để xác định cô hay người chị họ đã gửi lời nhắn đầu tiên của Hồng đến Liệu - đang ở ban 2. Nhưng đó là thời gian Liệu đang là tù chính trị Quốc dân đảng, có nhiều đồng chí quen biết Bách.

Những lá thư cuốn hình tổ sâu đan đi đan lại, nối nơi cầm cố với ngoài đời, cũng không khác với một nơi cầm cố nhiều lắm. Có thể hình dung trong lòng người con gái đầy hoài bão, khao khát một cuộc sống mới mẻ, mạnh mẽ ấy hai quá trình diễn ra khá nghịch ngược nhau. Đảng này là “thần tượng” trần trụi, cụ thể, đương nổi loạn chống lại trật tự hiện hữu. Đảng kia là Nước Chúa vĩnh cửu, người ta hướng đến để có sự yên lành. Bên ngoài là con chiên siêng năng ăn nhời cha, bên trong lại giao du với phản nghịch. “Đu đưa” giữa hai nhẽ, cô gái vừa mơ màng vừa tủm tỉm cười.

Được sáu tháng, thì vụ “đánh lừa” Trần Huy Liệu - mà chả phải là để lừa cột - tắt cái phụt. Đang học kinh trong nhà thờ, Bách bị điệu ra, tổng về đất. Những mối liên hệ của cô đã bị nhà cầm quyền trên đảo biết. May không thành bạn tù với Liệu, chắc vì những thủ tục truy tố chưa đủ. Nhưng khi rời đảo, giữa tiếng còi tàu tu tu, cô chỉ muốn nhảy xuống biển quay lại với *người ấy*.

Bách đi, rồi Hồng hết hạn cũng về Sài Gòn, lại mở nhà hộ sinh Hồng Phúc. Năm 1935, cầm tờ *Tiếng vang* ra ở Hà Nội, đọc bài đánh Tự Lực Văn Đoàn, trái tim Bách lại trời đập dữ dội. Hồng “lăn” vào các hoạt động thời *Bình dân*, đi suốt ngày, giấy tờ thư từ, trong đó có cả của Liệu đến chả đọc bao giờ, phó cả cho Bách. Ban đầu, cô tưởng Hồng cũng yêu Liệu. Nhưng rồi tìm cách “thanh kiểm tra”, thấy trong tim Hồng chả chỗ nào có chỗ cho “thần tượng” của mình, Bách nổi lại cuộc “đua dai” bắt đầu từ trên đảo.

Hồng lấy chồng. Chả còn lý do gì để “náu mình”, Bách “ra công khai” bằng lá thư kể tình đầu, mong Liệu tha lỗi. Cái phải đến đã đến. Trong thư trả lời, Liệu nhận ngay Bách là “*người vợ yêu quý của anh*”. Họ đã gặp nhau trong tình trạng “tình trong như đã mặt ngoài còn chưa tỏ” thế nào? Dường như đã có một giai thoại. Rằng, vì Liệu không được phép vào Nam Kỳ nữa, hai người hẹn gặp mặt ở Huế, với “ký tín ám hiệu” anh cầm quyển sách, em mặc áo dài màu vàng. Cầu Trường Tiền hôm đó chứng kiến đôi nam nữ, người thật sang trọng, kẻ rõ tiều tụy, lượn đi lượn lại mãi rồi mới bắt nhời nhau.

Những ngõ ngàng, e ấp qua đi, còn lại là sóng tình dữ dội. Chắc hẳn Liệu được hưởng ở Bách những cảm giác mà Tý không thể đem lại. Trẻ trung, thanh sắc hơn, đã đành. Nhưng cái tuyệt diệu là những câu chuyện. Đồng điệu, lời mới ra đã hiểu bao nhiêu ý nhị, khác hẳn “chính thất” chân phương nói thế nào biết thế nấy. Hai bên đều có những mối quan hệ, sự yêu ghét chung, đều lui tới tòa soạn này, hội thơ nọ. Bách chả lạ gì cái gia đình nhỏ, nheo nhóc của Tý, cũng thuộc rành rành cái trụ sở khét tiếng của báo *Tin tức*, nơi có những con người mà thực dân chả ưa gì như Đặng Xuân Khu, Trần Đình Long, Khuất Duy Tiến. Người con gái trẻ có ngán ngại gì đòn ngằm chính quyền có thể dành cho mình không? Chắc là có. Nhưng đã yêu thì kể gì. Được nghe cái giọng truyền cảm, vang, từng thuyết phục cả biển người thủ thủ cho mình mình nghe, há chẳng quản những nguy hiểm rình rập. Vì chả muốn “ngứa mắt” Tý, tuy đã “chị chị em em” xin nhận làm hai, đôi người yêu nhau thỉnh thoảng lại hẹn hò ở những nơi xa xôi. Tự do giữa biển trời, chỉ có hai trái tim đồng điệu, không cần giữ ý giữ tứ khi muốn bày tỏ, chả phải là hơn à.

Sau những bờ ngõ, e dè, sự đụng chạm ban đầu, là những khám phá về tính cách đích thực của nhau. Bách nhận thấy Liệu rất tiết kiệm, không chịu xài hoang phí bao giờ. Chấp nhận điều ấy, cô lại ấm ức vì anh ghét cả ăn mày, cho đó là không tự lập. Về phần mình, Liệu bắt đầu làm quen với nếp cẩn thận, chau chuốt về ăn mặc của Bách mỗi khi ra ngoài. Sức khỏe của Bách cũng là một vấn đề: cô không dai sức, chịu được gian khổ như Tý. Có rất nhiều “đổi” để so sánh trong lòng người đàn ông đa mang. Nhưng mỗi lần đi đâu với Bách, Liệu đều thẳng thắn nói với vợ. Một người bạn gái chung của cả hai khuyên họ làm vậy vì “ngay từ buổi đầu, anh phải giữ lấy cái quyền làm chồng để sau này dễ xử”. Có lẽ những đặn đi xa rất tốn kém ấy, anh đàn ông lại không phải là người chu cấp chính. Đoàn thể có tiền, Liệu còn viết báo rất nhiều, chắc không thể sinh lợi bằng ngôi nhà hộ sinh ở Sài Gòn, vừa đổi sang tên mới Hạnh Phúc.

Nhưng hạnh phúc nào thì cũng có giá, đòi “trả” trong những tình huống bất thường đến oái oăm.

Một đêm khuya thức giấc, anh Liệu thở dài và nói với tôi thế này:

“Em có biết những lúc chúng ta vui vẻ thế này thì má thằng Diễm (tức bà Tý) ở nhà làm gì không?”

Tôi giật mình, thấy rờn rợn, ấp úng trả lời:

“Em làm sao biết được?”.

Anh Liệu ngồi dậy nói một cách buồn rầu:

“Bà ấy ăn trầu em ạ!”.

Tôi ngạc nhiên: “Sao lại ăn trầu vào nửa đêm?”

“Thì bà ấy buồn mà lại. Em có biết rằng anh vắng nhà bao nhiêu đêm thì bấy nhiêu đêm bà ấy thức suốt sáng. Những lúc ấy dĩ nhiên phải ăn trầu miếng nọ tiếp miếng kia chứ ngồi không sao được”.

Tôi ngần ngừ hỏi:

“Thế tại sao anh lại biết được? Chị ấy nói với anh?”

Anh Liệu lắc đầu: “Không, chị ấy không bao giờ nói với ai cả”.

“Thế sao anh biết được?”

“Chị Khu (vợ ông Đặng Xuân Khu, tức Trường Chinh) nói với anh”.

Tôi giật thót mình: “Trời ơi! Sao mà chị ấy ác thế? Muốn cho người ta tan cửa nát nhà hay sao?”

Anh Liệu lắc đầu nhè nhẹ: “Chị Khu sợ anh Khu sẽ bắt chước anh”

Tôi kêu lên: “Trời ơi! Mấy mươi đêm thức suốt sáng khổ đến thế ư?”.

Tôi bỗng thấy như có một mũi dùi nung đỏ đâm suốt qua trái tim mình. Tôi thật sự đã hiểu hết cái khổ của một kẻ yêu chồng người khác.

Giấc mộng yêu đương bừng tỉnh, hạnh phúc bỗng vụt tan đi như làn khói gặp cơn gió lốc. Tôi nắm chặt tay anh Liệu, giọng run lên: “Làm thế nào bây giờ? Làm thế nào bây giờ?”.

(Những ngày xa xưa ấy. Hồi ký của Phạm Thị Bách. Thế kỷ. Hoa Kỳ 1996)

“Lắc lư” giữa hai người đàn bà, hẳn Trần Huy Liệu phải thấm thía sức nặng của hai chữ “tình” và “nghĩa”. Một mặt, là người vợ ngang tầm tuổi, đã bắt đầu héo đi, dù có sức chịu đựng hầu như vô biên những tai ách do cuộc sống hoạt động của chồng đem lại. “Bên này” là người con gái trẻ trung nói mãi những chuyện đời mà không hết. Anh cố gắng làm mọi chuyện để đôi bên được đầy đặn, như về Hải Dương thăm nom mẹ Bách ốm nặng, đi đưa đám bà cụ, chắt chiu tiền nong đỡ đàn Tý. Và “có hiếu” với con cái lắm. Như lúc Diễm 9 tuổi, không được vào trường nào vì “con nhà xấu”, ông bố đưa lên báo đấu.

- 13 -: MỒNG 1 THÁNG 5 NĂM 1938

Những năm từ 1936 đến 1939, ảnh hưởng của Mặt trận Bình dân bên Pháp dội sang Đông Dương thật mạnh mẽ. Người Pháp phân cực rõ ràng trong thái độ với thuộc địa. Một mặt, là những kẻ có tư tưởng thực dân, muốn ngu dân để tiện cai trị, bóc lột, triệt để bóp nghẹt dư luận. Nhưng tư tưởng “Bình đẳng - Tự do - Bác ái” của cuộc đại cách mạng tư sản vĩ đại lại dẫn dắt những người khác đến hành động nói lỏng quyền phát ngôn, tôn trọng dân bản xứ hơn. Cả hai phía “lập trường” đều có người trong bộ máy cầm quyền, sinh ra những mâu thuẫn trong cách “cầm” dân. Hoàn cảnh ấy nhá nhem, người muốn độc lập vừa được mạnh mẽ ủng hộ, lại cũng dễ “xộ” khám. Dù sao thì cũng “được thể”, Mặt trận Dân chủ Đông Dương ra đời, tập hợp những xu hướng có thể gọi là tương đối gần nhau, để rồi làm mưa làm gió ở Bắc Kỳ. Cái sự “tương đối” ấy thể hiện ở hai chữ Dân chủ, còn nghĩ về ý tứ độc lập thì vẫn khác nhau nhiều lắm. Dẫu sao thì “mảnh chăo chung” mặt trận thì ai ai cũng cần “đắp” trong cơ hội tự do này.

Mặt trận có vẻ “lơ lửng”, ít hậu thuẫn, vì chỉ có ba nhóm. Cộng sản tập hợp quanh tờ Tin tức của Đặng Xuân Khu, Khuất Duy Tiến, Trần Huy Liệu... Nhóm Ngày nay của Nguyễn Tường Tam nhiều trí thức, tiểu tư sản, quan tâm đến việc cải thiện đời sống người lao động, như hô hào làm “nhà ánh sáng”. Và chi nhánh đảng Xã hội (Đệ nhị Quốc tế) Pháp tại Hà Nội, bí thư là Caput rồi Lemaire, người ta có Trần Văn Lai, Phan Thanh, Phan Tử Nghĩa... Bộ ba ấy nhiều điểm mỗi anh nhìn mỗi phía, nhưng đều cần quần chúng. Mà quần chúng thì những người Cộng sản nắm, tuy chính đảng đang là bất hợp pháp. Cái cả ba đều muốn là đi với nhau, thế ỷ dõng sẽ làm thực dân kiêu, bẻ cả bó đuũa vẫn khó hơn từng chiếc. Thanh thế của Mặt trận rất lớn, cho thấy sự lựa chọn của cái nhóm trong đó, vào thời điểm này, là phù hợp.

Vấn đề đặt ra là: Tổ chức quần chúng có công khai không? Thực tế lúc ấy cũng trả lời là nó vừa công khai vừa bí mật. Vì, theo nguyên tắc, tổ chức quần chúng phải là công khai, nhưng đảng lãnh đạo nó lại nằm trong bí mật. Cho đến giữa năm 1939, trong cuộc liên minh với các nhà báo, trừ hai tờ La Patrie annamite và Nước Nam của bọn bảo hoàng, từ mấy tờ báo hàng ngày đến hết cả các báo hàng tuần, đều ký tuyên ngôn chống việc thi hành hiệp ước 1884, Mặt trận Dân chủ lại được mở rộng hơn trước. Nhưng rồi, cuộc Đại chiến thứ II bùng nổ, Mặt trận Dân chủ cũng hạ màn. Có thể nói là từ năm 1936 đến năm 1939, Mặt trận vẫn đương coi là thời kỳ hình thành. Lúc mới đầu, trong đám chính trị phạm ở nhà tù ra, vẫn có anh em không thông với chính sách mặt trận. Có người bảo những người hoạt động hợp pháp như thế là làm chính trị, chứ không phải là làm cách mạng, vì làm cách mạng đánh đổ “chính phủ” thì phải bí mật mới được. Bây giờ cũng có anh em nhận định Mặt trận Dân chủ bấy giờ không phải là Mặt

trận Dân tộc thống nhất, vì nó không chống đế quốc, còn ủng hộ chính phủ Mặt trận Bình dân và thành phần của chi nhánh Xã hội Đệ nhị quốc tế còn có cả người Việt lẫn người Pháp. Thực ra, thì Mặt trận Dân chủ về tổ chức, đương trong thời kỳ hình thành, về mục đích yêu cầu, nó chủ trương chống phản động thuộc địa, đòi tự do dân chủ. Không thể nói là phản động thuộc địa không có “bà con” gì với đế quốc chủ nghĩa. Có chăng, nó là những khẩu hiệu thấp nằm trong chương trình tối thiểu của luận cương cách mạng tư sản dân chủ.

Những đánh giá trên trong cuốn “Hồi ký Trần Huy Liệu” ra năm 1991, đặt ra những câu hỏi về cái nhìn của ông về chính sách mặt trận. Cho giai đoạn 1936 - 1939 mới chỉ là “thời kỳ hình thành” của Mặt trận Dân tộc thống nhất sau này, phải chăng ông có ý tiếc cho một liên minh giàu khả năng bị đứt đoạn vì chiến tranh thế giới? Cho chủ trương chống phản động thuộc địa, đòi tự do dân chủ lúc bấy giờ chỉ là những “khẩu hiệu thấp” so với lý tưởng của cách mạng tư sản dân chủ, phải chăng ông chưa thỏa mãn với hiện tình dân chủ?

Cách mạng cần mặt trận như một chính sách để đạt đến một độc tôn tuyệt đối hay lấy đó để mưu cầu hạnh phúc cho cả khối thống nhất, nghĩa là con người vừa đủ ăn đủ mặc, vừa được lựa chọn tư tưởng của mình, hành động trong khuôn khổ pháp luật?

Đấu tranh với thực dân và bộ máy cai trị bằng nhiều hình thức, Mặt trận Dân chủ không quên xông cả vào nghị trường. Ở miền Trung, đại biểu Phan Thanh, người của đảng Xã hội trúng vào viện Dân biểu. Ngoài Bắc, ông cộng sản Khuất Duy Tiến đoạt phiếu rất cao rồi bị chính quyền gạt đi với “mánh” rằng lý trưởng địa phương đã chứng nhận phi pháp cho Tiến. Kể thì rộn rịp, sôi nổi vô cùng, các hoạt động của một thời “chưa bao giờ được tự do như thế”, có lẽ vậy. Nhưng không gì vĩ đại bằng cuộc mít tinh kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5-1938 tại trường Đấu Xảo Hà Nội, nay là Cung Văn hóa Lao động hữu nghị Việt Xô.

Họ (chi nhánh đảng Xã hội - TC) đứng ra xin phép bọn thống trị Pháp và dựa vào ta (nhóm Tin tức) vì ta có quần chúng. Ta cũng dùng áp lực quần chúng để đẩy họ tiến lên từng bước. Mới đầu vì bọn thống trị đe dọa, họ muốn làm chiếu lệ, hạn chế số người tham gia cũng như số người phát biểu ý kiến. Nhất là họ không muốn cho có tiếng nói của người cộng sản. Thế nhưng các đoàn thương nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, tiểu thương... đều đòi có được các đại biểu lên nói. Họ phải nhượng bộ. Rồi những đoàn thể kia lại đòi có tiếng nói của nhóm đại diện cho họ là nhóm Tin tức, Caput cuối cùng phải nghe, nhưng lại ghép đại biểu báo Tin tức chung vào với đoàn Thanh niên. Về diễn văn, họ đòi phải đưa cho họ, nghĩa là cho bọn thống trị, duyệt trước, nhưng đến lúc nói, ta nói thêm vào rất nhiều. Về tổ chức, họ phải thi hành

mệnh lệnh của bọn thống trị là cấm không cho được tụ tập và biểu tình ngoài đường, mà mọi người chỉ kéo đến làm mít tinh ở trong phạm vi trường Đấu Xảo. Khi làm mít tinh, quần chúng không được dùng cờ biển, không được hát Quốc tế ca, mà chỉ hát bài Marseillaise là Quốc ca của Pháp. Ta không cưỡng lại. Thế nhưng đến ngày 1-5, các đoàn thể quần chúng trước khi đến trường Đấu Xảo làm mít tinh, đều tụ tập ở Hội quán ái hữu của mỗi ngành hay ở một địa điểm nhất định. Hàng ngũ chỉnh tề, có người phụ trách từng nhóm, từng đoàn. Mỗi người đều đeo huy hiệu. Trên mũ cài những khẩu hiệu la liệt. Từng đoàn qua các đường phố, ai cấm được họ hô những khẩu hiệu vang lừng. Bà con trong phố nhiều người cũng hô theo. Thế là, các phố đều nổi dậy những cuộc biểu tình kéo đi như nước lũ về trường Đấu Xảo Hà Nội. Trong các đoàn thể nhân dân, còn có cả đoàn người thất nghiệp. Nhân dân ngoại ô thành phố Hà Nội cũng tiến vào như thác chảy. Khi đi đường cũng như lúc làm mít tinh, các đoàn thể đều có trật tự nghiêm chỉnh, bọn mật thám và cảnh sát không còn vin vào được có gì để can thiệp.

Ban tổ chức lễ kỷ niệm vừa khai mạc, sau bài Marseillaise, mọi người đồng thanh hát luôn bài Quốc tế ca. Ai bị được hai vụn rượu cái mồm trong lúc ấy? Sau đó, chỉ trong giây phút, 12 lá cờ đỏ của 12 đoàn thể nhân dân trương lên phần phật trước gió. Ai dẹp được cái khí thế hùng dũng ấy? Hôm ấy, đại diện cho Đảng Xã hội là bác sĩ Trần Văn Lai khai mạc. Các đại biểu nhân dân lần lượt lên đọc diễn văn. Diễn văn của chị Thảo, thay mặt phụ nữ, được vỗ tay rất nhiều. Đại biểu nông dân là Mai Văn Thế hô những khẩu hiệu bỏ thuốc nào (lào) thuốc ná (lá) ai cũng bật cười. Anh Phan Tử Nghĩa nhân danh Đảng Xã hội. Tôi thay mặt cho nhóm cộng sản công khai là nhóm Tin tức đọc một bài diễn văn viết ít nói nhiều, được người nghe vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt. Hoan nghênh nhiệt liệt đây có nghĩa là hoan nghênh nhiệt liệt Đảng Cộng sản.

Bọn thống trị Pháp không hài lòng lắm, nhưng làm cách nào cản được. Tôi còn ghi mãi trong đầu cái ấn tượng hôm ấy. Đứng trên lễ đài nhìn xuống: cả một bể người sục sôi, nhưng rất có kỷ luật.

Đoạn hồi ký trên không ghi nhiều về diễn văn (thực ra là “phát biểu”) của đại biểu nhóm Tin tức; một biểu thị khiêm nhường. Nhưng trong ký ức nhiều người dự cuộc mít tinh khổng lồ, Trần Huy Liệu được ghi nhận như một người có tài nói. Chữ eloquent (hùng biện, có tài kích thích) được báo chí nhắc đi nhắc lại trong các bài tường thuật.

Hiển nhiên Liệu là một trong những đích ngắm lớn nhất của nhà đương cục đế sau này... Nhưng bấy giờ cái dịp ấy chưa đến. Còn hơn một năm nữa, đời tự do “làm loạn” của anh mới

hết.

ĐÚT GÁNH TÌNH

Chế độ đa thê ở Việt Nam đang hồi cáo chung. Có nhiều nhẽ, như văn hóa phương Tây đang đàn áp thứ giáo lý bảo vệ đàn ông. Cơ sở kinh tế trong gia đình không còn do một tay ông chồng gây dựng, nắm giữ nữa, nhiều khi chuyển sang người vợ. Dù Liệu đã hết sức “thu dàn xếp”, dù Tý với Bách nhiều lúc cũng chị em thân tình, mà những cá tính vẫn va chạm nhau, cảnh chồng chung không thể quá mượt mà. Chả biết là may hay không may cho họ, đến một lúc, có cái sức ép từ bên ngoài đến, nó làm đứt phụt, vỡ toang tấm tình đến sau; một vết thương chả thể nào lành.

Cuộc đi chơi Huế kết thúc đột ngột, vì Hà Nội gọi Liệu về. Hai người đã cãi nhau về vụ Bách muốn đến thăm cụ Phan Bội Châu, rồi làm lành, rồi tử tế sang chuyện sinh con. Rõ ràng là Liệu rất muốn.

Được thế, chả phải chỉ mình Tý bị đặt vào chuyện đã rồi. Nhưng bao lâu mà Bách chả thấy gì. Đêm khuya, Liệu hé cho cô biết có những áp lực đang chờ họ. Rồi rõ, là đoàn thể không cho phép kéo dài tình trạng này nữa. Đó là cuộc họp ở tòa soạn báo Tin tức 105 phố Henry d'Orlean (Phùng Hưng), Bách gọi là “phiên tòa đặc biệt”, diễn ra ngay sau ngày cặp uyên ương trở về từ Huế.

Ở tuổi bảy mươi, bà lão Phạm Thị Bách nhớ lại trong *“Những ngày xa xưa ấy”*:

... có mặt: Đặng Xuân Khu, Trần Đình Long, Hoàng Quốc Việt, Khuất Duy Tiến, và dĩ nhiên là cả anh Liệu. Chính giữa là một chiếc bàn tròn, phía trước còn chiếc ghế trống, có lẽ để dành cho tôi.

Từ cầu thang tôi vừa bước lên nhìn sơ những người xung quanh, tình oan nổi giận chất chứa trong lòng. Tôi ngồi xuống ghế cất tiếng hỏi:

“Xin các anh cho biết chẳng hay tôi có tội gì?”

Anh Khu trả lời giọng dịu ngọt:

“Chị không có tội gì cả, vì luật lệ Đảng không cho phép đảng viên có hai vợ, thế thôi!”

Anh Long nói tiếp: “Chị Thu Tâm, chúng tôi thương chị nhiều lắm nhưng có bốn phận phải thương sự nghiệp của anh Liệu nhiều hơn”.

Anh Việt nói thêm: “Chẳng là anh Liệu vốn làm việc ngoài công khai, nếu anh trái luật Đảng lấy vợ hai thì quần chúng sẽ bất mãn không tín nhiệm Đảng nữa, đại cuộc sẽ vì vậy mà giảm thanh thế đi. Xin chị hãy suy nghĩ cho kỹ mà đừng oán giận chúng tôi”

Anh Khu xích ghế lại gần tôi giọng vuốt ve an ủi:

“Mai sau Việt Nam độc lập, tên anh Liệu ghi vào lịch sử, chị cũng sẽ được tiếng thơm muôn đời!”

Tôi nhìn anh Liệu, vẻ mặt khắc khổ và nhấn nại của anh khiến tôi chạnh lòng đau đớn. Tôi đứng lặng nhìn anh một lúc rồi quay gót bước xuống lầu không chào hỏi gì ai cả.

Cuộc chia tay ở ga Hàng Cỏ đã rất ít lời. Cả hai đều nghẹn ngào, nhưng có lẽ chẳng ai biết sẽ không còn gặp lại nhau.

“Ta có tội gì?”.

“Vì ta có tới mười hai chiếc áo màu và bảy đôi giày khác nhau để đi chơi với Liệu trong các lần du lịch các tỉnh khác nhau ư?”. “Còn có gì mà Liệu ngoan ngoãn chịu chấp hành quyết định của họ vậy? Có phải sức ép đã được tạo ra từ rất lâu mà anh không cho ta biết?”. “Chẳng nhẽ người cách mạng lấy đạo đức thay cho ái tình ư? Nhưng lại đã có những ông ấy ông nọ cũng vợ nọ con kia đẩy thôi sao?”. “Chắc chắn là Tý, và có lẽ cả bà Đặng Xuân Khu không ưa gì sự có mặt của mình, đã tác động lên các ông. Tại sao ta không thể yêu ai khác? Ta còn trẻ, có đầu óc, những đàn ông vẫn chạy theo ta kia mà...”

Đó hẳn là những câu hỏi ám ảnh người đàn bà bị bỏ rơi. Rồi Bách cũng lấy chồng, có những người con, sống chả phải chật vật nhưng vết thương lòng còn đó. Nhiều năm sau, bà lão gầy gò và còn rất sắc sảo giải thích “lý do lớn nhất”:

Tai hại hơn hết là một câu chuyện tâm tình giữa đôi vợ chồng trẻ vì vô tình đã lọt vào tai các đồng chí. Nằm trên mũi thuyền trong một đêm trăng sáng tại cửa biển Thuận An, khi tôi và anh Liệu nằm nghỉ trong khoang thuyền, giữa hôm ấy tôi nói với anh Liệu một câu thế này:

“Theo chỗ em biết anh là một nhà văn chân chính và quả thật là có thiên tài, em xét đoán rất công bằng chứ không hề có ý gì thiên vị. Anh còn khá hơn Nguyễn Tường Tam rất nhiều. Vậy sao anh không theo nghiệp văn mà lại ưa thích chính trị nhỉ?”

Anh Liệu trả lời không ngần ngại: “Anh chỉ thích viết lối văn tranh đấu mà thôi chứ còn viết văn tiểu thuyết thì không bao giờ anh muốn viết”. Tôi nói: “Ai bảo anh viết tiểu thuyết! Anh có thể chỉ viết những bài ích lợi và thiết thực cho dân chúng, cho quốc gia thì mai sau anh vẫn có thể có một chỗ ngồi xứng đáng trên văn đàn, hà tất cứ phải tham gia chính trị?”

Anh Liệu hỏi lại: “Em không thích anh làm chính trị phải không?”

Tôi trả lời một cách nghiêm túc: “Không phải thế nhưng em tiên liệu rằng môi trường chính trị không hợp với anh, bởi anh bản chất nhiều tình cảm, người anh còn chịu ảnh hưởng Nho giáo rất nhiều, không thể hợp với chủ nghĩa Mác-xít”.

Anh Liệu cầm tay tôi: “Nói nhỏ chứ kéo người ta nghe được!”

Câu chuyện chấm dứt tại đây, và sớm mai khi đò trở về đến bến sông Hương, các bạn từ già

chúng tôi một cách rất tự nhiên không có ý gì khác. Nhưng mãi nhiều ngày sau anh Liệu nói cho tôi hay những cách trang điểm lộng lẫy quá và câu chuyện tôi nói với anh hôm ở Cửa Thuận đã lọt vào tai đồng chí Đặng Xuân Khu và chắc chắn anh Liệu sẽ bị kiểm điểm”.

Đoạn viết trên trích trong “Những ngày xa xưa ấy” Tập hồi ký mỏng có 9 chương. Chương cuối là một bức thư gửi người đã nằm dưới ba thước đất, bà Phạm Thị Bách “tổng kết”: “Cuộc đời em chỉ chui rúc vào những sự kiện gì xảy ra chung quanh người anh”. Tuy nhiên, in kèm vào hồi ký là một phụ lục, người biên soạn xác định là bà Bách viết và đưa sau đó, đặt “tít”: **Nói chung về cuộc đời Trần Huy Liệu** .

Tôi không có phước được gần ông trọn đời.

Nhưng theo sự hiểu biết và nhận thức của tôi thì ông có chí lớn nhưng kiên thức đối với cuộc đời không được sâu sắc lắm :

1) Ông muốn tìm kiếm một cái gì thật toàn thiện, toàn mỹ, là điều không thể được.

2) Không chịu tìm hiểu cho thật thấu đáo “cá thể” của mình mà chỉ hành động theo cái xóc nổi của bản năng.

3) Nhìn thấy những cái hay quá sớm, quả là một con người có một giác quan bén nhạy ít ai có được; nhưng lại không thấy được cái hiện tại mình đang sống

4) Quá chủ quan trước mọi sự việc do bản tính kiêu căng, vì làm mình đã thành công sớm tức là có đủ tài năng.

5) Về tình cảm, ông thật có nhiều điểm đáng trách: vì yêu mà không dám hy sinh một mảy may nào của cá nhân mình, cũng không hề dám đương đầu với nghịch cảnh. Nếu đến lúc diện đối diện thì ông lại thực thi cái thuyết của Thánh hiền là “phu thê như y phục” và trong thâm tâm có còn một chút gì vương vất thì cũng chỉ tự an ủi bằng cái câu “Lấy câu vận mệnh khuây dần nhớ thương”.

- 14 -: SƠN LA

- Dậy! Dậy! Các bố có dậy nhanh lên thì bảo?
- Dậy làm gì?
- Cứ dậy khắc biết! Thằng tù mà còn hỏi lắm thế...

Đó là đêm 11 tháng 1 năm 1940. Trời rét kinh khủng. Rét và đêm đen là đồng hành với những cuộc ra đi của tù Hỏa Lò, trong đó có những cuộc đi không về. Quản tù chả muốn thân nhân của những “thằng” sắp đi, nhờ ánh sáng và cái ấm áp của ban ngày mà tha hồ tiễn biệt chúng, lắm chuyện dễ rách việc lắm.

Mặt trận Bình dân bên Pháp tan rã tháng 9 năm 1939, Liệu và những ông làm mưa làm gió trên vũ đài chính trị “rớt” ngay, không phải xuống đời người dân thường, mà vào thẳng khám. Đêm 29-9, xe mật thám đến 32 Hàng Than điệu anh đi. Vậy là đời tù trở lại sau năm năm tự do. Cũng không bất ngờ lắm, vì bộ phận công khai của Cộng sản đã dự liệu là nhất định sẽ bị bắt. Liệu vớ cái cặp da đựng quần áo đã chuẩn bị sẵn, từ biệt Tý và các con đang lưng tròn nước mắt.

Trong nhóm Tin tức “trúng số” còn có Khuất Duy Tiến, Trần Đình Long, Nguyễn Văn Phúc... Năm Hỏa Lò ít lâu, đầu năm 1940, họ bị tòa án xử, khép tội làm rối cuộc trị an, âm mưu lật đổ chính phủ. “An phận” nhận án, nhưng họ vẫn hy vọng được ăn Tết Canh Thìn ở Hà Nội, dẫu sao cũng có hơi vợ con đâu đây, nghe tiếng xe cộ bên ngoài. Vậy mà bây giờ, quân ác độc lại khua đi. Cấm cảnh làm sao, dù phần lớn ở Hỏa Lò, anh nào cũng đã trên một lần ném cơm tù Chương trình đón xuân ở Hỏa Lò, được Nguyễn Văn Phúc soạn sửa rất vĩ đại, đâm ra phải đem bông phèng trên đường.

Tù nhân loáng thoáng biết sẽ đi, nhưng lúc nào, quản tù bịt tin rất chặt. Rồi nhà bếp được lệnh chuẩn bị hàng trăm nắm cơm. Tin lập tức loang ra ngoài. Mỗi người được trang bị dếp xỏ một ngón, thứ đi nhẹ chân lắm nhưng vấp thì đi tong cả ngón cũng dễ. Tù rất có kỷ luật, coi đây như một chiến dịch hành quân, phân công các ban ngoại giao, tiếp tế, cấp cứu tuyên truyền. Hành trang của họ ngoài thuốc men, quần áo, còn cả tài liệu lý luận, chính trị... Lính khố xanh áp giải, chỉ huy là thiếu úy Pháp.

Thành phố đương ngủ. Người lèn chặt trong xe tải, mệt mỏi vì lắc lư và rét, bỗng tỉnh hẳn lên vì tiếng nhao nhao bên ngoài. Ga Hàng Cỏ đấy, la liệt vợ tù con tù người yêu bạn bè bố mẹ tù tay vẫy miệng gọi. Liệu cố vươn cổ ra, thấy Tý và vợ Phúc khệ nệ ôm bọc. Nhưng nào có

được gì. Xe chạy ù qua. Trong làn khói mù phía sau, những người ở lại tội nghiệp kêu gào trong tuyệt vọng.

- Chắc các bà chuẩn bị cho chúng mình lắm thứ trong gói lắm. Vậy mà... Quân ác độc? - Liệu bảo Phúc ngồi mé kia, trong khi tay anh đang bị xích làm một với Xuân Thủy.

- Thế nào cũng có bánh chưng... - Phúc bảo - Các bà muốn chúng mình được ăn Tết trước. Tớ thích của nếp lắm...

Trong đêm đen, nước mắt chảy ướt gò má đen sạm. Những con người đã từng trải đến dày dạn thất lòng lo cho người thân, thêm một bếp lửa, hơi ấm bàn tay vợ. Đã đành đời tranh đấu là vậy, dấn thân không tiếc, nhưng họ lại là những con người có ruột rà, thân quán với bao nhiêu yêu thương. Họ đâu có biết là khi tin lọt ra ngoài, “liên hiệp các gia đình tù nhân” đã phân nhau người chực ngoài cửa Hỏa Lò, ngoài ga (xe tất phải qua đấy chứ lì), người về quê gọi thêm người. Gia đình Vũ Đình Huỳnh còn nghĩ xa, thuê xe lên chực tận Hòa Bình. Chu đáo thế, mà rồi “Tiếng có gọi người thì không thấy, Tay có giơ máy chạy không ngừng”...

Dẫn lòng lại. Đành lòng vậy. Khi phút yếu lòng đi qua, người tù tìm cách thích nghi với hoàn cảnh.

Đường xấu, xe xóc, cứ hai thằng tù một xích, muốn chuyển chỗ cho đỡ mỏi thì phải chuyển cả đôi, có khi ngã chống kèn vào nhau. Được cái lắm anh vui tính, bất ngờ “hôn” bạn lại cười ầm.

Qua Lương Sơn, lác đác có người đốt đuốc đi chợ. Đã là địa phận của người Mường, đàn bà gánh măng đắng, bí rợ váy áo rối rít. Trong nhập nhoạng bình minh những cảm giác về họ thật lạ. Con cháu những Âu Cơ, Mỵ Nương đấy ư? Cả nghìn năm nay, các cụ đã hát câu “Đẻ đất đẻ nước” thế nào nhỉ? Rồi Liệu nghĩ đến những người phụ nữ của đời mình. Tý vừa sinh thêm con gái Nguyệt Hồng, giờ lại phải chịu cảnh đơn côi kiếm sống nuôi con. Ta lúc nào cũng biền biệt, ở nhà không tơ tưởng người khác thì nguy hiểm lại rình rập. Và Thu Tâm. Thu Tâm đang ở đâu, làm gì? Hôm chia tay ngoài ga Hàng Cỏ, Thu Tâm đã nhìn mình với ánh mắt thật bi phần, dường như sắp đi đến một quyết định kinh khủng lắm. Thu Tâm là một người phụ nữ mới, có suy nghĩ độc lập và cũng biết làm ăn, chắc đường kinh tế sẽ không đến nỗi nào. Bên nàng, ta có những cảm giác thật lạ, bất ngờ, khác hẳn Tý chỉ biết có chồng con. Dù sao ta thật may mắn khi được hưởng những tình cảm trọn vẹn của cả hai. Mà này, khi muốn có cả hai, liệu cái tư cách đảng viên của ta có đáng bị coi là ích kỷ, đa tình không nhỉ? Thế còn cái tư cách đàn ông của ta, nó ra thế nào?...

Tảng sáng là Kỳ Sơn, Hòa Bình. Chiếc xe chở Liệu đi thứ hai bỗng chồm lên, lật nghiêng. Nước ồ ồ chảy vào, Liệu bị đè không thở được.

- Dẫm thế này thì chết người ta rồi còn gì? - Xuân Thủy bị cú nhồi vào bụng rên rỉ.

Nhưng đau không bằng lo chết ngạt. Ngã xuống sông Đà, chết là cầm chắc. Hai thằng một xích không vùng ra được. Được cái là nước vào chậm, người ngâm trong giá lạnh mà cổ vẫn ngóc lên thở. Ai đó hô bình tĩnh, hoảng loạn sẽ đạp chết nhau. Từng đôi dìu nhau chui ra khỏi xe. Đến lượt mình trở dậy được, Liệu hết cả hồn khi đụng phải cái xác bê bết bùn.

- Chết rồi. Thằng Voi chết rồi anh em ơi. - Liệu hoảng hốt kêu.

“Voi” là Trịnh Tam Tĩnh, vốn ngồi cạnh Liệu.

Nhưng trên bờ Tĩnh đứng lù lù. “Voi” đây cơ mà!

Thế ai chui vào chết trong xe?

Sáng rõ, thì thùng chuyện. Đó là người đàn ông Mừng bên đường, khi thấy xe chồm lên thì hoảng hốt nhảy xuống đầm, xe đổ chả biết thế nào lại lọt vào trong, bị dẫm đạp mà chết. Đương nhiên lại chết vì mấy thằng “trời đánh không chết”.

Lính thối còi tập hợp, điểm người. Đoàn tù lướt thướt đi. Ngoái nhìn lại, chị người Mừng đang không thể khóc nổi bên xác chồng. Oái oăm. Oan uổng quá. Nhưng sự đau xót người không bằng cái lạnh của mình. Vừa đi vừa run bắn như thể sốt ác tính. May lên đến bến Ngọc, vợ Vũ Đình Huỳnh đã đợi cùng con trai Vũ Thư Hiên, cho Liệu cái khăn quàng cổ.

Bến Ngọc - Chợ Bờ - Phương Lâm. Bắt đầu đi bộ từ Suối Rút. Thực dân chả phải tử tế, cho đi xe đến Hòa Bình là để tránh dân nhiều dọc đường. Trịnh Tam Tĩnh phụ trách tiếp tế, những thuốc men, vật dụng nặng nhọc nhất cứ việc chất lên lưng, đúng là “Voi”. Bởi cứ “từng đôi chim bay đi” nên một anh “Tào Tháo đuổi” là anh kia tha hồ thưởng thức bên cạnh. Liệu và Xuân Thủy là một cặp rất hợp.

Chuyện thơ thuổng, chuyện thổ ngời, địa chí. Đến Chợ Bờ nhắc nghĩa quân Đốc Ngữ, đến Suối Rút phổ biến thuốc phiện, nắc nẻ như hai đứa trẻ khiến các cặp khác chụm lại nghe.

Hữu tình thay cảnh Phương Lâm

Gặp nhau vừa mới một lần đã quen

Ơ kìa cô gái sông Đen

Non cao rừng thẳm con thuyền đợi ai

Mấy câu ứng khẩu của Liệu được Xuân Thủy tán thưởng lắm. Rằng anh hơi như cú, ai người

ta bắt chuyện mà đã bảo là quen. Rằng đợi ai chứ “thuyền” người ta nhất định không đợi anh. Nhưng mà cái dùm lục bát này được, ít nhất nó có phong vị “du lịch”, chứa đựng cái tâm hồn vô cùng đa cảm của cậu. Được khen là vậy, mà Liệu không thể “tiêu hóa” nổi cái tật thấy khói thuốc缭绕 là sà lại của Thủy. “Đãi” lại bạn là món cứt trâu; cái chân từ cú ngã ở Hòn Cau muốn tránh mà cứ tương thật gọn ghẽ vào giữa bãi, đâm thối hoảng cả đoạn đường.

Ai đưa mình đến Châu Yên

Hoa rừng một đóa càng nhìn càng tươi

Thấy nhau chẳng hỏi chẳng chào

Nhưng xa nhau cũng nao nao trong lòng

Cái “phương pháp” thi vị hóa ấy rút cho đoạn đường ngắn lại đáng để. Đi mười ngày thì tới Sơn La, đầu tỉnh có hai cây đào cổ thụ. Chao ôi? Hoa gì mà thắm quá thế...

HẦM TỐI

Tỉnh lỵ Sơn La nằm trong châu Mường La, tiếng Thái nghĩa là “mường Cây lụ”. “Nước Sơn La, ma Vạn Bú”, chả thế mà công sứ tỉnh Saint Pouloff năm 1933 đã gửi Thống sứ Bắc Kỳ báo cáo mật, rằng số mạng loại chính trị phạm hung hăng khó trị ở Hỏa Lò Hà Nội lên đây sẽ do vi trùng sốt rét định đoạt. Trong sáu tháng của năm đó, gần 40 người đã chết, xác vùi nghĩa trang Gốc ổi dưới chân dốc Chiềng Lề. Sau này, kiến trúc sư Tạ Mỹ Duật thiết kế một đài tưởng niệm họ ở đó, thiên nhiên hòa nhập với các mảng khối rất dễ chịu.

Liệu gặp ngay người quen. Công sứ Sơn La là Cousseau, thời Mặt trận Dân chủ làm trưởng phòng địa chính tỉnh Hà Đông. Báo *Đời nay* chửi việc trưng thu ruộng đền, ruộng chùa, cả ruộng hậu tư nhân giao cho *Nông phố ngân hàng*. Cousseau nhần muốn gặp riêng Liệu, phàn nàn sao cũng cộng sản với nhau mà công kích việc nó muốn tập trung ruộng đất lại cho nhân dân. Liệu nhần lại là cứ đến tòa soạn làm việc, chả thấy hồi âm gì.

Giờ thì bài đã lật ngược. Nhưng Cousseau ra chiều tử tế, gọi ngay “đồng chí” Trần Huy Liệu ra, nhần nhó: “Mấy ông quan lại An Nam bảo tôi là cộng sản, nhưng những đồng chí của tôi thì lại không nhận tôi là cộng sản. Thế thì tôi biết ăn làm sao, nói làm sao bây giờ”, tiếng Việt rất sõi. Liệu cười trừ, nhưng nhận sự chỉ định cùng Phi Vân làm đại diện chính trị phạm trước đương cục.

Cousseau là tay làm việc già dặn. Tổ chức lưới nội gián trong những nhà buôn bán dưới dốc Chiềng Lề, hần cũng đồng ý vài thỉnh nguyện của tù. Liệu phô chủ ngục Gabori biến lặn, đánh

cấp phần ăn của những kẻ đã khốn cùng rồi, Cousseau bảo đừng chấp. “Lão già ấy giống lũ kỳ mục kỳ nát ở nông thôn Việt Nam ấy mà”. Và bắt anh em xe nước, kiểm củi cung cấp cho tòa công sứ, việc khổ sai rất cực nhọc. Gần hết buổi làm, nó đi ô tô đến xem xét, kéo thêm giờ, bắt tăng chuyển. Kéo cà kéo kẹt, đoạn đường từ cầu Bản Giảng lên đồi Chiềng Lề có biết bao nhiêu mồ hôi, máu tù đổ xuống, đêm nằm nghĩ những leo dốc đổ dốc mà kinh.

Liệu là bí thư chi bộ, lại đại diện chính trị phạm, cầm Cousseau lắm nhưng luôn phải mềm mỏng, đầu dụi, điều chả hợp với tính cách của anh? Câu chuyện không còn những “đồng chí” với “lập trường” nữa, toàn những đoạn: “Còn hai mươi phút nữa đi không kịp chuyển, anh em nghỉ là phải”. “Thì làm dần thêm, có làm sao”.. “Nhưng anh em bị cắt khẩu phần. Người chứ có phải súc máy đâu mà...” Cầm cự. Lăn công. Công sứ sai giám binh kèm cho đến hết giờ mà số chuyển nước lên đồi chả tăng, hết anh này đau bụng đến anh kia sút móng. Cousseau phạt giam họ dưới nhà hầm, hình ngục tàn ác nhất. Phải tạo ra một sự kiện gì, lái nó theo hướng mình, gây sức ép trở lại chúng mới được.

Nhưng đỉnh điểm đến sớm hơn lúc những người tù dự liệu. ủy ban tranh đấu, do Liệu làm trưởng, họp toàn trại phát động tuyệt thực. Chính trị phạm, ngoài cộng sản, còn những đảng viên Quốc dân đảng và Phục quốc Đồng minh hội, đều nhất trí tham gia, trừ hai ông thân Nhật Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Thế Song. Tô Hiệu có bệnh lao giai đoạn cuối, nằm riêng một xà lim, có nhiệm vụ đưa tin, tiếp tế, tất nhiên khi có thể.

Trưa 13-5-1941, tù đi làm về, không đụng đến cơm đã bày ra sân. Đại biểu thông báo cho Gabori biết họ tuyệt thực để phản đối công sứ bỏ hầm mấy người kéo xe nước, rồi đồng loạt vào nằm trong trại lớn. Đây là một thứ “bối thủy trận” tử thủ kiểu Hàn Tín, quay lưng ra sông mà đánh nhau, lùì là chết.

Chưa kịp xếp xong chỗ, lính xông vào dồn hết xuống hầm tối dưới gầm nhà bếp. 156 mạng lèn vào cái chỗ thường ngày chỉ nhốt được 11 người.

Cousseau lệnh bắn ngay ai đem vào đây một hạt cơm, một giọt nước, bảo Sở Công chính chuẩn bị sẵn áo quan. Cuộc tranh đấu dâm ra mất hướng, vì mình đâu có tuyên bố nhịn uống. Tù ngục, bướng bỉnh lắm anh đã trải, nhưng kiểu này thì chưa ai có kinh nghiệm.

Việc đầu tiên xác định với nhau là lâu dài, gian khổ đây, đừng thối chí. Binh lính được gieo ảnh hưởng của tù, dân dưới phố biết, rồi chuyện sẽ lan đi không đời nào Cousseau dám “chôn sống” cả ngàn này dựa mình đâu. Và xếp chỗ nằm, dành nơi thoáng khí nhất cho những anh già

yếu, có bệnh gọi là “tiểu Đờ Sơn”. Trong tối đen ngày đêm như nhau, cứ 12 tiếng người nằm cuối và đầu hầm đổi chỗ cho nhau, để không ai bị thiếu không khí quá lâu. Nào, anh này để chân cho anh kia gối đầu, ngả lưng vào nhau nhá. Không khí có vẻ bình yên, thậm chí có tiếng khúc khích. Sướng nhất là Khánh, được suy tôn “Hoàng đế” vì “ngự” trên thùng cứt.

Dần dà, nặng nhọc đè lên. Tiếng thở to, gấp gáp.

“Tàn dư” những bữa ăn trước thải vào ống bơ, Chuyền đến cái “ngai” của Khánh, mấy ngày đầy ứ.

Bộ trắng nhun nhút bò ra chui lên mặt mũi những con người đã hết thần sắc, mắt nhắm nghiền, chẳng biết có còn sự sống. Nhưng nước đái thì quý vô ngàn. Uống của mình không đủ, còn xin người “dùng không hết”. Nhưng của những cậu mắc bệnh phong tình thì bố bảo không dám.

Cái đói tử tình tử tội hành hạ nhất vào ngày nhịn thứ hai, thứ ba. Muốn ngủ lắm, nhưng dạ dày nó không yên cho, gào réo như con thú dữ tợn. Thèm nhớ miếng mẹ đi chợ về ngày bé, tiếc sao vợ nấu canh cá dấm ngon mà mình bỏ dở. Ngày nhịn ăn ở khám Lớn Sài Gòn, nhìn đôi giày da, nghĩ chuyện thái nhỏ nó ra xào hành mỡ, Liệu đã tốn bao nhiêu nước dãi.

Đói so với khát không là gì. Thần kinh lúc nào cũng căng, nhất là những anh “thực như hổ”. Liếm láp mồ hôi, chắt bóp từng giọt nước đái. Mùi người khẳn lăm lăm, da nhơm nhớp, có anh khỏa thân trăm phần trăm. May có cái chăn đem kịp xuống, để mà quạt khí từ cái cửa sổ nút kín.

Sang ngày thứ tư, hầm tối đúng là cái nhà mồ. Người của ủy ban không còn sức động viên, những người khác cũng không thể đáp lại. May ông Đắc điền người Hải Phòng lại hiền khô, phục tùng kỷ luật vô cùng, còn động viên anh khác đừng thối chí.

Hồi trên trại (hồi nào ấy nhỉ, xuống đây bao lâu rồi nhỉ...), những cơn lên, ông ấy lại múa chối hét “Giai cấp vô sản toàn thế giới liên hiệp lại?”.

Cousseau đi kiểm tra, “bắn” vào là sẽ xây gạch bít cửa hầm lại. Tô Hiệu xoay được mấy miếng đường phen gửi vào, chia nhau liếm. Nhưng vị ngọt vấy gọi bao nhu cầu, cái đầu tiên không gì khác là nước. Lũ giun sán trong bụng không được ăn làm loạn. Nhiều anh bí đái bí là đã lịm đi. Đập cửa báo với lính, là có người sắp chết cần tới bệnh viện. Tin tới tai Cousseau, “đồng chí” này truyền lại: “Đứa nào chết cứ để cho chết trong hầm rồi chôn luôn một thể”.

Bảo nhau kiên gan. Mình vững vàng thì rồi bên ngoài sẽ biết mà tiếp sức. Chớ cáu giận nhau nhá, chẳng ai được hơn phần thở cũng như chỗ nằm nào... Mà không, cũng đừng manh động, ra khỏi chỗ này mà bạo động thì cũng làm gì được thằng vạ ác Cousseau đâu. Bao nhiêu mưu mô được mấy bộ đầu não thêu thào bàn tính, cuối cùng chỉ đến một cuộc hò la “Nước? Nước”. bằng tiếng ta lẫn tiếng tây.

Hai đêm liền, một người lính dứng cảm tiếp nước cho cuộc tuyệt thực. Ngày thứ năm, ủy ban tranh đấu quyết định dừng lại. Nhưng thằng công sứ Pháp quá đều, bắt phải viết ra giấy những lời nhận lỗi theo ý nó. Không đầu hàng thời cứ ở dưới hầm, có điều đã có nước uống. Đó là thứ nước từ trại gia đình binh lính thải ra, bẩn thỉu vô cùng.

Ngày thứ 12 thì dừng hẳn. Không phải bãi chiến cả hai bên. Cousseau đương có thể, gọi Liệu lên chế nhạo. Muốn chơi à? Biết tay nhau chưa? Người tù đang ở cơ dưới nín thình, tránh khiêu khích. Dù sao cuộc tuyệt thực đã phải nổ ra bất thành lình, chưa chuẩn bị tới nơi. Còn nhiều cách đấu tranh đòi cải thiện chế độ lao tù, ta chơi dài dài được.

Lên khỏi hầm, gặp cơn gió mát, mà yếu quá, Liệu bàng hoàng tưởng ngã gục. Trại giam bình thường giờ đã là thiên đường để mà tận hưởng, mà xem ai thức hết đêm dài...

- 15 -: SUỐI REO

Vụ tuyệt thực 12 ngày đêm có thể coi là một thất bại của tù chính trị, nòng cốt là cộng sản, trước kẻ cai trị. Thất bại là phải. Mình định làm reo, không ăn, vẫn ở trên trại, thì nó cắt cả uống, lèn xuống hầm tối quá cá hộp. Cousseau hành động quá nhanh, cò vừa bày nó đã ra đòn tàn độc. Nghĩ cũng đau. Và người ngợm, lên trại trên rồi cả tháng mới lại sức Nhưng đêm dài, thức rồi cũng thêm lăm thứ hay. Cái tình người, sự đoàn kết được thắt lại, chả phải chỉ trong đám cộng sản. Qua thử thách biết anh nào có thể tin cậy, anh nào phải cảnh giác.

Lính tráng, đám dân dưới phố, không hẳn như Cousseau trông đợi, nể tù ra mặt, cho khi quả nhót khi cuộn chỉ. Và cuộc tuyệt thực, dù có thể nào, cũng chỉ là một khắc trong cuộc đời còn rất dài. Ta tổ chức cái nhà của những đứa xa nhà theo ý ta, được lắm chứ.

Đầu 1940, vừa sắp ngửa lên Sơn La thì Tết xịch đến. Chiều ba mươi đi làm về, được ăn cơm tẻ mát ruột (trong năm toàn ăn gạo nếp nướng), uống rượu men lá. Tù chế ra một thứ “tiền”, đánh bài bao nhiêu cũng không “thủng túi”. Hoa tươi không hiếm, đào phai nhẹ nhõm, mặt trắng chi chít “bầu” trên cành rất mạnh mẽ. Và thơ, cái thứ họ trồng được, ngoài đời lo kiếm ăn, tranh đấu, giờ ngồi rồi tha hồ bỏ ra. Đêm ba mươi, nghe tiếng pháo dưới phố nổ ran, tù nhóm dậy chuyện trò. Liệu đọc một bài thơ “chúc Tết những thằng mất Tết” là đừng đái ra máu, được hoan nghênh lắm.

Văn nghệ lu bù. Trần Đình Long, vốn là trưởng một đoàn kịch ngoài đời, đến là lắm sáng kiến. Diễn kịch, hát ả đào, thi thơ, câu đối rộn rịp, lính tráng cũng xúm vào xem. Xuân Thủy nhỏ nhắn, trắng trẻo được lựa đóng vai đào Thu. Đào Thu ra vào ổng ẹo, giọng khéo rên rĩ trong câu “Tỳ bà hành”:

*Đồng thọ thiên nhai luân lạc nhân
Tương phùng hà tất hằng tương thức
(Cùng một lúa bên trời lận đận
Gặp gỡ nhau họ sẵn quen nhau)*

Bài thơ của Bạch Cư Dị về cuộc kỳ ngộ của đôi trai gái vận vào phận tù sao mà ngọt, khiến nhiều người ứa nước mắt. Liệu tranh thủ gửi tiếng lòng mình vào giọng hát “đào” Thu câu miếu:

Xuân về thu chữa thấy về

Bừng xanh bát ngát làng quê rộn ràng

Thấy ai, ai những mơ màng

Gặp ai tạm trút muôn vàn nhớ thương

...

Thu Tâm? Phải, là Thu Tâm chứ còn ai? Người tù đa cảm ranh mãnh nhắc đến mối tình của mình giữa những người từng góp phần làm cho nó đứt đoạn. Đồng chí, cùng nhau hoan lạc phân ưu phân tư đấy, nhưng có những nỗi chỉ một mình mình biết một mình mình hay.

Hai Tết sau, các cuộc vui chung càng đình đám, việc tổ chức đã vào nề nếp lắm. Trại lớn trại nhỏ đều có tao đàn, gánh hát. Dù đóng góp nhiều thơ phú nhưng không có “tài diễn xuất”, Liệu phải *chân rửa bát hai ngày sướng bỏ bu*.

“Phong trào” làm thơ lên mạnh. Nhiều anh ở ngoài củ mĩ cù mĩ vào đây bỗng lai láng văn vẻ, hết gửi em yêu phương xa đến tưởng ra non nước bỗng lai. Tết, như một cái “thúng” quá “nhỏ”, “đựng” không hết. Nhu cầu ra một tờ báo để chứa những tiếng lòng, khi ai oán, lúc hài hước - rất lớn. *Tiếng suối reo* ra đời, có cả tòa soạn, nhà in nhưng độc bản. Dưới ánh đèn điện được hạ thấp xuống cho cai ngục khỏi dòm, các ký giả mân mê con chữ, bàn cách trình bày. Thực ra trình bày là chuyện nhỏ, vì sau đấy nó xuất bản mồm hoàn toàn. Nhưng được thực hiện do những tay “gộc” vốn đã quây tung trường báo mấy năm trước, nó có đủ các chuyên mục với tính chất riêng “như người lớn”, nghĩa là cũng khá chuyên nghiệp.

- Thầy đồ? Thầy đồ ơi, “Nhạn Lai Hồng” là thầy ký tên à?

- Thế những “Cù Văn Cười” với “Cù Không Cười” là ai? Chịu! Làm sao mà đoán ra cũng là thầy.

Khu rừng vắng, khá xa phố Chiềng Lề rộn lên những tiếng đùa reo tinh quái của đám tù. “Thầy đồ, là Liệu, hôm trước vừa đem cái tật hay gãi của Nguyễn Văn Phúc ra trêu trên *Tiếng suối reo*, dù bệnh ghẻ của Phúc đã chả còn. Khổ anh có tật cũng bị réo, nào ỉa chảy, nào mới ra con sán “dài bằng bốn đoạn ruột”. Liệu cũng tự bôi bác đôi mắt ướm của mình. Báo in nhem nhuốc, đêm đêm được “radio” thêm mắm thêm muối khi “xuất bản” gây những trận cười nôn ruột trong từng trại.

Đang là kỳ kiểm củi. Tốp năm người, đa phần là thanh niên như Hoàng Tùng mới ngoài hai mươi, ưu tiên Liệu ngồi trên khúc cây cho khỏi đu đưa, còn bốn người kéo cưa xoèn xoẹt.

- Thế cái tích bài “Tỳ bà hành” là thế nào?

- Tớ nhớ không rõ, đại loại ông nhà thơ gặp bà chán chồng bèn lai láng lên. Thằng chồng đi

buôn muối thế nào đấy, cô mình không thỏa mãn...

- Mấy chữ population dịch là “bình dân” được à?

- Tùy văn cảnh. Tiếng tây tớ “i tờ ít”, phải về trại hỏi Hoàng Công Khanh mới chính xác.

- Những bài chính trị thầy giảng rất hay, nhưng khó nhớ quá. Sao không in lên báo nhà tù cho nhiều anh em học nữa?

- Thì tù mình có phải cộng sản cả đâu. Mà in nữa báo nặng nề, khó đọc lắm, mình muốn dành chỗ cho những thơ phú, tiểu lâm.

- Kể thế cũng phải. Đêm đêm cười rung cả trại, hay thật. Thế thằng Cousseau nó đã biết gì về báo chưa?

- Để yên. Đến giờ thủy phi cơ lên xuống rồi...

“Thầy đồ” giơ tay ra hiệu im lặng, rồi tụt khỏi khúc cây, rón rén ra bụi le. Từ chỗ đó, tụt xuống dưới dăm chục mét, một cảnh tượng bỗng lai hiện ra trước mặt họ. Mấy cô gái Thái đi nương về qua suối trầm mình tắm. Họ rất khéo, cứ nguyên váy áo bước xuống, nước đến đâu mới kéo lên đến đó, ngụp cả người thì cả bộ váy đội cả lên đầu. Đứng xa mà nhìn, suối như đang bỗng bênh những đóa hoa lớn. Mà hoa thật, đàn bà là hoa của trời đất chứ đâu. Suýt! Khẽ chứ. Các bố đừng cười. Chả xem được cả tòa thiên nhiên đâu mà tưởng bở.

“Thủy phi cơ” về bản, năm anh đàn ông quay lại kéo cửa lều xẻ, vẻ mặt thoảng chút mơ màng, nhất là mấy thanh niên. Trên đầu, lũ ve rừng râm ran, dòng suối bên dưới róc rách. Cứ trông vào câu chuyện và khung cảnh, có thể tưởng họ là những du khách an lành, hồn nhiên nhất trên đời.

Rừng chiều ngả sang sẫm sịt. Cúi vác qua khe, qua con suối vừa in bóng những bông hoa rừng, chất lên xe. Hò dô. Bắt bánh nào. Quành nhanh quá hết bố nó đà rồi. Đằng sau, người tù có tuổi trở nên trầm lặng. Ô, mình đã qua tuổi “bất hoặc” rồi, sức vóc thanh niên nhìn mà thèm. Mình xa vợ con, xa người yêu mà còn vô tư được thế này... Mấy hôm nay Tô Hiệu ho ra máu nhiều quá. Hiệu biết Thu Tâm đấy...”

Đêm đến, trên “giường” xi măng, có những trạng thái trái ngược không cho người tù ngủ sớm. Đây, thật êm đềm, lãng mạn, bài thơ về một “bông hoa rừng”. Đây, nghịch ngợm, quấy phá một ý tứ cho mục “Cù không cười”. *Tiếng suối reo* đã thành một phần cuộc sống nhà tù. Nhờ nó, bao người đã thay đổi, trở thành một phần của cái chung, lại “phát hiện” ra rằng mình cũng có tâm hồn thi sĩ.

Tháng 8 năm 1942, Liệu rời Sơn La về “căng” Bá Vân ở Thái Nguyên. Chỗ trại tập trung

mới, điều kiện đỡ khắc nghiệt hơn. Tờ báo ra lần này có tên *Dòng sông Công*, ảnh hưởng lan ra cả dân cư bên ngoài. Chẳng phải chỉ có đời tù, người ta còn biết Hồng quân Liên Xô bắt đầu phản công quân phát xít cờ Việt Minh kêu gọi đánh đổ đế quốc đã phát lên...

Liệu khỏe ra. Đến nỗi Tý lên thăm, khi trở về mang thai, đứa bé ra đời mang tên Công để nhắc dòng sông “sinh thành” ra nó.

NGHĨA LỘ

“Nhất Thanh nhì Lò tam Than tứ Tắc”. Nghĩa Lộ, tức Mường Lò, là cánh đồng lớn thứ nhì Tây Bắc. Tụ nghìn năm, người Thái đen trồng lúa nước, quăng chài đánh cá, ăn *nậm pịa* và múa xòe bên những con suối lớn. Thực dân đến lập nên một đồn binh lớn trên đỉnh đồi cạnh thị trấn nhỏ. Và vì hè thì nóng nung, đông rét giá, muỗi độc đốt mau chết, nên bên cạnh đồn binh lại mọc lên dãy nhà nhốt tù, bên ngoài là rào nứa, rào thép gai giữa cấm chông. Có vẻ như đã vào đây thì một con chim cũng không bay ra được.

Đang ở “căng” Bá Vân, một “thiên đường” so với Sơn La của thằng đếu Cousseau, đám tù dờn về Hà Nội do gần đây có “loạn”. Pháp dò được bí mật của chi bộ ở Bá Vân, họ lại bị di lên Nghĩa Lộ sau hai tháng nằm Hỏa Lò. Ngày đầu tiên lếch thếch qua thị trấn, thấy dân chúng bị cách ly với tù quá, có anh bảo “chúng nó coi mình như quân ôn rắc dịch tả không bằng”.

Thật thì cái “dịch” đám tù chính trị reo rắc còn nguy hại bằng mấy bệnh thổ tả, tất nhiên đối với bọn cai trị. Bởi vì vừa đặt chân tới nơi, mấy ông ở tù thành thần này đã ra báo *Đường nghĩa*, mở lớp chính trị, dạy lý luận, bắt mỗi tuyên truyền trong binh lính và dân chúng. Một cái mới trong những hành động có chủ trương, tổ chức giờ đây là huấn luyện cả quân sự. Thời thế đang thay đổi gấp rút.

Pháp bị Nhật đè ép lắm rồi, lật lúc nào không biết. Có cơ cứ chuẩn bị, cờ đến tay là phát được ngay. Tết Ất Dậu đầu năm 1945 đã diễn ra không còn mơ màng, “vui như Tết” bằng hồi Sơn La, mà đã đặng đặng một cái gì phía sau.

Quản đồn Nghĩa Lộ là Civet, hàng ngày liên lạc qua vô tuyến điện với Hà Nội. Sau ngày 9 tháng 3, mọi thứ tắt ngúm. Tù nhận định: Hà Nội đã trong tay Nhật rồi. Lực lượng Pháp ở Yên Bái, Lao Cai...phân hóa. Có tín hiệu phái De Gaulle muốn gặp mặt, Liệu, cùng một người khác, được cử ra tiếp.

Lập trường, tôn chỉ, phân chia lực lượng trong tương lai bên tôi bên anh thế nào đem ra

bàn thảo rất hăng. Đang trong tù mà được bàn, chỉ có mỗi chuyện phía kia biết mình có quần chúng đằng sau nên muốn lợi dụng thôi, chứ còn gì. Việt Minh đương cả thế bên ngoài, thì chúng mình có thể một chút.

Bàn thảo chưa đi đến đâu thì “phái De Gaulle” không đến nữa. Lực lượng Pháp ở Nghĩa Lộ được tăng cường khi phó công sứ Yên Bái Pellier từ tỉnh lỵ kéo lính tráng về. Có lẽ là thực dân, sau những ngày đầu hoảng hốt, đã có một sách lược mới: né Nhật ở các trung tâm lớn, rút về vùng sâu xa, đợi viện binh từ biên giới Trung Hoa, nơi quân Đồng Minh đang có ảnh hưởng? Mình toàn người chủ trương đánh Pháp đuổi Nhật, hai thằng choảng nhau, nằm trong tay thằng nào trong tình hình xung sát này cũng dễ bị tàn sát lắm. Tình hình nghiêm trọng đấy. Một ban chỉ huy trại được lập ra, có Phạm Quang Thắm, Nguyễn Sĩ Nghiêm, Vương Thừa Vũ, Trần Đức Sắc (Văn Tân), và Liệu.

Tình hình rất khẩn trương. Những người tù có một trung đội thường trực, coi như “lực lượng vũ trang” - mà chẳng có vũ khí gì cả - đề phòng sự biến. Và phân nhau chuẩn bị lương thực, thuốc men, bản đồ, truyền đơn bằng quốc ngữ, chữ nho, chữ Pháp, cả la bàn tự chế. Căng như sợi dây đàn, vì địch có thể choảng ta, hay ta choảng trước, bất cứ lúc nào cũng có thể. Những hành động theo từng tình huống, nay gọi “phương án tác chiến” được đặt ra, báo động tập thể.

Dền dứ. Cảnh giác. Giữ miếng. Có những người lính đã bỏ đi mang theo súng. Địch không dám đàn áp nhưng rất mực đề phòng. Rồi sự việc xảy đến bất thành lình, chả theo cái cách đã dự liệu nào.

Đó là hôm Tây giải 50 thường phạm tù Yên Bái về Nghĩa Lộ. Quản tù muốn nhốt chung “cả lũ”, chính trị phạm nhất định không chịu, bèn cho lính xông vào đám tù phụ nữ, có sáu chị. Đang giằng co thì viên phó công sứ tiến vào sân trại. Tù nhân, đã chuẩn bị sẵn, đứng sắp hàng, trưng lên hai tấm băng viết sẵn hàng chữ Pháp: “Hãy võ trang cho chúng tôi chống phát xít Nhật?” và “Thả ngay chúng tôi ra?”. Pellier đứng cười khẩy, bảo các anh không phải tay quân sự lành nghề, không chống được Nhật đâu. Cứ ăn no ngủ kỹ đi, nửa tháng nữa người Pháp sẽ trở lại Yên Bái... Đang đắc ý thì “huých”, bảy tám cánh tay xúm vào vật sắp Pellier xuống. Cúi, guốc bổ vào thành thịch. Lão quản đồn Civet chạy ra cổng, Phạm Quang Thắm phóng theo bị thằng quản người Việt bắn trúng đầu. Lính Pháp dưới chợ kéo lên nã súng vào. Cuộc vũ trang cướp đồn, định nổ ra vào đêm ấy, đã trở thành cuộc tháo chạy xuất kỳ bất ý của tù nhân.

Bụi cây lúp xúp, phần nhiều là giống chó đẻ, cứt lợn, lá bị dứt ra tỏa mùi hăng nồng. Dây xấu

hổ đầy gai xóc vào người xót điếng. Lũ kiến càng bắt đầu kéo đến bu. Vậy mà cứ phải nằm yên. Trời còn nắng nỏ, chưa chạy đi đâu được.

Cuộc cướp đồn hóa thành cuộc chạy trốn lúc nãy đưa đẩy ba người vào chỗ náu quái quỷ này. Chốc chốc già Tế lên một cơn rũ rượi, càng nén càng ho khỏe. Nằm trong bụi gần đó, Liệu và Tiếp lo lắng nhìn nhau. May mà tiếng ho không bay ra nơi mấy đàn bà Thái đào măng đắng. Rừng già đầy vất vả và hiểm họa, thường ngày là nỗi khiếp đảm của tù nhân khi đi kiếm củi, giờ quá xa xôi để có thể bươn tới mà ẩn trốn. Có lúc Liệu trông thấy hai bóng áo vàng phía xa, nhưng không lo lắng mấy. Lúc tán loạn trên đồn, lính đồng chả toàn bắn chỉ thiên đấy ư? Đây là kết quả của những ngày tuyên truyền vận động, khơi gợi lòng yêu nước, đùm bọc đồng bào. Nếu cuộc bạo động không bị non, hẳn không ít người trong số họ đang đứng về phía những người tù. Dầu sao những kẻ đi trốn phải hết sức thận trọng. Hồi Sơn La, một bạn tù trốn của Liệu chạy đã xa rồi còn bị bắt, chặt đầu đem về bêu.

Trên đồi đồn rộ lên một tràng súng. Tiếp bấu vào tay Liệu: “Có lẽ nó làm thịt những thằng chưa chạy được”. Sau này, họ biết trong những người bị bắn lúc ấy có Kim, chú bé ngoan rất hăng hái trong cuộc chuẩn bị.

Gần tối lại hồi kèn điểm. Vậy là địch đã làm chủ được tình thế, thiết lập lại chế độ sinh hoạt hàng ngày. Liệu ngao ngán. Là chỉ huy tối cao, anh đã không làm chủ được cơ sự, để nó nổ ra bất thành linh. Máu người phải đổ ra. Nhiều người không còn về được dưới xuôi, nơi vợ con chờ đợi, nơi cách mạng cần người biết bao. Đau nhất là lúc vượt hàng rào, Liệu phải bỏ lại người đồng đội ốm yếu. Cái túi đã chuẩn bị sẵn anh không kịp vớ, còn thứ quý giá nhất là những thư, ảnh người thân yêu.

Ba kẻ trốn tù chia nhau tài sản, quý nhất là tám mươi đồng bạc và ít gạo rang của Tiếp. Đã đến lúc lên đường, dặn rằng bước gần nhau, lạc không hú gọi được đâu. Dây rợ giăng dịt, có lúc cả ba lăn xuống suối, người bó tròn trong gai móc. Rất lâu mới ra đến cánh đồng, sa ngay vào đám thụt, mỗi lần rút chân lên lại “oạp”, nghe trong đêm rất to.

Lũ chó chết tiệt chốc chốc lại sủa ác. Chạy ào qua đường cái sau khi xe tuần rọi đèn sáng trưng chạy qua. Bao nhiêu lần hú hồn, tưởng đã bị phát hiện, đến lúc ung dung được lại nghĩ đến rắn, hàm hổ, những hồn ma bóng quỷ. Nhưng sợ gì cũng không bằng gặp người. Biết đâu trong những ngôi nhà đương say ngủ kia có kẻ đang muốn tóm mình đem lĩnh thưởng. Sao trong ngôi nhà không nóc, chỉ còn nền kia lại có tiếng ho, tiếng chẻ củi... Cuống cuống chạy. Sau lưng có tiếng vó ngựa. Thôi chết. Càng thực mạng, cho đến lúc biết chỉ có con ngựa không yên

lồng đứt dây theo. - Sáng ra, cả ba người đều đoán chắc đã lạc đường.

Sang đến Tú Lệ mất rồi. Đi đâu thì đi, càng xa Yên Bái càng tốt. “Quán trọ” đầu tiên là một nhà sàn, bà mẹ mù nghe câu được câu mất, nhưng hai con trai nói tiếng Kinh sôi. Được cái họ chả hỏi gì cả, lại thông báo tin Tây chạy qua đây hiếp cả người già, còn Nhật đã tràn ngập sông Đà, chiếm cả Sơn La, Trái Hút. Năm đồng bạc mất hút vào bữa cơm rau bí xào, tiếc đứt ruột. Nhưng hướng đi được xác định, là ra Trái Hút. Vấp Nhật còn hơn gặp Tây “đi cả nải”.

Xuyên sơn. Cái chân Tiếp ngày một tệ, khiến anh lúc phải dựa vào Liệu, lúc vào ông Tế mà lần.

Tế già thế mà dai sức. Liệu giữ con dao của ông, bị bắt là tự tử ngay. Anh chả hy vọng gì rơi vào tay Tây Nghĩa Lộ mà được chúng tha mạng. Ông cụ bản Nhốn cho hay hội kín ở nhà tù Nghĩa Lộ giết chết một quan ba bị bắn chết hết, có sáu kẻ chạy thoát, lính đi tìm đang ở ngay nhà bên cạnh.

Những ẩm lạnh bất chợt. Những hẻo hút thê lương. Trùm lên tất cả là nỗi sợ, nó khiến người ta không thể ngủ trong chăn dày, mà chui vào búi tre, đầm mình trong cứt trâu. Cũng có lúc đã tuyệt vọng, hạnh phúc đơn giản lại hiện ra trớ trêu, được cảm thông, thương tình, được ngả lưng thấy kẻ sự đời, ngửi mùi khói, ngắm bóng đàn bà trên vách.

Ra đến Trái Hút, bán nhẫn nhụi sống áo, họ thuê được bè về xuôi nhưng lạc mất Tiếp. Âu Lâu hiện ra với những thanh kiếm Nhật sáng loáng, hàng rìa mép trên gương mặt lạnh. Sống lưng kẻ đi trốn bỗng như có bàn tay ma vuốt dọc. Sau lưng anh tiếng chân rầm rập, ai đó bị lòng đang thực mạng tháo thân.

Đò dọc từ Việt Trì đổ về chen chúc đủ loại người. Một ông khách không ngớt “xi nê ma mồm” về đám tù làm loạn ở Nghĩa Lộ, rằng chúng tợn tạo, luồn lách khôn ranh lắm, quân tuần đã bắt được cả chục, còn dăm ba đứa chả biết thăng thiên độn thổ nơi đâu. Hôi như cú, liên tục “à” “ồ” ngạc nhiên, Liệu và già Tế nghe như nuốt câu chuyện. Ngoài mũi thuyền, gió sông ào ạt thổi. Những tàu chuối trên bờ đánh phần phật. Người đàn bà ngồi cạnh Liệu, chắc đang nuôi con, tỏa ra mùi sữa ngầy ngậy. Tự do đang rất gần trong cái khung cảnh vừa hung hiểm vừa giản dị, tức cười biết bao.

A? Ta sắp làm một người đàn ông hoàng? Ta sẽ gặp ai, nói câu gì, có được chọn món gì để ăn không nhỉ?

Làm sao mà, có dễ đến chục lần rồi, mà tự do vẫn có cái mùi tươi mới quyến rũ đến vậy...

- 16 -: TÂN TRÀO HÀ NỘI

Liệu cố gắng khôi phục lại thói quen ghi chép. Tròn một năm ngày vượt ngục Nghĩa Lộ, ông hoàn thành bản thảo về sự kiện “dậy non” kia. Có những đau xót, phân tích, nhận lỗi về phần mình. Có những dí dỏm, tức cười dọc đường... Bao điều cần phải ghi ngay, toàn chuyện chả phải chỉ trọng đại với mình ông, mà hên quan đến những vận mệnh rất lớn. Mà từng tí một, Liệu nhận ra cái trí nhớ, vốn là niềm tự hào, đang phản bội lại mình. Cú ngã năm nào ở Côn Đảo dầu sao cũng để lại dư chấn trên đầu...

Nhưng chả thể tởm mẩn nhất, ghi lại hết. Ông đang sẵn quá giấy bút, vài tờ báo trong tay để thỏa mãn chí lập ngôn. Nhưng cái trong tù cực nhiều, là thời gian, thì lại không. “Cái gạch nối” giữa hai thời kỳ tự do và lưu đày có lẽ là những bộ “com lê”. Quần tây sáng, áo vét, sơ mi trắng thắt cravate làm Liệu nhớ bộ trong tù, cả trăm thằng “đồng phục”, khác nhau cái số má.

Chuyến xuôi sông Hồng vô sự. Miền xuôi đón họ với một trật tự khá hỗn loạn. Trên đường phố, lính Nhật rầm rập lê sáng lờ. Trong các căn nhà, báo *Cứu Quốc* của Mặt trận Việt Minh được truyền tay nhau đọc. Mạng thông tin, chủ yếu qua *radio*, đưa dồn dập việc quân đội Đồng Minh từ Normandie tiến về phía Tây châu Âu, đạo quân Quan Đông thất thủ ở Mãn Châu Lý. Trong trụ sở *Cứu Quốc* ở Đại Mỗ, Liệu cùng Xuân Thủy soạn lại tin tức, viết những bài kêu gọi chống phát xít.

Cơ sự xoay vần quá nhanh. Phát xít đầu hàng Đồng Minh. Các đô thị lớn cực kỳ mong manh, chả lực lượng nào có quyền lực thực sự. Trong khu rừng lớn có cây đa trùm rợp ở Tuyên Quang, Việt Minh tổ chức Đại hội Quốc dân, nội dung chính là tiến về xuôi nắm lấy chính quyền. Tất tả lên Tân Trào, Liệu nghe nhiều chuyện về Nguyễn Ái Quốc, nhiều người bảo giờ là Hồ Chí Minh. Rằng đã bôn ba nhiều nước, chí hướng giành độc lập, tự do cho dân tộc lớn lắm. Rằng đã về nước năm bốn mốt, ở trong cái hang thẳm trên Cao Bằng chỉ huy cách mạng, gây dựng lực lượng. Ông Cụ rất tích cực tìm kiếm sự hỗ trợ bên ngoài, đem viên phi công Mỹ lái cái máy bay bị Nhật bắn rơi sang tận Trùng Khánh trao trả Đồng Minh. Sự trợ giúp rút cục khá nhỏ nhoi: người Mỹ chỉ cử đội biệt kích “Con nai” do một thiếu tá chỉ huy sang huấn luyện quân sự. Có một việc nhỏ làm hiện ra trong mắt các đồng chí một ông Cụ thật lịch lãm: mấy chị hậu cần lo sốt vó khi được giao tổ chức một buổi tiệc đãi bạn. Ăn uống gì, hút gì, ở đâu..., trao đi đổi lại mãi không ra. Ông Cụ bảo đem con bê về, ra suối thui chín, để xấp dao bên cạnh, tất nhiên kèm rượu cognac. Đây có lẽ là một bữa ăn nhô đời với thiếu tá Thomas và đội “Con nai”.

Đêm 13-8, trong một căn nhà lợp lá, tôi được đồng chí Văn (Võ Nguyên Giáp) ủy quyền cho

thảo bản Quân lệnh số 1 của Ủy ban Khởi nghĩa. Mặc dù ngồi dưới ngọn đèn tù mù những con tầm xuân, con thiêu thân bay quanh tới tấp, muỗi và dấm thì nhau đốt làm tôi nhiều lúc nẩy người lên hay đập chân phành phạch, tôi vẫn say sưa nghĩ đến cảnh mất nước, dân nhục từ tám mươi năm, nghĩ đến sự nghiệp cách mạng của mấy thế kỷ qua; những cuộc khởi nghĩa của Văn thân, của Việt Nam Quốc dân Đảng cho đến ngày nay dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương. Mình được sung sướng làm cái việc “nửa đêm truyền hịch hẹn ngày xuất quân”... Bản Quân lệnh số 1 lúc ấy tôi thảo ra một mạch, đọc đi đọc lại vẫn không sửa chữa một chữ nào. Viết xong tôi trao cho anh Văn. Nhìn anh tôi nghĩ đến những ngày gặp nhau ở báo Le Travail, tôi mỉm cười nghĩ thầm: Chàng “bach diện thư sinh” này đã trở thành một viên tướng rồi ư? Thế là cuộc tổng khởi nghĩa đã phát động. Ủy ban Khởi nghĩa chỉ còn chờ chính thức hóa tại Đại hội Quốc dân.

(Hồi ký Trần Huy Liệu. NXB Khoa học xã hội. 1991)

Liệu thấy thân phận mình được “cải thiện” từng bước. Cùng Nguyễn Lương Bằng, Phạm Văn Đồng, Dương Đức Hiền ngồi chủ tịch đoàn điều khiển Quốc dân Đại hội ở đình Tân Trào. Được cử làm Phó Chủ tịch Ủy ban Dân tộc Giải phóng, sau đổi ra Chính phủ Lâm thời. Ông về Thủ đô Hà Nội giữa rừng cò và biều ngữ đón chào, lòng hân hoan không thể tưởng. Và cũng không thể tưởng trong niềm hân hoan ấy lại có những lễ, những nỗi không thể tưởng ra.

HUẾ

Chưa kịp cảm nhận về một Hà Nội cách mạng, nơi mình ra đi trong cái đêm giá buốt để lên Sơn La, Liệu bù đầu trong đồng việc của Chính phủ Lâm thời. Rốt lại, là ông chủ giải quyết được bao nhiêu. Từ Trung Bộ có điện tín hoàng đế Bảo Đại xin thoái vị, đề nghị phái đại biểu vào tiếp nhận.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đang còn ở chiến khu, Trung ương Đảng và Chính phủ Lâm thời chỉ định Liệu, thay mặt Chính phủ, làm trưởng đoàn, Nguyễn Lương Bằng thay mặt Mặt trận Việt Minh, cùng Cù Huy Cận, một gương mặt của thời *Thơ mới*.

Ngày 25-8-1945 họ rời Hà Nội trên hai ô tô, có tiểu đội bảo vệ của Giải phóng quân. Chả ai thấy hiểm nguy gì, biết đâu người của Quốc dân đảng luôn rình rập ám hại, theo đến Thanh Hóa thấy không ăn thua thì bỏ.

Đêm 29-8, đoàn có mặt tại trụ sở Ủy ban hành chính Trung Bộ ở Huế. Cuộc hành trình dài và mỗi một, cứ trăm cây đại một lần diễn thuyết rã họng làm Liệu không chớp mắt. Ngủ thế nào khi trước mặt là sự kiện vĩ đại, có một không hai trong đời người. Ngày mai, ông sẽ thay mặt quốc dân đồng bào dự lễ thoái vị, nhận ấn kiếm từ tay hoàng đế Bảo Đại. Lịch sử Việt Nam

sẽ ghi chế độ phong kiến chấm dứt từ đây, chuyển sang nền Dân chủ Cộng hòa.

Dinh Khâm sai cũ vắng lặng, dù ngoài kia thành Huế chắc chẳng yên ả. Liệu trở dậy, bước ra vườn, tự nhiên muốn có thuốc trên tay. Chẳng bao giờ hút thuốc, nhưng những nỗi niềm đang trào lên trong lòng làm ông bồn chồn quá thể.

Còn hơn hai tháng nữa, Liệu tròn bốn tư tuổi.

Ông chợt cảm thấy mình đã sống rất nhiều, quá nhiều. Có bao nhiêu sự kiện trọng đại với đời người, với dân tộc, ông đã trải qua, và không thể không ghi lại. Nhưng đến bao giờ mới có thì giờ ngồi yên.

Và ghi cái gì, bỏ chỗ nào? Ví như là những chuyện nho nhỏ mà buồn cười: hôm ra đi từ Hà Nội, ông chọn trong đồng quần áo cũ vút lộn xộn ở Bắc Bộ phủ mãi mới được bộ tropical gọi là thơm tất để khoác vào cái thân thể còm cõi, ngăn ngùn của mình. Ví như giữa đường, một ông cụ tặng phái đoàn tẩm biển có dòng chữ “Khánh chúc Tân triều” để chào mừng chính quyền Dân chủ Cộng hòa. Bao nhiêu nỗi niềm để điểm lại. Nhưng đêm thì ngắn, ngày mai ông không thể không khỏe mạnh.

Những ngày “ngồi rồi” ở Việt Bắc kháng chiến, Liệu có thì giờ ghi lại chuyển đi đặc biệt vào cổ đô...

Đến cách thành phố Huế 2 cây số, chúng tôi đã gặp ông Phạm Khắc Hòe, Ngự tiền văn phòng của Bảo Đại hồi ấy ra đón phái đoàn... Qua câu chuyện của ông Phạm Khắc Hòe, thì sau khi quân Nhật đã đầu hàng và dân chúng biểu tình đoạt chính quyền ở Huế, Bảo Đại đã hoang mang lo sợ. Cái hy vọng của hắn không còn là phải “duy trì ngôi báu” mà chỉ là bảo toàn tính mạng...

Chúng tôi bàn nhau cách xử trí với Bảo Đại, theo hướng chung là khoan hồng, nếu có việc gì khác sẽ thỉnh thị Hồ Chủ tịch và Chính phủ sau.

Bàn xong, chúng tôi nói cho ông Phạm Khắc Hòe viết mấy điểm mà phái đoàn đề ra...

1. Sau khi đến điện Kiên Trung gặp Bảo Đại, chúng tôi sẽ nói cho biết ngày làm lễ thoái vị và nghi thức thủ tục của buổi lễ này.

2. Sau lễ thoái vị, Bảo Đại sẽ phải ra khỏi hoàng cung, chỉ được đem theo những đồ dùng riêng, còn những tài sản, vật liệu trong hoàng cung sẽ do Ủy ban Hành chính Trung Bộ làm biên bản và bảo quản.

3. Những lăng tẩm của hoàng tộc nhà Nguyễn là công trình của nhân dân xây dựng nên phải là tài sản của nhà nước. Họ nhà Nguyễn được đến đây cúng bái tổ tiên, nhưng không được nhận

làm của riêng.

(Hồi ký Trần Huy Liệu. NXB Khoa học xã hội. 1991)

Buổi chiều, trước khi đi gặp Bảo Đại, có một điều tưởng là nhỏ, mà làm phái đoàn khó nghĩ. Nên xưng hô thế nào với ông hoàng? Nhỡ Bảo Đại xưng “trẫm” thì sao? Chưa thoái vị, vẫn còn là hoàng đế thì xưng “trẫm” là bình thường.

Bảo Đại đang trong tay mình, xử thế nào mà chả được Nhưng chính quyền đang còn mới mẻ, ở cái thành phố đã là Ngự địa Kinh sư của nhà Nguyễn từ hàng trăm năm ta phải cư xử đúng mực để ổn định lòng người. Dù sao con người ấy cũng muốn giao đại tí “quyền lực” còn con còn lại cho ta. Danh từ xưng hô không quan trọng lắm, cứ gọi “ông “ theo giao thiệp thông thường, bên kia xưng gì thì xưng. Mà chắc gì Bảo Đại đã dám xưng “trẫm” với những người nắm vận mệnh mình.

Chiều hôm ấy, trước khi vào điện Kiến Trung, tôi tưởng tượng là sẽ được thấy những nhộn nhịp, hỗn tạp của một cảnh cuối cùng đương tan rã, sẽ thấy những bộ mặt ngơ ngáo của những hoàng thân quốc thích, những công nhân viên và cả vợ Bảo Đại là Nam Phương hoàng hậu. Thế nhưng, cảnh trước mắt đã khác trí tưởng tượng của tôi. Xe phái đoàn đã đậu ở cửa điện Kiến Trung, chúng tôi vẫn không thấy rộ lên cái gì ngoài hai người ra cửa đón là Bảo Đại và ông Phạm Khắc Hòe. Bảo Đại hôm ấy mặc chiếc áo dài màu lam, quần lụa, đầu trần. Trên bộ mặt nục nạc vô tri vô giác của hắn không lộ một vẻ nào khác. Câu đầu tiên mà hắn đón chào chúng tôi đã giải quyết xong một việc xưng hô giữa chúng tôi và hắn, là hắn gọi chúng tôi bằng “ông “ và xưng “tôi”. Trong phòng khách, ngoài Bảo Đại và ông Phạm Khắc Hòe ngồi tiếp chúng tôi thì chỉ có mấy người lính “khố vàng ” hầu hạ trà nước. Mới đầu tôi hỏi Bảo Đại về mấy điều kiện mà phía phái đoàn đề ra có ý kiến gì không, hắn xin tuân theo cả. Sau mấy câu trao đổi ngắn gọn trong bầu không khí yên lặng, chúng tôi không biết nói gì thêm. Đối tượng của chúng tôi lúc ấy là Bảo Đại lại càng không biết nói gì. Tôi liền gợi chuyện: “Những ngày ông làm vua là những ngày nước ta bị mất nước, hết Pháp, đền Nhật, chắc ông cũng chẳng sung sướng gì, hơn nữa, chắc cũng nhiều cái khổ tâm?”. Hắn chậm rãi trả lời: “Vâng chúng tôi cũng có nhiều cái khổ tâm”. Thế rồi câu chuyện lại rơi vào chỗ yên lặng.

(Hồi ký Trần Huy Liệu. NXB Khoa học xã hội. 1991)

Tới khi về, phái đoàn lại có hai việc phải giải quyết. Như đã định, trong buổi lễ, cờ quẻ ly vẫn treo trên kỳ đài, khi có tràng đại bác nổ thì hạ xuống, cho cờ đỏ sao vàng lên. Nhưng cờ đỏ sao vàng đã ngự trên đó từ hôm 23 tháng 8, không lẽ giờ lại hạ xuống... Liệu bảo sẽ ra lệnh cho địa phương để ban tổ chức được làm. Việc thứ hai, lại ông Hòe nhắc, trong tháng này, tức tháng 8-1945, ngài Ngự và ông đều chưa được lĩnh lương. Liệu lại hứa sẽ lưu ý, giải quyết không khó

khẩn lắm.

Xe ra khỏi điện Kiến Trung, khi đầu óc đã rảnh rồi, Liệu mới có thì giờ quan sát. Nhiều ô cửa nửa mở nửa đóng, những cái đầu bịt khăn đen lấp ló nhìn theo họ.

Ngày 30-8, năm vạn dân Huế tập trung trước Ngọ Môn. Cờ đỏ sao vàng cắm san sát dọc sông Hương. Ngồi trên xe tiến vào Ngọ Môn, Liệu nghĩ cái chỗ này ngày nào chỉ “sứ Thiên Triều” mới qua được, rồi thống tướng De Courcy gây chuyện đòi Tôn Thất Thuyết mở cửa cho y vào.

Bảo Đại mặc hoàng bào, quần trắng, chít khăn vàng, chân đi giày dùa thêu rồng chờ phái đoàn ở lầu Ngũ Phụng. Sau vài lời xã giao, “đương triều” và “tân triều” ra mắt quốc dân. Trần Huy Liệu thay mặt đoàn thông báo cho đồng bào biết Chính phủ Lâm thời sẽ ra mắt tại Hà Nội ngày 2 tháng 9. Tuyên ngôn Độc lập do cụ Hồ Chí Minh đọc.

Rồi đứng sang một bên nghe đọc Chiếu Thoái vị.

Dưới kia là biển người. Cần phải đọc trịnh trọng, nhất là giữ thái độ đàng hoàng, dù mình là kẻ yếu, thua trong cuộc cờ này. Xác định vậy, nhưng Bảo Đại vẫn quá xúc động. Loa phóng thanh phát không rõ điều ông nói, có thể vì đấng quân vương ít nói tiếng Việt, nhất là trước đám đông. Đám đông, dù sao cũng hiểu quyền lực đang được chuyển sang tay “tân triều”. Về việc riêng, Bảo Đại nêu hai yêu cầu chính yếu nhất, dưới dạng ôn hòa như một “mong muốn”:

1. Đối với tôn miếu và lăng tẩm của Liệt thánh, chính phủ mới xử trí thế nào cho có sự thể.

2. Đối với các đảng phái đã từng phấn đấu cho nền độc lập quốc gia nhưng không đi sát phong trào dân chúng, chính phủ sẽ lấy sự ôn hòa xử trí để những phần tử ấy cũng có thể giúp vào sự kiến thiết quốc gia và tỏ rằng chính phủ Dân chủ Cộng hòa nước ta đã xây đắp trên sự đoàn kết của toàn thể quốc dân.

Những câu cuối cùng của bản Chiếu rất hùng hồn: Trẫm ưng làm dân một nước độc lập còn hơn làm vua một nước nô lệ, quyết không để cho ai lợi dụng danh nghĩa của Trẫm hay của hoàng gia để lung lạc quốc dân.

“Việt Nam độc lập muôn năm? Dân chủ Cộng hòa muôn năm?”, - ông hô to.

Lá cờ vàng của chính thể quân chủ hạ xuống. Cờ đỏ sao vàng từ từ kéo lên kỳ đài giữa tiếng hoan hô như sấm. Hết hai bốn phút súng lệnh, Liệu bước lên nhận từ tay Bảo Đại thanh kiếm để trong bao vàng nạm ngọc, chiếc túi gấm đựng bộ quân cờ nạm ngọc.

Đến lượt trao Quốc ấn thì có chuyện. Liệu không ngờ nó nặng đến thế. Bảy ki lô gam vàng làm ông lão đảo. Dưới kia biển người hoan hô, vỗ tay từng tràng như sấm dội. Bên trên, vị đại diện “tân triều” phải lấy hết sức bình sinh giơ cao ấn lên cho mọi người nhìn thấy. Khốn khổ là sức anh học trò mới đi tù về đâu có nhiều nhận. Nhưng tư thế của ta lúc này là tư thế của vị đại diện chính quyền Dân chủ Cộng hòa, không thể run rẩy.

Vận hết sức bình sinh, Liệu giơ cao Quốc ấn vài lần, đưa đi đưa lại cho các góc cùng xem. Cuộc “cử tạ” phải kéo dài vì người bắt đầu nhảy lên, tung mũ nón. Cũng may là ông “lực sĩ” bắt đắc dĩ, mặt hết đỏ lại sang tái, đã không để rơi ấn xuống sân Ngọ Môn. Rồi nó được chuyển sang tay Cù Huy Cận có thể hình tròn trĩnh, “phù hợp” hơn.

Cảnh tượng trên được Nam Phương hoàng hậu theo dõi từ một khung cửa sổ trên điện Kiến Trung, cùng với Bảo Long, từ nay đã thành cựu thái tử.

Khi nhà vua, giờ là công dân Vĩnh Thụy trở về đó, bà mới thở phào, quên đi cái hình dung kinh khủng trước đó, mình là hoàng hậu Mari Antoinette cùng chồng, vua Louis XVI bị chặt đầu. Cuộc cách mạng này, vậy là có vẻ không tắm máu như cái cuộc ở Pháp cách nay một thế kỷ rưỡi. Nhưng một nỗi buồn mênh mang lại ập đến.

Trần Huy Liệu hồ hởi, tất nhiên. Sự kiện không phải chỉ là việc Bảo Đại thoái vị. Cái chính, lớn lao nhất, là từ đây đất nước không còn cái chế độ phong kiến đã tồn tại cả nghìn năm nay. Những đặc quyền đặc lợi rồi sẽ hết. Còn lại, là sự bình đẳng giữa mọi công dân, là tự do, dân chủ. Đó là những lý tưởng ông hằng mong mỏi.

Bây giờ nhớ lại tôi nghĩ nếu đời người ta, tình yêu đầu tiên vẫn là tình yêu ngây thơ nhất, thắm thiết nhất, say mê nhất, thì nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của chúng ta, theo chủ quan của tôi, cái phong vị của những ngày đầu sau cuộc Tổng khởi nghĩa thắng lợi vẫn đậm đà nhất, nhớ lâu nhất.

(Hồi ký Trần Huy Liệu. NXB Khoa học xã hội. 1991)

- 17 -: ĐA MANG NÊN PHẢI ĐỀ BÔNG

Liệu không bao giờ đơn giản hóa được sự đời. Không bao giờ. Trong ông, ngoài con người cách mạng cứng rắn còn là nhà sử học luôn luôn muốn hình dung các sự kiện, vận động đúng như hình hài của nó. Cuộc sống tình cảm sôi nổi, tâm hồn nhạy cảm của thi sĩ lại không buông tha ông khỏi những rung động thật tinh tế trước cái đẹp, sự đồng cảm. Về mọi phương diện, ông lại quá tràn trề, những hạnh phúc lớn cũng như tai ương, phiền muộn cứ thế mà kéo đến.

Xấu người, nhỏ bé, có đôi mắt ướt chèm chẹp do giữ gìn không tốt từ nhỏ, Liệu lại hết sức đa tình. Lấy vợ sớm, có con từ thuở trước hai mươi, ông có những mâu thuẫn để đa mang cả đời. Một mặt, là bà Tý khỏe mạnh, tần tảo, đã nuôi cả sáu con những lúc ông đi biệt. Một trong những đứa con ấy là kết quả cuộc bà đi thăm ông đang ở trại tù Bá Vân. Mặt khác, lại là những phụ nữ luôn thấy ở ông sự tri ngộ, cảm phục tài năng, nhân cách. Liệu biết ơn vợ, yêu quý cuộc sống gia đình, nhưng lại không ngừng rung động. Đến nỗi, trong cuộc hành quân khổ ải lên nhà tù Sơn La, gặp cô gái Thái giữa đường, ông cũng bật lên:

Ai đưa mình đến châu Yên

Hoa rừng một đóa càng nhìn càng tươi...

Để rồi

Gặp nhau chẳng hỏi chẳng chào

Xa nhau cũng thấy nao nao trong lòng

Cô gái Thái ấy có nhiều tư cách nàng thơ, chỉ là thoáng qua. Còn bây giờ là năm 1946, ông Bộ trưởng Thông tin - Tuyên truyền lại vương vào một đam mê mới. Nó đẩy ông vào cuộc phiêu lưu sung sướng và đau khổ đều tột cùng. Không phải chỉ là chuyện tình cảm thuần túy, nó “lập nên” cả một gia đình riêng, với những đứa con muộn.

Nền Dân chủ Cộng hòa thành lập không lâu thì Quốc dân đảng - đang cầm quyền ở Trung Quốc - cử quân đội vào giải giáp vũ khí Nhật ở miền Bắc Việt Nam. Cùng có chân trong chính phủ mới, Việt Quốc, Việt Cách lại “quậy” mạnh, chống đối lực lượng Việt Minh của Hồ Chí Minh, mà Liệu được coi là một yếu nhân. Bắt cóc, khủng bố dân thường và cộng sản diễn ra thường xuyên, công an chìm và nổi đôi bên thỉnh thoảng bắn nhau. Tình hình càng căng khi Quốc dân đảng Trung Quốc bắt đầu nhường nhiệm vụ giải giáp cho quân đội Pháp.

Giày xăng đá, quân phục ga-bác-đin thay thế chân phù. Bên đại diện Sainteny khá ôn hòa, dễ dàng đối thoại với Hồ Chí Minh xuất hiện d'Argenlieu, viên cao ủy hung hãn.

Việt Nam Quốc dân đảng đối với Liệu có mối thù riêng: trước đây ông từng là đồng chí của họ - thực ra là của những người sáng lập đảng. Bây giờ, ở cương vị Bộ trưởng Thông tin - Tuyên truyền, ông phải quản lý, đấu tranh với sự chống đối, diễn thuyết “luôn miệng” về Việt Minh. Sự nguy hiểm rình rập làm phía Việt Minh phải cảnh giác. Ngày đến làm việc ở công sở, ban đêm họ rút ra các cơ sở ở ngoại thành để tránh khủng bố.

Nhóm Văn hóa cứu quốc chọn ấp Thái Hà làm địa điểm. Đây là một khu tư dinh của nhiều quan lại Nam triều cũ như Nguyễn Năng Quốc, Phan Tử Nghĩa, nằm gần lăng mộ họ Hoàng. Mỗi nhà mỗi kiểu, biệt thự tây có, nhà năm gian kiểu cổ có. Cái nhà những Xuân Thủy, Văn Tân, Nguyễn Đình Thi... đi về gọi là villa des Roses - biệt thự Hoa Hồng.

Thật ra dấu vết biệt thự không rõ, ngôi nhà lớn nhất lại một tầng chạy dài vài gian, có cầu đầu cửa vồng chạm trổ, bàn thờ trang trọng. Ngoài vườn, những gốc hồng in bóng xuống mặt nước tĩnh lặng. Quang cảnh thường êm đềm, người nhà và đám giúp việc đều ăn nói khẽ khàng lối gia giáo, giấy rách giữ lấy lề - dù gia sản đã không còn sung túc.

Ông chủ là Nguyễn Văn Ngọc, một tên tuổi cự phách của làng giáo, giới trí thức “cũ”. Liệu đã đọc nhiều bài của ông trên tạp chí *Nam Phong* những năm hai mươi - ba mươi, biết tới xu hướng tôn cổ trong những cuốn “Tục ngữ phong dao”, “Truyện cổ nước Nam”, “Đào Nương ca”, “Cổ học tinh hoa”...

Nguyễn Văn Ngọc mất năm 1942, khi đang là đốc học Hà Đông. Đúng về mặt lý lịch, theo cách nhìn “mới”, tư dinh nhà quan không thể là chỗ tin cậy.

Nhưng Nguyễn Xuân Bích, cậu sinh viên trường Y, con trai ông Ngọc, lại là cơ sở từ trước tháng 8 năm 1945 của Trần Quốc Hương, người hay hoạt động trong thanh niên học sinh, trí thức. Vả chăng đây là gia đình “ngiên” về chữ nghĩa, trí thức hơn là quan lại.

Ngày ra trụ sở ngoài phố, tối về biệt thự Hoa Hồng, ông Bộ trưởng Thông tin - Tuyên truyền ngày càng để ý đến Sửu, bà chị của Bích. Dường như đây là một hình ảnh ông, cũng như nhiều chàng học sinh, từng biết tới, nghĩ tới, khi cô bé Sửu đứng bán hàng trong hiệu sách Đông Hưng Long thư quán của cha ở 49 - 51 Hàng Đường. Trắng trẻo, đẹp một cách buồn bã, người đàn bà hai con có lối chăm sóc khách ý nhị. Những cán bộ Việt Minh quen tù đày hơn ở nhà, giờ được hưởng cốc nước gừng, bát lục tàu xá giữa đêm đông, đều cảm thấy ấm lòng. Càng lặng lẽ, bà càng gây sự tò mò. Một buổi tối, Liệu giữ Sửu lại, sau những cảm ơn thông thường là lời thăm hỏi gia cảnh. Cảm thấy tin cậy, Sửu kể về những trớ trêu đã trải qua. Không được học

nhiều, vào loại “con nhà” bị cấm đọc Truyện Kiều, nhưng hầu bố đèn sách bấy nhiêu năm, bà có vốn văn hóa không nhỏ.

Dần dà, sự khép nép gia giáo và nỗi sợ “quan cách mạng” nhường chỗ cho thân tình, tin tưởng. Ban ngày, giữa bộn bề, Liệu bắt gặp mình nghĩ về người đàn bà đã hai con, chị ta đang làm gì nhỉ, có nghĩ gì đến mình... Những câu chuyện với Sửu làm Liệu thay đổi nhiều suy nghĩ. Chẳng hạn, bố chồng bà, đã làm đến Thượng thư, lại sinh hoạt rất đậm bạc, thanh bần kiểu nhà nho. Ông bố đẻ, dù say mê với văn hóa dân gian nhưng sành rượu tây như sành hát ả đào, vang mua về cả thùng. Liệu ngạc nhiên khi biết ông đốc Ngọc, cùng anh ruột Nguyễn Quang Oánh và ông Đỗ Thận là những người đầu tiên đưa chèo, cái thứ hát quê kệch trong làng quê lên diễn trên sân khấu hộp Hà Thành.

Gia cảnh của Sửu đang điêu tàn theo phận riêng của bà. Mười lăm năm trước, Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Ngọc, cùng quê Hải Dương, đồng môn trường Bưởi rồi trường Hậu Bố, đã gả con cho nhau. Sau thời kỳ làm báo *Nam Phong* lừng lẫy, muốn dựa vào quan lộ để thực hành ý hướng xã hội, ông Quỳnh vào Huế làm Thượng thư bộ Học rồi bộ Lại. Rồi chồng Sửu mê người đàn bà khác, không đẹp bằng nhưng đi xe đạp, uốn tóc. Năm 1943, sau đám ma bố, Sửu đưa hai con trai ra Hà Nội, vừa gần gũi họ hàng vừa trông mấy cậu em đang tuổi lớn. An phận, chả biết gì về cách mạng, những đệ tam đệ tứ, các đảng phái, nhưng Sửu cũng vui theo em, theo con khi họ ùa vào đám đông chào độc lập.

Tuần lễ Vàng năm 1946, Sửu dắt con trai tám tuổi Dũng lên gò Đống Đa gần nhà, bế cậu bé lên để bỏ vào hòm phiếu nhẵn. Đó là điều làm Liệu cảm động, tuy vẫn biết rằng bao người khác, nghèo khó hơn, cũng dốc túi vì nền độc lập non trẻ. Để duy trì biệt thự Hoa Hồng, nuôi con, thỉnh thoảng chu cấp những bữa ăn cho cả đông người, Sửu hẳn chẳng còn bao nhiêu của cải. Thời buổi tranh tối tranh sáng, chiến cuộc đến không biết lúc nào, việc tái bản những cuốn sách của ông Ngọc là rất khó. Cái ắp trên Lập Thạch mua bằng tiền viết sách trước đó đem lại không bao nhiêu lợi tức. Mà Sửu thật khó bỏ thói tiêu pha rộng rãi quen thuộc. Một năm gần ấy cái giỗ, những người làm vườn, mái nhà cần đảo ngói..., cái gì cũng cần tiền, trong khi bà chủ trẻ chả biết tính toán làm ăn thêm ra cái gì.

Những buổi tối cứ dài mãi ra. Cả hai đều bối rối và càng nghĩ đến nhau nhiều hơn. Họ là đàn ông và đàn bà, đấy là nhẽ thường. Nhưng lại còn một cái nhẽ, là giai tầng của hai người rất chênh. Có những điều thuộc về lý tính khiến họ phải “nhận thức” về nhau. Chẳng hạn ăn bát chè hoa bưởi Sửu nấu, đọc những sách “Tục ngữ phong dao”, “Đào Nương ca” ông đốc Ngọc trong

nhà, Liệu phải nghĩ những thứ rất vô hình chứa sau đó, liệu có phải đều là phù phiếm? Trong thế giới ăn trên ngồi trốc, ông Ngọc đã nhặt từng hạt chữ, từng lời ăn tiếng nói của người nông dân để mà nâng niu, đêm đêm sàng lọc đến phát ho lao.

“Đấy là những gì mình cũng phải “quét sạch” đi ư?”, sẽ có lúc Liệu tự hỏi mình câu ấy. Nhưng bây giờ là nổi bối rối trước những đòi hỏi của lòng mình.

Ông đã bề bề vợ con, giờ lại đường đường Bộ trưởng, danh nổi như cồn. Dù nhận thấy các đồng chí của mình cũng quý Sửu, điều ít thấy hơn với Thu Tâm trước kia, Liệu không thể không nhận thấy sự nghiệp chính trị của ông sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng nếu “dính” vào con dâu (dù là “trước đây” thôi) của ông thượng Nam triều đã bị cách mạng bắt rồi “mất tích”. Về phần mình, Sửu chẳng thể đơn giản. Dù rất kính phục ông, bà đã một lần dò. Vài năm trước, chẳng phải bà đã không thể chấp nhận chồng mình có thêm vợ nhỏ đấy ư? Họ hàng bà, những bà phán ông tham, mấy cô em nhí nhảnh, rất khó để họ cũng thấy gần gũi cái nhà ông quan của triều đại mới.

Nhưng cuộc sống có những nhẽ riêng oái oăm. Những câu thăm hỏi băng quơ. Những chăm sóc ý nhị... Bao nhiêu thứ đều mơ hồ dẫn đến những linh cảm nó khiến cố dần mạnh, dứt bỏ rồi lại cứ phải nhặt lên nâng mu. Sự dịu ngọt. Những so sánh... Tất cả đều dẫn đến chỗ chết người.

Tình hình căng thẳng ngày một thấy rõ. Hồ Chí Minh, sau những dàn xếp để lui được đoàn quân Tàu Ô, liên tục thương thảo với Sainteny. Nhưng d’Argenlieu là một kẻ cực đoan, gây hấn ở Hải Phòng. Hội nghị Đà Lạt tan vỡ. Súng nổ miền Nam, những người trai lại lên đường, Sửu có người em đi không về. Hà Nội rầm rầm những cuộc đụng độ. Đâu đó trên mạn Tứ Liên, Đông Ngạc, bộ đội buộc phải xử tử một đồng đội đánh lại Pháp. Khắp không gian mùi binh đao đã thoang thoảng.

Một buổi tối Liệu hỏi Sửu:

- Chị đã chuẩn bị gì chưa?

Thấy bà ngơ ngác, ông trầm ngâm: “Có thể chiến tranh sẽ trở lại. Dù đã ký hiệp định Sơ bộ và Tạm ước, bọn Pháp vẫn quyết lấy nước ta. Những cố gắng của Cụ Hồ thất bại rồi. Chị nên chuẩn bị. Hòa bình mong manh lắm. Nhà ta có chỗ nào để lánh về?”

S Sửu bàng hoàng. Bà đã trải qua tang bố mẹ, những tổn thất trong tình cảm, giờ là cảnh nhà đang kiệt quệ. Chiến tranh với chết chóc, bom đạn là thế nào? Tuy vậy, giờ là lúc phải cứng cỏi, dù bà vốn dĩ là người an phận, yếu đuối.

Lệnh tản cư ban ra. Sứu đem con lên Lập Thạch, trú trong ấp Bồ Tỉnh, vốn là chỗ viên ẩn của ông bố ngày trước, trong hành lý lĩnh kính mấy bồ sách Liệu gửi. Bà sẽ sống bằng tô tức của tá điền. Sau khi ba em trai tòng quân không lâu, người con lớn - đích tôn của ông Phạm Quỳnh - cũng nhập vào một đơn vị công binh.

Súng nổ. Đất nước bước vào cuộc kháng chiến kéo dài tới 8 năm sau. Liệu lên thăm Sứu. Trong cái ấp nghèo dưới chân núi Con Voi, chẳng có gì ngăn được họ đến với nhau nữa. Đây là cuộc phiêu lưu tình cảm cuối cùng và sâu sắc nhất của Liệu.

Cuối năm 1947, Sứu sinh con gái Trần Nguyệt Quang, đưa con sinh ra trong kháng chiến sài đẹn, ghẻ lở đã lớn lên ăm ắp tình mẹ nhưng đầy những khắc khoải, day dứt của người cha.

NĂM 1946: ÔNG “Tả KHUYNH”

Cuộc cách mạng nổ ra vào tháng Tám năm 1945 đã thắng lợi mà không phải đổ nhiều máu. Dân chúng, trải qua ngót trăm năm nô lệ và nạn đói khủng khiếp đã căm thù ngoại bang - dù là Pháp hay Nhật - đến cực điểm, chỉ cần một “mồi lửa” là cháy bùng lên. Đó là nguyên nhân sâu xa. Còn trực tiếp, thì đạo quân Quan Đông vỡ trận ở Mãn Châu Lý trước Hồng quân Xô viết, Nhật đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện. Trục phát xít đi đời.

Trong nước, chính phủ Trần Trọng Kim bối rối, không điều khiển được sự tình. Quân Nhật gần như tê liệt, Pháp rục rịch trở lại. Ở lán Nà Lừa trong rừng sâu Tuyên Quang, qua radio, Hồ Chí Minh, giữa những cơn sốt ác tính, nhận ra đây là thời cơ có một. Cướp chính quyền nhanh, không thì thời điểm thuận lợi qua đi, lực lượng dù còn mỏng cũng phải tiến hành.

Đội quân cách mạng từ Tuyên Quang tiến về Thái Nguyên. Lấy chính quyền quá dễ. Thực chất là nhiều nơi chả có chính quyền nào cả. Họ tiến luôn về Thủ đô. Được cái là Mặt trận Việt Minh, tổ chức từ rất lâu, đã có cội rễ trong dân chúng, tập hợp được tất cả, từ anh dân cày đến người hào chủ. Việt Minh là lực lượng lớn nhất, ra lời kêu gọi là dân nhất tề hưởng ứng.

Ngày 19-8-1945, Bắc Bộ Phủ về tay Việt Minh. 2-9-1945, Chính phủ mới ra mắt ở quảng trường Ba Đình. Dân chúng, kể cả hoàng gia, mừng rỡ biết Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc. Trong thành phần “tân triều”, ngoài Việt Minh còn có các đại diện đảng phái khác như Việt Nam Quốc dân đảng, Việt Nam Cách mạng đảng. Sự phân chia quyền lực là không thể tránh khỏi, dù người Cộng sản chiếm ưu thế khi nắm Việt Minh.

Chính quyền thì có rồi. Nhưng lại bao nhiêu cái khó đặt ra, thách thức những người chưa có quyền lực thực sự. Quân Tưởng, được Đồng Minh ủy nhiệm, giải giáp lực lượng Nhật ở ngoài

Bắc. “Chân phù” đi vào kéo theo bao nhiêu dân binh những nhiều. Nào lương thảo, chỗ ở, lại còn tiền bạc, thuốc phiện, gái. Ngay trong tháng Chín, tháng độc lập, mà quân Anh - ác cái, cũng là Đồng Minh - đã gây hấn trong Nam Bộ. Rồi quân Tưởng dần dần rút ra, Pháp tràn vào. Dù là Sainteny ôn hòa hay d’Argenlieu hiếu chiến, tư tưởng thực dân vẫn còn đó. Chả làm gì có chuyện họ không còn muốn làm chủ lại Đông Dương. Ngay Cộng sản Pháp có người còn muốn d’Argenlieu đánh mạnh đi để giương cao ngọn cờ nước Pháp.

Hơn bao giờ hết, chắc hẳn trong những ngày này, Hồ Chí Minh phải luôn nghĩ đến câu nói nổi tiếng “Giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền còn khó hơn”. Khôn khéo, tránh manh động, ông Cụ đã lèo lái được con thuyền mỏng manh vượt những thác ghềnh hiểm nghèo nhất.

Điều cần nhất lúc này là sự ổn định. Có hòa bình thì mới có ổn định. Mà các lực lượng Anh, Pháp, Tàu Tưởng thi nhau gây hấn. Có chính quyền rồi mà ngày nào súng cũng nổ, quân Pháp bắn vào bộ đội Việt Minh ở Hải Phòng, Hà Nội..., cướp bóc, hiếp chóc dân lành. Lực lượng vũ trang có trong tay mà cứ phải án binh bất động, nín thở chịu đựng. “Hòa bình” mà không khí ngột ngạt, căng thẳng không thể tả. Nhưng phải có hòa bình, dù chỉ là “duy trì” nó, để đạt được sự công nhận của các nhà nước, phe phái trên thế giới. Trung Cộng còn đang đối phó với Tưởng Giới Thạch, Stalin thành kiến với Nguyễn Ái Quốc, tổng thống Mỹ lơ lá thư Cụ gửi đi. Và dù sao, tính đến nước cùng, trở lại với chiến tranh, thì Việt Minh phải chuẩn bị chiến khu, xây dựng lực lượng. Chưa sẵn sàng thì chưa trở lại chiến tranh được. Phải có thời gian chuẩn bị chứ.

Hồ Chí Minh thực hiện sách lược “Câu Tiễn” đó bằng Hiệp định Sơ bộ, đồng ý “Việt Nam là một quốc gia có chủ quyền nằm trong Liên hiệp Pháp”.

Đi Fontainebleau đàm phán trong một thế không “thượng phong” gì, nhưng dù sao cũng làm dịu sự hung hăng của phái hiếu chiến trong chính phủ De Gaulle, “tiện thể” kéo về những trí thức có tiếng như Trần Hữu Tước, Trần Đại Nghĩa, Võ Quý Huân... Còn trong nước, Cụ Hồ phát động Tuần lễ Vàng, diệt giặc đói, giặc dốt. Những nhà buôn yêu nước cảm mến Cụ Chủ tịch dốc túi cho chính quyền. Nhiều nhất là ông Trịnh Văn Bô, tới cả hàng nghìn cây vàng để mua vũ khí, còn vợ ông, bà Hoàng Thị Hồng, phải “chạy” thuốc phiện, gái cho đám Tàu Tưởng Lư Hán, Tiêu Văn.

Những hoạt động ngoại giao, nội trị tỏ rõ sự khôn khéo, tầm nhìn xa của Hồ Chí Minh. Từ chỗ “tay không bắt giặc” (nói thế liệu có quá?), trứng treo đầu đẳng mà giữ được chính quyền, kéo dài hòa bình ra đến hơn một năm, phải đánh giá vai trò lãnh tụ là kiệt xuất. Đã chìa tay ra

với Truman, Stalin, cả De Gaulle ra đều bị lạnh lẽo, mà làm được vậy dần dần gây dựng lực lượng chuẩn bị cho cuộc chiến tranh không thể tránh khỏi, Hồ Chí Minh xứng đáng là biểu tượng dân tộc.

Trần Huy Liệu là đàn em Cụ Hồ về tuổi tác, cảm phục tài ứng biến, sự lịch lãm, sức tập hợp, thuyết phục của Cụ. Nghĩa là chịu. Nhưng ông có những điểm nhìn riêng. Ngoài lòng căm thù người Pháp đô hộ, bóc lột, trí thông minh hơn người, tài hùng biện và một quá khứ đầy tiếng tăm, ông lại thiếu hẳn những đức tính của chính khách: sự khôn khéo, biết nín nhịn, khi nào thì tiến, khi nào phải thoái. Ông lại cũng chả có một “tinh thần kỷ luật” dồi dào dù dư biết đã trong đoàn thể là phải chấp hành lãnh tụ tối cao. Những hành động của Liệu làm người ta nghĩ đến hai chữ “tả khuynh”.

Điều đầu tiên làm Liệu ức là việc Đảng Cộng sản tuyên bố giải tán.

Tôi biết tin này khi từ Nam Định lên Hà Nội, đọc báo *Cứu Quốc* dọc đường thấy đăng bài Đảng tuyên bố giải tán. Khi đến Hà Nội, tôi phải làm ngay cái công việc là triệu tập các nhà báo tại nhà hội quán Khai Trí Tiên Đức cũ để đồng chí Trường Chinh tuyên bố và giải thích về việc này. Hôm ấy, tôi có một ấn tượng không đẹp, vì bọn nhà báo vẫn nghi ngờ và hỏi vặn vẹo mãi.

Cô nhiên là tôi không nghi ngờ về sự tồn tại của Đảng. Nhưng tôi băn khoăn tự hỏi vì những điều kiện bách thiết gì Đảng phải giấu mặt giấu tên? Về phương diện quốc tế, kẻ thù muốn giết Đảng ta lúc bấy giờ là đế quốc Mỹ và bọn quân phiệt Tưởng Giới Thạch không phải nghe ta tuyên bố giải tán mà chúng tin ngay. Bọn gián điệp Mỹ vẫn luôn luôn vạch rõ sự tồn tại của Đảng ta. Lời tuyên bố của ta càng làm tăng thêm sự nghi ngờ của chúng và cái dã tâm muốn bóp chết Đảng ta, bóp chết nền độc lập mới mẻ của ta quyết không vì thế mà gác lại. Về phương diện trong nước, thì bọn phản động Đại Việt Quốc Dân Đảng càng thừa biết sự tồn tại của Đảng ta. Bọn địa chủ tư sản hay công giáo nếu sợ cộng sản thì cũng không phải thấy nói Đảng giải tán mà hết sợ vì trước mặt họ, người cộng sản vẫn là người cộng sản. Vì vậy tiếng tuyên bố giải tán Đảng phát ra tiếng vang rất ít.

Tôi băn khoăn hỏi Bác thì Bác nói: người đi trên chiếc thuyền tròn thành muốn đắm nếu cần phải vớt cả hành lý đi thì cũng cứ vớt! Câu ví dụ này không đem lại cho tôi một kiên giải thỏa mãn. Vì sự thực đã cho thấy rằng: chiếc thuyền tròn thành không phải chỉ vì hành lý, mà chính vì người. Nên, sau khi vớt hành lý rồi, con thuyền vẫn tròn thành như trước. Có chăng, trong một lúc hoảng sợ, người ta vớt hành lý xuống rồi lại phải mất công mò lên thôi. (Dự thảo bản tổng kiểm thảo tại đợt chỉnh huấn cán bộ, chiến khu cuối năm 1952 - đầu năm 1953, viết

tất là DT TKT)

Đây là nhận thức Trần Huy Liệu bảo lưu rất “kỹ”. Năm 1951, tại Đại hội II, Đảng Cộng sản ra công khai trở lại với tên Đảng Lao động, ông lại phát biểu, đặt vấn đề rằng “nếu ngày ấy ta không tuyên bố giải tán thì nay đã chẳng phải ra công khai trở lại”. Đại hội im phăng phắc, chỉ có *Bùi Công Trùng đứng thót lên vỗ tay (nhật ký)*.

Một điều nữa, chả phải chỉ mình Liệu, mà nhiều người khó “thông” với lãnh tụ hồi đó là Hiệp định Sơ bộ ký ngày 6-3-1946. Tại sao đã giành được chính quyền mà Cụ Hồ còn ký nhận ta làm một quốc gia có chủ quyền nằm trong Liên hiệp Pháp, chả ra hèn kém lắm sao? Mất xương máu, cố công tranh đấu mãi mới làm chủ được đất nước, làm thế là một bước lùi chứ! Đã không tán thành Hiệp định thì cái Tạm ước ký hôm 14-9-1946, chuyển đi của Hồ Chí Minh sang Fontainebleau và hội nghị Đà Lạt cũng chỉ là “tiêu cực”.

Khác hẳn một hình ảnh ôn hòa, điềm đạm, từng trải của Hồ Chí Minh, ông Bộ trưởng Thông tin Tuyên truyền Trần Huy Liệu cứ sồn sồn như lửa.

Lễ hoan nghênh Hà Ứng Khâm, quan chức cao cấp của Quốc dân đảng Trung Hoa, vị Chủ tịch nước bị đặt vào ghế khách thường, trong khi Nguyễn Hải Thần ngồi chỗ trang trọng, Liệu bực không thể tả.

Biết nết “đuya” của Liệu, đám Quốc dân đảng nhiều khi đưa yêu sách trực tiếp cho Cụ Hồ, rồi Phủ Chủ tịch lại gọi sang bên Liệu can thiệp. Về việc đặt tên phố ở Hà Nội, Cụ bảo chỉ được đặt tên bốn người cộng sản là Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai, ông cứ đặt “thêm”. Có lẽ chuyện đổi “Nhà thương Khách” thành phố Tôn Đức Thắng, danh tướng đã vây đánh châu Khâm, châu Liêm của phương Bắc làm ông khoái chí nhất.

Tình hình mỗi lúc mỗi căng thẳng như sợi dây đàn. Nhật vừa bị giải giáp thì Tàu Tưởng nhùng nhể, rồi Pháp lại vào bắn giết dân chúng, vây trụ sở ta. Trên Chèm, bộ đội, có súng trong tay, đã choảng lại, giết chết mấy Tàu trắng. Sợ lửa bùng lên quá, dẫn đến chiến tranh, Chính phủ ra lệnh đem mấy người đó ra xử bắn. Mình bắn mình bảo sao không đau! Liệu chả thích gì chính sách Câu Tiễn của Cụ, mà luôn nghĩ đến hai ông kiệt kiệt, đến chết vẫn cực đoan trong Cách mạng Pháp là Marat và Robespierre.

Tòa án quân sự Bulgarie lần lượt kết án 2000 kẻ phản cách mạng từ chung thân khổ sai đến xử tử. Liệu mang tờ thông tin quốc tế ấy sang phòng Chủ tịch. “*Đây, đồng chí Dimitrov, trong việc trấn áp phản cách mạng, đã chặt hàng ngàn cái đầu phản cách mạng. Cụ có thấy cái chính*

quyền cách mạng nào hiền lành đến nhu nhược như chính quyền của Cụ không?”. Cụ Chủ tịch kê cho ông phát tiết cơn phẫn nộ, chỉ tùm tùm cười, thắt lại cái cravate cho Liệu; cử chỉ của một chính khách lão luyện. Có thể hiểu ông Cụ coi những lời của Liệu là trẻ con, chả nên chấp.

Lại có thể cho là nói lại Liệu không dễ. Liệu có cái lý của mình. Ông Cụ, với những tiên cảm nhờ vào sự từng trải, có những ý định của mình, nhưng càng phân giải với cấp dưới càng “rách chuyện”, chỉ bằng cho “hắn” mỗi mồm, hả tức thì thôi.

Ông Hoàng Tùng, sau này giữ chức trọng trong bộ máy tuyên huấn, có những đánh giá thú vị trong bài *“Trần Huy Liệu - ông thầy của tôi”* in trong nội san “Nhà báo Hà Nội”:

Về chính trị, lúc đầu ông (nguyên văn viết hoa) ghét bất kỳ ai là Tây. Sau khi trở thành người cộng sản ông bênh vực chủ nghĩa quốc tế song rất bất bình trước sự hống hách của bọn thực dân. Ông không chống việc ký hiệp định ngày 6-3-1946, nhưng không tin là phía Pháp sẽ tuân thủ... Pháp đánh Nam Bộ, ném bom giết đồng bào ta. Bộ Tuyên truyền của ông, qua đài phát thanh, cảnh cáo rằng, nếu Pháp không chấm dứt hành động dã man đó, thì tính mạng những người Pháp bị quân Nhật bắt, mới thả ra từ các trại giam, sẽ không an toàn. Hôm sau, đài ta lại phát tin về những cuộc ném bom mới. Anh em thanh niên đã tham gia khởi nghĩa ở Hà Nội tổ chức ngay từ sáng sớm một cuộc săn lùng người Pháp, đánh họ ở phố Tràng Tiền, chợ Đồng Xuân. Là Bí thư Thành ủy, tôi bị cách chức mấy tháng về việc đó.

Rồi cái phải đến đã đến. 19-12-1946, Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến. Đôi bên Việt - Pháp xốc dậy cầm lấy vũ khí, bất kể bên kia có Sainteny luôn muốn trì hoãn binh lửa, bên này có vô số cựu học trò đã thụ giáo lâu lâu văn hóa Pháp. Chiến tranh là chả tránh được.

Trong những ngày nhàn rỗi ở chiến khu, Liệu có thời gian nghĩ đến năm 1945, nhất là năm 1946, khi đang ở trọng trách “loa” phát ngôn của Chính phủ.

Quyết tâm kháng chiến của Hồ Chí Minh buộc Liệu, như hàng triệu con người khác, phải bước vào cuộc gian khổ, sinh tử. Nhưng ông đã nhận thức lại con người Lãnh tụ cũng như bản thân. *Tôi thấy mình đã chủ trương tả khuynh, phiêu lưu, mạo hiểm, không thấy rõ hoàn cảnh..., muốn áp dụng những phương sách thích nghi ở nước khác vào nước ta bấy giờ...Nói tóm lại, tôi đã bị tình cảm cá nhân chi phối, thiếu quan điểm duy vật biện chứng nên không nhìn thấy hiện tại và cũng không nhìn rõ được tương lai. (Dự thảo nói trên)*

“Bị tình cảm cá nhân chi phối...” có lẽ là đặc điểm lớn nhất của con người Trần Huy Liệu, làm thành điểm mạnh cũng như điểm yếu trong ông.

Liệu luôn “xốc nổi”, chẳng bao giờ biết chờ thời. Bảo là nhân bản cũng được, bảo là thiếu sự lịch lãm của chính khách cũng chẳng sai. Liệu luôn luôn là mình, nói thế chắc đúng nhất

- 18 -: TRI THIÊN MỆNH

Nửa đêm, trong ấp đã lao xao. Dậy sớm nhất là cánh buôn đường dài, lĩnh kính trong bồ, sọt là cả tạ pin đèn, dầu muối, gương lược, kim chỉ... Đây kinh nghiệm, họ biết phải vượt cánh đồng trước khi giờ sáng mới an toàn. Những cán bộ đi công tác có vẻ đứng đĩnh, hẳn vì mang nhẹ và cũng chủ quan hơn.

Liệu mang theo Nghiêm, người cháu từ dưới quê lên, để đỡ dần lúc đi xa. Nghiêm nhỏ người, dai sức, tần ngần nhìn ông đang ngủ rất say trong cái nong. Suốt tháng trời hôm nào cũng đi, đêm diễn thuyết cổ động kháng chiến, tối đen còn ngồi ghi chép, Liệu yếu đi nhiều.

Cũng đã đến lúc. Nghiêm ra chỗ cái nong, lay: “Ông dậy... Cháu nấu cơm rồi”. Trong tối mịt, hai người trệu trạo nhai cơm với thịt rang mặn chát. Sắp lên đường, Liệu thấy bụng đau quặn. Ra khỏi xóm, ông còn vào bụi vài bận nữa. Vì thế đến giữa cánh đồng thì đã sáng bạch. Cánh lái buôn đi vùn vụt dễ đã cách vài cây số.

Nghiêm rất muốn chạy gần nhưng người ông lại yếu quá chốc chốc phải dừng lại chờ. Vai Nghiêm đeo cái túi dết có gạo muối, lọ thịt rang, chăn màn, quý nhất là cái radio và mấy quyển nhật ký.

Con đường mòn nằm giữa cánh đồng vừa gặt như sợi chỉ mảnh uốn éo, từ trên cao nhìn rất rõ. Chiếc *Bê vanh xít* ầm ầm lao qua rồi đảo lại. Phi công nhìn rõ hai con mồi bên dưới, thêm khát bửa xuống.

Ặc ặc ặc ặc... Đạn mười bốn ly năm cày sát hai ông cháu đang chúi xuống rãnh ven đường. Đất và đầu đạn tiện phăng đám chó đẻ. Mùi lá hăng hăng bốc ra. Kể cũng lạ là Liệu lại muốn hít hà tí chút. Nhưng Nghiêm đã đẩy ông xuống ao rồi nhào theo. Chiếc máy bay vòng lại xả đạn hùm mặt nước.

Yên trí đã bắn hạ được con mồi, phi công bay đi. Phía xa kia, đằng cuối cánh đồng, nó phát hiện ra con mồi khác. Lần này anh bộ đội đi chiếc xe đạp đũa-ra đã không thể thoát.

Hai ông cháu lồm cồm bò lên bờ ao, vớ túi dết chạy chối chết. Chạy một lèo hai cây số mới dừng lại gỡ đĩa. Lên đến đỉnh đèo Kháng Nhật, thầy trò chưa qua cơn thất sắc. Tuy thế việc đầu tiên là phải xem chiếc đài có sao không. May, nó vẫn ọ ẹ, có điều lọ thịt mặn vỡ, ngấm nhoe nhoét quyển nhật ký.

Buổi tối, đám buôn chuyến đang gặm sắn ngô ngang nhìn Liệu và Nghiêm bước vào.

- Chúng tôi đã thắp hương cúng vong hồn ông với chú... - Một bà xuýt xoa. - Thôi thế là vợ con ông không mất người rồi.

- Có làm sao thì hai bà phải làm giỗ ông cháu hôm nay. May không sao...

Nghiêm không hề bông phèng, lâu bầu xin điều thuốc Lào dẹt chỗ đĩa cấn. Loay hoay lo xong nồi cơm, anh quay ra thấy ông đã ngủ như đứa trẻ.

Bữa cơm sau hồi hút chết rất ngon. Nghiêm ngạc nhiên thấy ông mình không nhắc gì đến làn đạn sáng nay, cứ như đã không xảy chuyện gì.

“Đây là lần chết hụt thứ hai của mình sau cú ngã ở Hòn Cau...”. Thực ra, Liệu đã nghĩ ngợi rất nhiều tử thần đã sờ đến, phả hơi lạnh ngắt vào gáy. Ông đã thoát khỏi tay nó, có lý gì lại không vượt được những trắc trở đang gặp...

Quả là bước sang tuổi “tri thiên mệnh”, cuộc đời Trần Huy Liệu lại gặp những vấn đề mới, gọi là “nhỏ” hay “lớn” đều được. Nó làm ông phải lựa chọn một cách thẳng băng, ngiệt ngã, như trước đây, khi ông đứng giữa cảnh bần nho và đi Nam lập nghiệp, hay giữa hai lập trường Quốc dân đảng và Cộng sản.

Năm 1946, lập trường chính trị cứng rắn “đối với thằng Pháp chỉ có đánh” của ông không phù hợp với chủ trương tìm kiếm hòa bình, gây dựng lực lượng, chuẩn bị kháng chiến của lãnh tụ. Với tầm nhìn lịch lãm của người đã ra ngoài biên giới nhỏ hẹp của đất nước, trong Hiệp định Sơ bộ, Hồ Chí Minh chấp nhận “Việt Nam là một quốc gia có chủ quyền nằm trong Liên hiệp Pháp”. Cụ Hồ quý, và tin Liệu, dù ông không phải dân “cộng sản gốc”.

Nhưng quanh Cụ là cả đoàn thể, tổ chức. Và cái tính thẳng thừng cũng không để Liệu can dự sâu vào những cuộc bàn bạc chủ chốt. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ hai 1951, ông phê phán nặng nề chủ trương Đảng rút vào bí mật để rồi giờ lại phải ra công khai, chỉ được mỗi Bùi Công Trừng hoan nghênh. Việc dùng quá nhiều quan lại, thân sĩ cũ trong Liên Việt đầu kháng chiến, ít năm sau lại loại bỏ ngay cả con cái địa chủ trong nhiều vị trí ở cơ sở, Liệu thấy bất ổn. Những dự cảm được phát biểu trên diễn đàn tạo nên “khoảng cách riêng” giữa ông với đồng chí. Thấy mình cô lẻ, tách khỏi những sự kiện trọng yếu, Liệu bắt đầu nản.

Ông đang là gì? Là một công chức cao cấp đi tuyên truyền nghĩa vụ thuế kháng chiến, rất nổi danh nhưng không có thực quyền trong bộ máy, hay đơn giản chỉ là đã thất sủng? Là gì thì cũng đã ra khỏi ban lãnh đạo, hết thực quyền, chỉ làm quả chuông leng keng thôi, tuy kháng chiến cũng cần những “quả chuông”.

Gia đình thứ hai cũng là giọt nước làm tràn cốc. Con trai út ra đời khi Liệu năm mươi tuổi, ông càng gắn bó với bà Sửu. Thu xếp một cuộc gặp giữa “hai chị em” để rồi thất bại, ông bị bà Tý rầy rà dữ dội, “ý kiến” lên cấp trên. Nhiều người đánh giá Liệu lấy vợ Việt gian, con dâu phản động. Có cả tin đồn ngày vào Huế nhận ấn kiếm Bảo Đại, ông đã giết bố con ông thượng để chiếm Sửu.

Nhiều phiền hà, lắm khúc quanh thật. Nhưng Sửu, với sắc đẹp và sự hiền thực, là vưu vật trời ban cho ông. Nặng tình nhưng không thể “thu xếp” ổn thỏa, Liệu chả bao giờ gỡ được mối tơ ngày càng rối, trong khi con cái đôi bên ngày càng lớn lên, và quãng thời gian của ông càng mỏng đi.

Quốc hội có tờ “Toàn dân kháng chiến”, Liệu điều hành nhưng chả để mấy tâm sức, làm nó ra đều đều mà ít tiếng vang. Tâm tính ông nó thế, khổ là chỉ ham những thách thức thực sự, trong khi Quốc hội là một tập hợp mang tính chất “bày biện”.

Cái ý đồ viết sách, nung nấu từ những năm trong tù ngày càng hầm hập chín. Cuốn “Sơ thảo lịch sử cận đại Việt Nam”, dù chỉ là “sơ thảo” và in trên giấy rơm, đem lại cho Liệu sự tự tin vào nghiệp viết sử Tuy hơi buồn cười, Liệu thấy mình bị ám ảnh cái phận nhà nho: khi không hợp quan trường thì lui về dạy học, bốc thuốc và “trước thư lập ngôn”.

“Không hợp” thôi. Chả nghĩ chuyện “ai” sai “ai” đúng nữa. Đời rộng, nhiều nẻo, chả ngã này ta rẽ lối khác, nhưng đừng để ảnh hưởng cái tinh thần dân tộc mà ta đã tranh đấu.

Lạ nhỉ. Ngũ thập mà ta chưa “tri thiên mệnh”, còn muốn phiêu lưu là làm sao...

CHÍNH HUẤN

Liệu đi liên tục. Nhiệm vụ của ông giờ không phải là được góp phần quyết định những sự kiện trọng đại của kháng chiến, mà chỉ là một nhà tuyên truyền cao cấp. Gặp gỡ các thổ tù trên miền núi, củng cố cho họ niềm tin vào khối thống nhất dân tộc, để cùng đánh Pháp, tiểu phi. Diễn thuyết trước học viên trường Lục quân. Tổ chức Đại hội Văn hóa kháng chiến. Bận bịu, vất vả, di chuyển nhiều, khi có ngựa cưỡi, khi đi bộ, chạy máy bay bằng chết, Liệu rất vất vả. Nhưng không khó chịu bằng cái cảm giác mình chỉ là một quả chuông leng keng, cả tiếng đấy, ngồi nhiều “ghế” đấy nhưng do người khác “gõ”. Từ xưa, Liệu vẫn là người ở những vị trí thách thức, chấp nhận các sức ép trực tiếp, chứ đâu phải loại “đi hàng thứ hai”, tuy không đến nỗi khù khì yên ngủ nhưng vẫn là chỉ đâu đánh đấy Lắm khi ông cảm nhận rằng sau lưng mình, hay trong đám đông đang nghe ông cao giọng kia có những lời bàn tán, *“xừ này lấy con dâu Việt gian nên không được dự bàn ở cấp cao nữa”*, hay *“dân Quốc dân đảng cũ ấy mà”* ... Ông biết việc mình đang làm có ích cho kháng chiến, nhưng nhiều cán bộ dưới tầm ông cũng làm được nó. Ông có

tự cao tự đại quá khi “tự đặt mình” trên họ không?

Phần chung bị tổn thương thì phần riêng trỗi lên. Liệu ghi chép rất đều, dù hàng ngày đi vài chục cây số. Nhật ký của ông đầy rẫy những sự kiện quốc tế, quan sát dọc đường, pha phách giữa sổ công tác với việc riêng. Đây, ven sông máng có mấy chiếc thuyền chày. Đây, vợ chồng nhà bán quán cộc cạch lắm, vợ rất ưa nhìn, còn chồng quá còm róm. Đây, những khẩu hiệu, câu nói. Đây, Tam Đảo trước kia đã có nhà bảy tầng... Ông có ý thức lắm, rằng những ngày đương sống, những gì mình đang cảm thấy, thật có ý nghĩa với một người phải lập ngôn, dù ý nghĩa thế nào ông chưa nhận ra.

17-3-1951

Vấn đề sống của gia đình đã trở nên nghiêm trọng khi có thêm 3 miệng ăn nữa. Giá gạo ở đây hiện nay đã lên tới 3 vạn đồng một tạ. Các vật dụng đều cùng với nhân khẩu mà tăng lên. Tất cả chỉ còn 1 trông vào việc tăng gia sản xuất ngoài số tiền phụ cấp Thường trực Quốc hội của mình. T. (tức bà Tý) đã chỉ huy vỡ đất giồng thêm sắn và làm cỏ những vườn chè bỏ hoang để lấy chè bán. Ruộng chiêm làm không kịp nữa. Như vậy, kết quả những hoa lợi trong vườn chỉ có thể là món ăn phụ với gạo. Rồi đây kinh tế gia đình sẽ phải làm cho mình bận lòng đấy!

18-3-1951

Xóm mình ở trong lúc này là một xóm hoang.

Ngoài nhà mình ra, dân cư đều vào ở trong lán, vì sợ máy bay. Hôm nay, mình cũng lên thăm một vài chỗ về mé trên, gần sát núi đá, để một khi cần thiết, sẽ làm một túp lều ngay cửa hang, vì trong khi làm việc trước thuật mà cứ nhấp nhồm chạy và bị uy hiếp luôn hàng phút hàng giờ thì không làm gì được. Hoa màu nhà ta đã có kết quả nhiều. Cà chua và su hào đều sai quả và to củ. Giàn su su cũng rất nhiều triển vọng.

...

Một nhà bên chỗ mình ở có đám cưới. Nhà trai đưa lễ vật đến nhà gái gồm có 50 cân thịt (theo thời giá 2000 đồng một cân) và một số rượu tương đương mặc dầu đã có lệnh cấm. Ngoài ra, một xô tiền mặt mà người ta không điều tra được. Nhà trai cũng như nhà gái mời các bà con đến cơm rượu linh đình. Cô dâu là con bé hơn 10 tuổi, mặc chiếc áo nâu ngắn, đeo đôi hoa bạc...

(Nhật ký quyển 441, lưu trữ Viện Sử học)

Từ Đại Từ, vượt qua Tam Đảo, lại là một niềm vui khác. Bên kia núi có Sứ, chân và mặt đang nê lên vì cái thai, và con gái Quang.

S. (tức bà Sứ) mới làm chiếc nhà mới ở ven đồi. Nhà nhỏ, lợp lá gồi. Vị trí vui mắt. Trông ra đồng ruộng và bờ suối. Mùa hè gió thổi luôn và nhiều ánh sáng. Xung quanh nhà đã sẵn có 3 hầm

trú ẩn. Trên đồi lác đác những túp lều của bần,cô”nông. Hầu hết trong mọi nhà đều có những người làm việc ở các cơ quan hay học sinh trọ học của một trường trung học gần.

Bên đường cũng có một đôi hàng phở, hàng xén, quà bánh... Nghĩa là không hiu quạnh lắm .
(Nhật ký quyển 441)

Từ cơ quan Thường trực Quốc hội, Liệu thu xếp khăn gói đi dự lớp chỉnh Đảng, trong khu rừng cách đây vài giờ cuộc bộ. Kháng chiến phát triển nhưng vẫn phải xác định là lâu dài, công tác cán bộ rất quan trọng để củng cố ở cơ sở, duy trì sức mạnh trong từng địa phương, “tế bào” đơn lẻ. Rà soát, phân loại, học tập lý luận, đường hướng, chủ trương mới là mục đích của các đợt chỉnh huấn. Cố vấn Trung Quốc vào cuộc, với các kinh nghiệm từ Diên An...

1-10-1952

Số học sinh dự lớp chỉnh Đảng khóa II ở đây đã lên đến 240 người... Người quen nhiều lắm . Có người đã làm việc hay ở với mình từ trước, bây giờ mới lại gặp nhau. Có người còn nhớ mặt nhưng đã quên tên rồi. Nhưng không khí ở đây không còn làn không khí ấm áp của năm xưa. Ngoài câu hỏi sức khỏe của nhau theo lệ thường, người ta không còn muốn hỏi nhau một câu nào khác. Vì người ta đến đây phải nhớ luôn một thái độ học tập “ng nghiêm chỉnh”, một tác phong vô sản. Mỗi câu chuyện phải nghĩ đến lập trường cũng như nghĩ mỗi câu nói của ai đều phải tìm ra tư tưởng. Vì vậy ai nấy đều chú ý dè dặt, “giữ miếng ” nhau, làm bật những chuyện tâm tình cởi mở, nhất là những người có liên hệ với nhau về thân thế, về công tác thì càng phải sửa soạn để “đối phó” với nhau. Không khí kiểm - mắc ấy cố nhiên là không hợp với một người nặng về tình cảm, khổ về tình cảm như mình.

(Nhật ký quyển 444)

Kéo dài từ cuối năm 1952 sang đầu năm 1953, cuộc chỉnh Đảng tạo nên những trạng thái hết sức khác nhau trong con người Liệu. Một mặt, là sự bứt rứt, thấy “không hợp” khi cứ phải kiểm chế từng câu nói, không dám đùa cợt, bông bột. Mặt khác, vì sự nghiêm túc của sự kiện, vì tính kỷ luật của lớp học, Liệu tự soi xét lại con người mình, “bóc trần” nó ra thật chân thực. Thật ra ông chả còn cách nào khác ngoài sự chân thực, chỉ có điều có nói ra hay không nói ra nhận thức của mình trước những đối tượng đồng chí khác nhau thôi. Vì thế mà khi thảo luận, ông bị người cùng tổ phê bình là “rụt rè”, “hay rào trước đón sau”; một trạng thái tức anh ách, vì thực tâm Liệu thấy nói thẳng ra người ta không thể hiểu.

Nghe phổ biến yêu cầu chỉnh Đảng. Viết tự kiểm thảo, xem xét từng chi ly nguồn gốc giai cấp, ý thức, các quan hệ của mình. Rồi đem ra tổ đọc, nghe góp ý phê bình, không đặt thời viết lại. Nhưng không khí chả phải chỉ có nặng nề. Liệu cảm chích tồ bích báo của lớp học, chủ trương nó nên vui tươi, dễ đọc. Có những mẫu vui cười, thơ ca - dĩ nhiên không sướt mướt “ủy mị”. Có những tranh luận về quan điểm, Liệu bị thiếu số nhưng nhất quyết không chịu thua. Có

những đêm múa tập thể cầm tay nhau “sòn la”, Liệu nhất định không tham gia. Thỉnh thoảng cũng được ra khỏi rừng về cơ quan, về nhà, đầu óc thư thái hẳn. Cùng đi với ông thường là Cung, cũng ở Thường trực Quốc hội, người chịu phạt rất éo le trong đợt chỉnh huấn.

6-10-1952

Anh bị tố truy riết vì anh đã không tìm ra tội lỗi gì. Mà không tội lỗi gì tức là tự nhận mình đã toàn thiện toàn mỹ, là không thành khẩn trong việc học tập. Kết cục, vì thấy anh ở ban TTQH, người ta đưa ra 41 câu hỏi về mọi vấn đề quốc kế, dân sinh, kháng chiến, kiến quốc để buộc anh trả lời... Anh đã phải khóc nức nở vì người ta trút cả trách nhiệm lên đầu anh từ việc bộ đội không được tiếp tế đầy đủ đến những lầm lỗi của một người dân quê. Sáng nay và cả chiều nay, anh vẫn bị truy như thế. Việc này có liên quan tới mình mặc dầu tổ mình không đặt thành vấn đề này với mình. Nghĩ đến đây, mình nhớ lại buổi chúng mình tranh luận với Bộ Chính trị của TU Đảng hôm 3-3 vừa rồi. Ban TTQH đã bị tước hết quyền hành và nhiệm vụ trong khi nó vẫn phải phụ trách trước quốc dân về mọi nhiệm vụ của nó.

(Nhật ký quyển 444)

- 19 -: “THI” ĐỒ!

Tổng kiểm thảo là kết quả quan trọng nhất của lớp chỉnh Đảng. Còn hơn cả kỳ thi tốt nghiệp, nó ảnh hưởng tới tiền đồ chính trị của người cán bộ sau đó.

Nhưng giờ thì Liệu không nghĩ nhiều tới điều này. Là người cách mạng, ông sẽ phải thành khẩn với tổ chức cách mạng, không giấu giếm khuyết điểm, những quan hệ “nhạy cảm”, cũng chả vì thế mà tự “tiêu diệt” điểm mạnh cũng như các yêu thích của riêng mình. Không thế thì ông chả còn là mình. Có lẽ đây là lúc những phẩm chất “trung quân” cũng như “tiết tháo” nhà nho thể hiện ra.

Vả lại ông còn bao nhiêu để mà mất. Bị đánh tụt xuống những vị trí xa vời vợi trong phẩm trật quan lộ, chỉ còn cả tiếng chứ không thực quyền, ông phải tự cứu lấy mình. Đường chính trị thế là coi như xong. Nhưng Liệu còn đó chí lập thư. Ông yêu sách vở, thích viết lách, tra tầm để mà dựng lại những trang sử dân tộc. Chẳng phải ngẫu nhiên mà mười lăm năm trước, lão mật thám già Grandjean đã lấy chân viên chức trong trường Viễn Đông Bác Cổ ra dử để Liệu thôi làm cách mạng đấy ư? Và mấy năm nay, giữa bao nhiêu sự vụ, ông đã làm xong cuốn “Sơ thảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam”.

Lớp chỉnh Đảng chia thành từng tổ, cá nhân viết tự kiểm điểm, nêu ưu khuyết để mọi người phê bình. Trông vào các lứa cán bộ thì có vẻ bị cào bằng, anh bần nông “i tờ ít” về lý luận có thể vặn vẹo anh đã lịch duyệt trên trường văn trận bút. Khả năng tiếp thu phê bình, trả lời để “thông” cả trăm phần trăm hầu như là không thể; cũng có nghĩa là những ai thuộc “tầng lớp trên” dễ gặp nguy nan lắm. Trước đó một cao trào do Đảng khởi xướng đã chả có khẩu hiệu “trí phú địa hào đào đào tận gốc trốc tận rễ” là gì.

May là những người tổ chức lớp, kể từ Tổng bí thư Đảng trở xuống, chỉ để cho học viên có xuất thân khác nhau cọ xát ở mức độ “cho nóng người” lên thôi. Chứ với từng cá thể, lai lịch, trên có đường hướng đánh giá, phân loại, thậm chí thái độ đối xử không cào bằng cả. Liệu là người được hưởng “diện chính sách” ấy.

12-10-1952

Tối nay, anh Lương, một người trong Học ủy và Trung ủy đến hỏi chuyện riêng mình về những thắc mắc không tiện nói ra trong tổ học tập. Mình không ngần ngại gì, nói cho anh L. nghe mấy điều vẫn “găm” trong đầu mình đối với chủ trương của Bác mà chưa được công khai kiểm thảo lần nào, như “Ủy ban Hành động” (không chịu gọi là “Ủy ban Khởi nghĩa”) trong đại hội Tân

Trào, việc trừ định dời chính phủ ra ngoài để diệt nội phản trong khi bị bọn quân phiệt Tàu áp lực (không chịu mang danh nghĩa là Chính phủ lâm thời), việc tự tiện cho Bảo Đại lập chính phủ, việc định đổi quốc kỳ trước áp lực của bọn phản động... Kết quả, đồng chí Lương khuyên mình đừng quá quan tâm đến những việc đã qua để an tâm học tập. Và những “chuyện lịch sử” ấy vẫn chỉ là chuyện trong xó tối. (Nhật ký quyển 444)

Cần phải trình bày những gì và không trình bày những gì trong tự kiểm thảo? Liệu không nghĩ nhiều đến những đồng chí cùng sinh hoạt trong tổ của khóa chính Đảng. Dù đã lên ghế “bị cáo” đôi lần, bị phê bình ra gì, Liệu hiểu họ chất phác, không có ác ý, có điều nhận thức khác mình. Vấn đề là cấp trên nữa, những người sẽ xem “bản văn” để quyết định vận mệnh mình. Liệu sẽ không “đánh” cái tầm của mình xuống quá, cũng không coi ban thân chỉ toàn đúng. Thái độ phải hoàn toàn thành thực, cái thật - chứ không phải thật thà - sẽ quyết định hết. Nhưng mà năm ăn năm thua, còn kiểu gì khác đâu?

Dự thảo tổng kiểm thảo có ba phần lớn. Phần đầu tiên, *Gốc rễ xã hội và hoàn cảnh gia đình*, khá đơn giản. Nhà ông có nòi yêu nước, lại nghèo, nghĩa là “rất cơ bản” về lý lịch. Phần hai, *Hoạt động qua các thời kỳ* thì phải nghĩ nhiều, nào “tiền Cộng Sản”, vì sao từ Quốc dân đảng chuyển sang Cộng sản, làm báo thời Mặt trận Dân chủ rồi đi tù thế nào. Đến thời chính quyền cách mạng, ông phản ứng với chủ trương ký Hiệp định Sơ bộ, lấy người đàn bà có một “nhân thân” không thể nói là không đáng ngại. Và kháng chiến, những tâm thế, nhận thức của ngày hôm nay...

Sau hết, học viên phải tổng kết tư tưởng của mình, từ nguồn gốc, bản chất các ý nghĩ, tình cảm đến tác phong thể hiện ra. Cuối cùng là phương hướng sửa chữa, phấn đấu. Đây có thể là cái phần đơn giản, dễ “hô khẩu hiệu” nhất, lại cũng có thể lật đi lật lại lâu bao nhiêu cũng không đủ.

Ngổn ngang bao nhiêu điều, không khéo giống như búi chỉ, càng rút càng rối. Có những người “thi” mãi không xong, tốn bao nhiêu nước mắt, hạ mình xuống bao nhiêu bậc mới qua được. Thế mà bản của Liệu, vào loại dài nhất lớp học, lại giúp ông “đỡ” ngay trong lần “khảo hạch” đầu. Liệu lý giải vì sao lại chậm trễ trong quá trình chuyển từ Quốc dân đảng sang Cộng sản:

Tôi nghĩ đến câu “Gái trinh không lấy hai chồng”. Tôi nhớ lại những ngày đầu tiên được kết nạp vào VN QĐĐ, tôi đã giơ tay thề. “Trước mặt giang sơn Tổ quốc, trước mặt các anh em đồng chí, tôi...”. Tôi càng nhớ các đồng chí rất thân của tôi trước kia đã chết vì đảng, vì nước, đã đem máu viết nên những chữ lớn “Việt Nam Quốc dân đảng”... Sự mâu thuẫn giữa lý trí và tình cảm

kéo dài hết ngày tháng ấy sang ngày tháng khác trong đầu tôi. Lập trường giai cấp của tôi còn bấp bênh nên không cho phép tôi giải đáp thỏa mãn những kiên giải và tình cảm kể trên". (Dự thảo tổng kiểm thảo) .

Những sự kiện. Biết bao nhiêu quan hệ, kèm theo là hành động, nhận thức trong từng thời kỳ. Rõ ràng Liệu không phải là một người cộng sản từ gốc, mà đã nhuộm mình qua vài phong trào có xu hướng dân tộc. Sự từng trải tạo nên sự vì nể, nhưng cũng gây phức tạp. Ông đã thiếu kỷ luật, sự phục tùng lãnh tụ trong năm 1945-1946, có phải vì mắc mưu khiêu khích của địch không? Trước đó, ở cảng Bá Vân, vì sao ly khai chi bộ? Vụ bạo động non ở Nghĩa Lộ, đứng đầu ban hành động, có phải Liệu đã dao động? Ngần ấy "nút thắt" phải được gỡ, dần dần, vừa nghĩ vừa viết chứ không hạ bút lấy nhanh được.

Nhưng phần căn cốt là tình trạng hiện tại.

Sau khi ra khỏi Tổng bộ Việt Minh, tôi dần dần xa cơ quan chỉ đạo tối cao của Đảng và sống cái đời lạc lõng với một tinh thần hoảng loạn... Thấy mình bị khinh bị nhục, một tư tưởng tự sát lớn vồn trong đầu tôi. Người đầu tiên mà tôi cho biết ý nghĩ này là HT (có lẽ là Hải Triều - TC) trong cuộc đại hội văn hóa toàn quốc. HT bảo tôi rằng người Mác-xít không bao giờ tự sát. Thực ra tôi cũng hiểu như thế và nói rõ tự tử là khiếp nhược... Sau đó, ý niệm tự sát không thực hiện được vì hai có sau đây: 1) Năm ấy 1948, Đảng đã triệu tập đại hội, đã gửi đề án cho các đại biểu nghiên cứu trước. Tôi biết mình sẽ được đi dự đại hội nên nảy ra ý nghĩ: từ ngày vào Đảng đến giờ, chưa được đi dự đại hội ngày nào. Lần này mình không thể bỏ qua trước khi chết. Nhất là trước đại hội, mình sẽ có dịp phát biểu ý kiến đối với mấy chính sách lớn của Đảng mà mình vẫn không thông. Sau đó, mình còn phải nhân dịp nói rõ trường hợp của mình và rút một kinh nghiệm cay chua cho nhiều đồng chí khác. Rồi có chết sẽ chết. 2) Bộ sử Cách mạng cận đại Việt Nam của tôi lúc ấy chưa biên soạn xong. Tôi tự hẹn phải biên soạn cho xong bộ sử này rồi mới có thể chết được .

Về "phương pháp tư tưởng", Liệu tự phê bình:

Nhìn vào Đảng, tôi đã lý tưởng hóa Đảng. Nên, một khi thấy Đảng chưa tận thiện tận mỹ như lý tưởng của mình thì đâm ra bức tức. Cũng như, nhìn Đảng không thấy toàn khối, mà chỉ thấy từng cá nhân. Rồi cũng chỉ thấy những khuyết điểm của cá nhân mà sinh ra bi quan. Vì vậy, cái ám ảnh nhất trong đầu tôi bao năm nay là nạn đảng viên phức tạp.

Tôi gửi thư đề nghị lên TƯ. Tôi yêu cầu thanh Đảng tại Hội nghị cán bộ toàn quốc. Tôi không tin vào "giáo dục vụn vặt" của Đảng (phát biểu trong Đại hội Đảng). Những ý kiến

không được thu nhận, tôi càng phẫn uất.

Đối với những người phụ trách lớp chính Đảng, Trần Huy Liệu là một trường hợp đặc biệt, tuy không hẳn là quan trọng quá. Mất cán bộ là điều không ai muốn. Người ấy đã thành khẩn bộc lộ một cách sâu sắc, có suy xét lý giải - chứ chả phải chi trình bày- vấn đề của mình, thì đối thoại, cởi gỡ từng “nút” là chuyện cần. Liệu làm việc liên tục với Hoàng Quốc Việt, Lê Duẩn, Lê Văn Lương, và cố vấn họ Mã trong đoàn cố vấn Trung Quốc tại lớp học. Có những điểm yếu, Liệu đã nhận thì họ góp ý thêm, yêu cầu tìm ra “gốc rễ” để khắc phục hoàn toàn. Cũng có những điểm ông nhất định “rằng không sai” thì đành để vậy. “Nhận thức là một quá trình” kia mà, đối với một trí thức càng không nên đơn giản, kiểu mệnh lệnh đơn thuần. Điều chủ yếu là giữa lãnh đạo và “đối tượng phê bình” đã có sự cởi mở giữa những người đồng chí. Thấy “đồng chí già” gầy yếu, phong phanh, Mã cố vấn tặng ông chiếc áo khoác dạ, thứ cực kỳ xa xỉ thời đó.

Noel năm 1952, lớp chính Đảng tổ chức cưới tập đoàn cho bốn đôi học viên. Sau lời khai mạc, một ủy viên trung ương lên căn dặn, đại diện các cô dâu chú rể hứa kiểm thảo tốt để về đơn vị hoàn thành nhiệm vụ. Khách khứa liên hoan rất sơ sài, nhưng được xem phim Liên Xô “Hạnh phúc Cri-mê”, phim Trung Quốc “Người lính biên cương”. Phần Liệu, tuy chả cưới xin gì, tâm tính cũng phải chộn rộn. Buổi trưa, ông vừa đề đạt với Hoàng Quốc Việt một nguyện vọng về công việc trong giai đoạn tới.

Chừng một năm sau, có mấy thanh niên lên rừng đẵn nửa vác về dựng căn lán ở Sơn Dương, Tuyên Quang, cách cây đa Tân Trào nửa cây số đường chim bay. Bên những cột tre, vách nửa lỏng chỏng mấy bồ sách chữ nho, chữ Pháp. Đây là tài sản đầu tiên của cơ quan tiền thân cho Viện Khoa học xã hội ngày nay. Ban Nghiên cứu Sử - Địa - Văn thành lập ngày 2-12-1953 trực thuộc Trung ương Đảng, là kết quả của nhiều nhu cầu, cố gắng, trong đó có phần rất nhỏ là những ngày chính Đảng khắc nghiệt của Trần Huy Liệu.

“Quốc sử Quán” Đầu năm 1954, Liệu thấy mình trở nên dềnh dàng. Có hai “dinh” hai bên dãy Tam Đảo, Tý ở Đại Từ còn Sửu đăng Lập Thạch. Phần nhiệm sở, đã có cơ quan Thường trực Quốc hội, giờ thêm “anh” Sử - Địa - Văn. Ngôi nhà của “Quốc Sử quán” đầu tiên của “vương triều cộng hòa” lợp lá, thưng nửa, có hai gian ngăn làm bốn “phòng”. Liệu chiếm một chỗ, rồi đến văn thư, nơi làm việc của cán bộ. Và phòng Trần Đức Thảo, ông trí thức khét tiếng vì cuộc tranh luận với nhà văn - triết gia hiện sinh Jean Paul Sartre từ Pháp trở về. Trước đó, Thảo ở bên văn phòng Tổng Bí thư, vừa dịch “Đề cương văn hóa Việt Nam” của Trường Chinh sang tiếng Pháp.

Đường như là “lắp ghép” vị tiến sĩ triết này vào đâu cũng là việc khó đối với trên, ngay cả khi hòa bình, quyền lực đã hoàn toàn về tay những người làm cách mạng. Trở về đất nước rất đổi mến thương, Thảo trở nên một “mảnh” riêng, cô độc, dù sau này đứng trên giảng đường đại học hay làm cán bộ nghiên cứu ăn phiếu thực phẩm loại êng êng.

Bản tổng kiểm thảo trong cuộc chỉnh Đảng cuối năm 1952 cho Trung ương thấy “tâm bệnh” của Liệu trọng đến mức nào. Sự xa cách, mức kỷ luật - không “án”, một nhiệm vụ không thể nói là không có tác dụng nhưng chẳng thích hợp với Liệu... , là những nguyên nhân dẫn đến mất cán bộ như chơi.

Mà Liệu lại nổi tiếng, để ông tự sát, nhớ ra... Khi “đương sự” đã thành thực bộc lộ, đề đạt nguyện vọng về một sự nghiệp mà trên cũng cần, thì tốt nhất là đáp ứng nó, được cả đảng riêng cũng như chung. Sau này, mãi năm 1993, Pelley Patricia Marie, nghiên cứu sinh đại học Cornell, Mỹ, khi làm luận án “Sách báo cách mạng: Lịch sử hiện đại sau thuộc địa ở Việt Nam” đã rất quan tâm đến sự ra đời của cơ quan nghiên cứu khoa học xã hội đầu tiên này. Những câu hỏi Pelley đặt ra là “Kháng chiến gian khổ vậy, sao ra được các tập san?”, “Các tác giả, nhà nghiên cứu đã sống ở đâu?” “In ấn thế nào, số lượng ấn bản, cách tiêu thụ, ai đọc chúng, nói chung ảnh hưởng ra sao?” ...

Khởi động từ năm 1953, nhưng thật ra Liệu đã nung nấu một Quốc Sử quán” từ những ngày “cầm” Bộ Thông tin - Tuyên truyền 1946. Lăn vào những cuộc cổ động, diễn thuyết bất tận, con người chả bao giờ thích hợp với vị trí làm một thành viên của “bộ máy” cứ mong ước được ngồi yên đọc sách, chiêm nghiệm về quá khứ, viết những chuyện trong đầu ra. Kể ra cuốn “Sơ thảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam” đã thỏa mãn phần nào tâm sự ấy của ông, nhưng chỉ là một thử nghiệm, việc làm thêm ngoài nhiệm vụ.

Giờ thì Liệu được ăn bổng để làm việc ấy, tuy không hẳn đã chuyên biệt. Kể cả lương ở Thường trực Quốc hội, ông được hưởng sinh hoạt phí khoảng 70 cân gạo, trong khi người khác lĩnh từ 35 đến 40 cân. Chừng nấy nuôi một gia đình không đủ, nhưng Tý rất có tài tăng gia, và Sứ được khoản tô tức của tá điền trong ấp, trước khi Cải cách ruộng đất tràn đến.

Trong lòng kháng chiến, vẫn có những hoạt động trước thuật. Ngoài những cuốn sử Đảng, sử kháng chiến, Bộ Quốc gia Giáo dục có Ban Sử học trong Vụ Văn học Nghệ thuật. Nằm trong khu Bốn, Đặng Thai Mai, Đào Duy Anh, Trần Văn Giàu, vừa viết sách vừa giảng dạy. Việc “tường thuật, cắt nghĩa” quá khứ theo quan điểm mác-xít đã hình thành dần dần qua các tác phẩm. Nhưng phải có một cơ quan chuyên biệt, chính thống của đất nước, kiểu như Quốc Sử viện của

giám tu Lê Văn Hưu đời Trần. Sang triều sau, chả phải Lê Thánh Tông đã “sai sử quan tu soạn Ngô Sĩ Liên soạn Đại Việt sử ký toàn thư” đó sao.

“Sử để chép việc, mà việc hay hay dở đều dùng làm gương răn cho đời sau”. Phan Huy Chú tính vậy trong Lịch triều hiến chương loại chí. Liệu đã không còn tham chính, nhưng vẫn rất có thể tác động vào đương thời - trước hết là làm cách mạng - bằng chữ nghĩa được chứ, dù rằng tác động gián tiếp, xa xôi thôi.

Từ nay ta lại là người có ích, được tổ chức cần. Ta thỏa mãn sở nguyện, sở học, và lại có bổng lộc cho vợ con. Cái tâm thể đó khiến Liệu hăng hái xây nền móng đầu tiên cho “ngôi nhà” sau này ngày càng đồ sộ.

Ban Trù bị cho “Quốc Sử quán” gồm Liệu, Minh Tranh, Tôn Quang Phiệt. Tuy đứng đầu, nhưng Liệu phải dựa vào bộ máy Ban Biên ủy nhà xuất bản Sự thật của Minh Tranh, nơi có cán bộ nghiên cứu, tài liệu, in. Dự thảo quyết định thành lập trình lên trên, điều 4, phần nhân sự ghi *“... gồm có: các đồng chí Trần Huy Liệu, Minh Tranh, Tôn Quang Phiệt, Hoài Thanh và Trần Đức Thảo, Vũ Ngọc Phan (người ngoài Đảng). Đồng chí Trần Huy Liệu là thư ký của Ban . Với nét chữ rất chân phương, dễ đọc, Tổng Bí thư Trường Chinh chữa: “ và hai người ngoài Đảng là các bạn Trần Đức Thảo, Vũ Ngọc Phan”; “Đồng chí Trần Huy Liệu làm Trưởng ban”.*

Cái ban mới nghiên cứu Sử, Địa, Văn, gọi là “Quốc Sử quán” thật ra không đúng tí nào. “Sử” được tôn lên đầu vì những người làm đề án, thành viên sáng lập hầu như chỉ toàn anh làm sử. Nhà phê bình văn học Hoài Thanh tuy có tên nhưng làm việc chính bên văn nghệ. Đề án thành lập của Ban Trù bị ghi: *“Nên có một tổ chức gồm các ngành Văn học, nhưng với khả năng hiện có, hãy tập trung vào ngành Sử học để có thể bắt tay ngay vào mấy việc cần thiết”* . Là một cơ quan thuộc Trung ương Đảng, thì ai ngoài Đảng, ai trong phân ra khá rõ, chỉ bộ sinh hoạt chung với bên Sự thật. Tổ Lịch sử đông nhất, 7 người, gồm Phiệt, Tranh, Thảo, Liệu, ông Phạm Trọng Điềm chuyên dịch Hán Nôm, hai lính trẻ Văn Tạo, Nguyễn Công Bình. Tất nhiên phải có người đánh máy và người làm thư viện, tư liệu. Có từng nấy “mống” mà đủ cả các “ngành” khảo cổ, dân tộc, thế giới, Hán Nôm..., gần gần được như các viện thuộc “Bộ” Khoa học xã hội bây giờ. Làm được vậy vì các trí thức đang nghiên cứu Sử, Địa, Văn ngay trong kháng chiến đâu có ít. Trần Văn Giàu, Đào Duy Anh, Nguyễn Đồng Chi trong khu Bốn. Trần Thanh Mại, Ngô Quân Miện, Văn Tân, Trần Văn Giáp, Nguyễn Lương Bích, Đinh Gia Khánh... ở miền Bắc. Đâu đó trong các khu rừng, nhà dân, hàng ngày chạy ăn, chạy máy bay, họ vẫn đọc, viết .

Ban Sừ - Địa - Văn ra đời, họ vô cùng phấn khởi vì coi như đã có một ngôi nhà chung, có chỗ

để gửi tác phẩm hằng dày công mài miệt tới. Và tên tuổi người đứng đầu cái cơ quan đó chẳng phải xa lạ với họ. Từ Khu học xá Trung ương bên Nam Ninh, Trung Quốc, các bài nghiên cứu viết dưới ánh sáng đèn điện cũng được gửi về.

Cơ quan toàn ông già, Liệu nghĩ đến những người trẻ tuổi hơn để làm nguồn cho giai đoạn sau. Lần đầu gặp Văn Tạo, do một chỗ khác giới thiệu, ông đưa chàng thanh niên một bản tin tiếng Pháp, một đoạn văn bạch thoại để dịch thử. Rồi bảo “phải học thêm bạch thoại đi, công việc không phải chỉ toàn chữ nho đâu”. Cái câu lớp người sau luôn luôn được “dạy bảo” là “*có sử đã rồi mới thành dân tộc được*”.

Sự sống học thuật đầu tiên thể hiện ở hai số *Tập san tử Địa Văn*, sang số 3 đổi thành *Tập san Văn Sử Địa*. Sau ngày “khai sinh”, do neo người làm trực tiếp, phần nghiên cứu Văn học có thể nói là khá mỏng, còn mảng Địa lý chủ yếu kết hợp với bên giáo dục làm sách giáo khoa cho các trường phổ thông. Từ Tân Trào sang nhà in Tiến bộ ở Ghềnh Quýt để chạy in tập san phải qua sông Phó Đáy và 24 đoạn suối. May là cơ quan đã có thanh niên lo việc này. Và cũng may cho họ là có xe đạp để đi, cứ thế vác qua sông suối, cốt sao bản thảo khỏi ướt. Không được vào khu vực nhà in đóng, họ phải ở lại lán trạm giữa rừng, chờ có bản in thử để sửa, ngày xoi hai lon gạo, hai quả trứng vịt.

Tập hợp tư liệu, lập thư viện là một công việc phải làm gấp rút, có khi còn cần gấp rút hơn viết lách. Chiến tranh đang từng ngày, thời cuộc chạy thoăn thoắt, sách vở, các giá trị vĩnh cửu có thể tiêu tan bất cứ lúc nào. Đầu năm 1954, số sách báo Trần Văn Giàu, Đào Duy Anh tập hợp được, tự nguyện cho Ban được chuyển từ khu Bốn ra. Văn tự thu được từ các gia đình địa chủ bị đấu tố trong cuộc Cải cách ruộng đất thí điểm ở 48 xã thuộc Đại Từ, Đồng Hỷ (Thái Nguyên), Liệu phái Văn Tạo đi lấy về.

Một nhiệm vụ tự nhiên “phát sinh” trước các nhà nghiên cứu mới chân ướt chân ráo, là tăng gia sản xuất. Ngoài số gạo tiêu chuẩn, rau xanh phải trồng lấy, chất tươi thì nhà bếp mua lợn choai về vỗ lên. Hôm nào mổ lợn cứ như có Tết. Được ăn lòng, tiết canh, người ngộm tươi lên, yêu đời hẳn. Mắm muối tháng một lần nhà bếp ra chợ Văn Lãng mua. Thỉnh thoảng bên đình Hồng Thái có văn công, chiếu phim, “quân ta” lại kéo sang xem ké, vui như hội. Bên những nếp áo chàm Tày Nùng, những gương mặt xinh tươi của dân văn nghệ, tuyên huấn, dáng vóc của “cánh” Sử Địa Văn có vẻ già trước tuổi, dăm chiêu hơn. Trong bối cảnh ấy của kháng chiến, sự tồn tại của Trần Đức Thảo rất khó hòa hợp. Chuyên ngành của vị tiến sĩ đào tạo ở Pháp từ thời còn trẻ là triết học, khá xa lạ với Liệu và những bậc túc nho, những nhà cách mạng chuyển sang nghiên cứu.

Thôi thì việc ông ông cứ làm. Khổ nổi, ác nổi là những cá tính (?) trong sinh hoạt. Thảo lắm lì, lừ đừ, khó trao đổi, chẳng văn nghệ văn gừng bao giờ. Người được trên giao nhiệm vụ giúp việc

cho ông là một đảng viên, rất khó thông với “quan niệm” phải giặt cả quần đùi áo lót của Thảo, trong khi ông triết gia học Tây về coi đó là đương nhiên, chả có gì đáng gọi là “không tôn trọng”. Tuy chả hợp, thậm chí kêu giời rằng “Thảo điên rồi”, nhưng vài lần Liệu phải bảo vệ con người lập dị ấy khỏi những ý định “cải tạo lão giáo sư tư sản”.

Điện Biên thắng lớn. Cục diện kháng chiến thay đổi hẳn. Tháng 9 năm 1954, Ban Văn Sử Địa (đổi tên rồi) chuyển từ Tân Trào về Đại Từ, Thái Nguyên. Chiếc bè chở họ bị đắm, sách báo trôi lênh bênh. Vũ Ngọc Phan chết thốt khi nghĩ tới tập bản thảo cuốn *Tục ngữ dân ca Việt Nam* sưu tầm, biên soạn bao năm trời. May là cuối dòng có bè mảng của cơ quan khác cũng đang chuyển về xuôi, họ lợi ra vớt lên cho. Kiểm lại thì sách báo, bản thảo, lai cảo không mất tí gì. Cuộc hong phơi sách trên bờ thật vui, về tới Ký Phú, Đại Từ càng vui vì có Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang nhập bọn, dù là tạm tạm thôi.

Hoạt động của Ban Sử Địa Văn dần dần có đà. Vất vả, nhưng cái cảm giác làm người thừa không còn, Liệu thấy hứng khởi hơn khi được giao việc khác: trở lại mặt trận, tham gia Việt Hoa hội... Cuối cuộc kháng chiến, sự biến chuyển của thời thế, theo sau là vận mệnh ngày càng xấu của Sứu tạo nên tâm trạng chộn rộn, dấm dứt. Dù thế nào, thân phận bên ngoài của Liệu đã thay đổi hẳn. Ông được gọi vào một đoàn thăm mấy nước xã hội chủ nghĩa mới, rồi về Hà Nội ở nhà riêng, làm việc phòng riêng, sau đó có ô tô riêng. Lắm cái “được” quá...

- 20 -: DỰ CẨM

Từ An Mỹ, Liệu sang Đồng Bẩm dự mấy cuộc đấu tố thí điểm. Địa chủ bị “bầu” làm “điển hình” là Tổng Bính và Nguyễn Thị Năm.

Vượt suối đang tràn lũ, qua con dốc, đã thấy rừng người đông rầm rập. Trên cây lũ trẻ vắt vẻo như đàn chim. Quang cảnh giống một lễ hội dưới xuôi với những người dân náo nức, vui vẻ như sắp vào đám vật, nhưng làm Liệu lo ngại. Người sắp bị đấu tố vừa có công vừa có tội, bóc lột nông dân thực nhưng lại đóng góp không ít cho kháng chiến. Cuộc Cải cách ruộng đất sẽ lan tới đâu, liệu có đụng đến Sửu và hai đứa con yêu dấu đang bên kia dãy Tam Đảo? Cơ quan nghiên cứu vừa thành lập đang cần sắp xếp mà ông không thể ngồi yên. Được cái là Trần Đức Thảo, Vũ Ngọc Phan, Phạm Trọng Điềm, Tôn Quang Phiệt... đều có mục đích công việc của mình, Liệu chỉ phải hướng dẫn mấy chàng trai mới như Văn Tạo, Nguyễn Công Bình. Và cái ban mới ra đời cũng dựa được nhiều vào cơ sở của nhà xuất bản Sự thật của Minh Tranh.

Kháng chiến đang ở giai đoạn cuối. Thắng lợi, chắc chắn là vĩ đại, đang rất gần. Công cuộc tổng phản công cần sự hỗ trợ của hậu phương để động viên chiến sĩ ngoài chiến trường - đa phần con em nông dân. Phân chia lại ruộng đất, tước bỏ của người giàu đem chia lại cho người nghèo là một chủ trương cần thiết, nước Trung Hoa mới lập nền xã hội chủ nghĩa cũng đã làm, và đang muốn ta tiến hành. Nhưng làm quá đi, liệu có phải tự chặt tay mình. Liệu thấy lo ngại khi nghe đồng chí cố vấn Trung Quốc phổ biến kinh nghiệm “Thổ cải”, nhất là việc định ra tỷ lệ địa chủ, trong một làng nhất định phải tìm cho ra ngần nấy tên bóc lột.

Liệu ghi nhật ký, rất kỹ. Một mặt, đó là công tác, đi dự đấu tố thí điểm để về báo cáo ban chỉ đạo trung ương, rút kinh nghiệm cho cuộc Cải cách ruộng đất sẽ làm đại trà sau này trên cả miền Bắc.

Nhưng mặt khác, lại là sự quan tâm đến các số phận, những gương mặt riêng lẻ của ai đó đã từng gặp mặt, quen biết hay mới chỉ nghe tiếng, cùng với “gương mặt quần chúng”. Bên những “cảm xúc sử thi”, chưa bao giờ Liệu chôn vùi những cảm nhận riêng của mình. Phải ghi lại tất cả, dù có khi chả giúp được ai, chả làm “sáng ra” nhận thức của cấp trên. Dù bé nhỏ, là một hạt bụi, nhưng không cảm nhận nữa, thì mình, cái cá nhân bé nhỏ này, cũng chả còn tồn tại. Mà lịch sử lớn lao bao giờ chả tồn tại qua cảm nhận của các cá nhân bé mọn...

18-5-1953

Nhưng mình không dự hội nghị, mà đi dự cuộc đấu địa chủ Nguyễn Văn Bính tức Tổng Bính

tại xã Dân Chủ... Theo lối rẽ vào xã Trung Thần, đã thấy từng tốp người từ các ngã đường kéo đến..., trong đó có cả những bà bồng bế con thơ... đôi người đàn bà mặc quần mới. Lũ trẻ con giành nhau chạy trước. Một thanh niên leo lên cây me vệ đường rung cây cho quả rơi xuống để mọi người nhặt... Mình có ấn tượng như đi xem hội ở vùng quê. Họ không nói chuyện gì về đối tượng sắp đem tranh đấu cả. Vào một nhà tập hợp. Những ủy viên chấp hành nông hội xã và cán bộ đội công tác đương tít tít về những công việc tổ chức. Ban tiếp tế nấu từng chảo cơm, bày từng dãy mâm cơm cho những “tân khách”, ai muốn ăn thì ghi tên vào với giá tiền 3.000 đồng một bữa. Mình mặc dầu đã mang cơm nếp đi theo cũng ngồi vào ăn. Dọc đường đi đến trường sở ở trong rừng, có dân quân du kích và công an xã vác súng đi lại canh gác. Từng chòm người ngồi xúm xít dưới gốc cây hay trong một chiếc nhà trống. Một chị phụ nữ bán xôi và bánh khúc tha hồ dắt hàng. Nhưng cho mãi đến gần 11 giờ, cuộc đấu mới bắt đầu. Vì thôn nọ phải chờ thôn kia, xóm nọ phải chờ xóm kia. Có người đi từ sáng sớm, chưa kịp ăn cơm. Có người gần trưa mới tới. Ban tổ chức đã không giao trách nhiệm chặt chẽ những người phụ trách các khu vực hướng dẫn quần chúng đến cho được đúng giờ hay ít nhất là không chậm trễ quá. Mình cố ý ngồi lẫn vào từng đám quần chúng để nghe ngóng dư luận, nhưng không thấy gì. Một anh bạn hỏi người ngồi bên thì y nói: “Tôi đối với ông ấy (chỉ địa chủ Tống Bính) cũng không có chuyện gì”. Ban tổ chức đi gọi người nào có “vấn đề” với địa chủ thì vào trước. Một số lững thững đi vào. Có người không chịu vào trước, nói: “Tôi có ít thôi, để nói vào cuối cùng”. Nhưng có ai biết được người tố cuối cùng sẽ là ai? Trường sở tranh đấu tại một khu rừng thưa, gần cánh đồng, bên một cái đình. Không có hầm hố tránh máy bay gì cả. Cũng may trời nắng ráo. Mưa thì sẽ ra sao? Ngoài lá quốc kỳ và ảnh Hồ Chủ tịch, những khẩu hiệu “Hồ Chủ tịch muôn năm”, “Đảng Lao động Việt Nam muôn năm”, “Triệt để giảm tô, kể cả thoái tô. Thực hiện giảm tức, phát triển sản xuất. Thực hành tiết kiệm” và một chiếc băng dài đề “Đả đảo và trừng trị xứng đáng tên địa chủ cường hào gian ác Nguyễn Văn Bính”. Mình nhận thấy không có một khẩu hiệu phản đế nào. Một thói quen trong lúc này là người ta mãi nhìn vào địa chủ phong kiến mà quên kẻ thù đương phải tranh đấu bằng vũ trang là đế quốc Pháp và can thiệp Mỹ. Trước mấy chiếc bàn để dành cho chủ tịch đoàn và ban thư ký, một chiếc bục kê lên cho địa chủ quỳ và đằng sau có những biển quy định chỗ ngồi: “địa chủ ngoan cố”, “địa chủ đã thanh toán”, “phú nông nói láo”, “phú nông chưa thành khẩn” và “những người phú nông”. Số quần chúng đến dự độ 700 trở lại. Có cả một số bộ đội và nhân viên cơ quan ở gần. Ban điện ảnh nha Thông tin có đến quay phim. Theo lời căn dặn của chủ tịch đoàn, thì, khi máy quay phim kêu sè sè, mọi người không nên nhìn vào, mà phải “cắm thù địa chủ”. Lễ khai mạc bắt đầu. Trên ghế chủ tịch đoàn là ban chấp hành nông hội, nghĩa là bản, cố, trung nông. Có cả một phụ nữ và một thương binh. Phát ngôn nhân của chủ tịch đoàn cũng đồng dục mạnh bạo, không kể vô số những sai lầm về danh từ cũng như về văn phạm. Nhưng những

lời tuyên bố đầu tiên đã lộn xộn giữa phú nông và địa chủ. Người ta không nói ngay đến địa chủ thủ phạm, mà đã kể đến từng "tên" phú nông thuộc các loại, do du kích áp giải "mời" đến hội trường. Chủ tịch truyền lệnh cho cứ tọa hể thấy địa chủ vào thì hô đả đảo. Một việc làm không cần đến mệnh lệnh. Đến lượt địa chủ vào. Hai tay bị trói quặt ra sau, nhưng vẫn phải bò từ ngoài vào, đeo bên mình những gói quần áo. Ngoài tiếng hô đả đảo, những người ngồi gần lối y vào cũng với tay ra đánh tát toi bời. Không đợi để quỳ lên bục, một người đã túm lấy tóc mà "tố". Trận vũ bão bắt đầu.

Mình đã đọc hồ sơ của B., biết rõ tội ác của B. B. trước là m lý trưởng rồi phó tổng hồi Pháp thuộc. Sau Cách mạng tháng Tám, B. làm chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến xã rồi UBHCKC huyện. B. cũng là đảng viên cộng sản đầu tiên ở đây. Một số người vào tố đầu tiên buộc tội B. đã làm tay sai cho Cung Đình Vận, tuần phủ Thái Nguyên ngày trước, để lòng bắt Việt Minh và đồng chí Chu Văn Tấn.

Tuy vậy, ngoài một người ra, hầu hết những người khác đều không đem được ra những bằng chứng cụ thể. Có người không nói được rõ cả việc xảy ra ở đâu ngày tháng nào. Kết quả là B. chỉ nhận sau cuộc Nhật đảo chính Pháp, có nhiều trộm cướp xảy ra, mình làm tổng lý phải đem lính đông và tuần phiên đi canh gác, thế thôi. Đến lượt tố các vấn đề kinh tế. Một điểm đáng chú ý là trong khi đấu tố địa chủ mà không nổi bật lên cái gì là chiếm đoạt ruộng đất hay tô tức. Người ta chỉ len vào những việc phụ khác như ăn hối lộ, quyt tiền công, tham ô, đánh người... Có một số người mà phần nhiều là phụ nữ tố tên B. bằng một giọng kể lẽ tự nhiên thì được công chúng nghe rõ ràng và thấm thía. Một bà đau xót vì chồng bị B. đánh 3 cái ba toong và khi B. vào nhà bà sục bắt cán bộ thời bí mật, cán bộ chạy làm vỡ một rổ bát để nhà bà không có cái bát mà ăn. Một chị ở giờ cái chân khấp khểnh vì bị sâu quặng để truy nguyên vì B. mà què chân. Một anh ở khác tố cáo vì B. không cấp thẻ thuế thân trong thời Pháp thuộc nên không đi đâu được. Tuy vậy, có bà kể lẽ vì bị quyt 3 nôi thóc, đi tới kết quả là con ốm bị chết để kết luận bằng câu: "Vậy mày có trả tao 3 nôi thóc không?". Cũng một bà khác có anh ở cho B. ốm chết, rồi cũng suy luận theo kiểu trên để đi tới đòi mấy nôi thóc tiền công. Một chị chấp hành nông hội, ngồi ghế chủ tịch đoàn là chị Bân đã tố B. cướp một con trâu với tinh thần căm tức dào dạt, nhưng chị vừa nói vừa vỗ tay xỉa xói vào mặt B. khiến mình có cảm tưởng như nghe cuộc cãi nhau của một mụ bán hàng chua ngoa ở chợ Đồng Xuân.

Ngoài ra, không thiếu những điều vô lý đến phì cười Có n người tố B. đã quyen tiền của mình để đóng cho Việt Minh trước cuộc Cách mạng Tháng Tám mà không nói rõ B. đe dọa nếu không quyen thì sẽ bị giết. Có người tố B. đã làm chết hai du kích chỉ vì B. đã phái đi bố trí trong khi quân Pháp tiến lên Thái Nguyên năm 1947. Có người còn tố B. đã làm thịt lợn đái du kích mà con lợn đó là lợn nhà của B. Một anh tự xưng là bộ đội Anh Bắc trước cuộc cách mạng trong khi tố B. đã

không quên “quảng cáo” cho B. là B. đã đốt bằng sắc của thời Pháp thuộc. Một anh phu phà nhắc lại chuyện năm xưa đã bị B. đánh một cái tát vì té nước vào quần B. rồi cứ sùng sộ mãi: “Mày có phải là cán bộ không?”. Nhiều người tố giác B. đã thừa cơ ăn cắp vải, đồng hồ, súng lục... khi quân ta đánh chiếm Thái Nguyên tháng 8-1945. Rồi sau khi nghe B. phân trần, người ta vẫn cứ truy mãi: “Thế còn đạn mày lấy ở đâu?”. Cuộc tranh đấu càng kéo dài, những vấn đề đem ra tố càng trở nên lung tung, tản mạn. Một chị phụ nữ là y tá của một cơ quan cũng lảng xảng chạy vào hỏi chiếc bút Pắc-ke bị mất năm trước khi cơ quan còn đóng ở nhà B. Một người khác kể tội B. khi dạy học đã dùng thước đánh mình. Nói tóm lại, người ta không còn thấy gì là tính chất giai cấp đấu tranh của nông dân chống địa chủ nữa.

Nếu mình hôm ấy chỉ là một người xa lạ đến dự thì sẽ không biết B. có phải là địa chủ cường hào gian ác không và vì sao phải đem ra đấu tố? Khuyết điểm là chủ tịch đoàn, trước khi đem tố, không giới thiệu tóm tắt những tội trạng của y rồi mọi người đem bằng cứ ra để chứng thực. Những phần tử cốt cán đem ra tố, đã bị bồi dưỡng theo một kiểu cách sai lệch đến lối bịch. Đại để anh nào chạy ra cũng đầu tiên vỗ ngực bằng một câu hỏi: “Mày có biết tao là ai không?” và “Mày đã dựa vào thế lực nào?”, “Đéo mẹ tiên sư mày, không nhận tao đánh bỏ mẹ bây giờ”... bằng những cử chỉ hùng hổ và quát tháo om sòm, lại không có lý lẽ gì cũng như không đem được ra chứng cứ. Ngu ngốc đến nỗi khi nhắc đến những việc làm thời Pháp thuộc của B, rồi hỏi: “Mày đã dựa vào thế lực nào?”, là có ý chỉ vào thế lực đế quốc cái đó đã đành. Tới khi hỏi những việc làm của B. bằng danh nghĩa chính quyền của ta, cũng cứ gạn hỏi: “Mày đã dựa vào thế lực nào?”. Và nếu quên hỏi câu này thì lại có người nhắc hỏi. Đã thế, không cho “phạm nhân” được trả lời, vì trả lời tức là “ngoan cố”. Những tiếng quát tháo: “Mày còn chối tao đánh bỏ mẹ bây giờ” và những tiếng hò hét của công chúng ở ngoài: “Không cho nó nói”, “Không cho nó phân trần” chỉ tỏ ra những hèn kém, yếu ớt không tin được vào lý lẽ của mình. Sau khi chủ tịch đoàn đọc bản cáo trạng, mình phải lấy làm ngạc nhiên là cuộc tố đã không nêu ra được tội trạng của B. Chẳng những thế, người ta bắt tội nhân phải quỳ trên sàn gỗ tính ra từ 11 giờ đến 4 giờ rưỡi chiều. Mỗi khi tội nhân run rẩy gục xuống thì những tiếng hét từ xung quanh lại vang lên: “Quỳ cao lên!”. Anh du kích đứng sau lưng thỉnh thoảng lại dọi một ánh sáng mỗi khi thấy phạm nhân quỳ thấp xuống, nghĩa là đặt dít vào hai gót chân. Có lúc chủ tịch đoàn ra lệnh cho B. được ngồi xuống một tí thì người tố và quần chúng lại bắt quỳ cao lên. Ngoài hình phạt bắt quỳ thường xuyên, người ta đã đánh đập tội nhân rất tàn nhẫn. Mỗi người ra tố, theo thói quen và bắt chước lẫn nhau, đều nắm tóc tội nhân để giật hỏi. Sau mấy câu hỏi không đi đến đâu, người tố thấy mình trơ trẽn nên phải kết thúc bằng một cái tát để xuống đài. Có người đã thoi vào mang tai tội nhân. Có người đã đá phốc lên bụng. Trong khi ấy, chủ tịch đoàn hay một vài người ở ngoài chỉ khuyên bằng một câu nhè nhẹ “Không cần đánh nó!” hay “Đánh nó thêm bốn tay!”. Trước mắt mình đã

có một ấn tượng rất xấu: một anh, cứ cách năm, mười phút lại lên nắm tóc tội nhân hay xen vào cuộc đấu tố của người khác để hỏi một vài câu trống rỗng, rồi theo đó một cái tát. Mình không thể thấy được ở y một căm thù giai cấp mà chỉ thấy ở y một hèn nhát của một kẻ đánh hôi trong trận đòn hội chợ. Mình còn thấy ở y, cũng như một số khác trong khi đánh đập tội nhân còn có ý biểu dương tinh thần trước mặt cán bộ. Cũng hôm nay, mình còn thấy hai đứa trẻ con trong đám quần chúng cốt cán cũng luôn chạy ra bắt địa chủ phải quỳ cao và túm tóc đánh tát theo kiểu này. Họ hiểu lắm hai chữ “đấu lực” bằng cách dùng nhục hình vô nhân đạo. Họ không biết sức mạnh của giai cấp không phải đánh hôi một cách hèn nhát, có tính chất báo thù cá nhân. Hiện tượng xấu xa này còn do ở những cán bộ của chúng ta, trong khi huấn luyện trong lớp cũng như nói ngoài quần chúng, là: “Kỷ luật thì cấm đánh ẩu, giết ẩu, nhưng nếu nông dân người ta căm thù quá độ mà đánh tát một vài cái thì cũng không sao”. Câu nói này đã trở nên như một châm ngôn. Nó gọi bảo quần chúng là có thể đánh một vài cái được, miễn là đừng đánh chết. Rồi đó, những kẻ lưu manh đã thừa cơ đánh để trả thù hay đánh để chơi, đánh cho thích. Mình thật không muốn thấy nhục hình khôn nạn còn diễn ra dưới chính quyền dân chủ nhân dân này!

Hôm ấy, còn diễn ra một cảnh tượng nữa là người trong gia đình tên B. cũng được áp giải ra hội trường. Trong đó có một bà cụ già khom, mẹ của B, và một đứa trẻ độ 3, 4 tháng nằm trên bàn tay vợ của B. Chủ tịch đoàn gọi vợ B. lên khuyên chồng thú nhận tội lỗi. Cảnh này chỉ gây cho công chúng rủ lòng thương những kẻ mặc dầu đã sống vào bóc lột và áp bức đương bị trả thù!

Sau trận đấu, chủ tịch đọc bản cáo trạng và cho phép B. được ngồi nghe. Đến lượt cho nói, B. phân trần là trước kia làm tổng lý thì sự áp bức bóc lột nông dân là điều không tránh khỏi. Nhưng sau khi giác ngộ thì B. đã thấy rõ cuộc cách mạng của ta là đánh đổ phong kiến và đế quốc, làm cách mạng ruộng đất. Trên con đường tiến của Liên Xô vĩ đại, B. không dại gì đi vào con đường chết. Từ sau Cách mạng tháng Tám, B. đã tích cực phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nếu có những việc lật vật xảy ra, thì nó chỉ là bột phát, không chủ ý. Nếu nhân dân giết y thì y chịu, chớ y không chịu nhận là phản cách mạng, mưu bắt cán bộ. B. nói có thực không, đó là một chuyện. Điều đáng ghi ở đây là cuộc đấu hôm nay đã không đạt được mục đích yêu cầu và không làm cho B. khuất phục. Tuy vậy B. vẫn phải ký vào bản cáo trạng kể trên.

Đến lượt Phùng Thái Ký, một Hoa kiều địa chủ kiêm công thương nghiệp. Từ sáng, Phùng vẫn ngồi dưới tấm biển đề “địa chủ ngoan cố”. Thực ra Phùng không phải mục tiêu định đem đấu hôm nay. Nhưng chủ tịch đoàn vừa gọi ra chất vấn, Phùng nói líu tíu khó hiểu, thì mấy nông dân Hoa kiều đã ồ lại thoi đánh túi bụi con của Phùng. Đến đây thì trật tự bị mất hẳn. Chủ tịch đoàn bị động.

Cuộc chất vấn trở thành cuộc đấu. Những việc đem ra tố đều thuộc về hiềm thù cá nhân, xích

mích xóm giếng giữa một số Hoa kiều, không có gì là tính chất của nông dân đấu địa chủ. Hầu hết mọi người lại chỉ nhằm vào thằng con của Phùng, một thanh niên ngỗ ngược. Khác với Nguyễn Văn Bính, thằng con của Phùng không thể quỳ cho người ta đánh, mà lăn ra khóc hu hu. Cuối cùng, hai bố con Phùng cũng phải ký vào bản cáo trạng, nhận bồi thường cho nông dân.

Ngoài hai địa chủ, đến lượt một số phú nông. Từ sáng, một số phú nông đã phải ngồi theo từng loại.

Khi mà cuộc đấu tố B. đến lúc quyết liệt nhất thì chủ tịch đoàn truyền lệnh cho đem những “phú nông” chưa chịu thanh toán ra một chỗ bắt phải nhận bồi thường cho nông dân. Mà ai cũng thấy rõ là một hình thức uy hiếp phú nông rõ rệt, vượt quá phạm vi “trung lập phú nông” theo sách lược của Đảng.

Sau cùng là những lời tuyên bố không phải của chủ tịch đoàn, mà của anh NQC, trưởng đội công tác xã Dân Chủ. Anh hoan hô cuộc thắng lợi của nông dân và nhắc nhở về việc củng cố nông hội.

Nhưng cái điệu lệch của cán bộ là chỉ nhắc đến Hồ Chủ tịch, đến Đảng, mà không nói đến chính quyền dân chủ nhân dân. Những khẩu hiệu hô trước khi mít tinh giải tán cũng thiếu hẳn khẩu hiệu chống đế quốc

4 giờ rưỡi, mít tinh giải tán, mình ra về trong đám quần chúng, nhưng không nhặt được một dư luận nào thêm. Nhọc mệt. Bực bội. Một vài ấn tượng xấu trong cuộc mít tinh vẫn ám ảnh trong đầu mình.

(Nhật ký quyển 447)

Có thể hình dung là Liệu phải để rất nhiều thời gian ghi lại những diễn biến trên của cuộc đấu tố thí điểm. Ông ghi trong một ngày ư? Kể cũng khó, vì đâu có rồi thế. Nhưng cái chính là ý thức ghi chép của ông. Liệu, hẳn nghĩ tới tư cách chúng kiến một vận động sơ khởi nhưng sẽ thành phong trào, sẽ ghi vào lịch sử, đã ghi lại toàn bộ. Ngoài các sự kiện, hành động bên ngoài, ông còn phản ánh cả tâm trạng, nhận xét - nhiều khi mâu thuẫn nhau - của mình. Rõ ràng là trong các dự cảm đã có sự lo ngại thói tham lam, tăm tối của đám đông, ở đây là những người nông dân.

Những hoạt động thí điểm cho cuộc cải cách ruộng đất sau đó càng làm những “hoạt động ghi chép” của “chứng nhân” Trần Huy Liệu khẩn trương, và tốn nhiều thời gian hơn. Nhật ký ngày 22-5-1953 ghi về cuộc đấu tố địa chủ Cát Hanh Long tức Nguyễn Thị Năm, cũng ở hai xã Đồng Bẩm và Dân Chủ.

Số người tới dự độ 1 vạn trở lại, ngồi chen chúc trong một khu đất dưới lùm cây hai bên là núi. Hôm nay nắng nhiều, ánh mặt trời rọi vào khiến nhiều người phải cầm cành cây vừa che cho đỡ nắng, vừa để nguy trang chống máy bay. Nhưng làm thế thì hàng trước sẽ che lấp hàng sau, không nhìn thấy gì, nên kết cục là phải bỏ cành lá đi và khi nắng quá thì dồn người sang hai bên...

Hôm nay cũng như hôm trước, chủ tịch đoàn lại phạm một khuyết điểm là ra lệnh cho quần chúng hãy thấy địa chủ vào là đá đảo kịch liệt. Một việc làm thừa! Nguyễn Thị Năm và hai con Hanh, Công cùng đầy tớ là đội Hàm, Chính, Chiêu vào. Quần chúng hô đá đảo vang dậy và đòi phải đứng lên cao quay mặt tứ phía cho ai nấy đều trông thấy mặt để đá đảo. Chủ tịch đoàn giới thiệu từng tên với một tràng lý lịch tư pháp mà không nêu tội ác. Tuy vậy quần chúng cũng chấm dứt từng đũa bằng một làn sóng đá đảo. Quần chúng ghét nhất là đội Hàm, vì tội ác đã đành, mà còn vì đôi mắt đầy khiêu khích. Nhiều người hô bắt nó phải cúi mặt xuống.

Rút kinh nghiệm lần trước, chủ tịch đoàn tuyên bố đề nghị quần chúng phải giữ vững trật tự và không cần đánh đập tội nhân hay bắt quỳ, bò. Bọn mẹ con và tay sai địa chủ được ngồi trên một cái bục dưới gốc cây. Quần chúng lần lượt vào tố, từ loại vấn đề kinh tế đến chính trị và sau hết là chống chính sách chính phủ và nói xấu cán bộ. Những người đấu tố hôm nay cũng có một phong độ và một nghệ thuật khác hôm đấu Tổng Bính. Những tiếng hò hét “Mày có biết tao là ai không?”, “Mày dựa vào thế lực nào?” kèm theo cái tát để xuống đài không còn nữa. Những người tố được quần chúng cảm động và tán thưởng nhiều nhất là bà Sâm, chị Đăng và anh Cò. Bà Sâm, với một giọng gọi cảm, kể kể vì Thị Năm mà mình phải suốt đời cô độc, có người rơi nước mắt. Nhưng sự thực, nội dung câu chuyện không có gì. Chị Đăng, một người ở với Thị Năm lâu ngày, tố lên rất nhiều sự việc bí mật và chi tiết. Nhưng, với một giọng lưu loát quen thuộc, chị trở nên một tay “tố nghề” và ít làm cho ai cảm động.

Còn anh Cò, một người thiếu số đã bị Hoàng Công, con Thị Năm, bắt vì có tài liệu Việt Minh, trước cuộc Cách mạng tháng Tám, bị tra tấn rất dã man, rồi trốn thoát trước giờ Công định lấy đầu nộp cho Cung Đình Vận. Bằng một giọng chân thành đến ngây ngô, anh đã làm cho Công không chối cãi được nửa lời.

...

Cũng có không ít những người nói không đạt ý, không rõ việc. Bà Minh nói việc chấn bần tại đồn điền Đồng Bẩm năm 1945 đã làm bao nhiêu người chết đói, rồi kết luận bằng những câu: “Mày đừng nhận là chủ đồn điền có được không?”, “Mày chỉ có hình thức thôi” và “Mày nói nhân nghĩa mà mày không nhân nghĩa gì cả” khiến người nghe không hiểu tội Thị Năm ở đâu? Sự thực thì hồi ấy dân chết đói nhiều quá, bọn thống trị Pháp, Nhật muốn che lấp tội ác của chúng, bắt các chủ đồn điền phải hàng ngày xuất ra một số gạo phát chẩn cho dân. Thị Năm đã bớt và khai

man số gạo này, nghĩa là ăn cắp số gạo mà dân đói đáng được hưởng để chết đói thêm. Ông Giồng tố cáo Thị Năm đã cướp gánh cỏ của ông cho ngựa nó ăn và giỏ củ mài làm cho cả nhà nhịn đói. Câu chuyện của ông đã được một văn nghệ sĩ làm thành một bài thơ tràng thiên rất cảm động Nhưng hôm nay, ông đã thuật lại một cách nhạt nhẽo. Con gái ông Giồng, hơn mười tuổi, đáng nhẽ cứ kể rành rọt cảnh đói rét của nhà mình phải chịu vì sự bóc lột của Thị Năm, nhưng nó lại nói bằng một giọng “bà cụ” nên nhiều người không cảm động, mà lại phát ghét. Chị Lý, con nuôi của Thị Năm, được Thị Năm trang điểm cho để định gả cho một võ quan Nhật. Nhưng sau khi biết chị chỉ là thân phận tôi đòi, không có tiền của gì thì tên Nhật lại không lấy và chị lại bị Thị Năm bắt lột trả lại quần áo, trở lại thân tàn ma dại như trước. Chị vừa nói vừa khóc. Nhưng không ai rõ chị nói gì.

...

Tuy vậy, trong đám người tố, vẫn còn sót lại một ít những phong thái cũ. Câu hỏi “Mày có biết tao là ai không?” đã được chủ tịch đoàn ngắt đi bằng câu: “Cứ việc tố không cần bắt nó trả lời”. Một vài cái tát vẫn còn diễn ra. Trong khi tố tên Công, nhiều người hỏi những câu vô ý thức: “Mày có xứng đáng là cách mạng không?”, “Mày nói mày là cách mạng mà như thế à?”. Một người ở Phúc Trừu tố cáo Thị Năm về tội chiếm đoạt ruộng đất khẩn hoang của nông dân và coi thùm thóc lên để thu thóc, rồi kết luận “Như thế mày có xứng đáng là địa chủ không?”. Một người khác tố Thị Năm, đội Hàm và Lý Nguyên Lập bảo an đoàn ở Phúc Trừu bắt nông dân gác và đánh đập tàn nhẫn, cũng để đi tới kết luận: “Mày là con chó! Chứ không phải địa chủ?”.

Một tá điền tố Thị Năm lấy ruộng của mình đương làm bán cho người khác vì mình không có tiền mua, bằng câu: “Lấy tiền ở mả bố mày mà mua à?”. Nhiều người vẫn gắn vào hai chữ “tiến bộ”: “Mày nói mày tiến bộ mà như thế à?” Đi xa hơn nữa, có người nói Thị Năm lập quán Bông Lau ở thị xã Thái Nguyên để đón gián điệp trong khi ai cũng biết đó là cơ quan sinh lợi của hội Phụ nữ liên hiệp tỉnh Thái Nguyên.

Về phía quần chúng, thì, khi nghe người tố không chịu bình tĩnh lắng nghe cho rõ sự việc cũng như luận điệu tố cáo, cứ việc “đả đảo” bừa đi. Nhiều lúc ầm ĩ quá làm không nghe gì được. Một người trong chủ tịch đoàn cũng phạm một lỗi quá nặng. Trong khi quần chúng đòi đem bày ỏ thủ phạm ra ngồi ngoài nắng, lại trả lời: “Đem ra ngoài nắng ngộ nó lăn ra chết thì lấy gì mà tố?”. Đây là lời dạn của cán bộ với những phần tử cốt cán là không nên đánh đập địa chủ. Nếu lỡ tay đánh chết nó thì lấy gì mà tố. Hôm nay, vị chủ tịch ngốc nghếch kia đã theo ý đó nói toạc ra một cách công khai cho địa chủ biết.

Đến lúc đọc bản cáo trạng kết thúc, hội trường im lặng để lắng nghe trong một bầu không khí trầm nghiêm. Nhưng một vị chủ tịch đã đọc chữ nọ thành chữ kia. Có câu đọc đi đọc lại. Có lúc phải ngừng lại để lẩm nhẩm. Rồi mỗi lúc mỗi ngập ngừng thêm. Kết cục là nửa chừng phải

thay người khác. Về việc này, mình hỏi một cán bộ phụ trách thì được biết là trước khi đọc, bản chữ viết đã chú ý viết rõ ràng và vị chủ tịch họ đã đọc đi đọc lại, đảm bảo là đọc được.

... Tính ra suốt ngày hôm nay không được uống nước dưới trời nắng. Trời tối, nhiều lúc lạc đường, về đến cơ quan một cách mệt mỏi.

Tiếp nhật ký:

31-5-1953

Sáng sớm, mình xuống xã Dân Chủ cùng hai người trong tổ kiểm tra để kiểm tra việc thoái tô, thoái tiền công và chia quả thực. Nằm ở nhà một bần nông, sáng và chiều vùi đầu vào trong đám giấy tờ của đội công tác để tìm ra vấn đề. Một điều nhận thấy là giấy tờ lộn xộn quá, vì kém văn hóa và thiếu khoa học. Thiếu đến cả những hình thức thông thường. Nhiều tài liệu phải vừa đọc vừa hỏi mới biết rõ sự việc. Trong khoản nông dân bắt địa chủ và phú nông bồi thường có cả khoản trâu bò phá hoại hoa màu từ mấy năm trước. Đến cả bần, cô nông với trung nông cũng thanh toán cả món nợ từ năm nào năm nào. Có anh cố nông năm nay 39 tuổi khai bị một địa chủ quỵt công ở 25 năm, sau đem bình nghị phải giảm xuống 15 năm. Sau cùng là 9 năm. Có người đòi công ở 2 năm tới 86 nôi thóc (mỗi nôi 22 cân) trong khi công ở mỗi người nhiều nhất trong một năm chỉ có 20 nôi. Hơn nữa có anh bần nông bắt đến địa chủ bắn chết một con lợn 15 cân từ năm 1935 là 8 nôi thóc. Nếu tính theo giá hiện thời: 300 đồng bạc ngân hàng một cân thóc thì con lợn 15 cân ấy (kể cả lòng lẫn cút), giá bồi thường mỗi cân tới 3.520 đồng, trong khi thời giá chỉ có 2.700 đồng. Ấy là chưa kể con lợn hồi ấy, địa chủ, người bắn chết, có ăn thịt không hay con lợn vẫn về nhà có lợn. Đại để những việc như thế đã nói rõ sự lạm quyền thế mới lên và sự tham lam trắng trợn của một số bần, cố nông chưa được giáo dục.

Buổi tối, mình dự một tổ nông hội bàn về mấy nguyên tắc chia ruộng công. Trong gian nhà bức, nóng, người đến dự vừa đau mắt, vừa buồn ngủ, mỗi một, uể oải sau một ngày làm việc dưới nắng hè để sáng mai lại phải dậy sớm đi làm. Trong khi ấy, chủ tọa buổi họp là một cố nông không biết điều khiển gọn ghẽ, cứ hỏi đi hỏi lại, bắt mọi người đều phải phát biểu ý kiến. Có nhiều vấn đề trở đi trở lại mãi. Thêm vào đấy, mấy phần tử cốt cán cứ nói theo giọng cán bộ, tuôn một tràng dài những lý luận và danh từ không cần thiết. Rồi, sau đó, cũng làm đủ mọi phương thức: phê bình hội nghị, duyệt y biên bản, kéo tới 11 giờ khuya.

Cuộc Cải cách đã có “đà” ngày càng sôi động các xóm làng. Nông dân được ruộng đất hăng lên “hưởng ứng” phong trào đấu tố. Nhưng Liệu thấy nặng nề. Vì công việc, và những ý nghĩ cứ lẫn lộn trong đầu. Từ ngày phát động quần chúng làm Cải cách ruộng đất, tại liên khu Việt Bắc tới cuối tháng 5-1953 đã có hai địa chủ tự sát. Bần cố nông được trả thù, chia quả thực, nhà được chiếc cối đá, nhà tối tối thắp đèn ra xem con trâu bơm bẻm nhai lại cỏ. Nhưng lắm khi lại chả chắc đã hơn trước, khi nhà họ đem “lộc” cải cách sắm đồng hồ bút máy, đeo chiếc xà cọt

trong có quyển sổ đi rong, dù là không biết chữ. Cứ thế, chả chịu ra đồng nữa, để cỏ rả mọc tràn lan.

Lại những chuyện khác, liên quan đến thực hành tư pháp. Đúng hơn, đây là chuyện thưởng phạt “ở cơ sở” nhân danh tư pháp. Dư luận xao xuyến trước tin kỳ hào nấy, trung nông nọ sẽ bị đem ra đấu. Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ ở làng Văn Yên kết án một phụ nữ “tăng tịu” với bộ đội 3 năm tù, cho dong lên huyện. Người ta đã vượt quá phạm vi dân chủ của nước Việt Nam dân chủ nhân dân và không theo đường lối của chính quyền. Mình càng cảm thấy trong việc phóng tay phát động quần chúng cần phải vững tay lãnh đạo mới được. (nhật ký 22-6-1953). Trước Quốc hội kháng chiến, ông nói ra những điều trên, ở dạng “điều đáng lo ngại”, chả mấy tác dụng.

Nhưng cũng có những niềm vui nho nhỏ, nó giúp ông hồn nhiên thoát khỏi dòng suy nghĩ về “công cuộc vĩ đại chung”. Trần Thị Vân, người con gái lớn đang ở với mẹ - vừa lấy chồng, sự lựa chọn ông chẳng bằng lòng lắm. Nhưng rồi gặp chàng rể Sinh, thấy hiền lành, Liệu lại yên tâm. Đại Từ lại “củ” chú bé Trần Thành Công 9 tuổi lên cơ quan chơi với bố, một dịp để biết đến sách báo đèn điện, nghe radio và máy hát, ra chơi thị xã Thái Nguyên, may ra thì còn xem được chớp bóng. Nhìn con bần thủ, sồn rách, ông đem nó đi tắm. Giá Liệu có cả Chiến, cu út cu ít, con của Sửu ở đây, anh dắt em đi tắm chằm...

- 21 -: CƠN LŨ

Những dự cảm lớn dần, trở thành nỗi lo, rồi hiển hiện trước mắt mỗi nguy hiểm. Nguyễn Thị Năm bị bắt. Đấu tố ngày càng khắc nghiệt. Không ít đội “xâu chuỗi”, “bắt rế” nhằm, để người ta đem tư thù tị hiềm ra trị nhau. Hệ thống cán bộ ở cơ sở lung lay. Đêm đêm, có những bí thư Cộng sản bị lôi đi kết tội “Quốc dân đảng”, vợ con không bao giờ thấy trở về. Không khí làng quê u uất, căng như có quả bom tấn gài vào.

Nhức nhối nhất, là khi “lũ” tràn về gia đình thứ hai bên kia Tam Đảo. Dù có ba em - một đã hy sinh - và một con trong quân ngũ, đóng góp thóc gạo cho bộ đội, dù căn nhà thường xuyên nuôi ăn cả tiểu đội, Sửu vẫn bị quy địa chủ vì mấy chục mẫu ruộng cù đốc Ngọc mua bằng tiền viết sách trước kia. Bị cô lập thiếu ăn, bà ho lao, thổ ra máu, mà không có tiền chữa chạy.

Lớp chính Đảng, những cố gắng để ra đời một cơ quan nghiên cứu khoa học... khiến Liệu không về thăm Sửu được. Chả có tin tức gì từ bên kia Tam Đảo của mấy mẹ con. Mà cuộc phát động quần chúng đánh địa chủ đã bước vào cao trào. Nghe rầm rầm tin đấu tố đâu đó, lòng ông cứ như có lửa cháy. Phải dứt ra mà đi thôi, dù việc đang bẽ bẽ.

Qua mấy quả đồi, thung lũng, cái ấp bé nhỏ dưới chân núi Con Voi hiện ra. Ao rau muống, ai đang nhắp nhô hái, dáng tiều tụy mà quen quen. Không thể ngờ được. Sửu của ông, bắp chân trắng xanh ngấn bunn. Một cảm giác khó diễn tả, ghen ngào pha chút vui vui. Thế là Sửu đã gần người lao động hơn. Nhưng cái gần đó có giá gì không?

12-8-1953

Cả một cảnh tượng điêu tàn và hiu quạnh hiện ra trước mặt cha. Con và chị Quang đương nằm chơi trên giường. Hãy biết các con vẫn sống, vẫn mạnh khỏe. Mới đầu, con không nhận biết cha, mà gọi là “ông cụ”. Cha vừa buồn cười vừa có cảm tưởng như Lưu Nguyễn xưa kia từ Thiên Thai trở về xa lạ với cả mọi người yêu dấu!

Cha muốn biết ngay những biên thiên trong gia đình, nhưng không muốn hỏi và thấy ngại ngùng khi hỏi đến. Vì biết nó sẽ không hay gì. Ở đây đội công tác phát động quần chúng chưa về làm việc. Nhưng nhà ta, cũng như các địa chủ khác trong làng, đã bị cấm không được tự do đi lại. Sự thực, mẹ con có phải là địa chủ chính thức đâu. Vì ruộng là của chung gia đình mà cậu Bích, cậu Khôi đều đi công tác vắng nhà, nên việc cai quản gia đình rơi vào tay mẹ con...

Gia đình ta hiện nay như ở trên một hòn cô đảo, cách xa với đất liền rộng lớn là đại chúng nhân dân. Những người thân thuộc trước kia đều không dám bén mảng tới, vì sợ mang tiếng xấu câu kết với địa chủ... Ngay đến cả việc cha về cũng ngoài sự chờ đợi của mẹ con. Vì mẹ con tưởng

rằng cha sẽ không dám về thăm trong khi phong trào đương sôi nổi... Mẹ con từ trước kháng chiến vẫn sống xa nông thôn. Từ khi lên đây đối với những người nông dân xung quanh, mẹ con vẫn giữ được cảm tình. Không chiếm đoạt ruộng đất. Không cho vay lãi. Không đánh đập chửi mắng ai. Không giựt công ai. Không mắc nợ máu với nông dân. Nói cho đúng, mẹ con ở trong giai cấp bóc lột, cái giai cấp mà nông dân coi là thù địch, phải đánh đổ nó cũng như tiêu diệt đế quốc. Tuy vậy, cộng với những công tác phục vụ kháng chiến (nhà có 3 người đi bộ đội và thường xuyên góp khá nhiều cho kháng chiến), nhà ta vẫn được liệt vào hạng thân sĩ yêu nước và tiến bộ. Có chăng, chỉ phải thanh toán với nông dân một khi tính ra rằng có nợ với nông dân thôi. Mà chắc rằng cũng không nhiều.

Khi viết những dòng này, trong một quyển vở riêng cho con trai út mới 26 tháng tuổi, Liệu thấy hơi buồn cười: chính cha lúc này đương phụ trách kiểm tra trong đoàn chỉ đạo công tác ruộng đất tại Việt Bắc. Ông không ngờ mình đang nhằm. Đám đông, nhất là đám đông thuần phác, bị vô thức kiểm soát khi được phát động một chiều hướng nào, sẽ phát tiết ra những năng lượng khổng lồ tằm tối hay tích cực tùy thuộc người khơi mào. Đến một lúc “âm binh” trỗi dậy mạnh mẽ quá, chính người đốt lửa cũng thành bất lực, đứng xuôi tay nhìn thực tế nghiệt ngã.

Ngày 7-5-1954, trận chiến ở Điện Biên Phủ kết thúc. Cả thế giới thán phục chiến thắng của bộ đội Việt Nam. Dân tộc tự hào. Ý nghĩa của sự kiện là quá lớn, nhất là trong mắt con người vừa làm chính trị, vừa bắt đầu nghiệp nghiên cứu lịch sử. Nức lòng với tư thế mới của phe cách mạng, Liệu lại có những ám ức khác. Tín ký hiệp định Genève về Tân Trào, ông tọc lên Hồ Chủ tịch, Trường Chinh thắc mắc “đứng về tương quan lực lượng hai bên thì ranh giới quân sự phải lui xuống phía Nam mới đúng chứ. Chính địch cũng thừa nhận ranh giới chỉ lên được đến vĩ tuyến 14 - 15 là cùng, thế mà ta chịu ký ở vĩ tuyến 17, phí bao nhiêu xương máu đấu tranh của quân dân”. Lãnh đạo giải thích, nhưng làm sao có thể hờ cho một người “xốc nổi về chính trị” cái điều ranh giới ở đâu thì các cường quốc đã quyết định rồi được. Con suối ở Tân Trào chiều tháng 7-1954 ấy đến là lăm thác lũ.

Dù sao, trước mắt là hòa bình rồi. Ngày về Hà Nội đang đến, với vô vàn hạnh phúc hạnh phúc quá giản đơn sau những ngày hầm hố bom đạn, có khi chỉ là giấc ngủ ấm, bữa ăn no. Liệu sẽ được rảnh rang trong việc đèn sách, làm việc theo chí hướng, đào sâu chiêm nghiệm cái mình thích. Hòa bình đem lại bao nhiêu thứ, thế mà trước ngưỡng cửa của nó, lòng Liệu lại ngổn ngang.

13-5-1954

Chiều nay tại cơ quan tổ chức ăn mừng chiến thắng Điện Biên Phủ bằng những hình thức ăn

chung, nói chuyện, mặc niệm các chiến sĩ hy sinh, hô khẩu hiệu, ca hát... Trong lúc này, mình nhớ đến Diễm đã dự chiến trong trận Điện Biên Phủ, có lập công theo như lời hứa hẹn gửi về nhà không. Mình cũng nhớ cả Chiến, Quang và mẹ nó đương sống trong những ngày ảm đạm ở Bồ Tĩnh, không được cùng toàn dân reo mừng trong trận chiến thắng lịch sử này.

14-5-1954

Mấy hôm nay mình phải trấn tĩnh lắm để làm việc như thường. Hôm qua Nghiêm về báo cho biết tình hình Sửu và các con đương sống những ngày đau khổ mà chưa có lối thoát. Sửu, con người hiền hậu, yêu nước và ủng hộ cách mạng, bây giờ không may lại là “kẻ thù” của nông dân mặc dầu vẫn được nông dân công nhận là không có tội ác gì. Hai đứa con đáng thương của mình là Quang và Chiến cũng do đó, sống không chỗ dựa, thiếu thốn, bơ vơ mặc dầu chúng nó vẫn không cảm biết những sự vật xảy ra trong gia đình nó. mấy tháng trước, mình đã đề việc này với TƯ và định rõ thái độ của mình. Thái độ ấy là trong cuộc tranh đấu giữa nông dân với địa chủ, mình phải đứng về phe nông dân, nhưng vẫn phải có nhiệm vụ đối với con, với vợ. Khốn nạn cho Sửu, tự mình không phải là địa chủ chính thức, mà chỉ là nạn nhân của một gia đình ăn tiêu phung phí rồi đến ngày cuối cùng, một mình phải chịu sỉ nhục trước nông dân trong khi không thanh toán nổi số tô phải thoát. Thương hại cho Chiến và Quang, nếu hoàn cảnh thuận tiện được ở chung với cha thì làm gì phải sống trong cảnh đau thương hiện nay. Hôm trước, viết cho Sửu, mình đã dặn phải thành khẩn với nông dân, bình tĩnh xử trí trước mọi sự biến và luôn luôn tin tưởng vào tương lai cải tạo của mình. Đối với các con, đừng để chúng nó có một ấn tượng xấu trong khi chúng nó là dòng dõi của một gia đình cách mạng, là thế hệ xã hội chủ nghĩa sau này. Cũng may là các con còn thơ dại chưa biết gì. Theo Nghiêm thuật lại, thì Quang vẫn nhập bọn với nhi đồng, mỗi buổi chiều đi hô khẩu hiệu: Đả đảo địa chủ! Chiến nằm ở nhà cũng hô theo. Cũng may là các con tuy thiếu thốn nhưng vẫn khỏe mạnh. Nghiêm đem tiền phụ cấp về và mang theo cho các con một chai đường. Quang viết thư lên, bức thư đầu tiên gửi cho cha từ khi biết chữ quốc ngữ, đã khoe là ăn đường ngon lắm. Chiến thì vẫn khoẻ đòi Nghiêm cho lên với cha. Cha nghĩ đến mà se lòng lại.

Mình tự hỏi: tình cảm của mình có gì là yếu đuối không? Trong lúc toàn dân đương phấn khởi về chiến thắng Điện Biên Phủ, sao mình vẫn không quên được những thương tình gia đình? Mình thì cho rằng tình cảm này vẫn là tình cảm của một con người nó rất tự nhiên và hợp lý. Sao mình lại không thương con và thương vợ, miễn là mình không lụy về tình cảm để hại đến công tác. Trong cuộc tranh đấu, mình đứng về phe nông dân, nhưng vẫn biên rõ những tham lam ích kỷ của nông dân, nhất là khi đức tham lam ấy được nuông chiều.

17-5-1954

Đến hôm nay mình mới thảo xong tập giới thiệu lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam đề tuyên

truyền quốc tế. Nhưng còn phải để cho ban Sử - Địa - Văn duyệt lại. Làm xong việc này, mình cũng đỡ thấy sốt ruột đôi chút.

Nghiêm hôm nay từ Bồ Tĩnh về đem theo tin tức của Sửu. Tình hình còn nghiêm trọng hơn. Sửu nói vẫn muốn sống để gần các con và thành khẩn với nông dân trong việc thoái tồ. Nhưng can đảm hết rồi, sức lực kiệt rồi, tiền của không còn gì nữa, không chắc có còn sống được để gần con gần chồng dưới áp lực của nông dân không? Sửu còn gửi lên trả mình một gói nhật ký, thư từ và kỷ niệm vật để mình giữ, vì giữ ở dưới ấy lúc này không có gì là đảm bảo cả. Sửu phải xa lìa những vật liệu đã hòa vào đời sống này chắc là khổ tâm lắm. Vấn đề sống chết của Sửu đã đề ra rồi. Mình có còn giữ được bình tĩnh không? Về bề ngoài, mình vẫn làm việc không ngừng. Nhưng ban đêm, mỗi khi nghĩ đến thì đến sáng không ngủ được.

(Nhật ký quyển 448, lưu trữ Viện Sử học)

Vào cuối cuộc kháng chiến, Sửu không còn gì để chạy ăn. Không thể về thăm - chẳng ai được phép làm việc ấy, Liệu viết thư lên Trung ương, xin đón Quang, Chiến lên Lạng Sơn gửi người bà con bên Sửu, lý do là “các con tôi có tội gì đâu”. Trong ngôi nhà tranh dưới chân núi Con Voi còn trơ lại “hoa khô” phố Hàng Đường dạo nào với căn bệnh hiểm nghèo.

CHỌN RỘN HÒA BÌNH

Chiến thắng Điện Biên Phủ đem lại thế mạnh cho đoàn Việt Nam trên bàn hội nghị Genève. Các bên tham gia ký kết thiết lập nền hòa bình tạm thời cho xứ sở. Đất nước chia đôi với hai chế độ chính trị khác nhau, cái vạch ngăn về địa lý là vĩ tuyến 17.

Các cơ quan kháng chiến ở Việt Bắc chuyển về Thủ đô Hà Nội, trong đó có Trần Huy Liệu và gia đình lớn. Bên kia Tam Đảo, bà Sửu được tiếp tế một món tiền từ Hà Nội, đã nộp đủ thoái tồ và được tha. Nằm trên cáng ra Vĩnh Yên, Sửu lên ô tô về Thủ đô, vào thẳng bệnh viện Đặng Vũ Lạc. Hai đứa con nhỏ bấy lâu ở Lạng Sơn, nay ngày ngày được vào thăm mẹ, vui như Tết.

Chẳng “bên” nào có niềm vui trọn vẹn. Bà Tý không chấp nhận “hiện tình”, bà Sửu tuần được chồng về thăm một lần. Còn bọn trẻ em lớn lên, đi học, quên dần nỗi khổ đạn bom, túng đói. Cậu út Chiến, một lần nghe bố giảng con với anh Công là cùng cha khác mẹ, với anh Dũng là cùng mẹ khác cha, với chị Quang là cùng cha cùng mẹ”, đã rất khó hiểu ra.

Liệu tập xe đạp, trầy trật mấy tối ra vườn hoa Ba Đình ngẫm đầu gối mà chẳng xong. Ông cẩu với Nghiêm, người cháu giữ xe, rồi cười xòa: “Có phải ai cũng làm được mọi việc đâu”. Hình như ý nghĩ mình không thể đi xe đạp làm ông an tâm với công việc viết sử.

Cơ quan từ kháng chiến về đóng ở số 2 Lê Phụng Hiểu, nhà ở cũ của một viên quan hai

người Pháp, tiện nghi rất sang, đủ đầy sa lông, quạt, tủ... Ngồi hồ xí “máy” sướng hơn hẳn những “chuồng chồ” hôi hám có thúng tro, ai nấy bất giác nhớ lúc đi “quận công” ngoài suối Việt Bắc. Những ông ké, bà bủ mới đấy đã thành ra xa. Bộ Thương mại, được phân ở 16-18 Hàng Thuyền đặt vấn đề đánh đổi, anh em lại chuyển ra đấy. Năm 1959, nhà 38 Hàng Chuối, vốn của hiệu vải lụa Tân Vinh trên Hàng Đào, trở thành trụ sở chính thức của Viện Sử học cho tới nay.

Ở khu phố tây có nhiều cái thích thật. Tiện nghi thay đổi cách sống của con người. Thích nhất là sự tĩnh mịch, những hàng cây xanh mát, đi bên dưới có thể nghĩ ngợi lẩm nhẩm điều hay. Chẳng hiểu nhà cửa, phố xá có làm người ta thông minh hơn không nhỉ, Liệu nghĩ. Từ nhà riêng ở 16 Phan Huy Chú, ông dễ dàng sang cơ quan hay nhà Đặng Thai Mai, Trần Văn Giàu, Đào Duy Anh, Cao Xuân Huy, Hoa Bằng... bàn soạn công việc. Đây là những người có sở học hệ thống, nghiêm túc và giỏi giang. Biết mình là người tự học mà nên, Liệu tôn trọng họ. Những vị “túc nho thuần túy” được đắm chìm trong cổ sử, văn hóa học, những gì không động chạm trực tiếp quá đến lịch sử hiện đại. Quan hệ với Trần Đức Thảo vẫn rất khó, nhưng vị trí thức ngoài Đảng ấy đã chuyển sang đại học Tổng hợp, bắt đầu cuộc đời ngày càng đơn côi.

Các khoa học ngày càng nghiên cứu sâu, dần dần ra chuyên biệt. Năm 1955, ban Sử - Địa - Văn chuyển thành ban Văn - Sử - Địa, rồi năm 1959 trở thành cơ quan trong ủy ban Khoa học Nhà nước.

Liệu có chân trong ban lãnh đạo, nắm luôn Viện Sử Hoạt động từ trước đó khá lâu, nhưng tháng 2 năm 1960, Viện Sử học mới có quyết định thành lập chính thức, trực thuộc ủy ban Khoa học Nhà nước, có tạp chí nghiên cứu riêng. Đây là một bước chuyển cực kỳ lớn về chất. Từ một cơ quan Đảng chuyển sang cơ quan Nhà nước, tính chất khoa học sẽ “nổi” lên hơn tính chất phục vụ cách mạng.

Nhưng dầu sao phục vụ cách mạng, thể hiện ở công tác của Đảng trong từng thời kỳ, là công việc không thể không làm. Đó là chuyên đề về giai cấp công nhân Việt Nam, các cuộc thảo luận về phương pháp luận sử học Mác xít, những bài viết phục vụ đấu tranh thống nhất đất nước. Và bản thân Liệu, giữa hai vai trò nhà cách mạng và nhà khoa học cũng còn “chân ướt chân ráo” cơ mà.

Cơ man thứ để phải nghĩ, chọn lựa, rồi cách thức cho nó ra đời an toàn. Làm một đảng viên, tuân thủ kỷ luật của tổ chức đã khó, nhưng làm người độc lập còn khó hơn.

Chẳng hạn, Liệu đã phải lao tâm bao nhiêu với mấy người ông lấy về cơ quan. Phải nói đó là

mấy “số phận” mới đúng. Người đầu tiên là Nguyễn Khắc Đạm, con nhà yêu nước Nguyễn Khắc Nhu. Đạm đã đỗ tú tài, đang ở trong bộ đội, có anh là Nguyễn Khắc Trạch không theo cách mạng mà đi Pháp. Chuyện sẽ chẳng có gì nếu trong chính huấn, Đạm không kiểm điểm rằng đã có lần Phòng Nhì Pháp chủ động liên hệ với mình. Muốn có Đạm, Liệu sang bên Quốc phòng đặt vấn đề với Võ Nguyên Giáp, rằng anh ta thật thà khai nhận, và có bắt tay với bên kia đâu. Đạm đang bị giữ thì được “khều” ra, chuyển sang làm ở phòng tư liệu Viện Sử đến khi về hưu.

Người thứ hai là Nguyễn Ngọc Tỉnh, một nhà nho uyên thâm ở Nam Định. Trên mảnh đất đầy đình đền chùa, Tỉnh đem “chuyện” cách mạng phổ vào các bài văn cúng Thánh. Hồi cải cách ruộng đất Tỉnh bị nghi Quốc dân đáng lẽ ra bị bắn nhưng thế nào lại thôi, sống vương vất đói khát cho đến khi Liệu kéo lên cơ quan, giữ chân dịch Hán văn.

Nhọc nhần nhất là trường hợp Nguyễn Đồng Chi, một tay thơ ng tuệ trong khu Bốn. Đầu năm 1954, ban Sử - Địa - Văn ở Tân Trào lấy về khi Chi đang cải tạo ở Hà Tĩnh. Huyện ủy Can Lộc tư công văn “tên Nguyễn Đồng Chi là địa chủ cải tạo chưa xong, không thể vào được cơ quan Trung ương”, đề nghị giả về... Sau khi xin ý kiến Phạm Văn Đồng, Liệu phúc đáp lại rằng Nguyễn Đồng Chi đang có công trình về cổ văn học sử, ban giữ lại cải tạo tiếp. Rồi về Hà Nội, thế là thoát!

Ngoài Nguyễn Khắc Đạm, Nguyễn Ngọc Tỉnh, Nguyễn Đồng Chi, Lê Toại (vốn là một ông phán)..., có những người Liệu rất thương nhưng chẳng làm gì để giúp được. Đoàn Xuân Kiếu tức Hoàng Công Khanh, ngoài Hải Ninh có “tí toáy” “định” cướp một đồn binh, Pháp bắt được đưa lên Sơn La. Chẳng phải tù cộng sản, Kiếu nằm chung buồng giam với Tô Hiệu, vì cũng bị lao. Anh giữ quan hệ tốt với mọi người, đóng một chân văn nghệ đắc lực. Khi làm tập thơ văn cách mạng trong nhà tù, Liệu đưa một bài của Kiếu vào, ký tắt “Đ.X.K”. Trường Chinh, tức Đặng Xuân Khu, có lần hỏi “anh kiếm đâu bài thơ hay, thỉnh thoảng người ta vẫn tưởng của tôi cứ khen”, Liệu chỉ cười, vì tác giả đang cưa gỗ trên rừng. Sau này, hết hạn cải tạo của ta, Đoàn Xuân Kiếu về Hà Nội, viết lách trở lại, được giải thưởng của Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam.

Liệu hay có liên quan đến những “số phận” kiểu như thế. Đó cũng là “số phận” của ông? Rất nhiều chuyện, sau này, lúc bình thời, ông chỉ nói được với vài người, trong đó có Minh Tranh, một thời nắm nhà xuất bản Sự thật, tham gia nghiên cứu lịch sử Đảng. Có lẽ sau Nguyễn Bình, Hải Triều, Trần Đình Long, thì Minh Tranh là người Liệu gửi gắm nhiều tâm sự, cả u ẩn lẫn trong veo. Sau Minh Tranh, Liệu có những hậu sinh gần gũi trong cơ quan: Bùi Đình Thanh, Văn

Tạo, Nguyễn Công Bình.

Chẳng hạn, “năm” trong tay những nhà nghiên cứu tên tuổi đã lừng lẫy, thì làm thế nào để họ phát huy sở học sở trường mà không mắc “phốt” chủ quan, biệt phái. Đào Duy Anh, Cao Xuân Huy... dù làm sử hay bơi trong bể Hán Nôm đều có chuyên môn rất sâu, khó thay thế trong địa hạt hẹp của họ.

Liệu nổi tiếng cũng đã lâu, nhưng lại trên trường báo chí, cách mạng, phải nói thẳng là đi sau họ về phương pháp luận sử học. Ông phải chiêu hiền đãi sĩ thực sự tôn trọng, không lấy khuôn khổ hành chính cứng nhắc ra đòi hỏi họ được. Và rồi những con người uyên thâm, đầy cá tính ấy đều đã cùng Liệu yên ổn với nhau.

Chẳng hạn, sự thay đổi của thời thế tác động rất rệt đến công việc. Sau cái chết của Stalin năm 1953, Liên Xô, trong Đại hội Đảng XX năm 1956, chủ trương “phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, khắc phục tệ sùng bái cá nhân của Stalin”. Mâu thuẫn Xô - Trung ngày càng nóng, đến mức bùng nổ. Lưu học sinh, nghiên cứu sinh đang đào tạo ở Liên Xô phải rút về trước thời hạn. Các nhà khoa học trong nước, vốn chịu những “nguồn” ảnh hưởng khác nhau, đụng độ tóe lửa. Chọn lựa lập trường, “mở mồm” rất không dễ. Có lúc phải tránh né.

Chẳng hạn, những yêu cầu tức thời của trên đặt ra rất cấp thiết. Tháng 4 năm 1959, Thủ tướng Phạm Văn Đồng xuống làm việc trực tiếp với Viện Sử học. Trao nhiệm vụ đến tháng 8 năm sau phải có ấn phẩm kỷ niệm Cách mạng tháng Tám, con người hiểu biết, có cá tính mềm mại đó nói khá gay gắt:

- Một cuộc cách mạng lớn lao như vậy, đánh dấu cả một bước chuyển vĩ đại trong lịch sử dân tộc... mà cả ngành Sử học cho đến nay gần 15 năm rồi, vẫn không có được một công trình nào xứng đáng sao? Thế nào các anh cũng phải làm. Tập trung sức vào mà làm, gác các việc có thể làm sau cũng được để có nhân lực mà làm...

- Các anh giao việc, anh em rất mừng và sẽ làm. - Ông viện trưởng, cũng là người góp phần làm nên “bước chuyển vĩ đại” trên, đã trả lời, cũng hết sức khiêm nhường - Nhưng anh cũng biết đấy, số cán bộ thì ít lại chưa được đào tạo cơ bản, chỉ vừa học vừa làm, khó có thể có được công trình gọi là xứng đáng với tầm vóc to lớn của “cách mạng”. Anh em sẽ cố gắng có một “cái áo đỏ” để cùng nhân dân đi vào ngày hội mà thôi.

- Nhưng “áo đỏ” có thể “đỏ thẫm” cũng có thể “hồng hồng” thôi cũng được đấy nhé, vì thời gian gấp quá - Liệu nói thêm sau chút chần chừ, giọng khá “thân ái” với Thủ tướng.

Sau một năm cật lực, năm 1960, “Lịch sử Cách mạng tháng Tám” và hai cuốn về Cách mạng

tháng Tám ở các địa phương từ Thanh Hóa trở ra được đưa in. Vài tháng sau, quyển II, 462 trang, về các tỉnh từ Nghệ An trở vào ra đời.

Trên khen. Nó ra kịp thời, tức là Viện đã làm xong cái việc lãnh đạo cần. Nhưng còn chất lượng, chắc Liệu nghĩ có những đánh giá, kể cả tư liệu, còn chưa “chín”.

Chẳng hạn, đánh giá các nhân vật lịch sử gắn liền với các sự kiện, trào lưu quan trọng trước năm 1930 thế nào cho thỏa đáng. Có phải những người không cộng sản, như những Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu không đóng góp gì được cho dân tộc? Và Phan Thanh Giản, tiêu cực hơn, Liệu thấy cũng phải nhìn ông ta trong bối cảnh yếu đuối ươn hèn chung của nhà Nguyễn trước thực dân mạnh mẽ. Trong khung cảnh nền hòa bình ở miền Bắc vừa lập lại, chiến tranh giải phóng đang nhóm lên ở miền Nam, quan điểm trên có thể coi là không được “chính thống” lắm. Dù sao “ép hành ép mở ai nỡ ép người vào thời thế không phải của họ”, Liệu thấy thế.

- 22 -: LỊCH SỬ 80 NĂM CHỐNG PHÁP

Hồi lang thang làm báo, ở tù, Liệu đã viết những cuốn sử nhỏ. “Anh hùng khứ quốc. Ông Nạp Nhĩ Tốn (Nelson)” in trong Cường học thư xã năm 1927, rồi đến “Bạo động Yên Thế”, “Thái Nguyên khởi nghĩa” (sau nhà xuất bản đổi thành “Loạn Thái Nguyên” cho dễ bán) là các khởi động đầu tiên. Trong kháng chiến, lúc “ngồi chơi xơi nước” và đợi tự tử, “Sơ thảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam” ra đời, in giấy rơm. “Tiện thể”, trong một lúc vừa phấn chí vừa rỗi việc, ông Thường trực Quốc hội viết hồi ký kể lại đời mình, từ lúc tám bé đến liên chi đoạn tù đầy. Hồi ký thì chưa in, nhưng cuốn “Sơ thảo...” đã đem lại cho ông nhiều thứ quý báu: bạn bè, những nhận xét, lớn nhất là sự tự tin. Ông được góp ý kiến rằng thời cận đại cũng có những thành tựu về văn hóa xã hội, sự phản ánh về kinh tế trong sách còn mỏng. Liệu muốn làm quyển mới trên nền cái đã có, đặt cho nó một phạm vi hẹp hơn, lịch sử chống Pháp thôi, trong 80 năm, còn những vua tàu thủy Bạch Thái Bưởi, thơ văn các ông hoàng, những công trình, tiến bộ mang ảnh hưởng Pháp không đụng tới. Hẹp, nhưng nhất định phải sâu hơn, thấu đáo chứ không theo những yêu cầu bên ngoài. Đây là công trình của riêng ông cơ mà, dầu trong khi làm, ông vẫn sống bằng lương bổng Nhà nước.

Giờ là lúc tĩnh tâm, tĩnh trí để tra cứu trong thư viện, đối chiếu, học phương pháp trong các cuốn sử Pháp, Trung Hoa hay Liên Xô. Phương pháp chẳng phải là thể mạnh của một người tự học. Ngược lại, ông đã sống, nếm trải quá nhiều, đã gặp các nhân vật chính yếu của một thời như hai cụ Phan, Nguyễn An Ninh, Hồ Chí Minh, Bảo Đại... Không gì dễ hơn là đi vào sử cận đại, cái thời của cả cha, anh ông. Nó không quá xa xôi để “tan” vào huyền thoại. Tư liệu về nó đủ nhiều để khỏi phụ thuộc hoàn toàn vào các sử gia như thời phong kiến, dù đó là Phan Huy Chú, Lê Quý Đôn hay Ngô Gia văn phái. Nó cũng không quá sát sạt, còn “nóng rẫy” như thời hiện đại, đủ để ông độc lập trong cách đánh giá. “Đánh giá”, cái công việc vừa trọng đại nhất lại vừa vớ vẩn nhất. Sự kiện vừa diễn ra ít năm trước đây thôi, chứng nhân còn sờ sờ đó, mà đã có người cứ riết riết khoác cái ý nghĩa xa lạ này, phải bỏ căn cốt kia đi, nên gọi là tham lam lộ bịch hay là cái chi chi đây... Trời phú cho Liệu trí nhớ tuyệt vời, nó cho ông sống lại bao nhiêu câu chuyện đã nghe trong tù, khi làm báo, lúc gặp gỡ đủ loại người của nhiều thế hệ, lập trường chính trị. Nhưng lại có lúc nó hành, khi ai đó muốn ông quên đi điều gì...

“Lịch sử tám mươi năm chống Pháp” được thai nghén, hình thành và đầy đặn dần giữa bao nhiêu công việc. Là Viện trưởng Viện Sử học, ông phải tổ chức đội ngũ nghiên cứu trẻ, tìm đề tài, cử người đi học, thăm hỏi nhà có đám... Là Ủy viên Ủy ban Thường trực Quốc hội, ông phải dự các kỳ họp, luận bàn về luật pháp, tranh thủ đọc sách giữa hai bài diễn văn. Là Phó chủ tịch

hội Việt - Trung hữu nghị, ông dự các bữa tiệc xã giao, lưu ý Trung ương cảnh giác với đề nghị của bạn đời thủ đô từ Hà Nội lên Xuân Hòa. Quan hệ xã hội càng nhiều, “dự” lắm “ghế” thì càng sốt ruột, tiếc thời gian. Được cái Liệu dễ ngủ, và ăn cũng rất dễ. Không uống rượu, chè thuốc, ông đều đặn mỗi bữa ba bát cơm, trưa ngủ ít phút rồi đúng giờ ngồi vào bàn.

Lịch sử cận đại Việt Nam có những vận động căn bản: thực dân xâm lược, phong kiến tan rã từ hệ ý thức đến thực lực, các trào lưu đấu tranh cho dân tộc, sự giao thoa giữa văn hóa phương Đông và phương Tây... Có những “nẻo” không đơn gian, như đánh giá các trào lưu cứu nước trước khi Đảng Cộng sản ra đời. Liệu cố gắng giữ sự độc lập của mình, ít ra là vì trước khi trở thành cộng sản, ông đã lang thang từ chủ nghĩa này, đảng này sang chủ nghĩa khác, đảng khác rồi. Ông yêu nước, những người tìm đường cũng yêu nước, có lý gì cho họ là không tiến bộ, khi họ chưa hề biết chủ nghĩa cộng sản là gì.

Tư liệu cho cuốn sách được bổ sung dày dặn dần, khi bộ “Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam” do Liệu chủ biên ra đời. Nguyễn Khắc Đạm, Nguyễn Lương Bích, Văn Tạo, Nguyễn Công Bình..., bao nhiêu thứ nhất được trong các nghiên cứu của họ nữa. Liệu có cả vạn trang tư liệu để ngấm ngợi, nung nấu thành gần nghìn trang sách. Bản thảo viết trên mặt sau những tờ tin, chữa be bét, được cái chữ dễ đọc nên người đánh máy không mất công đoán.

Quyển I bộ “Lịch sử tám mươi năm chống Pháp” hoàn thành và được in năm 1956, dày 328 trang khổ to, làm nhanh và suôn sẻ. Quyển II không như thế. Viết về giai đoạn Đảng Cộng sản đã ra đời, đánh giá của các nhà lãnh đạo đang còn sống có những chỗ vừa khác nhau, vừa khác ông. Nó có hai tập tập Thượng dày 156 trang ra năm 1958, tập Hạ 230 trang ra năm 1960. Đây là cuốn sử dày dặn, hệ thống nhất lúc đó về thời kỳ này. Nó được dùng làm giáo khoa trong trường đại học, đem ra nước ngoài giới thiệu. Trần Huy Liệu nhận huân chương Humbolt và bằng Viện sĩ thông tấn của Viện Hàn lâm Khoa học Cộng hòa dân chủ Đức có tiền đưa Nghiêm gom mộ nội tộc về một khu lăng ở quê. Niềm vui quả là lớn, đôi khi ông nghĩ mình đã làm hết bốn phận với cuộc đời.

Nhưng cuộc đời vẫn trôi, và ông thì còn sống. Liệu đi nước ngoài nhiều hơn, đổi ô tô công từ chiếc Moskvich biển HNA 861 sang Lada đời mới màu trắng. Nhà có bìa mua hàng loại A, phẩm hàm của Thứ trưởng, ông không phải lo đến cái ăn. Bà Tý tham gia câu lạc bộ Phụ nữ trí thức, sinh hoạt cùng các “mệnh phụ”. Gia đình thứ hai ở Hàng Buồm, cách nhà ông hơn hai cây số. Nhuận bút viết báo dành đưa Sửu - giờ chỉ còn phải lo chính cho hai đứa trẻ họ Trần, vì bà đã đi làm ở tổ đan len không dư dật nhưng không đến nỗi thiếu. Vinh và Dũng, hai con riêng

của Sửu, một ở bộ đội, một đi làm xa, đã có lương.

Có điều, hòa bình đem lại những vấn đề mới cho cuộc sống không hề dễ xử như lúc còn thằng Pháp thằng Nhật dí súng gươm vào cổ đồng bào ông, bắt họ sưu cao thuế nặng. Bề nào, ông còn là người của chính trường, các hoạt động xã hội. Đến lúc tuổi ngoài sáu mươi, bao nhiêu ý đồ còn ấp ủ, mà ông không thể “đóng cửa” trong thư viện, viết những điều mình nhớ, mình nghĩ. Nỗi ham công tiếc việc cứ căng con người đa mang, đa sự ra.

Có hôm sẵn thời gian, Liệu về bà hai ăn cơm tối, xong đưa tiền cho Chiến đi mua vé xem phim. Cậu út tám tuổi đã biết tiếc tiền, mua vé hai hào ngoài rạp Long Biên, gần chợ Đồng Xuân, loại rẻ nhất, khiến cả nhà ngồi xem mà bắt tay diễn viên được. Kể cũng vui, vì cái hạnh phúc đến đơn sơ. Và hơi hơi ngậm ngùi. Rất lâu, kể từ thời kháng chiến.

Liệu mới ngồi giữa mùi mồ hôi nặng đến thế. Rạp bắn thủ, chỗ đi tiểu nhộp nhúa đang xem trẻ con đánh đuổi nhau chạy huỳnh huych. Chiến và Quang đã lớn lên giữa những đứa trẻ như vậy, và ông chả dạy bảo được chúng tẹo nào.

UỐNG CẠN CHÉN ĐĂNG

Ám ảnh.

Có những thứ ám ta, dai dẳng kinh khủng. Bằng mọi cách, mọi cố gắng, ta tẩy nó đi. Nếu là một con kiến bò trong cổ thì rất dễ. Khó hơn một chút, cái mụn ở chỗ nhạy cảm như nách, háng, khoeo chân mỗi cử động đều làm đau đớn, thì phải uống thuốc và đợi. Nhưng làm thế nào để chạy trốn một ý nghĩ, vứt nó ra khỏi đầu?

Liệu là kẻ dễ ngủ, thế mà đêm đêm, nó cứ bò ra ngoe nguẩy, làm buồn buồn, rồi thung thăng đi lại. Đến lúc cắn xé cuống cuống thì tỉnh hẳn rồi, mắt chong chong, đầu hoạt động. Nó làm ông phải sang giường con, nhìn lũ trẻ tĩnh tâm lại được lắm. Kinh khủng nhất là phải ra ngồi ngoài vườn hoa Pasteur, đi đi lại lại như tâm thần.

Ngoài năm mươi, cái tuổi đã cần thư thái dưỡng thần, thu xếp yên mọi chuyện để tận hưởng những bổng lộc cuộc đời dành cho. Ông có những “ghế” cao lắm nơi mời đi kể quá khứ cách mạng, một “bề dày” nhiều người phải ngược lên, được dự bàn những cuộc quan trọng. Cứ ngồi phăng phắc cho tổ chức sắp xếp, có phải hơn là cựa quậy, nhấp nhồm tôi có ý kiến khác đây ạ... Nhìn ra xung quanh, có người quen làm thơ giờ chỉ đạo kinh tế, có người từng vợ con đầu đầy, giờ viết lý lịch đã “quên” đi... Chắc cũng ngứa ngáy, có thể bất ổn, nhưng khéo khéo lựa

thì cũng xong. Tổ chức an tâm, mình không tăng tăng tiến thì cũng an bề một đáng đáng kính. Đảng này Liệu...

Chẳng hạn, cơ có gì mà ngẫm chuyện ngồ i Thường vụ Quốc hội, nhưng quyền quyết ở nơi khác. Đã có Đảng lãnh đạo cơ mà, và mình là đảng viên. Hay mình từ Quốc dân đảng qua, công nhận sự trong sáng, đẹp đẽ của lý tưởng cộng sản nhưng không nhìn hết được cái tốt trong thực tế của xã hội xã hội chủ nghĩa?

Chẳng hạn, phản đế phản phong là nhiệm vụ đương nhiên của cách mạng để đưa đất nước tới chủ nghĩa xã hội, một con đường tất yếu. Thời Việt Minh mới thành lập, năm 1941, điều lệ của mặt trận ghi rõ là liên hiệp hết các tầng lớp nhân dân..., làm cho Việt Nam và cả xứ Đông Dương được hoàn toàn độc lập. Về kinh tế thì chủ trương chỉ tịch thu hết tài sản bọn Nhật, Pháp, lũ Việt gian, Hán gian... , chia lại công điền, giảm tô, còn địa chủ vẫn được sở hữu ruộng đất. Thế mà sang giai đoạn cuối cuộc kháng chiến khi ta đã gần làm chủ được tình thế trong cuộc chiến tranh với đế quốc, những quyền đó lại bị xóa đi một cách triệt để, khiến nhiều gốc rễ rung chuyển.

Những con cái địa chủ kêu oan. Những bí thư chi bộ bị kết tội Quốc dân đảng, phải xử tử, “hiện hồn” về báo oán người chịu trách nhiệm quản lý mới của thôn xóm. Những ông giáo từng mở trường dạy học cho cả vùng, được kính trọng, nay còng lưng xuống chào “ông bà nông dân” mù chữ. Những ruộng đất cần cỗi để hóa vì người ta bận họp, bận đấu tố, quy thành phần, lắp ráp cho đủ tỷ lệ địa chủ được ấn định. Người bỏ quê đi tha phương nhiều quá. Trí thức sợ hãi, kẻ có của co mình lại. Mà đã một thời họ nô nức đi trong đội ngũ dân tộc theo tiếng gọi của ta cơ mà.

Đảng đã nhận ra sai lầm của Cải cách ruộng đất năm trước, và tiến hành sửa sai. Có người được “phong” địa chủ kháng chiến. Có người được “xuống” làm trung nông lớp trên. Án oan cũng xóa, kẻ xuống tay mạnh quá đến mức nỡ xin con cái người bị xử lý tha tội. Lại có cả cán bộ cấp Trung ương mất chức... Nhưng đó mới chỉ là biện pháp tổ chức. Cần phải có sự tổng kết về nhận thức, chỉ ra các nguyên nhân, cội rễ của sai lầm thì mới triệt để. Việc đó cần vô cùng.

Vào giữa những năm năm mươi, Liệu trần trở với ý tưởng xây dựng một bài viết về địa chủ Việt Nam. Trước đó, hai bài của ông có liên quan một chút đến đề tài này đã ra mắt trên tạp chí Văn Sử Địa: “ *Những người hoạt động văn hóa với việc cải cách ruộng đất*” in số 1, “*Vấn đề ruộng đất trong cách mạng Việt Nam*” in số 2. Cả hai đều ra năm 1954 và ký Trần Huy Liệu. Bài lần này đưa một vấn đề trực diện về cái sự kiện còn nóng hôi hổi, có chỗ vẫn nhức buốt. Tuy

tính xã hội rất lớn, nó không thể dài quá, và phải nghĩ rất nhiều để có một kết cấu hợp lý, chặt chẽ về lập luận.

Liệu làm thận trọng, kín kẽ, các ý tứ đều được kiểm soát khi triển khai bóc tách, chẻ nhỏ ra. Chả gì ông có một bà vợ bị quy địa chủ, dễ mang tiếng đem cái riêng ra bàn nhẽ chung. Nhưng cái chính đây là một luận văn khoa học, cần có lý tính, viết trên cơ sở nhận thức về cái chung, đại thể. Cũng không thể vì những sai lầm trong Cải cách ruộng đất mà phủ nhận hết thành quả mà nó mang lại. Nhưng dù thế nào, cái tư thế tranh luận, phản biện là không thể tránh khỏi, cho nên Liệu chọn một cách đặt vấn đề trực tiếp, không né tránh kiểu “*thư bàn về...*”, “*thử xem xét...*”.

Sau những sai lầm nghiêm trọng về cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, đã đến lúc chúng ta cần phải xét lại một số nhận định từ trước về tính chất giai cấp, quan hệ giữa các giai cấp và đối tượng chủ yếu của cách mạng, các lực lượng tham gia cách mạng trong quá trình cách mạng Việt Nam. Việc này chúng tôi đã bắt đầu làm trong mấy số tập san gần đây. Một nhận thức chung là xã hội Việt Nam trong thời Pháp thuộc là một xứ thuộc địa và nửa phong kiến, do đó, nó có những đặc điểm mà chúng ta phải tìm ra, phải biết đến để sắp xếp lực lượng, định một chiến lược cho thật đúng.

(Xét lại hồ sơ” giai cấp địa chủ. Tạp chí Văn Sử Địa số 25 năm 1957)

Sau khi khẳng định một nhiệm vụ của cách mạng là quét sạch tàn tích phong kiến, ông viết đến cuộc giảm tô và Cải cách ruộng đất vừa tiến hành, mà đối tượng của nông dân là giai cấp phong kiến địa chủ: “*Nhưng trong đó còn có những trường hợp phiền phức như. Có những người địa vị và danh vọng thuộc giai cấp phong kiến nhưng không có ruộng cho thu tô, không bóc lột theo lối phong kiến. Liệt họ vào giai cấp nông dân thì cố nhiên họ không phải là nông dân. Cũng có người nói họ là chủ của một ít ruộng đất, tức là tiểu tư hữu nằm trong cơ sở của chế độ tư sản. Vấn đề rất phức tạp, cần phải nghiên cứu nhiều. Ngay đến việc quy định thành phần địa chủ trong cuộc cải cách vừa qua cũng còn nhiều điểm phải bàn lại*”.

Vì “vấn đề rất phức tạp”, Liệu lập một “ba-ri-e”, rằng mới chỉ trình bày “những ý kiến sơ bộ và còn tiếp tục nghiên cứu”. Rồi ông triển khai từ giai đoạn cận đại:

Trước ngày thực dân Pháp đánh chiếm nước ta, giai cấp phong kiến thống trị đã thoái hóa, phản động, lâm vào chỗ bí không lối thoát. Nhưng cũng bắt đầu từ khi thực dân Pháp đánh chiếm nước ta thì mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân và giai cấp địa chủ phong kiến đã phải nhường chỗ chủ yếu cho mâu thuẫn giữa toàn dân Việt Nam, trong đó có giai cấp phong kiến địa chủ, với bọn xâm lược cướp nước. Cũng từ lúc này sự phân hóa trong giai cấp phong kiến địa chủ biểu hiện thái độ chính trị với bọn xâm lược đã diễn ra không ngừng... Nếu chúng ta điểm

mặt những lãnh tụ khởi nghĩa bấy giờ thì hầu hết là những hưu quan, những nhà khoa mục ở các địa phương. Họ không những không có đặc quyền đặc lợi gì cả, mà phần nhiều thuộc vào loại “tiếng cả nhà thanh”, nghĩa là danh vọng thì lớn nhưng tài sản thì ít... Ngoài chỗ dựa vào nông dân, những phần tử trung kiên trong các cuộc khởi nghĩa đa số là những nhà nho nghèo. Về danh nghĩa họ thuộc giai cấp phong kiến, nhưng không phải là địa chủ sống bằng địa tô. Chính những người này là động lực của cuộc khởi nghĩa kháng Pháp và nối liền những tập đoàn lãnh đạo khởi nghĩa với nông dân địa phương.

Nói đến cuộc lãnh đạo cách mạng trong giai đoạn đầu, có người thấy giai cấp địa chủ là đối tượng của cách mạng ngày nay rồi chực phủ nhận cả một bộ phận phong kiến đã có lúc lãnh đạo cách mạng. Có người dựa vào lý luận nói giai cấp phong kiến địa chủ là kẻ thù của nông dân thì làm thế nào lãnh đạo được nông dân. Những người này đã xa lìa thực tế, không đặt giai cấp phong kiến địa chủ vào khung cảnh thuộc địa, lại cũng không thấy mâu thuẫn dân tộc ở một xứ thuộc địa bao trùm cả mâu thuẫn giai cấp, mặc dù mâu thuẫn dân tộc về thực chất vẫn là mâu thuẫn giai cấp.

Bước sang thế kỷ XX, Liệu cho rằng giai cấp phong kiến địa chủ lại tiếp tục có sự phân hóa. Bên cạnh phái thủ cựu, những phong trào Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy Tân đều do sĩ phu tiến bộ trong giai cấp ấy lãnh đạo, còn như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh thì đã bước dần vào xu hướng dân chủ tư sản rồi, chưa nói đến Tân Việt.

Vì chưa thấy sự phân hóa ấy, cao trào quần chúng đầu tiên do Đảng lãnh đạo đã có những chỗ đáng tiếc: Tài liệu về phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh năm 1930 cho biết rằng: những ngày đầu nhiều địa chủ phú nông cũng hưởng ứng theo phong trào, sẵn sàng đem thóc gạo trong nhà ra công cho xã hội.

Nhưng với khẩu hiệu “trí, phú, địa, hào, đào tận gốc tróc tận rễ”, những người trực tiếp lãnh đạo phong trào hồi đó đã không nắm vững đường lối chính trị của Đảng, đã làm cho công, nông bị cô lập và mặt trận dân tộc thống nhất bị tan rã và không tranh thủ được trung tiểu địa chủ còn có thể đi được với cách mạng đến một chừng mực nào, trong một phạm vi nào.

Sau giai đoạn đòi cải thiện dân sinh, dân chủ năm 1936-1939, Nhật vào Đông Dương. Mặt trận Việt Minh thành lập, tập hợp được mọi lực lượng của các tầng lớp nhân dân, dẫn đến thành công của Cách mạng tháng Tám. Tính chất dân tộc đã nổi bật lên trong sự kiện này. Nhắc đến đại địa chủ, quan lại đã trở nên phản động, Liệu nêu lên “một sự thật không thể không nhắc đến”: Đại đa số trung tiểu địa chủ, ngay cả một vài đại địa chủ, đã đứng trong mặt trận Liên Việt, dự vào cuộc toàn dân kháng chiến, theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Và lại một sự thật khác: “địa chủ kháng chiến là con số lớn”.

Điểm lại thái độ chính trị của giai cấp phong kiến địa chủ qua các thời kỳ xong, việc xem

xét lại một vài nhận định từ trước là tất nhiên, dưới dạng thức “đề nghị”. Liệu cho rằng số ruộng đất chiếm hữu của trung, tiểu địa chủ ở miền Bắc so với nhiều nước khác là quá nhỏ. Cũng bị đế quốc áp bức, một số đã đứng trong mặt trận dân tộc do Đảng lãnh đạo. Trong một xứ thuộc địa, thái độ chính trị của họ khác với bọn địa chủ ở xứ không phải thuộc địa.

Như vậy những quan điểm từ trước cho rằng toàn bộ giai cấp phong kiến địa chủ đã đầu hàng địch, đã câu kết với địch, phủ nhận quan điểm của xã hội Việt Nam, phủ nhận sự thật lịch sử, tôi thấy cần phải xét lại. Không cần phải nhắc lại những sai lầm trong Cải cách ruộng đất vừa qua không phân biệt địa chủ phong kiến với địa chủ khác, coi tất cả địa chủ là địch là máy móc... Chúng ta chỉ cần nhắc lại là: vì xã hội nước ta trước đây là xã hội thuộc địa và nửa phong kiến, nên nhiệm vụ cơ bản của cách mạng là chống đế quốc chủ nghĩa và quét sạch tàn tích phong kiến; nhưng đừng quên giữa hai mâu thuẫn chủ yếu, mâu thuẫn dân tộc với chủ nghĩa đế quốc xâm lược và mâu thuẫn nông dân với địa chủ phong kiến thì mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc vẫn là chủ yếu nhất.

Trình bày xong những nhận thức, Liệu kết thúc:

Đề ra việc xét lại “hồ sơ” của giai cấp phong kiến địa chủ, tôi chú ý vào việc nghiên cứu để mong dựng lại một sự thật lịch sử, đồng thời mong công hiện một phần nào cho công tác sửa sai lúc này.

Có cảm giác là phần cuối ngắn gọn quá, không có những “đề nghị”, đưa “giải pháp” để trên áp dụng. Dầu sao, đây là cuộc trao đổi khoa học, trình bày một cách nghĩ chủ quan, riêng biệt, thì cái phần dành cho thực tế không có chỗ cũng được.

Nhưng cái chính, là đưa bấy nhiêu thôi, “nó” đã khó “tiêu hóa” quá rồi.

“Xét lại “hồ sơ” của giai cấp phong kiến địa chủ” còn nằm trên bàn khá lâu, xem đi xem lại rồi ký “Hải Khách”, cái tên tranh đấu ông đã dùng thời làm báo Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Nó xuất hiện trên Văn Sử Địa, tờ tạp chí nghiên cứu phát hành ít bản, cho một giới độc giả không rộng rãi.

Như thế có vẻ “nội bộ”, bàn vấn đề khoa học. Và cũng còn có thể in ở đâu được nữa. Bài ra thì ngồi chờ phản ứng. Đùa cợt, đọc cổ sử, trông coi việc ở Quốc hội, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng..., lúc nào cũng nghĩ đến “nó”. Trước mắt, không khí cơ quan khá im ắng. Cái chính là cấp trên kia, và là ai thì Liệu cũng đoán biết. Những cảm giác đợi chờ ấy, ông đã quá quen từ hồi còn trẻ.

Rồi việc cũng đến. Cuộc họp của trí thức ở câu lạc bộ Đoàn kết có Tổng Bí thư dự. Liệu giới thiệu, đồng chí Trường Chinh lên nói nhiều vấn đề, nhiều chuyện của địa hạt tư tưởng, khoa học xã hội. Bài *“Xét lại “hồ sơ” của giai cấp địa chủ”* bị kết luận rất nặng nề: “Mơ hồ giai cấp?”. Ai nấy bàng hoàng kể cả người chưa đọc.

Liệu đã đứng dậy cảm ơn Tổng Bí thư đã cho ý kiến, rồi chuyển sang phần nghị sự khác.

Buổi “học” tan trong không khí nặng nề. Người phụ trách tổ chức Đảng ở cơ quan nhận được lời đề nghị của người vừa bị phê bình “Anh cho họp chi bộ để tôi trình bày vấn đề”. Tâm thế Liệu khá bình tĩnh. Không “lên máu”, không hoang mang. Hắn đã biết cái sự thế nào cũng diễn ra, và diễn ra như thế nào. Việc gì mà ông phải nghĩ lại, phải tiếp thu. Đằng sau ông là sự thực lịch sử, chả có học thuyết, lý luận nào giúp được ông phủ nhận nó. Ông sẽ chung sống với lỗi “mơ hồ”.

Có điều Liệu không biết, trước khi đi họp, Tổng Bí thư đã hỏi *“có khách nước ngoài không để tôi không nói vấn đề nội bộ”*. Hắn là những bức xúc không kìm được, ông đã phải ra lời...

Bài báo đụng chạm đả độn chí chuyên ngành, quá hẹp về độc giả nên không được nhiều người biết đến. Coi như một lần ném hòn sỏi xuống ao. Người ta không nhắc đến nó cùng những hệ lụy cho tác giả một cách chính thức, công khai. Có lẽ bà vợ hai của Liệu, một người “có chân” trong giai cấp địa chủ, cũng không biết là nó đã từng có mặt trên đời này.

Nhiều năm sau, khi bình lửa trở lại trên bầu trời miền Bắc, Viện Sử học sơ tán lên Hiệp Hòa, Bắc Giang, nơi có những giếng nước trong mát đầy ắp. Trong một đêm trăng sáng, Liệu ngồi ngoài sân ngôi nhà nông dân cùng Bùi Đình Thanh, bí thư chi bộ cơ quan. Cả hai đã thức gần trắng đêm, nói bao nhiêu chuyện, cả “vụ” “Xét lại “hồ sơ” giai cấp địa chủ” ngày nào. Bùi Đình Thanh đã ngỡ ngàng nghe thủ trưởng bộc bạch cái điều “đấu tranh giai cấp không phải tư tưởng chủ đạo của tôi”, rằng cái tính khí khái, “tôi học nó từ Nho giáo, không phải từ khi là người cộng sản mới có”. Lần đầu tiên Thanh nghe Liệu nhắc đến mấy chữ “cường hào mới”, cái đám đang xuất hiện ở nông thôn.

Có những kỷ niệm về Trần Huy Liệu mà Bùi Đình Thanh, ở tuổi ngoài tám mươi, còn trân trọng. Đi công tác, ông cùng lái xe bị thủ trưởng bắt chạy lòng vòng để tìm một hàng cơm nào “tiềm tiệm thôi”. Dự những bữa tiệc thừa mứa, Liệu nghĩ đến người ngoài kia đang túng đói. Và những câu kiểu “dân bát ăn chưa đủ, nói chuyện công nghiệp hóa làm gì, anh cứ ghi biên bản tôi nói thế...” “Đối với tôi Trần Huy Liệu là người cộng sản ít giáo điều nhất. Ông giữ được tố chất nhân văn, giữ được mình, tình cảm với bạn bè, đồng đội, người yêu trước những cái nó cứ dìm mình xuống. Ông đành phải cắt đứt Thu Tâm theo ý của tổ chức, nhưng với Nguyễn Thị Hy (Sửu) thì ông đã dám uống cạn. Chưa bao giờ vì “đấu tranh giai cấp” mà Liệu hy sinh phần dân tộc, cũng chưa bao giờ vì những tín điều, mục đích lớn mà ông chịu để những gì bé nhỏ bị tổn thương”.

- 23 -: Ý KIẾN “GIÀ”, ĐIỀU KIỆN “NON”

Đầu những năm sáu mươi, đất nước có những vận động lớn: bước vào xây dựng nền kinh tế theo kế hoạch với nền tảng là công nghiệp nặng; đấu tranh giữa hai “con đường” Xét lại và Giáo điều của các cường quốc xã hội chủ nghĩa... Không phải bao giờ Liệu cũng tán đồng ý kiến từ trên đưa xuống.

Nhưng đối với công cuộc đưa bộ đội vào miền Nam chiến đấu, giành sự thống nhất cho đất nước, ông là một tín đồ nhiệt thành. Những chiến thắng Đồng Xoài, Bình Giã làm ông nức lòng. Chiến dịch Mậu Thân 1968, ông phấn khởi: *Không Tết nào vui bằng Tết này, Quang Trung xưa cũng vẫn chưa tày* để rồi lại rầu lòng thương xót cho máu xương đổ ra mà cuộc tổng tiến công không thành.

Đó là những lúc Liệu đồng cảm, hòa hợp chân thành được với không khí chung. Nhưng lại chẳng hiếm những khi ông không “nhất trí trăm phần trăm” với lãnh đạo.

Hòa bình trở về là lúc thực hiện giấc mơ về nền sản xuất đại quy mô. Công nghiệp nặng sẽ là nền tảng lôi dắt các ngành kinh tế khác. Bên nông nghiệp, chẳng còn gì ngăn cản nổi cái hình ảnh quuyến rũ cánh đồng thẳng cánh cò bay “tung tăng” những chiếc máy cày hằng xuất hiện trên phim Liên Xô, Trung Quốc. Trong khung cảnh đó, những Cô Thắm cô Nhài sẽ vừa hát vừa nhoẻn miệng cười với anh lái máy, biểu tượng của công nông liên minh. Thóc sẽ ự lên như núi. Người nông dân đi làm có kỷ luật, theo kèng, nhận công điểm chứ không khur khur mảnh ruộng riêng của mình nữa. Đến thời cộng sản chủ nghĩa chỉ còn mấy bước chân thôi, nhưng manh mún, tư lợi vút hết đi, để mà chỉ nghĩ đến cái chung...

Khi công cuộc hợp tác hóa diễn ra, nghĩa là ruộng đất tập trung hết, khối tư tưởng, khoa giáo có đợt học tập, quán triệt đến từng người. Quyết tâm trong Nghị quyết của Đảng phải đến với từng cán bộ các cấp, người ta có thông thì những cản trở trong thực hiện mới không “lòi ra”. Hình thức thảo luận được áp dụng, ai nghĩ gì có thể nói, để rồi được đả thông.

Lớp do Tố Hữu chỉ đạo, làm với hình thức nghe chủ trương, tổng kết trên hội trường, rồi chia tổ thảo luận. Những cán bộ quản lý khối trí thức, kỹ thuật như Lê Khắc, Bùi Công Trừng, Tạ Quang Bửu đều thấy hợp tác hóa là cần thiết. Liệu cũng vậy, nhưng lại “thêm” vào một thái độ e ngại. Rằng việc tập đoàn hóa sớm quá, và cũng nhanh quá (theo kế hoạch thì trong ba năm triển khai xong ở miền Bắc) có ảnh hưởng đến sự nỗ lực của nông dân? Rằng nông dân ở Việt Nam chả biết có được *giác ngộ* như ở Liên Xô, nhưng mảnh ruộng riêng đối với họ lớn vô cùng. Rằng, nhiều người vào hợp tác là bắt buộc, để con họ được tiến bộ, vào đoàn, vào đại học hay

biên chế, chứ thực tâm vẫn muốn có miếng đất chăm lấy. Khi mọi người hỏi bắt buộc ra sao, ông dẫn chứng những chuyện ở quê mình, ở quê này quê nọ đã đi qua. Có cái gì đó không dân chủ, không “con người” rồi. Hồ Chủ tịch bảo hợp tác hóa là tự nguyện, phải để người ta thấy hợp tác đạt năng suất cao hơn thì vào cơ mà. Mà chuyện năng suất cao hơn ruộng ngoài thì chưa thấy, có dẫn đến thiếu ăn?...

- Tôi tán thành chủ trương hợp tác hóa, nhưng kết luận là “tốt” và “đã căn bản hoàn thành” thì không đồng ý.

Liệu chấm dứt phần ý kiến của mình. Không khí phòng thảo luận nặng trĩu. Các cán bộ trí thức bút rút. Hiển nhiên, đây là một quan điểm chẳng dễ chịu gì cho người nghe lẫn người nói ra.

Sáng hôm sau, Liệu đến lớp lớn dự tổng kết. Văn Tạo ngồi cùng xe, hỏi rất ngập ngừng: “Hôm nay bác định phát biểu thế nào?”.

Tôi đã nghĩ kỹ cả đêm rồi. Tôi sẽ nói nhận thức thực của mình.

- Nhưng mọi người đều nhất trí với Trung ương cả - Tạo thận trọng. - Các tổ khác cũng thế...

- Tôi sẽ chấp hành mọi nghị quyết của Trung ương, tuân thủ các nguyên tắc tổ chức. Nhưng đã thảo luận thì phải phát biểu nhận thức của mình chứ. Nói tất cả nông dân đều tự nguyện tán thành hợp tác hóa là sớm quá.

Văn Tạo rất ngại cho thái độ “bảo lưu ý kiến” của Viện trưởng nhưng cũng không muốn can nhiều. Bản thân Liệu cũng e những hậu quả của sự “không nhất trí với trung ương” trong một quyết định về đường lối lắm chứ. Nhưng sự bướng bỉnh trong ông còn mạnh hơn nhiều.

Tổ Hữu tổng kết lớp học, rằng tuyệt đại đa số trong khối khoa giáo đã nhất trí với Trung ương, có vài ý kiến chưa thống nhất. Các đồng chí đó cứ bảo lưu nhận thức của mình, nhưng đi đâu, phát biểu gì không được nói trái. Hội nghị giải tán. Trong tiếng ghế đập ồn ào, Liệu nhận được những ánh mắt tò mò đến lạ lẫm. Có cả những ý tứ, rằng “quan điểm thế mà cũng nói ra được à...”. Thế là đã hơn một lần, ông bị thiếu số trong đám đông.

Chế độ tập thể hóa nông nghiệp được áp dụng trên toàn miền Bắc có những hệ quả tích cực. Trong thời chiến, nó tạo điều kiện cho những người quản lý địa phương dễ nắm chặt nông dân. Ai đi đâu, làm gì là đều biết, bởi người ta ra đồng theo tiếng kèn. Về cũng theo hiệu lệnh của đội trưởng. Kinh tế tất cả đều làng nhàng thì lấy người vào quân đội, đi đắp đê, thủy lợi cũng dễ. Và về mặt tâm lý, lãnh đạo ở tầm cao tít tắp cũng an ổn. Giống Liên Xô, Trung Quốc ra gì mà. Đó là những tấm gương, ta còn non về xây dựng, chưa nhiều kinh nghiệm quản lý kinh tế thì cứ soi vào đó. Cái cảnh máy cày, máy gặt đập liên hợp chạy trên cánh đồng rộng mênh mông trong các phim kiểu “Anh lính Ivan đi khai hoang” nhất định diễn ra trong nay mai. Tóm

lại là cứ thực hiện, kiểu gì cũng thắng lợi.

Nhưng thực tế càng diễn ra càng theo một chiều hướng khó lường. Nhiều người vừa được ruộng theo cải cách ruộng đất đã phải tập trung lại, cả ao chuôm, trâu bò. Làm theo kèng, chấm điểm cũng bấy nhiêu, nên đều “tám giờ vàng ngọc” cả mà ai cũng trông nhau. Cấy nhanh, bừa kỹ cũng ăn có chừng nấy. Tập thể, cộng sản có nghĩa là “dàn hàng ngang cùng tiến”, làm cầm chừng, ăn nếm nấp. Hết “giờ”, nông dân về hùn hục trên mảnh đất riêng được dành lại, chiếm 5% chỗ đất trước khi góp vào hợp tác xã, có nơi gọi là “ruộng rau xanh”. Bón kỹ, cày sâu bừa ngấu, nên chi chúng cho bộn thóc, hơn hẳn những bờ xôi ruộng mật bên “tập thể”.

Vì sản lượng trên phần đất chung không cao, nên thuế má, các khoản thu từ nông nghiệp hạn chế theo. Sinh hoạt miền Bắc cứ thấp dần, tem phiếu ở thành thị cũng như sự cào bằng ở nông thôn đều chỉ duy trì một mức sống tối thiểu. Tóm lại là ổn định trong gieo neo. Trong các tổng kết, người ta giải thích đó là do tâm lý tư hữu, chỉ biết mảnh đất của riêng mình của nông dân. Và báo chí, đến lượt mình, lại lên án sự lạc hậu ấy.

“Đói thì đầu gối phải bò, túng thì phải tính”. Đã có chỗ đói. Bình thường ăn dè sẻn, đến trận mưa đá, bão lốc thì mất hẳn. Cái khu vực mệnh mông nhất của miền Bắc cứ tiêu điều, cạn kiệt. Khá lâu sau cuộc bảo lưu ý kiến của Trần Huy Liệu, tại tỉnh nửa đồng bằng, nửa trung du Vĩnh Phú, ông bí thư Kim Ngọc lãnh đạo cấp ủy ra nghị quyết chia ruộng ra giao khoán, tạm thời thôi, cho nông dân. Sản xuất lên được một chút thì Trung ương biết chuyện. Kim Ngọc mất chức vì “trái đường lối”. Vĩnh Phú lại tiu nghỉu như mèo cắt tai.

Nhưng lại chỗ khác phá rào. Một huyện Đồ Sơn ở Hải Phòng mấy năm liền im re chả kêu ca túng đói gì. Trên tìm hiểu, hóa ra họ khoán chui đã lâu. Và chả phải chỉ có Đồ Sơn. Bây giờ thì người ta phải tra tận gốc rễ cái “phong trào tiêu cực” ấy.

Nông dân, và nói chung, con người ta, liệu có ai thích chả có quyền lợi riêng gì trong hoạt động lao động không, có phải là ai ai cũng thích “cống hiến hết” cho tập thể? Kết quả của quá trình phân tích tìm hiểu ấy là những nghị quyết “Mười”, “Một trăm”. Hợp tác xã nông nghiệp giải tán về thực chất khi được quyết định “khoán” đất cho nông dân làm “riêng rẽ khỏe ăn”.

Tất nhiên đây cũng được đánh giá là một thắng lợi, kết quả của tầm nhìn xa trông rộng. Sản lượng nông nghiệp lên trông thấy. Việt Nam đứng hạng cao thế giới về xuất khẩu gạo. Vai trò Kim Ngọc được đánh giá lại, quê hương Vĩnh Phú đòi dựng tượng ông, còn những người phê ông không “được” đánh giá lại...

Nói chuyện ở trường Đại học Tổng hợp, Bộ trưởng Đại học - Trung học chuyên nghiệp Tạ Quang Bửu nhắc lại lớp học về chủ trương hợp tác hóa xưa, có câu “trong thời điểm ấy, nhà khoa học dám nói điều cần thiết với Đảng là rất đáng quý”...

LÀM NGƯỜI LÀ KHÓ

Thế sự khô tâm đầu hướng bạch

Suy nhan tá tửu vưng sinh hồng

(Chuyện đời đầu gần bạc lòng gần như tro nguội)

Mặt mày vàng võ mượn rượu để sinh hồng)

Liệu viết Nguyễn Trãi. Mấy câu thơ của con người lòng dạ sáng như sao Khuê ám ảnh. Phải phân tích thời cuộc thế nào, Ưc Trai ([li](#)) đã vận nó vào mạng mình thế nào, rồi lại bị nó “vận” lại ra sao.

Đúng là ngổn ngang một cục diện oái oăm đến đảo điên, không thể tin đối với cả những ai đã dâng cả ý nghĩa cuộc đời cho nó. Làm sao có thể ngờ được một khai quốc công thần, và hơn thế, người trí thức đã thổi cái hồn vào cho cuộc kháng chiến chống Minh lại bị Lê Lợi, sau khi lên ngôi Thái Tổ, dồn đuổi đến phải từ quan về Côn Sơn dạy học, vui thú cùng lũ vợ. Dù là nhà nghèo bốn bức tường chỉ giàu sách vở, đúng “tạng” hàn sĩ thực nhưng thần liệu có an, tâm biết có tại? Hẳn là không Nếu mũ ni che tai, cầu an bảo mạng hẳn tiên sinh đã không ra thi thố, giúp giập cuộc đời từ thời nhà Hồ, cái triều ông không mấy tâm phục khẩu phục. Dù sao ông đã ra, vì Hồ Quý Ly đã chấm dứt nhà Trần quá bạc nhược. Hơn nữa, Quý Ly đã có những chính sách mới thật đáng khâm phục: phát hành tiền giấy thay tiền đồng, hạn chế số ruộng đất, nô tì của quý tộc. Quý Ly chết vì chỗ ấy. Chiếm được ngôi cao tốt vời, ông đã không còn được sự ủng hộ của vương hầu công chúa cũ, vốn đã bị lột nhiều quyền lợi qua các cải cách của ông.

Lòng người, sự xoay vần của thế sự khó lường quá. Nhất là khi nhìn vào lịch sử, đem những “sự” trong đó ra ngẫm nghĩ, so đo với những gì đương diễn ra. Mặt người cứ dăm chiêu là phải.

“Nguyễn Trãi - một nhân vật kiệt xuất trong lịch sử Việt Nam” dày 135 trang, in ở nhà xuất bản Sử học năm 1962, là một khảo cứu công phu, có tiếng vang. Nhưng nó có vẻ “khách quan” quá. Mà Liệu bị Nguyễn Trãi ám. Số phận bi thảm của con người quá lớn ấy, ông thấy có nhiều nét tương đồng.

Những năm sáu mươi là thời điểm Trần Huy Liệu thấy cực kỳ cô đơn khi phát ra những chính kiến của mình - những suy nghĩ nung nấu ông, *không thể nói ra dưới một dạng nào khác*. Nhìn xung quanh cứ thưa vắng dần. Trần Đình Long, Hải Triều tâm giao thời Mặt trận Dân chủ Đông Dương đều không còn. Nguyễn Bình, người đàn em từ Quốc dân đảng, cùng chuyển sang “phe” Cộng sản ở ngục Côn Đảo, lại mất một cách bí ẩn sau những chiến tích vang dội trong Nam. Những Vũ Đình Huỳnh, Bùi Công Trừng đang ở những đâu đâu, còn hay mất? Và Liệu

“còn” được bao lâu nữa? Ông chỉ còn những trao đổi thi thoảng với Trần Văn Giàu, Tạ Quang Bửu. Trên cương vị Bộ trưởng Đại học, Bửu phải rất cố gắng mới lập được chế độ thi vào đại học thay cho lối gọi chủ yếu dựa trên lý lịch.

Đó là một kỳ tích, phải đánh giá thế, để những người tài còn ngoi lên, đất nước được hưởng năng lực của họ. Chứ không thì đội ngũ trí thức cứ chỉ được bổ sung những ông “đã kinh qua lao động” nhưng cầm quyển sách là ngại mãi à? Nhưng vẫn còn đó vô vàn cái khó mà Bửu chẳng thể vượt qua.

Không biết bao nhiêu lần, Liệu nghe người ta kêu xin khi giấy gọi con vào đại học bị chính quyền cấp xã ỉm đi mà phải bắt lặc. Cái bế tiểu nông với những tư thù tử mủn nhỏ hẹp, những toan tính ti tiện, đến lúc này mới thấy nó quá mênh mông.

Liệu tham gia làm những tổng tập chung, có sự chỉ đạo của trên nên cái chủ quan “lên” không được bao nhiêu. Giống như người nông dân làm thư thả trên mảnh ruộng tập thể ấy mà. Dần dần, ông tìm cách trở về với những trước tác riêng, không đồ sộ, bao quát bằng, nhưng có dấu ấn cá nhân. Trong đó, ông tha hồ một mình, làm chủ những nhận định, chịu trách nhiệm khi phán xét. Tất nhiên như thế thì phải công phu hơn trong tư liệu, nghiêm túc hơn trong các đánh giá. Phải thế thôi. Những nhận định non, áp đặt đều không thể có chỗ.

Khảo cứu tiếp theo, chỉ đơn giản mang tên “*Nguyễn Trãi*”, dày 230 trang, ra đời năm 1966, khác hẳn “người anh em” sinh năm 1962. Một phương pháp khoa học, những tư liệu phong phú, kết quả của nhiều lần trở đi trở lại với đề tài. Và không thể không nhận ra rằng nhân vật đã vận vào tác giả quá sâu sắc. Công trình khảo cứu mà lời văn đầm đẫm, dù không rơi vào ủy mị, ảo não. Những đoạn trích đều đạt, rất có hồn, mang lại cho cuốn sách một cái “vẻ” dễ đọc, dù là với người đọc đơn giản.

Liệu không biết rằng 34 năm sau, trong nền kinh tế thị trường lộn xộn, người ta in lại công trình của ông dưới mác nhà xuất bản Văn hóa Thông tin. Tên sách bị sửa lại: “*Nguyễn Trãi - cuộc đời và sự nghiệp*”, có lẽ cho dễ bán. Con cái ông chẳng ai được hỏi ý kiến, chỉ biết đến khi có người phò. Và họ thốt ra câu đùa: “*Bố mình đại? Ai bảo dính đến Nguyễn Trãi. Dù là danh nhân văn hóa thế giới được UNESCO kỷ niệm dịp 500 năm, ông cụ vẫn bị báo người ta in nhầm ảnh kia mà!*”

[\[i\]](#) Ưc Trai: hiệu của Nguyễn Trãi

- 24 -: LÃO NÔNG TRI ĐIỀN

Liệu dậy muộn. Đêm qua có những điều ít liên quan đến sử học bám lấy ông, bắt nghĩ ngợi. Những đêm như thế ngày càng nhiều, càng mông lung càng thấy vô tích sự, sáng ra rất phờ phạc. Cuối cùng ông cũng “nén” được, thiếp đi. Đức dễ ngủ trời cho khiến Liệu hồi sức rất nhanh sau công việc, những quan hệ chả đơn giản chút nào.

Anh thư ký, tên là Hiến, trước là bờ đội biên phòng, thấy ông đi xuống thì chào rồi báo: “Bác Phạm Văn Đồng hẹn bác lên sáng nay để bàn về Đề cương...”.

- Chết, sáng nay tôi bận.

- Nhưng Văn phòng Thủ tướng giờ họ mới báo.

- Nhưng tôi cũng có lịch của tôi chứ. - Liệu nóng lên nhưng thấy mình vô lý bèn ghì lại. -

Chú nói tôi đã xếp việc rồi, bảo họ hẹn hôm khác vậy? Hay là anh Đồng cứ tự xuống đây, tôi sẽ nghỉ để tiếp.

Rồi ông xách cặp đi sang Viện Sử, để anh thư ký, ngồi trầm ngâm. Giúp việc một người độc lập, khái tính quá quả không dễ. Nói thế nào với Văn phòng cấp trên đây...

Nhưng đúng là sáng nay Liệu có việc, và không muốn bỏ việc đó. Viện Sử mới tách ra từ ban nghiên cứu Văn - Sử - Địa, thường làm những buổi sinh hoạt học thuật. Mỗi người được đề nghị chuẩn bị trình bày một đề tài, như Đào Duy Anh với văn hóa truyền thống, Cao Xuân Huy về Hán Nôm. Đó là những bậc túc nho thông kim bác cổ, nói rất có cái để nghe. Hôm nay, theo phân công, đến lượt một cán bộ nghiên cứu lớp sau nói về phương pháp luận. Lớp sau thì ít kinh nghiệm hơn, nhưng đối với người tự học mà nên như Liệu thì vẫn có nhiều cái mới đáng nghe. Họ có cái nghĩ khác mình, đọc những sách khác mình chứ. Đến lúc này, đứng đầu một cơ quan nghiên cứu, ông càng chiêm nghiệm rõ ý nghĩa cái câu tưởng đã mòn nhẵn đi rồi: “Tri thức là một hành trình liên tục”.

Hội trường nhỏ bên Viện đã khá đông. Liệu xin lỗi đến chậm rồi ngồi vào chỗ, giở sổ ra ghi chép. Người nói bắt đầu trình bày các quan điểm viết sử. Mỗi quan điểm chi phối một phương pháp, xuất phát từ mục đích viết, nhưng có những nguyên tắc chung mà đã là người làm khoa học thì không thể bỏ qua.

Ban đầu Liệu còn cầm cúi ghi, nhưng bất chợt nhìn lên trên, ý nghĩ ông lại bị lái sang hướng khác. Trước mặt là những mái đầu không còn một sợi đen, của dòng túc nho, nhô lên trên đôi vai đã không không. Những cán bộ nghiên cứu lứa sau, “muối” đã nhiều hơn “tiêu”. Bùi Đình Thanh, người ông xin đích danh tướng Đặng Kim Giang từ quân đội đang đều đặn “nhả to” dù

đã có lúc phải nhọc mệt vì nghĩ khác trên khi đánh giá các giai đoạn kháng chiến chống Pháp. Nguyễn Hồng Phong có những phát hiện trong cuốn “Xã thôn Việt Nam”, Nguyễn Danh Phiệt hằng cảm cúi với xứ Thanh...

Cạnh họ là những nghiên cứu viên đầu xanh bóng, vừa tốt nghiệp khoa Sử Đại học Tổng hợp ra hay từ Liên Xô về. Bao lâu nữa thì những mái tóc ấy bắt đầu thưa đi, ngả sang muối tiêu? Nghiệp sử làm người ta chóng già. Những Phan Huy Chú, Lê Quý Đôn, Lê Văn Hưu đến độ “tứ thập bất hoặc” mặt mũi liệu có tươi tỉnh được? Những nho gia cảm cúi trong thư viện Quốc Sử quán triều Nguyễn liệu có thể trẻ trung hay gàn dở, cực đoan khi làm việc dưới trướng vua Tự Đức người ngẩn một mẩu, uyên thâm và khe khắt? Đã làm ở Quốc Sử quán là khó độc lập lắm, dù đâu như, ở đâu đó, đã có cái quy tắc là nhà vua không được bước chân vào Quốc Sử quán, cũng tức là không được bắt bẻ, sửa sang những gì bọn sử gia chép. Đã chả có một câu chuyện nhà họ có ba anh em, người đầu bị chém vì viết trái ý bậc chí tôn, người thứ hai vẫn bất tuân, đến người thứ ba thì... đó sao?

Như ông, khi thành lập Viện, đã được ngay bài học về tính tổ chức. Số đầu tiên của “Khoa học lịch sử” ra tháng 3 năm 1959 bị đình lại. Cái tên tập san do ông chọn đổi thành “Nghiên cứu lịch sử”, số đầu tiên chính thức ra với một vài thay đổi về bài vở. Liệu sôi lên nhưng đành chịu. Tổng Bí thư quyết cơ mà. Dù sao thì việc điều hành tập san chủ yếu vẫn ở nơi ông. Ngoài những nội dung chính chẳng còn gì phải bàn, nó vẫn tải được những bài “chông chênh tí chút”, như nhắc đến vai trò Nguyễn Hữu Thu, Bạch Thái Bưởi, hai nhà tư sản kỹ nghệ. Đối với Nguyễn Văn Vĩnh, Trương Vĩnh Ký, thái độ của tập san không phải là số toẹt tất cả. Làm cho Tây nhưng báo họ vẫn đăng những bài có ý tứ cách mạng đấy thôi. Nhưng Liệu không thể “thể tất” cho Trần Trọng Kim; không phê thẳng Tây thì còn ra cái gì...

Thông sử là một trong bốn bộ sách lớn mà lãnh đạo đất nước muốn làm ngay khi hòa bình trở về, cùng với *Bách khoa thư*, *Từ điển tiếng Việt* và *Lịch sử văn học Việt Nam*. Nó sẽ là chuẩn mực về sử liệu, quan điểm cho những nghiên cứu khác dựa vào. Vị “*Tổng tài Quốc Sử quán*” của chính thể cộng hòa đầu tiên đã không ít lần lên cơn huyết áp vì công trình này. Ngay từ khi thành lập cơ quan nghiên cứu trong chiến tranh, Liệu đã nghĩ tới nó. Bây giờ, cấp trên chính thức giao nhiệm vụ biên soạn đề cương. Bản trình lên không được thông qua. Công trình qua tay một chủ biên khác, với nhóm cộng sự khác. Đó là mối bề bàng lớn?

May là trước, giữa và sau những cơn lên máu ngày càng mau, Liệu làm được nhiều việc. Lóp trẻ cậy vào ông và chính ông phải dựa vào họ.

“Lịch sử tám mươi năm chống Pháp” có những phản hồi tích cực trong giới. Người ta cảm nhận được trong đó tâm hồn dân tộc, sự từng trải của người viết . Và cũng không ít “giá mà” với “nếu như”... Cái câu “Lịch sử phải luôn luôn được viết lại” của Ăngghen hẳn chưa phải gần gũi với Liệu. Nhưng cái điều “lịch sử phải công bằng, sòng phẳng” thì ông đã thể hiện ra được.

TRỞ LẠI VỚI THƠ

Đứng đầu cơ quan “Quốc Sử quán” của chế độ, có nghĩa là phải tấp nập với trước thuật. Viết những cái của riêng mình, đọc và nhận xét của anh em, đồng sự, chú ý đến đám trẻ... , đó là những công việc Liệu phải làm hàng ngày, thường là có ý thức, nhưng đôi khi là vô ý thức. Chẳng hạn buổi tối đi dạo thấy Chương Thâu, một sinh viên mới ra trường đọc sách dưới ánh đèn đường tù mù, vàng vọt ông gần giọng đùa: “Cái thằng đồ Nghệ... Cái thằng đồ Nghệ...”, lửng lơ, chẳng ra khen chẳng ra nhận xét. Nhưng Chương Thâu thì nhớ, cho đến khi đã trở thành nhà nghiên cứu sử cận đại, “sở hữu” bao điều về Phan Bội Châu.

Những mối quan tâm khác: Lê Văn Lan, Nguyễn Linh hai nghiên cứu viên trẻ của Viện Sử học gặp tai nạn nghề nghiệp... Nằm trong tù, chắc chắn phải khổ sở thiếu thốn lắm , Lê Văn Lan thêu trên miếng vải bông hoa xòe cánh, mấy chữ kính biểu bác Trần Huy Liệu, viền nó lại bằng những đường hoa văn rồi gửi “chiếc khăn tay” ra ngoài. Ngẫm nghĩ về tay nghề thêu ren đang lên của cậu nhân viên trẻ, Liệu thấy phát phìền. Lại đi tới đi lui, đến những địa chỉ này nọ xin bảo lãnh. Hai người được trở lại đời tự do, nhưng Linh bỏ nghề sử, đi rất xa về phía Nam sống, còn Lan vẫn theo đuổi cái nghiệp ngấm ngấm chế độ phong kiến Việt Nam. Sang đến thế kỷ XXI, hình ảnh giáo sư Lê Văn Lan ngoại bảy mươi đầu xanh đen “bồng bênh lãng tử” còn rất quen thuộc với người xem truyền hình.

Là người đứng đầu Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Liệu rất muốn xây dựng một mạng lưới nghiên cứu, sưu tầm, chỉnh lý ở địa phương. Đi đến đâu, làm việc với cấp tỉnh xong, ông cũng cố gắng để thời giờ gặp gỡ những người có xu hướng đó. Nhiều khi chỉ là mười lăm phút giữa hai cuộc họp, Có lúc xin phép người lãnh đạo kéo họ vào bàn ăn. Địa phương yêu cầu nói chuyện là ông nhận lời, cả những lúc rất mệt. Trước mặt là những thầy cô giáo, nhân viên tuyên huấn, cán bộ văn hóa, ông phải gieo vào họ tình yêu lịch sử, lòng tự hào dân tộc Những “hạt” sẽ rơi xuống, có cái “điếc”, nhưng thế nào cũng có cái nảy mầm, cho hoa trái sau này. Muốn “mùa màng” đảm bảo, phải có một tổ chức tập hợp họ. Những Hội Khoa học Lịch sử địa phương ra đời, Liệu chẳng thấy tiếc công sức để lập những “ngôi đền nhỏ” như thế ở tỉnh.

Nhưng chả được toàn ý. Ông lại phải ngồi rất nhiều “ghế”. Làm Thường trực Quốc hội, Phó ban nghiên cứu lịch sử Đảng, bên Mặt trận Tổ quốc... , đi giảng, nói chuyện liên miên. Được cái Liệu ngủ tốt, và biết phân phối thời giờ. Giữa hai cuộc họp, ông hí hoáy vài nhận xét vào sổ tay, trao đổi với tác giả có cách nhìn khác - những người làm ông thấy mình mới ra, như được trẻ

lại. Đọc sách khi trên đang quán triệt cũng là một “thói hư” của Liệu, nhưng quả tình chả phải bao giờ ông cũng háo hức với những điều đáng phải nghe. Ông đã có quá nhiều cái nhìn riêng rồi mà... Những lời, những chữ cứ bay lượn trong thình không hội trường, đáp xuống đầu đó quanh con người biết mình đã qua tuổi tráng niên, chạm vào vai, sượt qua mái tóc đốm bạc, rồi lả tả rơi xuống nền nhà...

Là Chủ tịch hội Việt - Trung hữu nghị, Liệu lại có cái nhìn khá xét nét về quan hệ đôi bên. Lần đi Trung Quốc, dự tiệc, Ngoại trưởng bên ấy là Trần Nghị ngồi cạnh ông hỏi nhỏ: “Các đồng chí Việt Nam có sợ chúng tôi không?”. Câu trả lời ra rất nhanh: “Các đồng chí cứ nhìn lại lịch sử”. Thân thiết với nhiều cán bộ “xét lại” trong Đảng, Liệu có bao nhiêu “thế” phải giữ gìn, nhất là từ khi Vũ Đình Huỳnh, Bùi Công Trùng “đi vắng”. Ông thấy chả được tự do khi nói, nhất là khi viết, đôi khi như có người giám sát. Mà ông có nhu cầu mơ mộng, ra lời những điều mình nghĩ. Thế thì chỉ có thơ, dù thơ chả phải cứu cánh lúc này.

Liệu làm thơ trở lại. Không hồn nhiên, thơ thối như xưa, bao điều không thể nói ra, nhưng những gì đã nói đều có thật trong tâm hồn ông. Làm sao ông có thể làm khác. Ông chỉ có thể “học ra thơ” kia mà. Thật ra thì nó đến cũng tự nhiên, chả phải thần hứng gì, vì trước hết ông là một người yêu nước những sự kiện, thắng lợi trong cuộc chiến đấu giành thống nhất cho dân tộc hay một thắng lợi về xây dựng ở miền Bắc đều làm ông nức lòng. Và là một con người có trách nhiệm, ông cũng chả muốn trút vào thơ những phiền muộn, canh cánh. Liệu ý thức điều đó.

Có điều, thơ thường ra khi ông không ở nhà. Giữa đất trời tự do, thiên nhiên thơ thối, xa cách những ràng buộc hành chính, ông thấy mình hồn nhiên hơn. Mộc Châu, Cúc Phương, sông Đa-nuýp ở Slovack, núi Kim Cương ở Bắc Triều Tiên đem lại những lai láng để ra thơ.

Nhưng ông thấy mình đã cứng lại. Lập ý tức là ra người già mất rồi còn gì. Những câu không đến nổi vô hồn nhưng nhạt nhẽo hơn rất nhiều cái đoạn *Ơ kìa cô gái sông Đen, non cao rùng rợn thăm con thuyền đợi ai* còn trẻ. Thời gian khắc nghiệt thật, đã cho ông nhiều thứ, nhưng lại lấy đi sự nồng nàn, những cảm hứng “vô mục đích”. Và ngược lên giai đoạn thanh niên, sao mà Liệu có thể sôi sùng sục, nhiều nhiệt huyết tới liều lĩnh đến thế.

Thơ Trần Huy Liệu ở giai đoạn “trọng trách bề bề” rõ là đã không còn nhiều cái riêng như trước. Thời tù đầy, ông còn có thể cười khúc khích trước một quan sát hóm hỉnh. Giờ thì không thể nữa. Thơ là sự thách đố lớn nhất. Khi đã trưởng thành, con người ta thường khôn ra, tỉnh táo, lịch lãm hơn, nhưng tiếc chừng nào cái chú bé ngơ ngác, đại khờ của một thời. Chả phải trong tiếng Pháp, tính từ *prosaïque* - văn xuôi - còn một nghĩa khác là “tầm thường” đấy ư. Có nghĩa thơ mới khó nhất, là tột đỉnh.

Trần Huy Liệu có ý thức ra điều ấy không, chả biết được. Nhưng chắc chắn ông biết mình

không làm thơ như một thi sĩ thuần túy. Ông là nhà tuyên truyền, làm lắm khi là để phục vụ. Đôi khi ông nói chí, dù chẳng khoái lắm cái quan niệm “thi dĩ ngôn chí” của nhà Nho. Nhưng ông đã nghĩ về thơ như nó phải là.

Liệu nhận được bản thảo tập “Thơ Sóng Hồng” của Trường Chinh, đang giữ những trọng trách lớn. Là người nghiêm cẩn, “đánh dấu chấm trên chữ l”, ông quan tâm, đồng thời có trách nhiệm lãnh đạo khối tư tưởng, khoa học xã hội. Sau những mệt thiết thời lao lung, đến hòa bình, Liệu đụng nhiều “ca” với Trường Chinh. Nhưng thơ lại khác. Nó chẳng phải chính trị, học thuật, quan điểm nói ra có khắ nhau cũng đỡ đụng chạm hơn. Vả chẳng, Liệu quen rồi cái thói “không nói ra thì thôi, đã nói thì đúng điều mình nghĩ”. Dầu sao giữa hai người còn rất nhiều liên hệ chung, bên tâm trạng xa lánh vẫn còn sự nể trọng. Liệu đọc kỹ tập bản thảo “Thơ Sóng Hồng”, cẩn thận đánh dấu, rồi trả lời.

Anh Trường Chinh

Hôm nay chủ nhật, tôi mới có thì giờ và cũng rất hào hứng ghi một số ý kiến sau khi đọc tập thơ của Sóng Hồng.

Như đã nói chuyện với anh tôi đọc tập thơ này, nói chung, thấy thích; nhưng tiếc rằng không có bài nào đọc thích từng câu, từng chữ từ đầu chí cuối mà nhà nho gọi là “toàn bích”, vì rải rác nó cứ vấp phải những câu, những chữ kém thi vị. Anh đã nghe nhiều dư luận về tập thơ này chưa? Có thể có hai thiên hướng. Một cho rằng, anh có làm thơ thì cũng là “chiến sĩ làm thơ” thôi. Một số đồng khác nghe nói anh làm thơ, thì ngạc nhiên nên tìm để đọc và vì biết tác giả trên mọi chung diện khác nên sẵn sàng khen hay. Cháu Kính, con dâu tôi cũng vào loại ấy. Tôi còn nhớ trong một số báo tết của báo Tin tức bị cấm năm trước, có mấy bài thơ của Trần Đình Long ([\[1\]](#)), tôi bằng lòng đăng nhưng vẫn cười rằng thơ theo kiểu “dùi đục chấm mắm cáy”, còn anh thì vừa đọc vừa gật gù khen hay. Tôi và Trần Đình Long cùng nháy nhau cười khúc khích...

Trở lại tập thơ đầu lòng của anh mới ra đời. Bài Cùng bạn đọc tôi không thích lắm vì nó có giọng chiến sĩ hơn là thi sĩ. Trước khi đọc, tôi cũng mang cái chủ quan là anh mạnh về ý chí mà nghèo về tình cảm nên làm thơ sẽ không hay. Nhưng đọc rồi thì thấy anh quả có một tâm hồn thơ. Một bài mà tôi thích nhất có lẽ là bài Nhớ bạn làm Nam Định mùa xuân 1927, vì nó thanh thoát, nhẹ nhàng, dạt dào tình cảm. Đọc bài ở căn cứ địa Việt Bắc, những câu trên nói lên được ý chí, khí phách, tình cảm rất thích, nhưng vấp phải câu: “Trường kỳ kháng chiến gian nan / Con đường cứu nước cứu dân sáng ngời” thì tôi bị cụt hứng. Bài Đi họp cũng có nhiều câu thú vị, nhưng thỉnh thoảng có những chữ kém vị, như “xuống đèo vừa mới tối”, và “thấp thoáng ở sườn non”? Hai chữ mới và ở nếu được đổi bằng chữ khác thì thú hơn. Bài Thư nhà, hai câu “Quê ta cải cách xong rồi đó / Tiền tuyến anh nên gắng lập công thì thật là lời nói chớ không phải là lời thơ. Trái lại, hai câu cuối cùng thì rất mộc mạc, rất nông dân và cũng không kém thi vị “diệt xong

quân địch (sao không đề là quân giặc) về thăm vợ/ thăm ruộng, thăm làng, thăm bãi dâu”. Bài Đọc đường số 5 cũng là một bài hay và không có một “hạt sạn” nào làm mất thi vị. Bài ở Mạc Tư Khoa ra về làm năm 1960, tại sao không có một ý gì nhắc đến cuộc đấu tranh thống nhất Tổ quốc của ta và nhắc đến như nhân dân An-giê-ri anh dũng mà không nhắc đến cuộc trường kỳ không chiến còn nóng hổi của ta. Bài Gửi qua Bến Hải cũng như Thăm In-đô-nê-xi-a có những câu chưa hả lắm, nhưng cũng là những bài chứa nhiều thi vị. Bài Từ trên núi cao nhìn xuống Vĩnh Phúc, bên những câu rất thiết thực nhưng không kém thi vị, già dặn như “Mong sao biển được chí căm thù, thành lúa, thành ngô, mùa bội thu, thành mức chỉ tiêu, giờ cứu nước, thành đôi cánh mới vút trong mơ” và “ngồi đỏ reo lên đời sống mới, cây rợp bên đường thôn Lạc Trung” - thì lại có không ít những câu chẳng thơ chút nào, như “Đường lối trung ương đã thấm rồi; then chốt thành công cần nắm vững, ăn thua phát động sức muôn người”, hay “Phù Lập làm phân thật khác thường, Phụng Trù thủy lợi đáng nêu gương. Chăn nuôi tập thể Hòa Loan giỏi”, hay “mong sao luyện tập cả ngày đêm, giặc đến là ta chặt cổ liền. Thuốc súng có khô(?) cây mới vững, sẵn sàng mọi mặt, phóng tâm thêm”, hay “Chiến đấu lại càng hăng sản xuất, quyết tăng tiềm lực diệt Giôn-sơn”, hay “Bến Tre xứng đáng với thành đồng, ta gắng thi đua kéo phụ lòng, và “anh hùng Vĩnh Phúc về ra mắt”. Trong bài này anh có câu “Mong sao kỹ thuật thắng nhân tuần”, không hiểu anh dùng chữ nhân tuần theo nghĩa nào? Theo chữ nho thì nhân tuần là quen theo nếp cũ, lần chần, rề rà, lề mề... Bài Ngọn lửa Mô-ri-sơn kém gợi cảm vì chất thơ ít. Những câu như “vì cuộc đấu tranh tiêu cực của anh, đang truyền phần nộ cho quần chúng nhân dân”, hay “đang thúc giục những ai có lương tri, phải bóp đầu suy nghĩ để tự trả lời... rồi ai nấy sẽ tìm ra câu trả lời đúng nhất”. Cố nhiên không phải là thơ. Bài Diệt phát xít là một bài diễn thuyết trước quần chúng hơn là một bài thơ. Những câu “ Cứu cho nhau khỏi nô lệ đã man thời trung cổ, rồi tiến lên vác búa đập cho tan - Dân Việt Nam ơi! Dân Việt Nam ơi! - Thống nhất để tiêu trừ quân Pháp, Nhật... Chúng ta phải tham gia cùng chiến đấu... Gương anh hùng sáng rực cả non sông” có thể dùng làm bài văn vắn tuyên truyền cho người ta dễ thuộc lòng. Cuối cùng là bài Quyết thắng, đọc cái tên của nó cũng có thể biết nội dung của nó. Nhưng có mấy câu về ý nghĩa, tôi thấy trong chỗ lực lượng đối sách giữa ta và địch, ta ngày càng mạnh hơn thì đây chưa phải đã là một quy luật nhất định. Và, câu “Sức triệu người là sức mạnh vô song” tôi e người ta đọc chữ triệu sẽ có ấn tượng là con số thì không đúng.

Trong những bài thơ trong tập, nếu đem ra đọc ngâm nga thì tôi thích bài Đi. Vì nó có nhiều ý thơ lại theo thể thơ Đường bốn câu. Những câu “Xao xuyên lòng anh bao ý thơ, muốn bắt quang âm ngừng lại chút, cho thêm nồng thắm những ngày xanh, lòng ta man mác, gió bay bay, câu chuyện tâm tình lẫn nước mây” thật là đẹp!

Bên những ý bạo, lời mới, tác giả cũng còn những ý những câu của một thời đương qua. Vì

dụ: “Cho bùng lửa hận, biết tay anh hùng” trong bài Lấy củi, Hãy tạm ngừng gót hải hồ” trong bài Xuân đã về. Đọc những bài này, tôi nhớ lại những bài xướng - họa của Thu Tâm-Hải Khách ([\[ii\]](#)) trong những năm 1933 - 1938. Nhất là câu “Buổi ấy ra đi chí khí hùng ” trong bài Buổi ấy, tôi gọi nhớ lại những liệt sĩ U, Yên trong thời Xuân Thu chiến quốc!

Tôi muốn viết dài hơn nữa nhưng mấy hôm nay huyết áp hơi cao phải dừng lại. Nói tóm lại, tập thơ của anh đã nói lên được những Tiếng lòng của anh bên những tiếng đàn thép mà mọi người quen nghe. Chắc anh cũng cảm thấy vui và cũng muốn biết các bạn đọc thơ mình có ý kiến gì. Tôi đã làm cái việc mà tôi muốn làm. Anh ạ, tôi thì tôi muốn rằng các đồng chí của ta mỗi người mỗi việc, nhưng ai cũng phải biết thưởng thơ và nếu có thể được thì làm thơ cho tâm hơn được thư sướng hơn, đời sống mạnh mẽ và đậm đà hơn, có thể nói là yêu đời hơn.

Thân ái

Trần Huy Liệu

Tập “Thơ Sóng Hồng” ra đời với số bản in lớn, có bài được đưa vào sách giáo khoa. Báo chí khen. Các nhà phê bình nhấn mạnh mặt nội dung tư tưởng, một điểm mạnh của nhà thơ cách mạng. Tức là khác nhiều so với những nhận xét của Trần Huy Liệu. Ông có cứng quá, “gồng” mình lên để được tiếng dũng cảm trước lãnh tụ không? Hẳn là Liệu chẳng phải làm ra thế. Đơn giản là khi đối diện với thơ, ông thấy mọi người đều bình đẳng, ý kiến cá nhân là quan trọng nhất chứ không phải ý thức chấp hành kỷ luật. Thái độ tôn trọng, thành thật đó ra lối giữa hai người bạn cũ, được Trường Chinh trả lời bằng bức thư cũng rất tôn trọng.

Hà Nội

28-10-1966

Anh Liệu, cảm ơn anh đã cho những nhận xét về Thơ Sóng Hồng và đã nhặt cho một số hạt sạn trong tập thơ đó.

Lúc nào hứng lên mà có thì giờ hoặc cách mạng yêu cầu thì tôi làm thơ. Cũng ít có thì giờ suy nghĩ, chọn lọc hình tượng và mài giũa về lời thơ. Cho nên có nhiều hạt sạn trong thơ của tôi, đó là điều tất nhiên. Sau này nếu còn làm thơ tôi sẽ chú ý những ý kiến của anh để tránh những cái mà trong thơ không nên có, tránh một cách tương đối thôi, vì dù sao giọng văn lý luận, văn chính luận của tôi cũng đã in ít nhiều dấu vết trong thơ tôi, và chủ quan mình quen đi rồi, cho nên tự mình cũng khó phát hiện những chỗ “ít chất thơ” của mình.

Có một cách là đưa các anh em nhà thơ xem giúp và góp ý kiến. Nhưng sợ phiền các anh thôi, trong thư anh có vài điểm nhỏ tôi cần giải thích:

- Trong câu “Thuốc súng có khô cày mới vững” (bài Từ trên núi cao nhìn xuống Vĩnh Phúc), anh đánh một dấu hỏi sau chữ khô. Đây là tôi dùng cách nói Âu Tây. Nhân dân các nước Âu Tây thường nói “giữ thuốc súng cho khô” (tenir la poudre seche) nghĩa là phải luôn luôn cảnh giác.

- Trong câu “Mong sao kỹ thuật thắng nhân tuần”, chữ “nhân tuần” đây là theo nếp cũ, lễ thói cũ kỹ, bảo thủ, lạc hậu, chữ Pháp là routine, ý tôi muốn nói cần mạnh dạn làm kỹ thuật, đừng bảo thủ.

Thường nhận xét về thơ (hoặc một thể loại nào đó) người ta nhận xét về tính tư tưởng và tính nghệ thuật. Nếu anh có thì giờ góp thêm cho về mặt nội dung tư tưởng nữa thì tốt.

Thân ái

Thận

Trường Chinh

<1 width="33%">

[\[i\]](#) Trần Đình Long: Thành viên nhóm “Tin tức”, tờ báo Cộng sản giai đoạn 1936-1939.

[\[ii\]](#) Thu Tâm: Tức Phạm Thị Bách; **Hải** Khách: Một bút danh của Trần Huy Liệu.

- 25 -: CẢO XƯA GIỜ LẠI

Có câu “Văn là người”. Thế “Sử là người” thì liệu có đúng? Tức là cái cách nghiên cứu của một người nó “tố cáo” rất hùng hồn sở đoản, sở trường, tính cách, thậm chí nhân cách của anh. Như có người bảo đang chiến tranh phải đưa ra luận điểm Việt Nam là một trong những cái nôi của loài người. Một người khác phán Tây Sơn có công thống nhất đất nước.

Liệu không đồng ý. Đây là lối “cưỡng hiếp lịch sử”: điều bên văn người ta có thể làm nhờ cái quyền hư cấu. Nhà Nguyễn bán nước cho thực dân thật, nhưng chính họ mới là người mở mang bờ cõi đến chót cùng phía Nam chứ. Không đồng ý, nhưng cũng chỉ nói ra hờ hờ. Đằng sau lịch sử luôn luôn là nhu cầu phục vụ cách mạng. Sử hiện đại phải đáp ứng nhu cầu đó nhiều nhất, có nghĩa là nhà nghiên cứu ăn lương khó độc lập hơn...

Như Liệu, ông thấy mình mạnh nhất trong sử cận đại, “bơi lội” trong đó như con cá trong nước. Đọc “Dự thảo cách mạng cận đại Việt Nam” ông viết trong kháng chiến chống Pháp, một nhà sử học Liên Xô nêu vấn đề “sao chả thấy ghi xuất xứ tư liệu gì?”. Nghĩa là ngờ ngợ rồi. Tư liệu như không khí cho con chim vỗ cánh, “kéo” đến 800 trang mà chả ghi xuất xứ thì những sự kiện liệu có đáng tin và do đó, sự phán xét liệu có còn ý nghĩa...

“Xuất xứ trong đầu tôi đây này”, ông cười cười khi nghe người khác nói lại nghi vấn được bày tỏ thật lịch thiệp đó của đồng nghiệp Liên Xô. Nhưng không thể giải thích với tất cả những ai đã đọc sách ông và cũng nghi ngờ chính đáng như thế, nên chi, ông phải ghi nó ra thành chữ: “Do điều kiện và hoàn cảnh, tôi sống ngay trong lịch sử (cận đại) chứ không “tiếp xúc” với tư liệu”. Quả là Việt Nam Quốc dân đảng, đảng Thanh niên, các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh..., ông đều đã trải cả rồi cơ mà. Trải và ghi lại hết, nhưng đã mất ráo, giờ thì cậy vào trí nhớ và “xin chịu trách nhiệm” vậy.

Cổ sử là địa hạt Liệu “bơi” cũng được, tuy chả thoải mái như sử cận đại. Tư liệu không dồi dào lắm, và ông đâu có “sống” trong đó. Tốt nhất là nắm lấy từng thời điểm, nhân vật, sự kiện tiêu biểu mà mổ xẻ, Liệu làm thế với Nguyễn Trãi, Hồ Quý Ly... Nhưng sang đến sử hiện đại thì gặp khó rồi.

Phải dùng lý trí rất nhiều. Quá nhiều. Khoa học tất nhiên phải lý trí, nhưng dùng nó để gò luận điểm cho phù hợp sự chỉ đạo, hay nói chung chung để tránh sự đánh giá khác nhau của các vị, thì quá mệt, không làm còn hơn. Bản thân ông, cuộc đời “vắt” từ các trào lưu dân tộc sang cộng sản, luôn luôn có cách cảm nhận riêng biệt. Ghét Phạm Quỳnh, Trần Trọng Kim, ông

không thể phủ nhận những đóng góp của họ vào văn hóa, vai trò của tạp chí *Nam Phong* thời Nho tàn Tây học. Thời thế tạo ra con người, kể ra cũng mâu thuẫn thật. Và Liệu, khi nhìn vào những “khối”, những “búi” mâu thuẫn ấy, cố gắng không giữ những định kiến. Gặp gỡ, trò chuyện, nghe chuyên đề... , cái gì cũng đem lại một cái gì mới, khiến ông trẻ ra.

Hòa bình mới có ít năm, nhiều “nổi”, “nhẽ” đã thay đổi nhanh quá, mà không phải nổi nhẽ nào cũng lấy làm hay ho được. Xung quanh ông, thói quan liêu thư lại như cái màng nhầy ngăn cản sự thân tình. Những người vừa lợi tuổi leo dốc trong kháng chiến với nhau bỗng ăn nói mập mờ, như “văn sách”, ngồi cả buổi chả rõ ý tứ ra làm sao.

Dưới cái vỏ “ý thức tổ chức”, lắm anh cố xóa bản ngã để tổ lập trường. Tác dụng của những cuộc kiểm thảo, chỉnh huấn, cải cách dần dần hé ra khía cạnh tiêu cực. Trong chỗ đồng chí, chả nhẽ phải tiêu diệt cá nhân đi ư? Không được bộc lộ thì cái cá nhân vẫn còn đấy chứ chả chạy đi đâu cả, nguy nhất là khi con người nguy trang nó lại. Nhiều lúc “nói to” ra một nhận xét, Liệu chợt nhận thấy người xung quanh không hiểu. “Không hiểu” thật hay làm ra bộ thế? Tình hình càng chật chội, nóng bức hơn khi cuộc đấu tranh trong phe xã hội chủ nghĩa giữa hai lập trường “xét lại” và “giáo điều” nóng ran lên, trong Đảng có những động tác tổ chức để điều chỉnh. Khối tư tưởng, trí thức bắt đầu ảnh hưởng, mà điều đó không thể không ảnh hưởng đến học thuật, thậm chí là sự ăn nói, sinh hoạt thường ngày. May là Liệu đã có một “khoảng gián cách” - dù là nhỏ nhoi - với cuộc đấu tranh trên kia.

Càng ngày Liệu càng thấm thía ý nghĩa cuộc tổng chỉnh huấn cán bộ mùa đông 1952 rét buốt.

Không có nó, ông đã không tìm được động lực mới cho cuộc đời mình. Từ một cán bộ u uất vì bị gạt khỏi quyền lực thực sự, ông được chuyển sang đèn sách, cái địa hạt hằng mơ từ hồi còn trẻ. Cuộc sống từ chỗ sôi động, luôn luôn giao tiếp sang thẳm lặng, đánh vật với con chữ, hoang mang hay hồ hởi trước trang giấy trắng mênh mông có cái hay. Những thử thách đến từ chỗ người ta chẳng thể ngờ. Chẳng hạn, ở cương vị anh đảng viên trong Thường trực Quốc hội, Liệu nói năng, quan hệ gì cũng theo một cái “khung” rồi, sẵn thế cứ thế mà xử. Nhưng làm Viện trưởng Viện Sử mà không tường một chút Thị lang trong thời phong kiến nó ra thế nào là không được. Kiến thức, phương pháp, cách kiến giải... tự mình mình phải lo, thúng chỗ nào vá chỗ ấy, học lại từ những mẫu mắt rất nhỏ. Khi đã làm một nhà sử học chuyên nghiệp, Liệu phát phiền vì còn phải kiêm nhiệm nhiều việc quá. Kèm theo những “ghề” ấy là bao nhiệm vụ, mình là đảng viên không thể thoái thác, không thể làm khác. Thật khó phân biệt giữa ý thức tổ chức,

chấp hành kỷ luật, sự phân công của trên với thói thư lại hèn dõn, những toan tính chen chúc. Trong trật tự quan trường, Liệu thấy chật chội, khó xử bao nhiêu thì khi đối diện với học thuật, ông được thoáng đãng, khoáng đạt bấy nhiêu. Trước trang giấy, con chữ, có khi ông chỉ là hạt cát nhưng được đúng là mình, không phải phân thân ra trong trùng trùng khuôn khổ. Đấy, cái sự đăng đàn giảng giải, được cả trăm người lắng nghe, ghi chép, liệu có đáng so với nổi thú vị hay hoang mang khi bắt đầu một chuyên đề nghiên cứu không? Đúng tên chuyên đề đó, ông phải tự chịu trách nhiệm, chả đoàn thể nào hộ được; cái tư cách cá nhân lúc này lớn lao biết nhường nào.

Mình bơi lội trong chính mình, cái biển mình nó mênh mông bao nhiêu...

Nhiều năm sau khi Trần Huy Liệu mất, có những điều người trong giới đem ra tranh luận với nhau về ông. Người anh cả, sáng lập ngành sử cách mạng, thì đã đành rồi, ai cũng nhất trí. Nhưng ông có tìm tòi gì về các quy luật của lịch sử không, hay chỉ là người tích lũy được tư liệu, “may mắn” ở tù, gặp gỡ nhiều chứng nhân mà nghe lắm chuyện rồi kể lại? Rất không dễ trả lời, tuy chỗ mạnh, chỗ yếu của Liệu đều “lên” khá rõ.

Văn Tạo, chàng thanh niên lên ban Sử - Địa - Văn mới thành lập trong kháng chiến chống Pháp, sau này là giáo sư Viện trưởng Viện Sử học, lý giải một phần vấn đề trong một cuộc nói chuyện ở Nam Định: “Tôi phải chứng minh ông rất muốn tìm những vấn đề, những quy luật, còn đến đâu thì ta phải đánh giá. Có 12 chỗ trước đây chúng tôi đã đặt ra: Dân tộc Việt Nam hình thành từ bao giờ, có chế độ chiếm hữu nô lệ không? Những tư liệu không thành văn có thuộc về lịch sử không? Phan Chu Trinh phản phong nhưng có phản đế? Lưu Vĩnh Phúc là gián điệp hay tiêu biểu cho tình hữu nghị Việt - Hoa? Nguyễn Trường Tộ là kẻ bán nước, chui từ tay áo cổ đạo ra hay là nhà cải cách? Đó là những vấn đề phải tranh luận. Trần Huy Liệu đã đi vào, đi sâu, không “chuồn chuồn đạp nước”. Nhà sử học Liên Xô Gu-be cho là khi có chủ nghĩa tư bản dân tộc thì dân tộc Việt Nam mới hình thành. Ông Liệu bảo là dân tộc Việt Nam hình thành từ thế kỷ XVIII, đến thế kỷ XX mới thực sự hình thành, nghĩa là có quan điểm rõ ràng trong tranh luận, đúng bảo đúng, sai bảo sai. Tôi kể thế để bổ sung nhận thức ông là nhà sử học với đúng nghĩa của nó, chứ không phải là nhà sử ký. Sử ký là “chép”, chưa phải khoa học lịch sử”...

Liệu giữ một giáo trình nhỏ ở Đại học Tổng hợp, thấy rất thích mấy cán bộ giảng dạy trẻ ở đó: “Lâm - Lê - Tấn - Vượng” bên khoa Sử, còn khoa Văn có “Khánh - Mai - Cẩn - Kỳ”. Gọi “trẻ” là so với ông, chứ họ đều đã ngoài ba mươi, cái tuổi ít nhiều đã chín.

Trần Quốc Vượng tài hoa, giàu sức liên tưởng tuy không chắc chắn lắm. Phan Huy Lê sắc

sảo, chín chắn. Sâu sắc là Hà Văn Tấn, xứng đáng là nhà nghiên cứu nhất. “Xuất phát” chưa lâu, nói chung họ còn hồn nhiên, có những kiến giải độc đáo, đúng sai còn phải bàn nhưng rất đáng nghe. Hôm trước, có dịp ngồi lâu với Trần Quốc Vượng, Liệu nghe thấy mấy chữ “xa rừng nhật biển”. Đây là nhận xét của Vượng về tính cách người Việt, đại loại mạnh tợn xó nhà, ra ngoài cứ khép lại. Cứ nhìn cái cách *anh ta* dịch chuyển trong mấy nghìn năm mà xem, từ mạn ngược đi về đồng bằng rồi ở lì đó, có dám vươn ra biển đâu. Chuyện thôn tính phía Nam là có thật, nhưng *anh ta* cũng từ chối bang giao với mấy thằng mắt xanh mũi lõ từ biển đi tàu đồng tàu sắt vào. *Anh ta* khinh rẻ chúng không biết đạo Thánh hiền nên cứ tụt hậu, để khổ cho hậu duệ... Vượng cứ thế mà triển khai, móc nối cái này với cái kia nghe rất khoái, lắm khi phải trợn cả mắt lên. Thảo nào trong đám học trò khoa Sử, đã mấy cậu bắt đầu có “khẩu khí Trần Quốc Vượng” lắm.

Liệu về nhà trong tâm trạng không muốn động đến việc. Trầm tư, bần thần trong những ý nghĩ. Đâu như đã có lúc mình động đến những thói tật, tất nhiên là tiêu cực - của người mình rồi thì phải. A! Hồi còn trẻ, thật phóng khoáng, mình đã viết nó ra, có khác là dưới dạng những nguyên nhân làm mất nước (chứ không phải trong công cuộc xây dựng, phát triển). Đây là “*Một bầu tâm sự*”, cuốn sách do Cường học thư xã ra ở Sài Gòn năm 1927.

Bị cấm truyền bá, phát mại và lưu trữ ở Trung Kỳ, nó lại làm Phạm Thị Bách, cô gái phố huyện Kim Thành, Hải Dương tâm phục, đem lòng yêu mến người viết. Liệu tiếc đứt ruột khi nhìn lên giá sách. Giá “*Một bầu tâm sự*” đang “đứng” đó, ông sẽ sẻ san được với Trần Quốc Vượng nữa...

Sau ngày Trần Huy Liệu mất ít lâu, Dương Kinh Quốc, một cán bộ nghiên cứu tìm thấy trong lưu trữ Thư viện Quốc gia Pháp cuốn sách trên, sang được một bản đem về. Giọng văn cổ, những trích dẫn đa phần trong sử ta hoặc sử Trung Hoa, nhưng cách nhìn khá mới. Trong chương một, “*Nguyên nhân mất nước (câu chuyện quá khứ)*”, Liệu đề cập đến những cơn có nội tại của người mình, nó khiến ngôi nhà dân tộc quá mỏng manh, thực dân vừa đụng đến đã đổ rụi.

Chính trị làm mất nước ta

Vua càng (được đề lên cao) quý bao nhiêu thì dân càng hèn bấy nhiêu..., gây nên cái chính trị đồi bại... Cái không khí áp chế chỗ nào cũng nặng nề khó chịu, xuống đến bậc dân thì không còn dân đạo dân quyền gì nữa.

Hai mươi mấy triệu người tôn một người lên, rồi bảo rằng phải trung với người ấy. Người ấy bảo sống được sống, người ấy bảo chết phải chết, người ấy bảo phải thì phải, người ấy bảo quấy thì quấy, ta không hiểu cái chữ “Trung” là thế nào vậy... Vì vậy mà ngôn luận không được tự do mà ý kiến bế tắc toàn dân trong nước chẳng khác gì một bầy trâu, chỉ biết ăn no vác nặng, rồi

tùy ở anh cầm cây bảo đi đâu thì đi thôi.

Văn học làm mất nước ta

... người Tàu bày ra lối thi cử nghiệp, để lựa lấy nhân tài ra hành chính. Người mình cũng bắt chước theo, gây nên cái tục lệ cho những sĩ phu trong nước, không phải học để làm người, mà chỉ học để làm quan..., chỉ còn lại một mớ từ chương, hư văn vô bổ... Đau đớn thay cái công phu ấy có phải học để nghiên cứu một cái khoa học gì, hay ôn nhuần một cái lý thuyết gì, hấp thụ một cái tư tưởng gì đâu, mà chỉ học thuộc lòng những cuốn sách và những bài vở người ta làm sẵn, chứa chất ở trong bụng, tới ngày thi thì nhả ra.

Luân lý làm mất nước ta

Trong đạo vua tôi có dạy rằng: bày tôi phải thờ vua lấy trung, cùng là, vua là cha mẹ của dân, vua sai bày tôi chết, bày tôi không chết không phải là trung. Luân lý dạy như thế, người trong nước tin theo như thế, gây nên cái chính thể chuyên chế..., gây cho quốc dân một lũ tôi tớ chỉ biết trung với vua... mà chôn mất bao người trung với nước.

... con thờ cha phải hiếu, đó là lẽ thường rồi. (Nhưng) Cái dân tộc đã mang một cái bệnh hèn nhát, lại nhiễm thêm cái chữ hiếu lầm lạc vào, gây nên cái tính khiếp nhược, còn mong chống chọi với đời được sao? Ngày nay ta thường tự phụ với các nước Âu Mỹ rằng: ta thua họ về đường vật chất, song hơn họ về đường luân lý, đạo đức. Song có biết đâu rằng cái luân lý đạo đức của mình nó đã táng bại lắm rồi.

Phong tục làm mất nước ta

... tục nước mình hay thiên trọng ở chốn hương thôn, quanh năm suốt tháng lẫn quẩn ở trong làng, chiếm được một chỗ ngồi nơi hương đảng đã lấy làm vinh dự, tranh nhau làm ông phó, ông xã, tranh nhau ăn trên, tranh nhau ngồi cao, chửi mắng, đánh đập, kiện tụng nhau... Cái câu “Hương đảng tiểu triều đình” cùng “Một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp” luôn luôn ở cửa miệng... Ngoài cái làng ra không còn biết đến nước nhà là gì thế giới là gì... Nếu ai có chí muốn vùng vẫy ra ngoài, thì tin vào cái câu tục ngữ “Sảy nhà ra thất nghiệp”, không dám bước đi tới đâu. Vậy nên trong nước không những không có người nào ra ngoại quốc học tập, làm ăn, mà ngay đến trong nước, mỗi tỉnh, mỗi xứ cũng coi như một thế giới riêng... Nếu có ai đi xa làm ăn không về thì nhieć là “thằng bỏ làng”, ai lập nên công danh phú quý ở ngoài thì cho là “y cấm dạ hành” (áo gấm đi đêm). Ấy cái phong tục của người mình như thế, còn mong đào tạo nên những hạng nhân vật cứng cáp, lịch duyệt để công pha, gánh vác cho nước nhà, cho xã hội được sao?

...

Tổng luận

Cứ như cái chính trị ấy, cái văn học ấy, cái luân lý ấy cái phong tục ấy thì mất nước có đến

trăm ngàn lần cũng đáng, há những một lần thôi ư?... Vậy mà ngày nay coi lại người mình thì hình như không biết cái bệnh của mình đã trầm trọng nguy nan...

Đọc lại những dòng này sau bốn chục năm, có khi Liệu cười khùng khục. Và rằng: “Kẻ tiểu sinh nào khí phách khá nhỉ. Ở tuổi tráng niên, nhà người hăng hái lắm. Nhưng sống đến tận ta, người liệu có thấy rằng cách mạng và chính trị rất khác nhau không?”.

TRÁNG SĨ MỘT ĐI...

Cái chết là sự kiện đặc biệt trong đời người. Có thể vô nghĩa, lại có thể vô vàn ý nghĩa, thì chả ai tránh nó được nào. Ở tuổi gần bảy mươi, Trần Huy Liệu hẳn phải nghĩ nhiều đến nó.

Một nhà văn “tổng kết” về ba cách chết thông thường. Một là từ từ, rất từ từ, ròng rã từ vài tháng đến cả chục năm, đông cứng từng bộ phận, trên thực tế là cái xác sống. Người thân rất mệt mỏi, đám tang sẽ ít nước mắt vì sự chuẩn bị đã quá kỹ.

Thứ nhì, cách thú vị nhất: là ốm trong một tuần, vợ con được tề tựu, chăm sóc, động viên, hy vọng rồi thất vọng. Sự ra đi sẽ mát mẻ, người ở lại an lòng vì đã không phụ người đi. Thứ ba, để lại nỗi tiếc, ân hận nhiều nhất: bỗng nhiên đứt phụt.

Ông chọn cách thứ ba, dở dang nhất, đặt người ở lại trước ngổn ngang ứng xử. Ai sẽ thay mặt cơ quan điều hành đám tang với muôn ngàn rắc rối?

Linh cữu quàn ở trụ sở Mặt trận Tổ quốc trên phố Tràng Thi, tức là nghiêng về tư cách dành cho nhân sĩ, trí thức. Bà Tý nhất định không cho bà Sửu xuất hiện ở đám tang. Điều văn phải đánh giá thế nào đây về con người đã từng trải qua những sự kiện rất lớn, sau này đố chứng đa sự?

Cơ quan tổ chức tang lễ là Ủy ban Khoa học xã hội và Viện Sử cứu rỗi bời. Ông giáo sư Phó chủ nhiệm Ủy ban đến bàn bạc với đôi bên gia đình. Bà Sửu thủ đi, chấp nhận đề nghị “không ra Tràng Thi, tránh một sự ồn ào rất có thể xảy ra để giữ gìn uy tín cho anh Liệu”. Cuối cùng mọi sự cũng xong. Nửa đêm, ông “gặp” lại người đàn bà đã làm trái tim mình loạn nhịp, đi đến những quyết định trái ý đoàn thể.

Tang lễ “tiến hành trọng thể” như báo chí đưa. Đằng sau là những chuyện không thể nói ra. Gia đình mỗi người mỗi tâm trạng. Trưởng ban tang lễ Hoàng Văn Hoan, được coi là “có lập trường thân Trung Quốc”, từ chối đọc diếu văn như lệ định. Thay mặt, lại là một người cũng chả xuôi chèo mát mái lắm với Liệu...

Trong cuộc đời sáu mươi tám năm, ít nhất Liệu đã bốn lần cảm thấy cái chết lạnh lẽo thế

nào. Chuyển đi biển thời thanh niên với cụ Bùi Trình Khiêm, cú ngã xuống hang yến ở Côn Đảo, rồi máy bay đuổi dưới chân đèo Kháng Nhật. Trước đó mấy năm, ông lại trải qua cái chết lâm sàng mấy ngày, để rồi khi qua khỏi, đã tự giấu mình không được giống người tráng sĩ chống kiếm một đi không trở lại như trong câu thơ cổ. Cứ sau mỗi lần như vậy ông lại dai nhanh nhách, nghĩa là thấy yêu cuộc đời đa mang đèo bòng nhiều, ưu tư và hăng hái hơn.

Liệu có thói quen ghi nhật ký đều đặn, nhất là từ năm 1946, khi cuộc sống không còn mấy nguy hiểm. Hơn hai chục quyển sổ nhỏ, đa phần giấy xấu, ghi chi chít những chuyến đi, nhận xét, dự cảm. Đến những ngày hòa bình, tưởng như “tha hồ quan sát bản thân” được, thì thói quen ấy lại thưa dần rồi mất hẳn. Tâm trạng ngổn ngang, khó “gọi ra” được hơn ư? Hay cảm giác bất ổn? Có lẽ là cả hai. Không khí của những năm sáu mươi thế kỷ trước khá nặng nề với nhiều “lão thành”... Trong một kiểm điểm cuối đời, ông tự nhận “hàng ngày càng hay cáu bực”, “trong cách mạng giải phóng toàn tâm toàn ý, sang đến cách mạng dân tộc dân chủ phải dùng đến lý trí nhiều”... Hai tuần sau khi mất, có chiếc xe con đến 16 Phan Huy Chú thu hết nhật ký, lai cảo, bản thảo của Liệu về xem xét, để hai năm sau trả lại.

Vẫn tự về cuộc sống riêng, có lẽ là duy nhất lúc cuối đời lại xuất hiện dưới dạng khá tạm bợ, trong một cuốn sổ, lẫn với những tư liệu khác. Di chúc của Liệu nói mình không có tài sản gì để lại ngoài sách vở, sau này muốn được để vào chỗ lưu niệm. Sau phần về *gia đình lớn*, ông nhắc đến vợ hai là Nguyễn Thị Hy tức Sửu, có hai con là Quang và Chiến, muốn họ được cùng dự lễ tang mình.

Mùa hè năm 1969 không nóng lắm, Liệu làm việc như có ma đuổi. Ông vẫn khỏe, chỉ thỉnh thoảng đau đầu, ít ngủ hơn. Không ít xung động ngoài bàn viết ảnh hưởng. 27 tháng 7, ngày Thương binh Liệt sĩ, ông chuẩn bị bài nói rồi đến cơ quan. Cần phải động viên những ai có thân nhân ngoài chiến trường, nhắc nhở mọi người đừng quên xương máu chiến sĩ. Nhưng đó lại là một đề tài quá nhạy cảm. Bản thân ông có ba con trai đang tại ngũ, người con rể bác sĩ quân y vừa hy sinh, quá đủ cho một cơn kịch phát.

Đang nói người cứ ngã dần ra. Đưa vào viện đến đêm hôm sau thì tắt hẳn không trỗi lại một lời.

Đêm rằm tháng sáu của năm Kỷ Dậu đã chấm dứt cuộc đời sáu mươi tám năm “con người của thế kỷ” như ông tự đùa.

Gọi Liệu là “con người của thế kỷ” hẳn là không chính xác. Nhưng ông đã sống quá nhiều, trải qua những sự kiện, gặp gỡ những nhân vật chủ yếu cùng thời. Thế kỷ XX quá nhiều dòng chảy, lắm biến động, đứng ở thời điểm này, vị trí này nhìn một con người, một sự kiện sẽ thấy những đánh giá hết sức khác nhau, đôi khi mâu thuẫn. Nhưng có thể hình dung cuộc đời Trần Huy Liệu một cách đơn giản thế này chẳng: giữa những “dòng”, “lạch” ấy, ông đã bơi quần

quật, xô từ “bờ” này sang “bờ” kia, có chỗ đổ tưởng là hợp, là yên ấm bỗng lại nóng ran, bất trắc, thế là lại tìm kiếm bến mới. Suốt đời lang thang giữa các chủ thuyết, ông đã thấy và chấp nhận những cái chỉ của riêng mình. Quần quật, nặng nợ, đơn giản là vì ông cứ sống hết mình. Nếu sống lại kiếp khác, chắc Liệu sẽ không chọn được một số phận thư nhàn hơn để “yên hưởng”.

- 26 -: VĨ THANH

Năm 1985, 17 năm sau ngày mất, Trần Huy Liệu lại được “lên chức”. Người ta quyết định cải mộ cho ông từ “nghĩa trang nhân dân” về Mai Dịch, chỗ yên nghỉ của những bậc “khai quốc”, các ủy viên Trung ương. Dường như đây là “sự nhìn nhận lại” với những gì ông đã làm và đã không làm.

Khu “Vĩnh viễn” của nghĩa trang Văn Điển khá lặng lẽ. Những người thân, bạn bè, đồng sự trao đổi nhỏ nhẹ, đi lại khẽ khàng. Chỉ có tiếng búa lợp cộp vào hòm áo. Sự ỷ nại ấy, ngoài ý nghĩa thông thường, còn vì lẽ hôm nay có mặt cả hai bà vợ người đã khuất. Thực ra, sự “cùng ra mắt” này đã được chuẩn bị từ trước: bà Tý đánh tiếng muốn gặp, bà Sửu chấp nhận ngay. Bao nhiêu nước chảy qua cầu rồi, còn gì nữa mà mặt nặng mày nhẹ. Còn ông, còn sự chia rẽ gây đau khổ. Mất ông, sự đơn côi cũng lại gây khổ đau. Tìm nhau, họ cứ như là tìm về ông.

Bộ cốt đã lấy lên đầy đủ, chải rửa sạch sẽ. Người cháu Trần Huy Nghiêm, đã gần sáu chục, cầm chiếc hoa cái Liệu, cất lời: “Mời hai bà rót nước gội đầu cho ông”.

Bà Tý cầm chiếc can đổ nước vang xuống chiếc sọ trong tay Nghiêm, rồi chuyển sang bà Sửu. Cả hai đều run rẩy, phần vì yếu, phần xúc động. Đây quả là nghi thức quan trọng nhất trong cuộc cải mộ, “nói” nhiều hơn hẳn những lời lẽ, ngôn từ...

Họ đã chấp nhận, rồi tha thứ, quyến luyến nhau, điều không thể có khi ông chồng chung còn sống. Sự đa mang của ông làm khổ họ. Một người cả đời gánh vác việc nhà để ông đi xa, quyết liệt giành giật ông khỏi tay người khác. Một người cam chịu cảnh lẽ mọn, thi thoảng được gặp chồng. Nhưng cả hai đều không thể bỏ ông.

Bây giờ Liệu đã về hẳn cõi vĩnh hằng. Sẽ không bao giờ được bế ẵm, gội rửa cho ông nữa. Ở nơi ấy, hẳn ông sẽ nghỉ ngơi êm đềm sau một cuộc đời quá nhiều chôn rộn, ngổn ngang.

Tháng 10-2007

LỜI NGƯỜI VIẾT

Trần Huy Liệu là một con người “đa hệ”. Về mặt văn hóa, bắt đầu từ Nho giáo, ông chuyển dần sang tân học. Về “nhân thân xã hội”, trước sau ông là người dân tộc trong căn cốt, dù là trong phong trào Thanh niên, Quốc dân đảng hay là người Cộng sản. Nghề nghiệp thì chuyển từ làm báo sang nhà tuyên truyền, gần cuối đời đi viết sử, tức là chỉ có thể dính đến chữ nghĩa. Sinh năm 1901, ông thường nói (nửa) đùa mình là con người của thế kỷ XX. Dầu sao, đời ông gắn với những trào lưu chính yếu nhất của nước Việt trong 100 năm đó: Nho tàn, Tây học, chủ nghĩa Tam dân, hệ tư tưởng Cộng sản... Đây là những điều tôi muốn phản ánh trong sách này. Tất nhiên chúng chưa đầy đủ, càng chưa đầy đủ khi muốn nói đến nguyên có những hành xử chọn lựa của ông. Do đó, có thể nó bắt đầu cho một quá trình khác, phải bổ sung, tranh luận...

Trần Huy Liệu viết nhiều. Nhưng do tù đầy, chiến tranh và nhiều biên cố khác, sách vở, các bài báo in trước năm 1954 của ông không còn. Trong tay người viết chỉ còn lại những tác phẩm sau, in sau năm 1954: “Lịch sử tám mươi năm chống Pháp”, “Nguyễn Trãi”, “Lịch sử Thủ đô Hà Nội” (chủ biên), “Thơ”, “Hồi ký”. Những lai cáo, ghi chép, bài báo... không còn bao nhiêu, và cũng không quy về một chỗ. Trong tay tôi hiện còn một phần nhật ký, chủ yếu ghi trong kháng chiến chống Pháp, bản tổng kiểm thảo năm 1952, vài bức thư, ghi chép vụn vặt. Và sách “Những ngày xa xưa ấy” của bà Thu Tâm in ở Mỹ năm 1996. Những phần trích (in nghiêng) trong sách này có chú văn bản gốc.

TRẦN CHIẾN

Tháng 9/2006 - tháng 10/2007

TRÂN HUY LIỆU (1901 - 1969)

Chức vụ chính:

- Phó Chủ tịch Ủy ban Dân tộc giải phóng năm 1945 (sau thành Chính phủ lâm thời).
- Trưởng ban Nghiên cứu Sử Địa Văn 1953.
- Viện trưởng Viện Sử học.
- Chủ tịch hội Khoa học lịch sử Việt Nam.
- Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm khoa học CHDC Đức

Công trình chính:

Công trình chính:

- Anh hùng khừ quốc - ông Nạp Nhĩ Tốn (Nelson).
- Cường học thư xã. Sài Gòn 1927.
- *Một bầu tâm sự*. Cường học thư xã. Sài Gòn 1927
- Thái Nguyên khởi nghĩa (Loạn Thái Nguyên). Bảo Ngọc. Hà Nội 1935.
- Sơ thảo lịch sử Cách mạng cận đại Việt Nam. Việt Bắc, khoảng năm 1950.
- Lịch sử 80 năm chống Pháp. NXB. Văn Sử địa Hà Nội. Quyển một 1956, quyển hai tập hạ 1957~ tập thượng 1956.
- Nguyễn Trãi. NXB. Khoa học xã hội. Hà Nội 1966.
- Lịch sử Thủ đô Hà Nội (chủ biên). Viện Sử học. Hà Nội 1967.
- Thơ Trần Huy Liệu. NXB. Văn học. Hà Nội 1977.
- Hồi ký Trần Huy Liệu. NXB. Khoa học xã hội và Viện Sử học. Hà Nội 1991.

Giải thưởng:

- Huân chương Humbolt của CHDC Đức.
- Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt 1 cho tập “Lịch sử 80 năm chống Pháp”.

Những sự kiện tâm đắc nhất:

- Soạn Quân lệnh số 1 phát lệnh tổng khởi nghĩa 1945.
- Làm trưởng phái đoàn Chính phủ Lâm thời vào Huế trước ấn kiếm của Bảo Đại năm 1945.
- Thành lập Ban Nghiên cứu Sử - Địa - Văn, Việt Bắc 1953.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>